

TÀI LIỆU SAU NĂM 1945

- ❖ Tài liệu thời kỳ Chính phủ Quốc gia Việt Nam
- ❖ Tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa
- ❖ Tài liệu thời kỳ Cách mạng

Tài liệu
Thời kỳ Chính phủ
Quốc gia Việt nam

PHÔNG PHỦ THỦ TƯỚNG QUỐC GIA VIỆT NAM

- **Số lượng tài liệu:** 43 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1948-1955.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục, cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Với Chỉ Dụ số 1 ngày 3 tháng 5 năm 1948, Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam được thành lập⁽¹⁾. Tổ chức và điều hành của Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam được ấn định bởi Dụ số 2 ngày 23 tháng 5 năm 1948⁽²⁾.

Sắc lệnh số 40-SG ngày 28 tháng 7 năm 1948 của Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam ấn định tổ chức của các nha, sở thuộc Phủ Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam⁽³⁾. Theo Sắc lệnh này, tổ chức của các nha, sở Phủ Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam gồm có:

- Ty Giám đốc Văn phòng
- Văn phòng Tổng Thư ký.

Ty Giám đốc Văn phòng đặt dưới quyền của một viên Đồng lý Văn phòng, nếu cần được một viên Phó Đồng lý trợ giúp.

(1) *Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam*

(2) *Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam*

(3) *Journal officiel du Viet Nam, année 1948, pages 51-53*

Ngoài Văn phòng Bí thư, Ty Giám đốc Văn phòng gồm có: Văn phòng; Võ phòng và Sở Chánh trị.

Văn phòng Tổng Thư ký đặt dưới quyền của một viên Tổng Thư ký, được một viên Chủ sự trợ giúp và gồm có: Văn phòng Pháp chế và Hành chánh Tổng quát; Văn phòng Công chức, Văn phòng Tổng vụ; Văn phòng Thư ký.

Tổ chức các nha, sở của Phủ Thủ tướng Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam được ấn định và sửa đổi bởi các Nghị định sau:

- Nghị định số 22-Cab/Prés ngày 20/6/1950 của Thủ tướng Chính phủ⁽¹⁾.

- Nghị định số 18-PTT/VP ngày 29/1/1954 của Thủ tướng Chính phủ⁽²⁾.

- Nghị định số 64-PTT/VP ngày 15/6/1954 của Thủ tướng Chính phủ⁽³⁾.

- Nghị định số 126-PTT/DL ngày 3/9/1954 của Thủ tướng Chính phủ⁽⁴⁾.

- Nghị định số 154-PTT/VP/KT ngày 4/10/1954 của Thủ tướng Chính phủ⁽⁵⁾.

- Nghị định số 166-PTT/VP ngày 26/11/1954 của Thủ tướng Chính phủ⁽⁶⁾.

(1) Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

(2) Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

(3) Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

(4) Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

(5) Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

(6) Tài liệu phong Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam

Ngày 23/10/1955, Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để lập ra chính thể Việt Nam Cộng hòa và ngày 26/10/1955 lấy danh hiệu là Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam chấm dứt hoạt động từ đây.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phong bao gồm các vấn đề sau:

1. Tài liệu tổng hợp:

- Kế hoạch, chương trình hoạt động của các Chính phủ Quốc gia Việt Nam.

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của các Nha, Sở thuộc Phủ Thủ tướng, các Bộ, Phủ Thủ hiến Nam Việt, Trung Việt, Bắc Việt.

- Tờ trình hàng tháng, hàng tuần của Phủ Thủ hiến Bắc Việt về tình hình hành chánh, kinh tế, tài chánh và xã hội.

- Báo cáo về các cuộc kinh lý của các Tỉnh trưởng Nam Việt.

- Hồ sơ các cuộc họp Hội đồng Nội các.

2. Tài liệu về tổ chức, thi đua, khen thưởng:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy của Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, các bộ, các Tòa Đại biểu, các tỉnh.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, chuyển chuyển, biệt phái, nâng ngạch, nâng lương, kỷ luật, miễn nhiệm, bãi chức, nghỉ phép của nhân viên người Việt và người Pháp.

- Tài liệu về việc tổ chức các kỳ thi tuyển nhân sự vào Hội đồng Liên hiệp Pháp.

- Tài liệu về việc hồi hương của nhân viên người Pháp.

- Tài liệu về việc thiết lập, ân thưởng huân, huy chương.

3. Hành chánh quản trị:

- Tập lưu Dụ, Sắc lệnh của Quốc trưởng Bảo Đại.

- Tập lưu Nghị định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập lưu công văn đi, công văn mật đi của Văn phòng Phủ Thủ tướng.

- Tập lưu công văn đi của Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng.

- Tập lưu công điện mật mã đi, công điện đi của Văn phòng Phủ Thủ tướng.

4. Quân sự:

- Tài liệu về an ninh quốc phòng.

- Hồ sơ các cuộc họp của Ủy ban Bình định Pháp - Việt

- Kế hoạch đồn trú của quân đội Quốc gia Việt Nam.

- Tài liệu về quân dịch, đào tạo, huấn luyện quân nhân.

- Tài liệu về hoạt động của quân đội Nguyễn Trung Trực ở Long Xuyên.

- Các nhân vật và tướng lãnh Pháp, Mỹ ... viếng thăm Việt Nam.

5. An ninh:

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của Bộ Nội vụ.

- Bản tin hàng ngày của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và An ninh Quốc gia, của TW Tỉnh báo Cuộc, của Sở An ninh – Phủ Cao ủy Pháp tại Nam Việt.

- Tài liệu về trật tự trị an, an ninh địa phương, công sở.

- Tài liệu về cải huấn.

- Hội nghị Liên quốc về nhập cư.

6. Chính trị:

- Tài liệu về hoạt động của Việt Minh vùng Sài Gòn – Chợ Lớn.

- Tài liệu về các vụ ám sát, mưu sát Quốc trưởng và các nhân vật cao cấp.

- Truyền đơn của Việt cộng.

- Tài liệu về hoạt động của Thanh niên Bảo quốc Đoàn, Việt Nam Phục quốc hội, Việt Nam Quốc Dân đảng, Đảng Đại Việt, Mặt trận Quốc gia Liên hiệp.

7. Tài liệu về tòa án, tư pháp, thanh tra.

8. Tài liệu về ngoại giao:

- Hồ sơ các phái đoàn các nước viếng thăm Việt Nam và các phái đoàn Việt Nam công du các nước.

- Tài liệu về trình ủy nhiệm thư.

- Hồ sơ các hội nghị quốc tế.

- Hồ sơ các Hội nghị Liên quốc về thương mại, quan thuế, tài chánh.

- Tài liệu về Hội nghị Pau.

- Tài liệu về việc Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn đi dự các Hội nghị Thị trưởng Á châu.

9. Tài liệu về kinh tế:

- Tài liệu về các hội nghị kinh tế quốc tế.

- Tài liệu về viện trợ kinh tế Mỹ cho Việt Nam.

- Hồ sơ phái đoàn kinh tế Mỹ thăm Hà Nội và vùng Hà Đông (Bắc Việt).

- Tài liệu về các cuộc kinh lý của Bộ trưởng Bộ Kinh tế Quốc gia.

10. Tài liệu về tài chánh:

- Tài liệu về thống kê tài chánh ở Đông Dương.

- Tài liệu về ngân sách quốc gia, ngân sách các bộ, các địa phương Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt.

- Tài liệu về kiểm kê tài sản, vật dụng của các cơ quan.

- Tài liệu về các quỹ ứng trước, quỹ đặc biệt cấp cho các bộ.

- Tài liệu về việc thanh toán tiền tu bổ công thự.

- Tài liệu về việc trợ cấp cho Bắc Việt để tổ chức Bảo chính Đoàn, trợ cấp cho thành phố Đà Lạt, cho Hội Phật giáo thế giới ở Hà Nội, trợ cấp cho dân hồi cư Bắc Việt...

- Tài liệu về việc đóng góp của Việt Nam vào chương trình trợ giúp người tị nạn Palestine.

- Đơn xin bồi thường chiến tranh.

- Tài sản thừa kế của các cá nhân ngoại quốc ở Việt Nam.

- Tài liệu về việc thiết lập và sửa đổi giá ngạch các thứ thuế ở Hải Phòng, tăng thuế sát sinh ở Hà Nội.

- Tài liệu về thuế đảm phụ quốc phòng, thuế sát sinh, thuế lưu hành thuốc lá.

11. Tài liệu về thương mại:

- Báo cáo hoạt động của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ.

- Tài liệu qui định chế độ thương mại và kỹ nghệ ở Việt Nam.

- Tài liệu về dự thảo Hiệp ước hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

- Tài liệu về xuất, nhập khẩu hàng hóa, tiếp tế trong nước.

12. Tài liệu về công kỹ nghệ:

- Tài liệu về các vấn đề công nghiệp.

- Tài liệu về kiến thiết: xây dựng trụ sở, nhà cửa, trường học, bệnh viện...

- Tài liệu về việc mua, bán, chuyển nhượng nhà, đất.

- Tài liệu về giao thông vận tải và bưu điện:

- Báo cáo hoạt động của Bộ Công chánh và Giao thông.

- Báo cáo về việc khai thác đường hàng không ở Việt Nam.

- Tài liệu về việc sửa chữa các quốc lộ.

- Tài liệu về việc đặt các bưu cục tại các tỉnh lỵ.

13. Tài liệu về nông - lâm - ngư nghiệp:

- Tài liệu về tình hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, đê điều, khí tượng thủy văn, lâm, ngư nghiệp.

14. Tài liệu về văn hóa thông tin, thể dục thể thao:

- Tài liệu về việc tổ chức các ngày lễ, tết.

- Tài liệu về việc tổ chức các giải thưởng văn học nghệ thuật.

- Tài liệu về việc xin xây cất đền thờ.

- Tài liệu về việc kiểm duyệt báo chí, ấn phẩm.

- Tài liệu về thể dục thể thao, về hoạt động của Hội Hướng đạo Việt Nam.

15. Tài liệu về giáo dục:

- Tài liệu về tình hình giáo dục, chính sách cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ở Pháp và ngoại quốc.

- Tài liệu về việc cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ở Pháp.

16. Tài liệu về y tế:

- Tài liệu về các hội nghị của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Tài liệu về việc kiểm soát các hiệu thuốc, xin mở hiệu thuốc, được phẩm.

17. Tài liệu về xã hội:

- Tài liệu về việc cứu trợ các nạn nhân bị hỏa hoạn, lũ lụt.

18. Tài liệu về đoàn thể:

- Quy chế các hiệp hội ở Bắc Việt.

- Hoạt động của các hội đoàn, Hội Nam Việt Tương tế ở Bắc Việt.

19. Tài liệu về lao động:

- Tài liệu về việc sửa đổi Bộ Luật Lao động.

- Tài liệu về việc Việt Nam tham dự các hội nghị quốc tế về lao động.

- Tài liệu về việc đình công của công nhân, thống kê nhân công ở Việt Nam.

20. Hoạt động riêng biệt của Thủ tướng và các nhân vật khác:

- Hồ sơ các cuộc kinh lý của Thủ tướng.

- Các cuộc phỏng vấn Thủ tướng của các ký giả ngoại quốc.

- Tài liệu về việc Thủ tướng Chính phủ tiếp xúc với dân chúng ở Bắc Việt tại Nhà hát lớn Thành phố Hà Nội.

- Các bài diễn văn của Thủ tướng.

- Các đơn xin yết kiến Thủ tướng.

PHÒNG PHỦ THỦ HIẾN TRUNG VIỆT

- **Số lượng tài liệu:** 84,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1949-4/8/1954.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tài liệu trong phòng một số bị rách, bị mối, dính kết. Tài liệu hiện chưa được tu bổ.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Sau khi Chính phủ Quốc gia thành lập, Quốc trưởng Bảo Đại đã ban hành các Dự số 1, số 2 ngày 01/7/1949 quy định về “Tổ chức và điều hành các cơ quan công quyền Việt Nam”, “Tổ chức quy chế các công sở”⁽¹⁾. Theo các Dự này, nước Việt Nam được phân chia thành 3 phần: Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt và đứng đầu mỗi phần là một vị Thủ hiến. Như vậy, Phủ Thủ hiến Trung Việt đã chính thức được thành lập và đi vào hoạt động.

Theo Dự số 2 ngày 01/7/1949, Thủ hiến Trung Việt do Quốc trưởng bổ nhiệm có nhiệm vụ:

- Đại diện Chính phủ tại địa phương;
- Chỉ huy hành chánh tại địa phương;
- Có tư cách pháp nhân;
- Có ngân sách riêng và công sản riêng.

(1) Công báo VNCH, năm 1949, trang 3

Ngay sau khi giữ chức Thủ hiến Trung Việt, ông Phan Văn Giáo đã ký Nghị định số 879/NĐ ngày 16/8/1949 quy định tổ chức văn phòng, trong đó Thủ hiến có một thư ký giúp việc gọi là Thứ ủy khanh, Văn phòng Phủ Thủ hiến Trung Việt do Đồng lý Văn phòng và Đồng lý Sự vụ phụ trách, gồm có⁽¹⁾:

1. Đồng lý Văn phòng phụ trách: Phòng Bí thư, Phòng Công văn, Phòng Chính trị, Võ phòng, Phòng Thông tin Tuyên truyền và báo chí, Phòng Viên chức.

2. Đồng lý Sự vụ phụ trách: Phòng Nhất, Phòng Nhì, Phòng Ba.

* Ngoài Đồng lý Văn phòng và Đồng lý Sự vụ, tổ chức Văn phòng Phủ Thủ hiến còn có các Nha, Sở chức năng sau:

- Nha Giám đốc Tài chính;
- Nha Giám đốc Kinh tế;
- Nha Giám đốc Quốc gia Giáo dục và Thanh niên;
- Nha Giám đốc Y tế, Cứu tế, Xã hội và Lao động;
- Nha Giám đốc Công chánh.

Để hoàn thiện tổ chức của Văn phòng, ông Phan Văn Giáo đã ban hành Nghị định số 1683-NĐ ngày 05/11/1951 ấn định tổ chức mới gồm các phòng sau⁽²⁾:

- Phòng Chính trị Xã hội;
- Phòng Nghiên cứu và Thanh tra;
- Phòng Bí thư;

(1) Hồ sơ số 73/4, phòng Phủ Thủ hiến Trung Việt

(2) Hồ sơ số 786/4, phòng Phủ Thủ hiến Trung Việt

- Phòng Kế toán;
- Phòng Nội dịch;
- Phòng Công văn và Chỉ dẫn;
- Phòng Lưu trữ;
- Phòng Đánh máy;
- Phòng Mật;
- Sở Nhân viên gồm: Phòng Nhất, Phòng Nhì, Phòng Ba.

Lúc này, Võ phòng Phủ Thủ Hiến đặt dưới quyền kiểm soát của ông Đồng lý Văn phòng và do Chánh Võ phòng điều khiển

Đến năm 1954, Dự số 21 ngày 04/8/1954 đã bãi bỏ chức Thủ hiến và thay bằng Đại biểu Chánh phủ tại Trung Việt⁽¹⁾. Như vậy, từ thời gian này trở đi, Phủ Thủ hiến Trung Việt được thay bằng Tòa Đại biểu Chánh phủ Trung Việt.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu chủ yếu trong phòng bao gồm:

- Báo cáo công tác của các Nha, Sở và các tỉnh ở Trung Việt.
- Phúc trình, báo cáo công tác của các đoàn thể.
- Tập lưu công văn, công điện, mật điện mật mã, điện tín.
- Tập lưu biên bản họp của các Nha, Sở.
- Tài liệu về việc Thủ tướng, Thủ hiến đi kinh lý.

(1) Hồ sơ số 4144, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Tài liệu về hội nghị, hội thảo.
- Tài liệu về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự: hồ sơ nhân viên, lương bổng, tuyển dụng, thi nhập, nâng ngạch...
- Tài liệu về hoạt động của Việt Minh.
- Hồ sơ về việc phóng thích các can cấu chánh trị.
- Tài liệu về điều tra của Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến tại tỉnh Phú Yên.
- Tài liệu về hoạt động quân sự, chánh trị tại các tỉnh.
- Tài liệu về các hoạt động của ngành nông - lâm - ngư nghiệp.
- Tài liệu về khiếu tố, khiếu nại.
- Tài liệu về văn hóa, giáo dục.
- Tài liệu học tập.

PHÔNG PHỦ THỦ HIẾN NAM VIỆT

- **Số lượng tài liệu:** 178 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 9/1945 - 04/8/1954.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tài liệu trong phong đã xuống cấp, nhiều tài liệu đã bị giòn, mủn và rách nát.
- **Công cụ tra cứu:** bộ mục lục đánh máy, được đánh số theo Khung phân loại Boudet.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Sau Cách mạng tháng Tám, hệ thống chính quyền thuộc địa của thực dân Pháp sụp đổ trên toàn cõi Đông Dương. Tuy nhiên, sau khi trở lại xâm lược nước ta, tại Nam Kỳ, thực dân Pháp đã ký với bè lũ bán nước kiêu mới một bản Thỏa ước ngày 20/5/1946 và Thỏa ước phụ ngày 03/6/1946⁽¹⁾. Theo đó, Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Nam Kỳ được thành lập. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ này cũng được quy định cụ thể như sau:

- Thủ tướng Chính phủ Lâm thời do Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ bầu với 2/3 số phiếu.
- Thủ tướng làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

(1) *Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise)* năm 1946, trang 488 - 491

- Thủ tướng bổ nhiệm các chức vụ trong Chính phủ theo đề nghị của các Bộ trưởng. Dưới quyền Thủ tướng, các Bộ trưởng chịu trách nhiệm quản lý các nhiệm sở của mình.

- Việc bổ nhiệm các Giám đốc các nha, sở kỹ thuật phải được sự đồng ý của Ủy viên Cộng hòa Pháp.

- Các Tỉnh trưởng do Thủ tướng bổ nhiệm. Ủy viên Cộng hòa Pháp được thông báo trước về sự bổ nhiệm này.

- Thủ tướng Chính phủ ký các văn bản pháp qui, các Nghị định và Quyết định.

Tiếp theo là Dự số 1 ngày 23/5/1948 v/v thành lập và tổ chức Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam và Dự số 5 ngày 14/6/1948 ấn định tổ chức tạm thời các cơ quan công quyền Việt Nam⁽¹⁾. Theo đó, nước Việt Nam được chia làm 3 phần: Bắc Phần, Trung Phần, Nam Phần. Mỗi phần đều có pháp nhân cách về mặt hành chính và do một Tổng trấn cai trị, có tổ chức hành chính và ngân quỹ riêng.

Tổng trấn do Thủ tướng bổ nhiệm và chọn trong những người ở địa phương. Tổng trấn ngang hàng với Quốc vụ Khanh và có 3 chức vụ:

- Vừa là Tổng trưởng trong Chính phủ Trung ương;
- Vừa là Đại diện của Chính phủ tại mỗi phần;
- Vừa là vị chỉ huy ở địa phương.

Như vậy Tổng trấn có rất nhiều quyền hành: vừa cai trị địa phương, vừa tham gia vào các công việc của Trung ương.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1948, trang 7, 21-23*

Tổng trấn có Ủy viên và Phó Ủy viên phụ tá. Các vị Ủy viên và Phó Ủy viên được đặt ngang hàng với các vị Quốc vụ khanh và Thứ trưởng và do Tổng trấn bổ nhiệm, sau khi được Thủ tướng Chánh phủ Trung ương Lâm thời đồng ý.

Tổng trấn là Phó Chủ chi ngân sách quốc gia.

Tổng trấn điều khiển và kiểm soát tất cả các công sở thuộc địa phương hành chánh và bổ nhiệm tất cả các công chức của các sở đó.

Chỉ một mình Tổng trấn có quyền quản trị nhân viên của các ngạch địa phương.

Tổng trấn là chủ chi ngân sách địa phương.

Tổng trấn có nhiều Hội đồng phụ tá.

Ngày 01/7/1949, Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam ban hành Dự số 1 và 2 ấn định quy chế các cơ quan công quyền của Quốc gia Việt Nam⁽¹⁾. Theo đó, nước Việt Nam được chia thành 3 phần: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt và đặt trực thuộc ba vị Thủ hiến. Tổ chức hành chính tại các phần được quy định như sau:

- Về phương diện hành chánh, lãnh thổ quốc gia Việt Nam có ba Phần: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt. Mỗi phần có hành chánh pháp nhân và một ngân sách địa phương để thi hành thẩm quyền do Dự này ấn định cho mỗi phần.

- Mỗi Phần đặt dưới quyền một ông Thủ hiến do Quốc trưởng bổ nhiệm bằng sắc lệnh, quyết định tại Hội đồng Tổng trưởng. Những ông Thủ hiến đầu tiên đặc cách do Quốc trưởng tự quyền bổ nhiệm.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1949, trang 1 - 4*

- Thủ hiến là vị đại diện của Chính phủ trong địa hạt mình. Với tư cách ấy, Thủ hiến phụ trách sự thi hành trong địa hạt mình các dụ, sắc lệnh và nghị định. Thủ hiến săn sóc tới những sở thuộc quyền Chính phủ đặt tại địa hạt mình để cho việc điều hành các sở ấy được hoàn bị. Thủ hiến trực tiếp giao thiệp với các Tổng trưởng và Bộ trưởng sở quan. Thủ hiến là Phó chủ chi ngân sách quốc gia.

- Thủ hiến điều khiển tổ chức hành chính địa phương. Với tư cách ấy, Thủ hiến bổ nhiệm nhân viên các cơ quan thuộc tổ chức này và có quyền lập qui. Quyền này Thủ hiến thi hành trong phạm vi luật lệ tổng quát, bằng cách ra các nghị định, Thủ hiến kiểm soát các tổ chức hành chánh các tỉnh, các thị xã và các xã. Trừ trường hợp định ở điều sáu của Dụ, Thủ hiến giao thiệp thẳng với Thủ tướng Chính phủ, nhưng các công văn phải do Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng chuyển đệ. Thủ hiến là chủ chi ngân sách bản phần. Ngân sách này phải do Quốc trưởng duyệt y bằng sắc lệnh. Tổng trưởng Bộ Tài chánh kiểm soát sự thi hành ngân sách này. Những phương pháp đặc biệt để duyệt y và kiểm soát ngân sách trong phạm vi mỗi phần có thể do sắc lệnh ấn định.

Thủ hiến chịu trách nhiệm về sự giữ gìn an ninh trật tự trong địa hạt mình. Về việc này, Thủ hiến tường trình Tổng trưởng hoặc Bộ trưởng Bộ Nội vụ những phương pháp đã thi hành hoặc sẽ thi hành. Thủ hiến có thể trưng tập binh lực để phụ trợ.

Sắc lệnh số 4 ngày 03/7/1949 đã bổ nhiệm vị Thủ hiến đầu tiên tại Nam Việt⁽¹⁾.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1949, trang 6*

Năm 1954, Đạo Dụ số 21 ngày 4/8/1954 bãi bỏ chức Thủ hiến. Như vậy Phủ Thủ hiến Nam Việt chính thức chấm dứt hoạt động từ đây⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt là tài liệu của các chính phủ tại Nam Việt (Nam Kỳ cũ) qua các thời kỳ từ tháng 9/1945 - 8/1954.

Khối tài liệu này đã được phân loại sơ bộ theo khung phân loại Boudet, gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1. Văn bản pháp quy:

- Các nghị định, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ lâm thời Nam Kỳ, Tổng trấn, Thủ hiến Nam Việt.

2. Tổ chức chính quyền TW:

- Tài liệu về tổ chức nhân sự, các nghị định, quyết định về nhân viên, hồ sơ nhân viên.

- Tài liệu về các cuộc kinh lý của Thủ tướng, Thủ hiến tại các tỉnh.

- Hồ sơ các phiên họp hàng tháng của Hội đồng Nam Kỳ.

- Tài liệu về tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh Nam Việt.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Nha Công an Nam Việt.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Cảnh sát Đô thành Sài Gòn

(1) Công báo Việt Nam, năm 1954, trang 1980

- Hoạt động của Việt Cộng.

- Kiểm báo.

3. Tổ chức chính quyền địa phương:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy, thành lập Hội đồng hàng tỉnh.

- Phúc trình tổng quát hàng năm, hàng tháng của các tỉnh Nam Việt.

- Phúc trình kinh lý của các tỉnh trưởng.

- Hội nghị hàng tháng của các Quận trưởng tại Nam Việt.

- Địa phương chí các tỉnh Nam Việt.

4. Chính trị:

- Hiệp ước Pháp - Việt.

- Tài liệu về thanh tra chính trị, hành chính các tỉnh Nam Việt.

5. Tư pháp:

- Hoạt động của Ủy ban chọn lọc tù binh và can cứu chính trị tại các tỉnh Nam Việt, phóng thích tù binh.

6. Công chánh - Giao thông:

- Xây cất, quản lý, duy tu nhà cửa, công thự.

- Xây cất, quản lý, duy tu, đổi tên, quy hoạch đường sá.

7. Văn hóa, giáo dục, xã hội:

- Tổ chức bộ máy, nhân sự ngành giáo dục.

- Các cuộc thi cử.

- Xây dựng đài kỷ niệm, hoạt động của các viện bảo tàng.
- Các hoạt động văn hóa xã hội khác.

Tài liệu Thời kỳ Việt Nam Cộng hòa

PHÔNG PHỦ TỔNG THỐNG ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA

- **Số lượng tài liệu:** 460,15mét
- **Thời gian tài liệu:** 1954 - 01/11/1963.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy, bản đồ, ảnh).
- **Tình trạng vật lý:** tài liệu ố, giòn nhiều; một số tài liệu đã được tu bổ.
- **Các loại công cụ tra cứu:** mục lục, cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Ngày 16/6/1954 với Sắc lệnh số 38-QT, Quốc trưởng Bảo Đại đã chỉ định Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng để thành lập Chính phủ⁽¹⁾. Tiếp theo, ngày 19/6/1954 Quốc trưởng Bảo Đại giao toàn quyền về dân sự và quân sự cho Ngô Đình Diệm vì lý do vắng mặt ở Việt Nam⁽²⁾.

Sau khi được giao một quyền hạn rộng lớn về mọi mặt đối nội, đối ngoại, quân sự, dân sự... trong phiên họp của “Hội Đồng Nhân dân Cách mạng” ngày 8/5/1955 đã tuyên bố truất phế Bảo Đại và ủy nhiệm cho Ngô Đình Diệm thành lập Chính phủ lâm thời. Dự số 8 và 9 ngày 23/01/1956 đã triệu tập và ấn định thể thức bầu cử Quốc hội lập hiến. Thực tế, Quốc hội này chỉ nghiên cứu, thảo luận một dự án Hiến pháp do Tổng thống chuyển đến. Ngày 4/3/1956 Quốc hội được bầu xong. Ngày 17/4/1956

(1) *Công báo VNCH, năm 1954, trang 1355*

(2) *Công báo VNCH, năm 1954, trang 1496*

Ngô Đình Diệm đã chuyển đến Quốc hội bản thông điệp nêu lên những nguyên tắc làm nền tảng cho chính thể mới. Thông điệp này phê phán sự lỗi thời của chế độ dân chủ cổ điển đã làm suy yếu vai trò hành pháp, không thích ứng với hoàn cảnh xã hội Việt Nam. Thông điệp quy định sự phân biệt quyền hạn giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp “Chủ quyền thuộc về toàn dân, Quốc hội có quyền lập pháp, Tổng thống dân cử có quyền hành pháp”. Ngày 26/10/1956, Hiến pháp VNCH được ban hành, văn kiện này mang đến cho Chính quyền Ngô Đình Diệm một giá trị pháp lý, nhằm hợp thức hóa quyền lãnh đạo đã được thực thi từ trước khi có Hiến pháp. Theo Hiến pháp năm 1956, Quốc hội giữ quyền lập pháp do dân cử. Tổng thống giữ quyền hành pháp cũng do dân cử. Hai quyền này hoàn toàn độc lập. Như vậy trong suốt nhiệm kỳ cầm quyền 5 năm Tổng thống chỉ chịu trách nhiệm trước quốc dân là thành phần trực tiếp bầu ra Tổng thống, các cơ quan Tư pháp, Lập pháp không có quyền giải nhiệm, truất phế hay tuyên bố bất tín nhiệm Tổng thống. Quyền truất phế Tổng thống phải do cử tri, có nghĩa là phải hết một nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng thống là 5 năm. Nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống bắt đầu từ ngày 26/10/1956 - ngày ban hành Hiến pháp và chấm dứt vào ngày 30/4/1961. Ngày 09/4/1961 Ngô Đình Diệm đã tái cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Quyền chỉ huy của Tổng thống được thể hiện dưới nhiều hình thức⁽¹⁾:

Về phương diện ngoại giao:

- Tổng thống ký kết và phê chuẩn các Điều ước và Hiệp định quốc tế (sau khi được Quốc hội chấp thuận).
- Tổng thống bổ nhiệm các Sứ thần VN và tiếp nhận ủy nhiệm thư của đại diện ngoại giao các nước.

(1) *Niên giám Hành chính Việt Nam Cộng hòa, năm 1957, trang 35-37*

- Tổng thống thay mặt quốc gia để giao thiệp với ngoại quốc.

- Tổng thống tuyên chiến và ký hòa ước với sự thỏa thuận của Quốc hội.

Về phương diện dân sự:

Tổng thống điều khiển tất cả các cơ quan hành pháp trong nước. Các cơ quan hành pháp được phân chia thành 14 Bộ như sau: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Kinh tế, Bộ Thông tin và Thanh niên, Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Bộ Canh nông, Bộ Công chánh và Giao thông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Bộ Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.

Mỗi Bộ đặt dưới quyền một vị Bộ trưởng do Tổng thống bổ nhiệm và chịu trách nhiệm đối với Tổng thống về mặt chính trị cũng như về mặt chuyên môn.

Riêng Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có nhiệm vụ phụ tá Tổng thống về các công việc trong Phủ. Các Bộ trưởng là cộng sự viên của Tổng thống nhóm họp thành Hội đồng Nội các, dưới quyền chủ tọa của Tổng thống để bàn xét các vấn đề quan trọng trong nước.

Về phương diện quân sự:

Tổng thống là Tư lệnh Tối cao các lực lượng quân sự và bổ nhiệm, cách chức các tướng sĩ, công chức ngành quân sự.

Về phương diện tư pháp:

Tổng thống sử dụng quyền ân xá, ân giảm, hoán cải hình phạt.

Về phương diện tài chính:

Tổng thống lập dự án ngân sách chuyển sang Quốc hội thảo luận.

Tóm lại, Tổng thống là người đứng đầu cơ quan Chính phủ và là người tổ chức, ấn định kế hoạch vừa là người chỉ đạo thực hiện. Các Bộ trưởng đều do Tổng thống bổ nhiệm, đặc trách một công tác riêng của mình trong kế hoạch chung do Tổng thống ấn định và chỉ chịu trách nhiệm trước Tổng thống mà không qua một cấp chỉ huy trung gian nào cả. Như vậy Tổng thống có quyền ký Sắc lệnh hay các Sắc luật với tư cách Quốc trưởng và ký Nghị định với tư cách Thủ tướng Chánh phủ. Đối với các vấn đề có tính cách lập pháp, trước ngày có Quốc hội lập pháp, Tổng thống quyết định bằng Dụ sau khi Hội đồng Nội các thảo luận. Trong trường hợp khẩn cấp, giữa hai khóa họp của Quốc hội, Tổng thống có quyền ký Sắc luật nhưng phải chuyển đến Quốc hội ngay sau đó. Nếu Quốc hội không bác bỏ, các Luật sẽ trở thành Đạo luật. Tổng thống còn có quyền đề nghị sửa đổi Hiến pháp hoặc đưa Quốc hội ủy quyền ký Sắc luật trong thời hạn nhất định. Đúng ra, Quốc hội là cơ quan cao nhất do dân cử và có quyền lập pháp. Nhưng thực chất Quốc hội chỉ là một tổ chức để hợp pháp hóa việc ban hành luật lệ, các chế độ, chính sách do Tổng thống dự định trước.

Tổ chức Phủ Tổng thống gồm hai cơ quan nòng cốt là Văn phòng Phủ Tổng thống (Nha Đồng lý Văn phòng) và Tòa Tổng thư ký.

Ngoài hai cơ quan trên còn có Văn phòng Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống trực thuộc Tổng thống. Nha Đồng lý Văn phòng được cải tổ theo Nghị định số 126/TTP/ĐL ngày 3/01/1954 và được sửa đổi bởi các Nghị định: số 154-PTT/VP/KT ngày 4/10/1954,

số 183-PTT/VP/KT ngày 17/10/1955, số 662-TTP/CV ngày 1/3/1956, số 1266-TTP/NV ngày 15/5/1956, số 3020-TTP/NV ngày 24/12/1956, số 1321-TTP/NV ngày 28/8/1957, số 969-TTP/VP ngày 5/6/1958, số 805-TTP/VP ngày 11/6/1959, số 888-TTP/VP ngày 4/9/1961.

Văn phòng Tổng thống phụ trách⁽¹⁾:

- Việc phân phối thư từ, công văn và hồ sơ gửi đến cho Tổng thống;

- Chuyển đạt tới các Bộ, các cơ quan hay các tỉnh chỉ thị hay mệnh lệnh của Tổng thống và theo dõi việc thi hành các chỉ thị, mệnh lệnh này;

- Chuẩn bị hồ sơ, các vấn đề trình Hội đồng Nội các và theo dõi việc thi hành những Quyết định này cùng với Tòa Tổng thư ký;

- Phụ trách các vấn đề có tính cách mật chung, các việc đặc biệt quan hệ và khẩn bách thuộc phạm vi: chánh trị, ngoại giao, quân sự, an ninh lãnh thổ, hành chánh, tiền tệ, di cư, dinh điền, xã hội;

- Đề trình Tổng thống các vấn đề riêng biệt về nhiệm vụ, tư nhân hoặc đoàn thể;

- Tổ chức các cuộc du hành hay kinh lý của Tổng thống, tổ chức hoặc phối hợp công việc tổ chức các cuộc lễ lớn trong nước;

- Tổ chức hoặc phối hợp công việc tổ chức các cuộc đưa rước các thượng khách ngoại quốc viếng thăm;

- Theo dõi và trình Tổng thống các cuộc điều tra của Nha Tổng Thanh tra Hành chánh và Tài chánh;

(1) *Niên giám Hành chánh Việt Nam Cộng hòa, năm 1957, trang 40*

- Lược trình Tổng thống các báo cáo đặc biệt của các Bộ, các Tòa Đại biểu Chánh phủ và của các nhân viên cao cấp được Tổng thống giao phó một công cán, một trách vụ riêng;

- Cấp giấy công lệnh và giấy chuyên chở;

- Cấp thưởng và truy tặng huy chương;

Thanh toán và chuẩn bị ngân sách Phủ Tổng thống và chuẩn chi ngân sách các cơ quan trực thuộc.

Tổ chức Văn phòng Phủ Tổng Thống gồm⁽¹⁾:

Văn phòng Đặc biệt, Nha Báo chí, Nha Nghi lễ, Nha Giao tế, Sở Nội dịch, Nha Nhân viên và Kế toán, Sở Mật mã và Bí thư, Tham mưu Biệt bộ, Lữ đoàn Liên binh phòng vệ Phủ Tổng thống, Sở Văn thư và Lưu trữ công văn, Sở Hộp thư Dân ý.

Tòa Tổng thư Ký Phủ Tổng thống⁽²⁾:

Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống là Tòa Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng trước kia, được tổ chức theo Nghị định số 22Cab/Prés ngày 17/6/1952 của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi bởi Nghị định số 166-PTT ngày 26/11/1954. Từ đó cho đến năm 1962, trong khi Nha Đồng lý Văn phòng được cải tổ nhiều lần, Tòa Tổng Thư ký vẫn giữ nguyên tổ chức cũ.

Tòa Tổng thư ký Phủ Tổng thống đặt dưới quyền điều khiển của ông Tổng Thư ký, có một Phó Tổng Thư ký phụ tá phụ trách các vấn đề: Hành chính và chính trị cần được nghiên cứu kỹ, nhất là các vấn đề liên quan đến thẩm quyền nhiều Bộ.

(1) *Niên giám Hành chính Việt Nam Cộng hòa, năm 1957, trang 40 - 41*

(2) *Niên giám Hành chính Việt Nam Cộng hòa, năm 1957, trang 42*

Tòa Tổng thư ký Phủ Tổng thống chú trọng giữ cho có sự thống nhất quan điểm cần thiết trong các luật lệ.

Ngoài việc nghiên cứu kể trên, Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống có nhiệm vụ:

- Lập các hồ sơ lưu trữ vĩnh viễn trong Văn khố Quốc gia;
- Tập trung các hồ sơ nguyên tắc, sưu tầm các tài liệu về mọi vấn đề pháp lý, hành chánh và chánh trị để tạo thành một Văn khố dùng vào việc tham khảo nói chung;
- Thâu nhận và lưu trữ hồ sơ của các Bộ bị giải tán để lâm thời, giao lại cho các Bộ nào tiếp lãnh nhiệm vụ của các Bộ cũ.

Về phương diện hành chính, Tòa Tổng Thư ký Phủ Tổng thống có tương đối đầy đủ tài liệu tham khảo. Vì vậy, các dự án luật lệ trình lên Tổng thống (hoặc một vị Bộ trưởng nào) ban hành, đều được đưa qua Tòa Tổng Thư ký để kiểm tra lại xem có điều gì mâu thuẫn với luật lệ hiện hành hay không.

Trong trường hợp dự án có những điều khoản trái ngược với luật lệ hiện hữu, hoặc với một dự án của một Bộ khác không được biết dự án trên, cũng như trong trường hợp đó có ảnh hưởng vào địa hạt lân cận, mà chưa có một sự trao đổi ý kiến giữa các Bộ liên hệ, Tòa Tổng Thư ký đều trình bày nhận xét riêng và yêu cầu các Bộ này liên lạc với nhau để tìm một giải pháp thích ứng. Nếu xét thấy cần, Tòa Tổng Thư ký tự hỏi ý kiến Bộ Tư pháp về các dự án hành chánh có thể có ảnh hưởng vào địa hạt tư pháp.

***Tổ chức Tòa Tổng Thư ký gồm*⁽¹⁾:**

Phòng Văn thư, Sở Hành chánh Tổng quát và Sưu tầm Tài liệu, Sở Công báo Việt Nam Cộng hòa và ấn loát phẩm chính thức.

(1) *Niên giám Hành chánh Việt Nam Cộng hòa, năm 1957, trang 42*

Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống⁽¹⁾:

Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có nhiệm vụ giúp Tổng thống về các vấn đề Tổng thống giao phó, ngoài ra còn có nhiệm vụ phối hợp các công việc và kiểm soát các cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống như: Nha Ngân sách, Nha Tổng Giám đốc Công vụ, Nha Tổng Giám đốc Kế hoạch...

Như vậy, không có một “Bộ” Phủ Tổng thống với những Nha, Sở riêng cho “Bộ” đó, mà chỉ có ông Bộ trưởng giúp việc Tổng thống ngay tại Dinh Độc Lập, vì thế các Nha, Sở trong Dinh đều làm việc dưới sự phối hợp của ông Bộ trưởng, cũng như dưới quyền điều động trực tiếp của ông Đồng lý Văn phòng và ông Tổng Thư ký.

Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có một Đồng lý Văn phòng giúp việc.

Ngoài các Nha, Sở trực thuộc còn có một số Hội đồng do Tổng thống hoặc ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống thừa lệnh chủ tọa như:

- Hội đồng Quốc gia Ngoại viện;
- Hội đồng Ủy ban Thống kê;
- Hội đồng Quản trị Quốc gia Doanh tế cục;
- Hội đồng Du học.

Đó là chưa kể các cuộc hội thương có tính cách bất thường không ấn định bởi các văn kiện, nhưng được ông Bộ trưởng thừa lệnh Tổng thống nhóm họp mỗi khi cần các Bộ, Nha, hay các tỉnh sở liên quan về những vấn đề quan trọng.

(1) *Niên giám Hành chánh Việt Nam Cộng hòa, năm 1957, trang 39*

Ngoài 3 cơ quan chính nói trên, Phủ Tổng thống còn có các cơ quan chuyên môn sau:

Sở Nghiên cứu Chính trị và Xã hội:

Báo cáo lên Tổng thống tình hình về phương diện chính trị, quân sự, hành chính, kinh tế, xã hội và đệ trình những đề nghị cần ích về các ngành hoạt động.

Nha Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ:

Nha Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ được thành lập do Nhiệm vụ lệnh số 2.410-TTP/VP ngày 10/9/1956, có nhiệm vụ: “Theo dõi các hoạt động, dưới mọi hình thức của người Hoa kiều trong toàn quốc, nhất là tại Sài Gòn - Chợ Lớn”.

Ban Chuyên viên Kỹ thuật:

Được thành lập do Sự vụ lệnh số 294 - TTP ngày 16/2/1959, gồm có một số chuyên viên, có nhiệm vụ:

- Xem xét tại chỗ về phương diện kỹ thuật, quá trình tiến hành các công tác dân sự hay quân sự.

- Giúp đỡ các cơ quan chuyên trách nghiên cứu và thực hiện các đồ án quan trọng (ước lượng nhu cầu và trị giá cho sát thực tế, sử dụng tiết kiệm và bảo toàn vật liệu, dụng cụ, phân phối, hướng dẫn và tận dụng nhân viên chuyên môn)...

- Góp ý kiến với những vụ đấu thầu cung cấp vật liệu, dụng cụ, hoặc tiếp nhận những công tác đã hoàn thành.

- Cứu xét những hồ sơ kỹ thuật và trình bày nhận xét lên Tổng thống.

Ngoài ra những công việc giao cho chuyên viên kỹ thuật, nếu có tính cách quan trọng sẽ được chỉ định mỗi lần bằng Sự vụ lệnh.

Các Tham vụ và Phụ tá Chuyên môn:

Được thành lập do Sắc lệnh số 102 TTP ngày 19/7/1956, có nhiệm vụ: sưu tầm, khảo sát về những vấn đề do Tổng thống giao phó.

Thời kỳ hoạt động của Ngô Đình Diệm trải qua hai hình thức tổ chức cơ quan lãnh đạo nhà nước:

- Chế độ Quốc trưởng và Thủ tướng 1954 - 10/1955 dưới sự giúp đỡ và ủng hộ của Pháp.

- Chế độ Tổng thống (Đệ nhất Cộng hòa) từ tháng 10/1955 đến 1/11/1963 dưới sự giúp đỡ và ủng hộ của Mỹ.

Dưới chế độ Quốc trưởng và Thủ tướng thì quyền hành từ lập pháp, hành pháp đến tư pháp đều tập trung trong tay Quốc trưởng.

Chế độ Đệ nhất Cộng hòa quyền hành tập trung triệt để vào tay Tổng thống, vì vậy, có thay đổi và thành lập thêm một số tổ chức nhỏ để thích hợp với chính thể mới. Nhưng về cơ bản, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức nội phủ để điều hành công việc thường xuyên của một cơ quan lãnh đạo nhà nước thì vẫn giữ nguyên như thời kỳ 1949 - 1954 và hầu như không có gì thay đổi.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

1. Tài liệu chung (1954-1963):

- Dự thảo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, 5 năm lần thứ hai của Chính phủ VNCH.

- Báo cáo tình hình KT-XH 7 năm của các cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ KT, Bộ Công chánh và Giao thông, Bộ Điền

thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Bộ Canh nông, Bộ Giáo dục, Bộ Lao động...

- Tài liệu về thành tích hoạt động 9 năm của Chính phủ từ 7/7/1954 đến 7/7/1963.

- Báo cáo hoạt động 1 năm của Chính phủ.

- Báo cáo hoạt động tháng, quý, năm của các Nha, Sở thuộc phủ Tổng thống, các Bộ, Tòa Đại biểu Chính phủ, các tỉnh.

- Báo cáo của Phái đoàn công tác TW về tình hình chung tại đảo Phú Quốc (Kiên Giang).

- Biên bản các phiên họp Hội đồng Liên bộ.

- Biên bản Hội nghị các Thị trưởng, Tỉnh trưởng Trung Việt, các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Long Xuyên, Hội đồng Đô thành; Biên bản Hội nghị thường kỳ hàng tháng của các tỉnh.

- Biên bản Hội nghị các Quận trưởng, Ty, Sở của các tỉnh.

- Biên bản Hội nghị Hành chánh và chuyên môn của Tòa Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần tại Đà Lạt.

- Tài liệu v/v Chính phủ Ấn Độ đề nghị phát triển các liên lạc về KT, VH và kỹ thuật với Việt Nam.

- Tài liệu địa phương chí các tỉnh: Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên, Kontum, Chợ Lớn, Gia Định, Vũng Tàu, Tây Ninh, Long Xuyên, Ba Xuyên, Châu Đốc, Kiên Giang.

2. Tổ chức (1954-1963):

- Dự thảo Hiến pháp VNCH, sửa đổi Hiến pháp.

- Tài liệu v/v thành lập Ủy ban Soạn thảo Hiến pháp và các phiên họp.

- Tài liệu về tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.

- Tài liệu v/v thiết lập, thành phần Chính phủ.

- Bầu cử Quốc hội lập hiến;

- Tài liệu về các khóa họp Quốc hội thường lệ.

- Luật bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống và Quốc hội.

- Tiểu sử các dân biểu, các cuộc thăm viếng trong và ngoài nước của các đại biểu Quốc hội.

- Tài liệu về ranh giới lục tỉnh có biên giới với Cao Miên.

- Tài liệu về ranh giới mới của tỉnh Bình Thuận.

- Tài liệu v/v sửa đổi ranh giới của 3 tỉnh: Phú Yên, Pleiku, Đăklăc.

- Tài liệu bàn giao vùng Ndreng của tỉnh Phước Long cho tỉnh Lâm Đồng.

- Tài liệu v/v sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Quảng Nam.

- Tài liệu về tình hình biên giới tỉnh Kiến Tường - Cao Miên.

- Tài liệu thành lập nền hành chính xã, thành lập các quận: Hương Mỹ tỉnh Kiến Hòa, Kiên Long tỉnh Kiên Giang, Đức Long - tỉnh Phong Dinh, tái lập quận Vĩnh Châu – tỉnh Ba Xuyên, điều chỉnh tình trạng hành chính một số quận tại tỉnh Pleiku, phân chia các quận tại Đô thành Sài Gòn ra nhiều phường, bảng kê của Bộ Nội vụ về các quận, xã trong toàn quốc, danh sách các ấp thuộc các tỉnh miền Tây Nam phần.

- Bầu cử Hội đồng xã.

- Tài liệu v/v chuyển các quyền hạn của Đại biểu Chính phủ cho các cán bộ và sự ủy quyền của các Bộ trưởng cho các Tỉnh trưởng, quyền triệu tập các Tỉnh trưởng tham dự hội nghị, họp;

- Tài liệu v/v nghiên cứu ảnh hưởng của 10 Sắc luật “Cải tổ cơ cấu kinh tế và tài chính quốc gia”, Luật “Bảo vệ luân lý”. Quyết nghị, công văn của Quốc hội tán trợ quốc sách ấp chiến lược.

- Tài liệu v/v cải tổ Chính phủ, tổ chức Phủ Tổng thống và các Bộ, tổ chức Phủ Đặc uỷ TW Tỉnh báo, thành lập Nha Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính, các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, ấn định lại các quản hạt của Tòa án Quân sự và sửa đổi thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt, tổ chức Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt, bàn giao Trung tâm Huấn luyện, thành lập Bộ Tư lệnh Lục quân, UB liên Bộ Đặc trách ấp chiến lược, tài liệu v/v tổ chức lãnh thổ và phân nhiệm cho các đơn vị Quân đội VNCH, tài liệu bàn giao Tiểu khu 32 và 33 chiến thuật giữa Thiếu tướng Tôn Thất Đính và Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, thành lập chi khu quân sự An Lạc, bàn giao yếu điểm Nhà Bè cho Biệt khu Thủ đô...

- Tài liệu v/v tiếp nhận, bổ nhiệm, điều động, thăng thưởng, kỷ luật nhân sự các cơ quan, danh sách các cấp chỉ huy, nhân viên tòng sự tại các cơ quan nội phủ, các Bộ.

3. Thi đua khen thưởng (1954-1963):

- Tài liệu của Phủ Tổng thống v/v kê và thiết lập các loại huy chương cho các ngành; thiết lập “Trung dũng Bội tinh”; Huy

chương “Canh nông Bội tinh” cho Bộ Canh nông; thiết lập, ấn định đẳng cấp và thăng thưởng Huy chương “Kim khánh”; ảnh, tranh vẽ mẫu các huy chương VNCH, tài liệu của Bộ Nội vụ v/v xin thiết lập huy hiệu riêng cho Bộ Nội vụ và các nha trực thuộc. Tài liệu v/v làm Huy chương Dân vệ.

- Sắc lệnh, Nghị định v/v ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh, Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân trong nước có thành tích, ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân nước ngoài.

- Hồ sơ v/v ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân trong dịp lễ tuyên thệ ở Ban Mê Thuột, ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh, Bảo quốc Huân chương cho các nhân viên cảnh sát, công an và các sĩ quan biệt phái giúp việc tại Nha này, ân thưởng Chương Mỹ Bội tinh cho Liên đoàn công chức Cách mạng Quốc gia có thành tích trong cuộc trưng cầu dân ý, ân thưởng Đệ Nhị hạng Chương Mỹ Bội tinh cho các cá nhân tỉnh Mỹ Tho.

- Tài liệu v/v hợp thức hóa Anh dũng Bội tinh cho công chức các tỉnh Trung Việt, tài liệu v/v cấp huy chương cho nhân viên ngoại quốc từng sự giúp “Chiến dịch Bác ái” tại Việt Nam; Tài liệu đề nghị khen thưởng huy chương kỳ thưởng lệ, ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho cán bộ công chức ngành y tế, công chánh, truy tặng Bảo quốc Huân chương cho các cá nhân tỉnh Kiến Hòa.

4. Nội an (1954 – 1963):

- Bản tóm tắt phúc trình hàng ngày của các tỉnh về tình hình an ninh, chính trị.

- Tờ trình tổng quát hàng tháng của Tòa Đại biểu Chính phủ Trung Việt, các tỉnh về hoạt động quân sự, chính trị của Việt cộng, phiến loạn tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần, Quảng

Ngãi, Quảng Trị, Bình Định, Bình Thuận, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Pleiku. Long An, Tây Ninh, Kiên Giang...

- Bản đồ khu phi quân sự Bến Hải, tỉnh Quảng Trị.

- Bản tin tức của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu về tình hình các nước Á châu, Việt Nam qua đài phát thanh Việt cộng.

- Tài liệu hoạt động của Phái đoàn Cố vấn Anh tại Việt Nam.

Quân sự:

- Phúc trình hoạt động và chương trình công tác hàng tháng, năm của Bộ Quốc phòng, Tham mưu Biệt bộ, Tiểu đoàn An ninh Phủ Tổng thống, tài liệu của Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu về tình hình Á châu.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Thiếu tướng Aubert v/v vận chuyển quân lực Pháp.

- Tài liệu của Phòng Quân huấn về công tác huấn luyện trong nước và du học ở nước ngoài.

- Bản tin tức của Tham mưu Biệt bộ về hoạt động của Việt cộng và các lực lượng giáo phái. Tờ trình, công văn của Nha An ninh Quân đội, Tiểu đoàn an ninh Phủ Tổng thống về tình hình an ninh. Công văn của Văn phòng Phủ Tổng thống v/v cấp giấy thông hành đặc biệt cho nhân viên Pháp, quân đội Pháp giam giữ 5 công dân Việt Nam.

- Tài liệu của Nha An ninh Quân đội v/v Pháp giúp Việt Cộng đời cơ quan ở trụ sở Ủy hội Quốc tế tại Sài Gòn, Gia Định, Vũng Tàu.

- Tài liệu về chiến dịch bình định miền Tây Nam Việt.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Nha Tổng Giám đốc Bảo an, phúc trình của Hiến binh Quốc gia về tình hình an ninh hàng ngày tại các tỉnh. Tài liệu của Phủ Tổng thống, Hiến binh Quốc gia v/v Nha Hiến binh Quốc gia được chiếm đóng doanh trại Lý Thái Tổ I và II do quân đội Pháp trao trả. Thuyết trình, điệp văn của Hiến binh Quốc gia về nhu cầu khẩn cấp và cấp phát quân xa.

- Tài liệu của Nha Quân vụ v/v di chuyển bất hợp pháp máy phát điện và khám phá âm mưu cung cấp máy phát đầu thanh cho các lực lượng phiến loạn.

- Tài liệu về hoạt động của ngành quân pháp.

- Dự của Tổng thống VNCH quy định việc chế tạo, buôn bán mang và giữ vũ khí cùng đạn dược trên lãnh thổ Việt Nam.

- Tài liệu về kết quả các cuộc hành quân tại tỉnh Kiến Tường, tài liệu v/v bắt giữ thường dân và khám xét tư gia.

- Bản đồ khu phi quân sự Bến Hải, tỉnh Quảng Trị.

- Tài liệu v/v tỉnh Quảng Ngãi xin tăng cường quân lực để phòng ngự miền thượng du. Tài liệu về chiến dịch bình định miền thượng du Quảng Ngãi.

- Tài liệu về hoạt động của Nha Địa dư Quốc gia, bản đồ quân sự về hệ thống giao thông VNCH, vị trí đồn điền, dinh điền và nông trường định cư tỉnh Đắk Lắk, Long Khánh.

- Phúc trình của Hải quân Việt Nam về hoạt động của giang lực, hải lực, viễn thông.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng v/v chiếm đóng và hoạt động xung quanh đảo Hoàng Sa, Tây Sa, Koh thoney, Kohséc, Cù Lao Ré.

- Tài liệu ấn định thành phần thực phẩm áp dụng cho binh sĩ quân đội VNCH.

- Tài liệu v/v Tổng thống viếng thăm Quân y Viện Cộng Hòa.

- Tài liệu về trận liệt Việt Cộng tại Trung phần, Vùng I chiến thuật, Vùng II chiến thuật, Khu 31 chiến thuật.

- Tập đồ thị và bảng so sánh lực lượng, tổn thất của Việt cộng và VNCH, các bản tin hàng ngày về tình hình miền Bắc Việt Nam.

- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của UB 202: phá hủy ruộng rẫy và diệt trừ mùa màng Việt cộng bằng hóa chất 2R, khai quang đồn bốt, các yếu điểm và cơ cấu tiếp vận của Việt cộng bằng hóa chất 2op, khai quang các trục lộ giao thông bằng hóa chất 2ot.

- Tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu v/v khai thác báo cáo của Việt cộng về trận đánh Ấp Bắc.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống v/v hướng dẫn các cá nhân phái đoàn ngoại quốc thăm các cơ quan quân sự VNCH.

- Tài liệu về chế độ quân dịch, tình trạng quân dịch của những người có gốc tịch Miền ở Việt Nam.

- Tài liệu v/v Việt cộng tuyên truyền chống quân dịch.

- Tài liệu v/v các công sở, cá nhân xin hoãn dịch.

- Tài liệu của Phòng III, Phòng Quân huấn v/v tổ chức các khóa học tại trường Đại học Quân sự; Tài liệu về huấn luyện đào tạo tại Trường Biệt động đội và Thể dục Nha Trang, Trường Quân báo và Chiến tranh Tâm lý, Trung tâm Huấn luyện Quang

Trung; Tài liệu về huấn luyện cán bộ chiến tranh tâm lý, huấn luyện bộ binh, công binh.

An ninh:

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Bảo an, các tỉnh về các hoạt động chống phá Chính phủ.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung nguyên Trung phần, Nha Cảnh sát và Công an Quốc gia về quân sự của Việt cộng tại Bắc vĩ tuyến và tình hình khu phi quân sự.

- Tài liệu về hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo, bắt và xét xử thủ lĩnh Hòa Hảo Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, hoạt động của Cao Đài, Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Liên Minh.

- Tài liệu v/v thiết lập an ninh và trật tự cho đồng bào vùng thánh địa Tây Ninh, giao nhận, kiểm soát đồn bót, vũ khí, đạn dược của quân đội Cao Đài về hợp tác với Chính phủ VNCH. Tài liệu về hoạt động của Bình Xuyên, hoạt động của Lê Văn Viễn.

- Tài liệu v/v kiểm soát lưu thông vùng biên giới Việt - Miên - Lào.

- Tài liệu v/v giao phó một số công tác hành chánh cho Bảo an ở những vùng xa lánh, giao thông khó khăn chưa được tổ chức hành chánh.

- Tài liệu về cuộc hành quân của Bảo an tại Phong Định và Vĩnh Bình.

- Báo cáo hoạt động hàng tuần, tháng, năm của Nha Tổng Giám đốc Bảo An; Tài liệu v/v di chuyển binh sĩ Bảo an vào Nam và lên cao nguyên để thay thế các trung đoàn địa phương

đã giải tán, phân phối quân số Bảo an để đảm bảo trật tự an ninh lãnh thổ tại các tỉnh.

- Tài liệu v/v Pháp duy trì một cơ quan tình báo tại Sài Gòn.

- Tài liệu về tình hình an ninh tại Đô thành Sài Gòn và các địa phương. Tài liệu v/v truy nã cán bộ Việt cộng từ Trung Việt đổi vùng vào Nam hoạt động; tập bản kê của Bộ Thông tin về các vụ mưu sát, ám sát và khám phá được vũ khí. Tài liệu của Bộ Nội vụ về hoạt động mậu dịch của Trung cộng tại Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tài liệu v/v tố cáo hành vi bất chính, lạm quyền của Cảnh sát Trưởng tỉnh Vĩnh Long và nhân viên Ty Hiến binh Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Tài liệu v/v xung đột giữa quân nhân Bảo an, Cảnh sát, Dân vệ, nhân viên hành chính và biện pháp giải quyết.

- Tài liệu v/v trục xuất ngoại kiều, quản trị, kiểm soát Hoa kiều trên lãnh thổ Việt Nam, đổi thẻ căn cước.

- Tài liệu của Hội đồng An ninh v/v cải tổ lãnh thổ các vùng chiến thuật.

Chính trị:

- Tài liệu về hoạt động của Việt cộng tại Cao Miên, hoạt động kinh tế mậu dịch của Việt cộng tại Nhật Bản. Tài liệu của Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham mưu về tình hình Á châu. Tài liệu v/v Việt kiều tại Pháp ủng hộ chính quyền Bắc Việt và đòi hiệp thương thống nhất đất nước.

- Tài liệu về tình hình an ninh trong dịp bầu cử Quốc hội, bầu cử Tổng thống VNCH.

- Tài liệu v/v dân chúng phản đối chính quyền tỉnh Bạc Liêu ép dân đi đắp đê.

- Biên bản các cuộc hội thương tại Phủ Tổng ủy Di cư Ty nạn, Báo cáo hoạt động của Phủ Tổng ủy Di cư Ty nạn, tài liệu về công cuộc định cư đồng bào di cư ty nạn tại Ban Mê Thuột, các trại vùng Cái Sắn, các trại định cư tại Đà Lạt, La Ngà, Pleiku. Thống kê dân số tại các trại định cư Nam Việt, Trung Việt, Cao nguyên miền Nam. Tài liệu của Tòa Đại biểu Chính phủ về chương trình di dân lên vùng thượng du Trung Việt.

- Tài liệu v/v gian lận tại Phủ Tổng ủy Di cư Ty nạn, điều tra một số linh mục tại trại định cư tại Tây Ninh, Chợ Lớn.

- Báo cáo tổng quát về tình hình chính trị của Văn phòng Bác sĩ Nguyễn Kim Tuyến, tỉnh Phú Yên.

Tài liệu về tình hình chính trị tại các tỉnh và các nông trường ở Nam phần, Trung phần.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về biện pháp để đối phó với các hoạt động của Việt cộng đòi tổng tuyển cử.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an v/v điều tra các đoàn thanh niên lao động của Việt cộng.

- Tài liệu của Tỉnh trưởng Quảng Nam v/v cán bộ trung kiên Việt cộng tự sát để bảo tồn cơ sở, tài liệu v/v theo dõi và lập hồ sơ các phần tử nguy hiểm, tài liệu về chiến dịch tố cộng tại các tỉnh.

- Tài liệu của Tòa Đại sứ VNCH tại Pháp về hoạt động của Nguyễn Tôn Hoàng - Chủ tịch Đảng Đại Việt.

- Tài liệu về hoạt động của Đảng Nguyễn Long Châu, Đảng “Nhân dân”, Đảng Đại Việt.

- Tài liệu về hoạt động của Chính phủ lưu vong Bảo Đại, hoạt động của Tổ chức Hòa bình chung sống.

Thanh tra:

- Phúc trình thanh tra của Tham vụ chuyên môn Phủ Tổng thống về hoạt động của hàng không dân sự, phi trường Tân Sơn Nhất, bưu điện và các tiệm Hoa kiều.

- Phúc trình của Tổng Thanh tra Hành chính và Tài chính về hoạt động của các cơ quan Bình dân Nông nghiệp Tín dụng; kết quả thanh tra tỉnh Biên Hòa và tình hình tại trại giam Chí Hòa.

- Tài liệu về tình trạng phạm nhân chính trị bị lực lượng Cảnh sát, Công an Nam Việt bắt giam.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Bộ Nội vụ v/v giải quyết tình trạng phạm nhân chính trị sau các cuộc thanh tra.

- Tài liệu v/v bắt giam nhân viên của Nghiệp đoàn Nông dân tại Gò Công.

- Tài liệu v/v điều tra hành vi ám muội của công chức cao cấp và nhân viên Nha Công chánh Cao nguyên miền Nam.

- Tài liệu v/v thanh tra Phủ Tổng ủy Di cư Ty nạn.

- Tài liệu của Văn phòng Bộ trưởng, Phủ Tổng thống, Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần v/v thanh tra các tỉnh Nam phần.

- Tài liệu v/v thanh tra Trung tá Huỳnh Văn Tư - nguyên Tỉnh trưởng Ba Xuyên (Sóc Trăng).

Tư pháp:

- Phúc trình hoạt động hàng tháng, quý, năm của Bộ Tư pháp.

- Tài liệu v/v sửa đổi bộ Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Tài liệu v/v bổ túc dự cho phép các cơ quan tài phán tuyên bố hình phạt theo đồng bạc Việt Nam.

- Tài liệu v/v ban hành dự án định những tội do quân nhân phạm pháp trong lúc chiến tranh hay trong các cuộc hành quân tảo thanh.

- Tài liệu về sửa đổi bộ Luật cải cách thi hành án tử hình, trừng phạt tội phạm chống nền an ninh quốc ngoại, ban hành Sắc lệnh ấn định những thể thức xét đơn khai về quốc tịch, nhập tịch, hồi tịch và bỏ quốc tịch Việt Nam. Ban hành dự án định thể thức đặt tên cho trẻ sơ sinh và xin đổi họ, tên trẻ sơ sinh có quốc tịch Việt Nam.

- Tài liệu về người nước ngoài xin nhập quốc tịch Việt Nam và việc Ty Mộ nhân kêu gọi công nhân Việt Nam nhập quốc tịch Pháp.

- Tài liệu v/v xét xử các vụ án dân sự, ấn định thể thức đại ân xá cho các chính trị phạm.

- Tài liệu về ân xá cho các tội phạm nhân dịp lễ, tết và các ngày khánh tiết.

- Tài liệu về Dự án Luật hủy bỏ án chính trị thời Pháp thuộc.

5. Ngoại vụ (1954 – 1963):

- Phúc trình hoạt động năm của Bộ Ngoại giao

- Tài liệu về hội nghị các Trưởng phái đoàn Bộ Ngoại giao và Lãnh sự Việt Nam.

- Tài liệu liệt kê các hội nghị quốc tế Việt Nam đã tham dự.

- Tài liệu v/v phái đoàn Việt Nam do ông Đoàn Thêm hướng dẫn sang thăm Nhật Bản và Phi Luật Tân.

- Tài liệu về hoạt động của các đại sứ Việt Nam tại ngoại quốc.

- Mật điện của Tòa Đại sứ Việt Nam tại Mỹ v/v xin gia nhập Liên hiệp quốc.

- Tài liệu về các tổ chức quốc tế, các nước sang thăm Việt Nam, tài liệu về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Cộng Hòa với Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Ấn Độ, Đại Hàn, Campuchia, Lào, Indonésia, Thái Lan, Nhật Bản, Úc, Tân Tây Lan,..

- Tài liệu về lễ trình uỷ nhiệm thư của đại sứ, đặc sứ các nước tại Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Ngoại giao về hoạt động của sứ quán các nước tại Việt Nam.

- Tài liệu v/v Tổng thống đãi tiệc các quan khách cao cấp trong ngoại giao đoàn cùng các vị Bộ trưởng.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế v/v Quân đội Nhân dân Việt Nam phản đối việc đưa vũ khí, nhân viên Mỹ vào Việt Nam, đổi giấy thông hành đặc biệt trong vùng phi quân sự.

- Bản sao thơ của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế v/v thi hành khoản 14-c Hiệp định Genève.

- Báo cáo tổng quát về hoạt động hai năm của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế.

- Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về thơ phản kháng của Võ Nguyên Giáp.

- Báo cáo của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về khu phi quân sự, về những hoạt động của Việt Cộng, VNCH, Ủy hội Quốc tế.

- Bản sao bản tổng hợp tin tức quân sự, Biên bản phiên họp của Ủy hội Quốc tế về chiến tranh tại Việt Nam.

- Tài liệu của Tòa Đại Biểu Chính phủ tại Trung Việt, tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa v/v dân chúng bao vây Ủy hội Quốc tế.

Tài liệu của Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế v/v kiểm soát xe phi cơ của Ủy hội Quốc tế tại phi trường Tân Sơn Nhất.

- Bản tổng hợp tin tức của Ban Quan sát khu phi quân sự, biên bản họp của Ủy hội Quốc tế về cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

- Tài liệu của Ủy hội Quốc tế v/v phô tô cuốn Bạch thư của Việt cộng nói về Hiệp định Genève và sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao v/v Phái đoàn thuộc Ủy hội Quốc tế viếng thăm Đà Lạt, Ninh Thuận, Khánh Hòa và áp chiến lược tại Mỹ Tho.

6. Kinh tế - Tài chính (1954-1963):

- Sắc lệnh của Tổng thống VNCH v/v ấn định thể lệ dự liệu các sản phẩm.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế, Bộ Ngoại giao v/v trừng trị và kiểm soát các vi phạm luật kinh tế, bảo vệ an ninh và kiểm soát kinh tế miền Tây Nam Việt.

- Tài liệu về hội nghị của UB Tư vấn Trung tâm Nghiên cứu những ảnh hưởng xã hội gây ra bởi sự kỹ nghệ hóa miền Nam Á châu.

- Phúc trình của Phái đoàn Kinh tế Trung Việt về tình hình kinh tế Trung Việt và các biện pháp nâng đỡ.

- Bản đồ kinh tế VNCH và bản đồ kinh tế Trung Việt; Tài liệu của Bộ Kinh tế về tình hình khuếch trương kinh tế tại các tỉnh.

- Tài liệu v/v khai thác Côn Đảo và Đảo Spratly; Tài liệu v/v chấn hưng kinh tế tỉnh Cà Mau.

- Báo cáo của các chuyên viên Phái đoàn Nghiên cứu Kinh tế Liên hiệp quốc tại Việt Nam.

- Biên bản đại hội kinh tế toàn quốc họp tại Nha Trang.

- Tài liệu của Ủy ban Quốc gia Ngoại viện, Hội đồng Liên bộ, Hội nghị Colombo v/v viện trợ cho Việt Nam.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm, 3 năm của Bộ Tài chính.

- Tài liệu về dự án, ngân sách quốc gia Đô thành, Bộ Quốc phòng, Nha Tổng Giám đốc Bảo an.

- Tài liệu về ngân sách Trung Việt, Cao nguyên miền Nam.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế về chương trình viện trợ Mỹ cho Việt Nam.

- Tài liệu của Văn phòng Bộ trưởng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Thương vụ v/v sử dụng viện trợ Mỹ, viện trợ của Nhật, Đức cho VNCH.

- Tài liệu v/v bồi thường chiến tranh Việt – Nhật.
- Tài liệu về bồi thường chiến tranh, bồi thường thiệt hại cho Pháp kiều trong cuộc phiến loạn Bình Xuyên.
- Tài liệu v/v cấp giao tế phí và giải nhiệm mật phí.
- Tài liệu v/v cấp quỹ đặc biệt cho Đại sứ Việt Nam tại Thái Lan.
- Tài liệu v/v xem xét và chuyển giao bệnh viện Grall của Chính phủ Pháp cho Chính phủ Việt Nam.
- Tài liệu của Bộ Kinh tế v/v áp dụng và miễn các sắc thuế, sửa đổi giá biểu quan thuế nhập nội.
- Tài liệu về hệ thống thuế vụ và ngân sách của Việt Nam.
- Tài liệu của Nha Tổng Giám đốc Thuế vụ về chương trình cải cách thuế khóa.
- Tài liệu v/v sửa đổi điều 160 của Bộ Luật Quan thuế về thời hạn lưu kho hàng hóa nhập cảng.
- Tài liệu v/v thiết lập một sắc thuế đặc biệt đánh vào dầu, xăng.
- Tài liệu v/v xin miễn thuế điền thổ và đất bỏ hoang của các tỉnh cao nguyên, Phú Yên, Mộc Hóa.
- Tài liệu v/v thu thuế hàng hóa do quân đội viễn chinh Pháp bán lại cho dân chúng.
- Tài liệu v/v bán đấu giá bạc nén và bạc đồng của Nha Quan thuế và Công quản.
- Phúc trình hoạt động của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Quốc gia Doanh tế Cuộc, Viện Hối đoái.

- Tài liệu v/v đổi giấy bạc cũ của Đông Dương Ngân hàng, ước lượng lợi tức quốc gia, kiểm soát giấy bạc nhập cảng, bãi bỏ Hiệp ước tiền tệ Pháp – Việt, thành lập cơ quan tín dụng “Việt Nam Thương tín”.

- Tài liệu v/v thanh lý việc phát hành giấy bạc và quỹ tự trị của Liên Quốc gia Việt Nam – Lào – Campuchia.

- Tài liệu về các phiên họp Hội đồng Tối cao Tiền tệ và Tín dụng.

- Tài liệu của Bộ Tài chính v/v lập và sử dụng quỹ; tài liệu v/v đổi bạc.

- Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an v/v khám phá các vụ làm và tiêu thụ bạc giả.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Phủ Cao ủy Việt Nam tại Pháp về mối quan hệ tiền tệ Việt Nam – Pháp.

- Sắc lệnh v/v xuất nhập cảng, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển vàng bạc.

- Dự quy định việc kiểm soát kinh tế trong nước.

- Tài liệu v/v VNCH tham dự Hội chợ triển lãm quốc tế tại Nam Vang; điều tra những hành vi không chính đáng của Hội chợ Quang Trung.

- Thư của Đại sứ quán các nước đặt tại Pháp đề nghị ký Hiệp ước Thương mại với Việt Nam.

- Chương trình viện trợ thương mại của Nha Ngoại thương, tình hình nhập cảng hàng hóa của Hồng Kông.

- Tài liệu về nhãn hiệu hàng hóa dán trên hàng Pháp để nhập cảng sang Việt Nam.

- Tài liệu v/v Chính phủ mua lúa gạo tại các tỉnh để lập kho gạo tiếp tế, tình hình tiếp tế lúa gạo.

- Kế hoạch cải thiện ngành mễ cốc trong nước, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho Đô thành Sài Gòn – Chợ Lớn.

- Tài liệu về kế hoạch kỹ nghệ hóa khoáng chất và tiểu công nghệ.

- Tài liệu của Nha Tổng Giám đốc Kế hoạch, ông T.H Robinson về tình hình công nghệ của Việt Nam.

- Công ty Nhật xin phép khai thác cát ở Vịnh Cam Ranh.

- Tài liệu v/v khai thác khoáng sản ở Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, các Bộ quy định các quy chế chuyển nhượng bất động sản và các dụng cụ công kỹ nghệ cho người ngoại quốc.

- Danh sách các công ty và các nhân vật Việt Nam có tên tuổi trong ngành kỹ nghệ.

- Tài liệu v/v phối hợp sản xuất công kỹ nghệ với chương trình xuất, nhập cảng để bảo vệ và khuyến khích ngành kỹ nghệ trong nước.

- Tài liệu về hoạt động tiểu công nghệ và kỹ nghệ tại tỉnh Bình Định.

- Tài liệu của Bộ Thông tin, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia v/v tìm được mỏ sắt, mỏ dầu tại Mộc Hóa và Kontum.

- Tài liệu về hoạt động của mỏ than Nông Sơn; Tài liệu v/v khai thác cát trắng và khoáng nghiệp tại đảo Paracels; Tài liệu v/v khai thác nước suối Vĩnh Hảo.

- Chương trình, kế hoạch kiến thiết thành thị và thôn quê.

- Tài liệu v/v lập đồ án tu chỉnh, khuếch trương và chỉnh trang các đô thị;

- Tài liệu về hoạt động của Nha Tổng Giám đốc Kiến thiết và Thiết kế Đô thị.

- Tài liệu về công tác xây dựng 64 căn nhà tại Tân Định - Sài Gòn.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao v/v xin mua biệt thự cho Cao ủy Việt Nam tại Pháp.

- Tài liệu v/v mua nhà, đất của Bộ Quốc phòng.

- Báo cáo hoạt động của Quốc gia Doanh tế Cuộc.

- Tài liệu khởi công xây dựng Thư viện Quốc gia và Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Sài Gòn.

- Tài liệu v/v thiết kế đô thị tỉnh Cà Mau.

- Tài liệu v/v đồng bào di cư chiếm đất tư hữu và làm nhà bất hợp pháp đại đường Y.Jut, Ban Mê Thuật.

- Tài liệu v/v phân tán dân di cư tại Đô thành Sài Gòn và vùng phụ cận.

- Tài liệu về tình hình công sản của Việt Nam hiện Pháp còn chiếm giữ và các bất động sản do quân đội Pháp trao trả.

- Ảnh các căn nhà tại Sài Gòn.

- Thoả ước Việt – Nhật v/v trục vớt tàu đắm trong khuôn khổ bồi thường chiến tranh.

- Báo cáo tình hình hoạt động của Sở Hỏa xa Việt Nam.

- Tài liệu v/v Cao ủy Pháp tại Việt Nam đòi thò các phí khoản sửa chữa các phá hoại do chiến tranh gây ra cho Sở Hỏa xa Việt Nam.

- Tài liệu của Tham mưu Biệt bộ, tỉnh Phước Tuy về công tác thiết lập đường Thanh Tóa – Trà Lú, tiến triển công tác làm đường tại các tỉnh.

- Tài liệu v/v tiếp tế nước uống cho Đô thành Sài Gòn.

- Bảng kê diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại Cao nguyên miền Nam và các tỉnh Nam Việt.

- Tài liệu về kế hoạch khuếch trương canh nông; Báo cáo hoạt động tháng, năm của Bộ Canh nông.

- Tài liệu v/v gia nhập Ban Túc mẽ của Viện Nghiên cứu Thực phẩm tại Paris.

- Tài liệu v/v mua dụng cụ, sản vật thuộc viện trợ Mỹ và cấp phát nông cụ, nông súc cho nông dân.

- Tài liệu về quy chế tá điền, cải cách điền địa; tài liệu của Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa v/v khai thác lại các ruộng đất bỏ hoang.

- Tài liệu v/v xin cấp kinh phí để đắp đê và tu sửa kênh.

- Tài liệu của Nha Khí tượng các tỉnh v/v dự đoán thời tiết, tình hình mưa gió hàng tuần tại Trung nguyên Trung phần, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Khánh Hòa, Ninh Thuận.

- Tài liệu v/v trưng thầu, bồi thường, tranh chấp, khiếu nại, đổi đất tại vùng dinh điền Cái Sắn.

- Tài liệu về các phiên họp của Hội đồng Cải cách Điền địa, Huấn thị của Tổng thống VNCH tại Đại hội Điền địa.

- Tài liệu v/v thiết lập dinh điền tại Bình Tuy, Phước Long, Long Khánh, An Xuyên.

- Tài liệu các phiên họp của UB Phối trí Công tác Nghiên cứu Hạ lưu Sông Cửu Long.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của hạt lâm vụ các tỉnh.
- Tài liệu của Bộ Canh nông về Đại hội Thủy lâm toàn quốc.
- Sưu tập tài liệu về thể lệ săn bắn và ngư nghiệp ở Việt Nam.
- Tài liệu v/v phát quang khu rừng cải hóa 219 tại khu trù mật Xuyên Mộc (Phước Tuy) để cấp cho nông dân trồng trọt.
- Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Cải tiến Nông thôn v/v trồng thông và dương liễu tại Quảng Tín, khai thác gỗ tại Long Thành.
- Tài liệu về săn bắn.

7. Văn hóa - Xã hội (1951-1963):

- Biên bản các phiên họp về cuộc đàm phán văn hóa Việt - Pháp, báo cáo tình trạng văn hóa các tỉnh Phong Thạnh, Bến Tre, Sa Đéc, Cần Giờ, Bạc Liêu, tài liệu v/v bảo vệ và trùng tu những cổ tích và thắng cảnh trong nước.
- Dụ, công điện của Tổng thống, Văn phòng Phủ Tổng thống v/v ấn định các ngày lễ chính thức được nghỉ và hưởng lương, tài liệu về tổ chức tết dương lịch, tết nguyên đán, tổ chức lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, lễ Thanh Minh, Quốc tế Lao động, tổ chức lễ thánh bốn mạng của Tổng thống, lễ Quốc khánh.
- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Phủ Đặc ủy Công dân vụ.
- Tài liệu v/v cán bộ công dân vụ ở Bến Tre hoạt động chống đối chính quyền.
- Tài liệu của Phủ Đặc ủy Công dân vụ về chuyển hướng phương thức hoạt động.

- Tài liệu của Bộ Công dân vụ v/v tăng cường cán bộ công dân vụ tại các tỉnh.

- Tài liệu v/v viện trợ Mỹ cho Phủ Đặc uỷ Công dân vụ.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Thông tin và Thanh niên về công tác thông tin tuyên truyền.

- Phúc trình của Ty Thông tin và Chiến tranh Tâm lý về phong trào cổ vũ cho cuộc Trưng cầu dân ý và liên hoan mừng chính thể.

- Tài liệu về việc kiểm duyệt, đăng báo và phát thanh.

- Tài liệu v/v sản xuất, mua bán, kiểm duyệt phim chiếu bóng.

- Báo cáo hoạt động hàng tháng của Nha Vô tuyến Truyền thanh Việt Nam.

- Tài liệu của Tổng thống, Bộ Thông tin và Thanh niên v/v thành lập Nha Báo chí và khai thác vô tuyến truyền thanh truyền hình trên lãnh thổ Việt Nam.

- Tài liệu về hoạt động của thanh niên tại các tỉnh.

- Phúc trình của Phái đoàn Túc cầu Việt Nam v/v sang Mã Lai thi đấu.

- Tài liệu v/v sử dụng sân quần vợt trong phạm vi biệt điện của Tổng thống, Phái đoàn Thể thao Việt Nam tham dự các giải bóng bàn quốc tế.

- Tờ trình, báo cáo hoạt động tháng, năm, 4 năm của Bộ Quốc gia Giáo dục, các Trường Kỹ thuật, Mỹ thuật, Nông Lâm mục, sư phạm, các ty tiểu học.

- Tài liệu của Bộ Giáo dục về trường học và giáo viên tại các làng định cư trên cao nguyên.

- Tài liệu v/v đề nghị bán công hóa các tư thực gốc Hoa kiều ở đô thành và các tư thực bang lập ở địa phương, danh sách các trường trung học tại Sài Gòn.

- Tài liệu v/v phát triển giáo dục tại các địa điểm dinh điền.

- Tài liệu v/v Việt Nam cử phái đoàn tham dự Hội nghị Quốc tế Giáo dục tại Genève.

- Tài liệu của Bộ Quốc gia Giáo dục v/v học sinh, sinh viên, công chức du học tại Hoa Kỳ, Pháp. Tài liệu v/v thiết lập học bổng dành cho nữ sinh Việt Nam ưu tú.

- Tài liệu về chương trình chiến dịch thanh toán nạn mù chữ.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Bộ Y tế.

- Sắc luật quy định sự trừng phạt các vi phạm quy lệ hành chánh liên quan đến âu dục, dụng cụ y khoa và giải phẫu có tính cách lợi ích quân sự.

- Tài liệu quy định thể lệ hành nghề y sỹ, nha sỹ và hộ sinh tại Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống về ý kiến của một số bác sỹ về nền y khoa Việt Nam.

- Tài liệu v/v thành lập các tủ thuốc thôn quê tại các tỉnh Thừa Thiên, thiết lập trạm y tế cấp cứu tại các làng.

- Tài liệu của Bộ Y tế, các tỉnh về tình trạng bệnh dịch và biện pháp phòng ngừa.

- Tài liệu v/v cho phép bác sỹ người Pháp hành nghề y tư tại Việt Nam.

- Tài liệu của Văn phòng Phủ Tổng thống, Bộ Xã hội v/v bài trừ “Tứ đồ tường” tại Sài Gòn và các tỉnh.

- Tài liệu v/v lập một Cô nhi viện Quốc gia tại Thủ Đức, lập một tỉnh dưỡng đường cho sinh viên mắc bệnh lao.

- Tài liệu của Bộ Xã hội và Y tế v/v trợ cấp cho nạn nhân tại khu chiến dịch Nguyễn Huệ và Thoại Ngọc Hầu.

- Tài liệu v/v cứu trợ đồng bào bị bão lụt, hỏa hoạn, Tài liệu về cứu trợ của các nước cho Việt Nam.

- Tài liệu v/v dân biểu Thượng và Chàm yêu cầu hưởng các quyền lợi của đồng bào kinh, tài liệu về kế hoạch khai thác người Thượng trên cao nguyên Miền Nam, về chính sách đối với đồng bào Thượng.

- Tài liệu v/v thành lập các hiệp hội, đoàn thể, tài liệu v/v tổ chức “Ngũ gia liên bảo” trong vùng quốc gia.

- Tài liệu v/v bầu Ban Chấp Hành Trung ương của Đảng Xã hội Việt Nam, Đảng Đại Việt.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Xã hội về hoạt động của Phong trào Cách mạng Quốc gia, Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia, hoạt động của Cao Đài Tây Ninh, hoạt động của các tôn giáo, tài liệu về tình hình Thiên chúa giáo tại Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống v/v kiểm soát và công nhận các hiệp hội có ích.

- Tài liệu v/v trợ cấp cho các hiệp hội, đoàn thể.

- Tài liệu v/v đồng bào Thượng quận Hương Hòa bỏ trốn vào rừng.

- Báo cáo hoạt động tháng, năm của Bộ Lao động.

- Tài liệu của Bộ Lao động v/v ấn định quy chế kiểm tra và phó kiểm tra lao động và an ninh xã hội.

- Tài liệu của Bộ Lao động v/v ấn định lương hàng ngày của công nhân đồn điền cao su, điều chỉnh mức lương ngày tối thiểu của công nhân tại 41 tỉnh toàn quốc.

- Tài liệu về tranh chấp lao động và sự đàn áp của chính quyền đối với giới lao động, về các cuộc đình công của công nhân, tài liệu về các tranh chấp giữa công nhân, tư nhân và Công ty Thủy điện.

- Tài liệu v/v giải quyết nạn thất nghiệp, tăng lương cho đồn điền cao su.

8. Hành chánh – Quản trị (1955-1963):

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, các Bộ v/v tổ chức hành chánh, hội nghị hành chánh tại Đà Lạt, về hội nghị quốc tế hành chánh.

- Tài liệu v/v giản dị hóa thủ tục hành chánh, tài liệu v/v Việt Nam gia nhập Liên hiệp Quốc tế các nhà chức trách hành chánh địa phương, tài liệu v/v liên lạc và phối hợp điều hành công vụ.

- Tập lưu Dự, Sắc lệnh, Nghị định, Thông tư, Công văn, Công điện,... của Văn phòng Phủ Tổng thống.

- Luật mật mã liên lạc giữa Cao nguyên và Trung Việt.

- Tài liệu của Bộ trưởng Phủ Tổng thống v/v mở lớp tu nghiệp về lưu trữ công văn và quản thủ thư viện,

- Tài liệu v/v phân phối, sử dụng công xa.

- Tài liệu hướng dẫn học tập của Ban Hướng dẫn Học tập Phủ Tổng thống, tài liệu v/v tổ chức học tập tại các nha, sở.

9. Riêng biệt (1955-1963):

- Tài liệu của Phủ Tổng thống v/v Tổng thống tiếp phái đoàn đồng bào Thượng và phái đoàn tổ cộng Hoa kiều tại Dinh Độc Lập; ảnh về cuộc tiếp dân của Tổng thống.

- Tài liệu của Tham mưu Biệt bộ, Phủ Tổng thống về công tác chuẩn bị cho Tổng thống đi thị sát, kinh lý. Tài liệu v/v Tổng thống đi kinh lý tại Trung nguyên Trung Phần, Ban Mê Thuột, Huế, Bình Định, vùng B Lao – Đà Lạt, Biên Hòa, các tỉnh miền Tây Nam Phần.

- Tài liệu v/v các phái đoàn, cá nhân trong nước xin yết kiến Tổng thống.

- Thư, thiệp, công điện, công văn trong nước, ngoài nước gửi Tổng thống.

PHÔNG HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN CÁCH MẠNG

- **Số lượng tài liệu:** 02 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1/11/1963-14/6/1965.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tài liệu trong phong một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Hội đồng Quân nhân Cách mạng được thành lập ngay sau ngày Quân đội thực hiện thành công cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm (1/11/1963)⁽¹⁾. Đứng đầu Hội đồng là Ban chấp hành Hội đồng do Trung tướng Dương Văn Minh làm Chủ tịch. Ngày 4/11/1963, Hiến ước số 01 được ban hành. Hội đồng Quân nhân Cách mạng ký Sắc lệnh số 01/HĐQN cử ông Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ tướng Chính phủ lâm thời.

Nhiệm vụ của BCH Hội đồng này chấm dứt vào ngày 30/1/1964 sau khi Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiệu Khiêm phản đảo chính, và được thay thế bằng Hội đồng Quân sự Cách mạng hay còn gọi là Hội đồng Cách mạng, hay Hội đồng Quân lực do Nguyễn Khánh làm Chủ tịch. Trong thời gian này, Hiến ước số 02 được ban hành, Hội đồng Quân nhân Cách mạng ủy nhiệm Trung tướng Dương Văn Minh giữ chức vụ Quốc trưởng và Trung tướng Nguyễn Khánh giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ.

(1) Hồ sơ số 1, phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng

Ngày 16/8/1964, Hiến chương VNCH được ban hành. Theo Hiến chương, Hội đồng Quân nhân Cách mạng là cơ quan cao nhất, có nhiệm vụ lãnh đạo quốc gia và bầu Chủ tịch VNCH. Tổ chức của Hội đồng này bao gồm:

- Bộ Tổng tư lệnh;
- Bộ Quân lực.

Ngày 27/8/1964, Hội đồng Quân nhân Cách mạng tuyên cáo bỏ Hiến chương ngày 16/8/1964 và tự ý giải tán. Vào thời điểm này, Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực được thành lập do Trung tướng Dương Văn Minh làm Chủ tịch⁽¹⁾.

Ngày 8/6/1964, Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực thành lập Thượng Hội đồng Quốc gia do ông Phan Khắc Sửu làm Chủ tịch⁽²⁾.

Ngày 20/10/1964, Hiến chương lâm thời được ban hành và kèm theo là Quyết định số 01 ngày 24/10/1964 của Thượng Hội đồng và cử ông Phan Khắc Sửu làm Quốc trưởng.

Ban Lãnh đạo lâm thời Quốc gia và Quân lực chấm dứt nhiệm vụ và giải tán vào ngày 26/10/1964. Ngày 13/10/1964, Quốc trưởng Phan Khắc Sửu bổ nhiệm ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ⁽³⁾. Ngày 20/12/1964, các Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Hữu Có làm đảo chánh và Hội đồng Quân lực VNCH được thành lập, giữ chức Chủ tịch là Tướng Nguyễn Khánh. Hội đồng này tuyên cáo ủng hộ Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Chính phủ dân sự Trần Văn Hương⁽⁴⁾.

(1) Hồ sơ số 1, phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng

(2) Hồ sơ số 24, phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng

(3) Hồ sơ số 24, phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng

(4) Hồ sơ số 24, phong Hội đồng Quân nhân Cách mạng

Ngày 27/1/1965, Hội đồng Quân lực bổ nhiệm Bác sĩ Phan Huy Quát thay ông Trần Văn Hương làm Thủ tướng Chính phủ và lập Chính phủ mới. Đến ngày 28/1/1965 Hội đồng cử ông Nguyễn Xuân Oánh làm quyền Thủ tướng Chính phủ⁽¹⁾.

Ngày 16/2/1965, Hội đồng Quân lực cử ông Phan Huy Quát làm Thủ tướng. Ngày 17/2/1965, Hội đồng Quân lực ban hành Quyết định số 06 thành lập Hội đồng Quốc gia lập pháp⁽²⁾.

Ngày 21/2/1965, Hội đồng Quốc gia Lập pháp truất quyền Tổng Tư lệnh của Tướng Khánh và cử Tướng Dương Văn Minh thay thế. Hội đồng Quân lực VNCH quyết định tự giải tán vào ngày 5/5/1965⁽³⁾. Ngày 11/6/1965, Chính phủ Dân sự tuyên cáo trao trả quyền lãnh đạo quốc gia cho Quân đội và được chấp nhận trong khi chờ đợi thành lập cơ cấu quốc gia phù hợp. Ngày 14/6/1965, Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia ra đời do Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch và cũng là thời điểm kết thúc sự lãnh đạo của Hội đồng Quân nhân Cách mạng⁽⁴⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Phòng tài liệu Hội đồng Quân nhân Cách mạng có thời gian từ 1963-1965. Tài liệu trong phòng chủ yếu là tài liệu hành chính. Thành phần tài liệu bao gồm:

- Tài liệu về các cuộc binh biến.
- Tài liệu về các Hiến ước, hiệu triệu, tuyên cáo.
- Tài liệu về việc đề cử, ân thưởng.

(1) Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng

(2) Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng

(3) Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng

(4) Hồ sơ số 24, phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng

- Tài liệu về Đại hội, các phiên họp của Hội đồng Quân nhân Cách mạng.

- Tài liệu về đỉnh công của công nhân.

- Tài liệu về các cuộc bãi khóa của học sinh, sinh viên.

- Tài liệu về các cuộc biểu tình của đồng bào phật giáo, công giáo.

- Tài liệu về việc cải tổ bộ máy hoạt động của các Bộ, cơ quan TW.

- Tài liệu về các vấn đề liên quan đến khôi phục trật tự, xã hội...

PHÒNG ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA

- **Số lượng tài liệu:** 15 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 14/6/1965-31/10/1967.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tài liệu trong phòng một số hiện bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia được thành lập do Quyết định số 03-QLVNCH/QĐ ngày 14/6/1965 và được bổ túc bởi Quyết định số 6, 7 - QLVNCH/QĐ ngày 6/6/1966 do Hội đồng Quân lực VNCH ấn định⁽¹⁾.

Thành phần của UBLĐQG gồm:

- Chủ tịch: Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu.
- Một tổng thư ký: Trung tướng Phan Xuân Chiểu.
- Một Ủy viên Điều khiển Hành pháp: Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ.
- 7 Ủy viên Quân nhân.
- 10 Ủy viên Dân sự.

(1) Hồ sơ số 1, Phòng Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia

Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia có nhiệm vụ hành xử chủ quyền và điều khiển mọi công việc quốc gia, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Quân lực về mọi quyết định của Ủy ban⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng chủ yếu là tài liệu hành chính, nội dung về các vấn đề sau:

1. Tài liệu về Tổ chức - Hành chính - Quản trị:

- Tài liệu về cơ cấu tổ chức và điều hành của Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, các Bộ, Nha, sở TW và địa phương.

- Tài liệu về vấn đề bầu cử Quốc hội lập hiến, Hội đồng đô, tỉnh, thị.

- Tài liệu về các cuộc họp đặc biệt của Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia.

- Tài liệu về Quốc huy, hiệu kỳ của VNCH.

- Tài liệu về nhân sự: Sắc lệnh, Nghị định về khen thưởng, tuyển dụng, điều động, lương bổng và hồ sơ cá nhân.

- Tài liệu về quản lý và sử dụng công ốc, công xa, vật dụng cơ quan ...

- Tài liệu về công tác cải tổ hành chính.

- Tập lưu công văn, sự vụ lệnh.

2. Tài liệu về các hoạt động riêng biệt của Chủ tịch UBLĐQG:

- Tài liệu về các cuộc kinh lý, công du, các buổi yết kiến, tiếp tân của Trung tướng UBLĐQG.

(1) Hiến pháp năm 1967, Chương IX, Điều 111

- Tài liệu về các hoạt động ngoại giao.
- Tập lưu đơn, thư của các đoàn thể, cá nhân gửi Trung tướng.
- Tập lưu đơn từ khiếu nại, khiếu tố.
- Tập lưu điểm báo, tin tức.

3. Tài liệu về các mặt hoạt động quốc gia:

- Tài liệu về các hoạt động quân sự, chính trị, văn hóa, giáo dục, xã hội.
- Tài liệu về hoạt động tuyên truyền của các đoàn thể.
- Tài liệu về các dự thảo Hiến pháp, các Sắc luật, Sắc lệnh của UBLĐQG.
- Tài liệu về các chương trình, kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch quốc gia của các Bộ ngành.
- Các phiên họp của UBLĐQG.

PHÒNG PHỦ TỔNG THỐNG ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

- **Số lượng tài liệu:** 158 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1967 - 30/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số tài liệu bị ố, giòn, mờ.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục, Cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa được bầu ngày 03/9/1967 và chính thức nhậm chức vào ngày 31/10/1967. Nhiệm kỳ của Tổng thống là 4 năm. Theo Luật số 001/1974 ngày 22/01/1974 tu chính Hiến pháp thay đổi nhiệm kỳ của Tổng thống là 5 năm. Tổng thống có thể được tái cử 2 lần. Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa do Nguyễn Văn Thiệu lãnh đạo theo Hiến định trải qua 2 nhiệm kỳ:

- Nhiệm kỳ I từ ngày 03/9/1967 đến ngày 03/10/1971.
- Nhiệm kỳ II từ ngày 03/10/1971 đến ngày 31/10/1975.

Trên thực tế, chưa hết nhiệm kỳ II đã phải chấm dứt hoạt động vào ngày 21/4/1975 - ngày Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.

Sau khi Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức đến ngày 30/4/1975, chế độ VNCH đã trải qua hai đời Tổng thống là:

- Tổng thống Trần Văn Hương từ ngày 21-27/4/1975.
- Tổng thống Dương Văn Minh từ ngày 27-30/4/1975.

Từ ngày 21/4/1975 cho đến ngày 30/4/1975, trong sự hoảng loạn tận cùng của chế độ Ngụy quyền Sài Gòn, mọi hoạt động hầu như bị tê liệt, Tổng thống chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Chính vì vậy, dù trải qua 3 đời Tổng thống nhưng tài liệu sản sinh ra trong quá trình hoạt động hầu hết nằm trong thời gian Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng thống.

Để đưa Phủ Tổng thống đi vào hoạt động, cùng ngày nhận chức (31/10/1967), trong khi chờ đợi hoàn thành việc tổ chức Phủ Tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành Sắc lệnh giữ nguyên trạng các cơ quan thuộc Phủ Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia và hoạt động dưới danh nghĩa cơ quan thuộc Phủ Tổng thống.

Tháng 11/1967, Nguyễn Văn Thiệu ấn định lại tổ chức Phủ Tổng thống gồm: Cơ quan riêng biệt và Tòa Tổng Thư ký. Tháng 10/1969 cơ cấu tổ chức Phủ Tổng thống được thay đổi hoàn thiện hơn gồm⁽¹⁾: Thành phần cố vấn, thành phần riêng biệt, thành phần phụ trách các lĩnh vực quốc gia, thành phần quản trị hành chính và các cơ quan trực thuộc như: Phủ Đặc ủy TW tình báo, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện, Tổng nha Kế hoạch.

Các thành phần và cơ quan trên là bộ máy giúp việc cho Tổng thống về các vấn đề liên quan đến việc ấn định các chính sách và kế hoạch quốc gia; theo dõi, nhật tu các phúc trình và các vấn đề liên quan tới quân lực VNCH như: kế hoạch phòng thủ lãnh thổ, theo dõi các hoạt động của đồng minh, thu thập các tin tức, tài liệu trong phạm vi trách nhiệm, thu thập các tin tức trên báo chí; các vấn đề chỉ đạo đường lối, chính sách thuộc các

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1971, trang 43*

lĩnh vực quốc gia, phối hợp hoạt động khi công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau có nhận định chung và trình lên Tổng thống; liên lạc với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp, Đoàn thể để thu thập tài liệu, nhận định tình hình, làm sáng tỏ đường lối, chính sách do Tổng thống đề ra; quản trị và yểm trợ tất cả các cơ quan thuộc phủ trên phương diện nhân viên, ngân sách, công ốc, vật liệu, công xa, bảo đảm an ninh cho Tổng thống và gia đình.

Năm 1974, sau khi lập Chính phủ mới ngày 18/02/1972, với tinh thần cải cách hành chính, giảm nhẹ nhân số và ngân sách tối đa, nhằm mục đích tránh giẫm chân, trùng lặp giữa Phủ Tổng thống và Nội các, Huấn thị số 02 ngày 20/02/1974 ra đời đã quy định việc sắp xếp các cơ cấu chỉ đạo TW và các Văn phòng phụ tá tại Phủ Tổng thống.

Những văn bản liên quan đến việc thay đổi chức năng, nhiệm vụ của Phủ Tổng thống bao gồm:

- Sắc lệnh số 023/TT/SL ngày 22/11/1967;
- Sắc lệnh số 479-A/TT/SL ngày 26/9/1969;
- Huấn thị điều hành số 001-TT/TH ngày 01/10/1969;
- Huấn thị điều hành số 02/74-TT/TH ngày 20/9/1974.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

1. Tài liệu chung (1967 - 1975):

- Kế hoạch, Báo cáo, hoạt động 3 năm, 4 năm, 5 năm của Chính phủ trên các lĩnh vực KT-XH.

- Báo cáo tháng, quý, năm của các Bộ, Tòa Đại biểu Chính phủ, các Vùng chiến thuật.

- Tờ trình nguyện đề, báo cáo hoạt động, báo cáo thành tích công tác tháng, năm, 2 năm, 4 năm của các tỉnh.

- Tài liệu về hoạt động của các tỉnh.

- Biên bản các phiên họp Hội đồng Nội các, Hội đồng Tổng trưởng, Hội đồng tỉnh, Hội đồng xã.

- Tài liệu chỉ đạo, kế hoạch, báo cáo, biên bản họp về công tác bình định xây dựng, công tác phát triển nông thôn tại TW và các vùng chiến thuật, các tỉnh.

- Tài liệu, kế hoạch, báo cáo về công tác tái thiết và phát triển.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về dân cán chánh, phát triển đời sống kinh tế nông thôn và chống cộng ở Đông Nam Á.

- Tài liệu về lịch sử, điều kiện tự nhiên, xã hội của các tỉnh.

- Thư của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về chương trình phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh.

- Ảnh về hoạt động của VNCH trên các lĩnh vực.

- Tài liệu về kế hoạch tấn công bình định đặc biệt do Thủ tướng ban hành.

- Kế hoạch, báo cáo, biên bản về công tác bình định, xây dựng nông thôn, hội thảo bình định xây dựng tại TW và các vùng chiến thuật, Tổng thống VNCH thăm viếng các tỉnh trong chương trình bình định xây dựng.

- Tài liệu về hội nghị duyệt xét kế hoạch cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương, phục hồi, tái thiết và phát triển quốc gia.

- Huấn thị của Tổng thống VNCH về an ninh và phát triển quốc gia trong 4 năm.

- Tài liệu tổng hợp về tổ chức hành chính, chính trị, dân số các tỉnh.

- Bài trích từ đài BBC liên quan đến tù nhân chính trị, vị trí các tôn giáo,... tuyển cử, tham nhũng.

- Tuyên bố của Chính phủ VNCH tại cuộc họp báo v/v bắt giữ một số cán bộ Cộng sản xâm nhập, thu hồi biên lai 5 nhật báo và giải tán Tổng đoàn Bảo an.

2. Tài liệu chung về nội an - quân sự (1967-1975):

- Tài liệu chỉ đạo, kế hoạch, báo cáo chung về tình hình quân sự, an ninh, chính trị.

- Bản tổng hợp tin tức hàng tuần của Phủ Tổng thống về quân sự, chính trị trong nước và ngoài nước.

- Phiếu trình, phiếu tin tức của UB phối hợp Tình báo Quốc gia về tình hình quân sự, chính trị.

- Kế hoạch, báo cáo của Bộ Quốc phòng.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống với quân dân chính.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Cố vấn Hoa Kỳ (MAV) về bảo đảm an ninh quốc lộ 4.

- Bảng tổng hợp tin tức hàng tuần, tháng về chính trị, quân sự trong nước và ngoài nước.

- Tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu v/v trích bản tin VN Thông tấn xã Hà Nội và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Tài liệu về Hội nghị Quốc phòng Đông Nam Á (SEATO) và Hội nghị 7 Quốc gia Hội viên Thượng đỉnh Manila.

- Thông cáo của Tổng thống Johnson, Đại sứ Bunker, Nghị sĩ Douglas về tình hình chiến sự tại miền Bắc Việt Nam.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về hoạt động của Việt cộng.

- Tài liệu v/v động viên từng phần nhân lực và trưng dụng tài nguyên quốc gia.

- Tài liệu về huấn luyện sĩ quan trừ bị, huấn luyện quân chính, Tổng thống chủ tọa các lễ mãn khóa huấn luyện.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về các kế hoạch và chiến dịch.

- Tài liệu về biến cố Tết Mậu Thân, bản chụp và các tài liệu tịch thu của Việt cộng trong các cuộc hành quân.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về lực lượng quân sự Bắc Việt.

- Báo cáo đặc biệt của Cục An ninh Quân đội VNCH.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về tổn thất nhân mạng, vũ khí của quân đồng minh, quân lực VNCH và Việt cộng.

- Tài liệu về hội nghị bảy quốc gia tham chiến tại Việt Nam, hoạt động của quân đồng minh.

- Tài liệu về việc tái lập vùng phi quân sự tại vĩ tuyến 17 và thành lập các cơ quan giám sát, kiểm soát đình chiến.

- Tài liệu của Tham mưu Biệt bộ về việc quân nhân phải đeo thẻ bài kim khí và phân loại máu.

- Tài liệu v/v quân đội Campuchia bắn vào tàu Hải quân Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về danh sách các Tùy viên quân lực, tướng lãnh và Tư lệnh nước ngoài tại VNCH.

- Tài liệu về kế hoạch Phụng Hoàng, các cuộc hành quân: Cứu Long 44/1 tại Châu Đốc, Lam Sơn 719, hành quân truy quét Cộng sản trên lãnh thổ Campuchia.

- Tài liệu về việc Thái Lan kêu gọi rút quân đội Thái Lan ra khỏi VNCH, tình trạng quân số, phối trí, thay thế, rút quân ra khỏi VNCH của quân đội đồng minh.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng về trận liệt quân sự Cộng sản Bắc Việt.

- Tài liệu về hoạt động của Tòa án Quân sự Mặt trận.

- Tài liệu về chiến dịch công kích của Cộng sản mùa xuân năm 1975, cộng sản tấn công Pleiku, Phú Bổn, giải trình tình hình khẩn trương về quân sự.

- Tài liệu về Trung úy Nguyễn Thành Trung lái phi cơ ném bom Dinh Độc lập, chỉ thị, nhật lệnh của Tổng thống VNCH, kế hoạch Trương Minh Giảng.

- Tài liệu v/v phân phối hàng quân tiếp vụ.

- Tài liệu thống kê của Văn phòng Dân vụ Vùng 1 Chiến thuật về công tác cải huấn, chiêu hồi, nhân dân tự vệ, tổn thất về quân sự.

- Tài liệu v/v ban hành các Sắc luật quy định tình trạng báo động, tình trạng khẩn trương, tình trạng giới nghiêm, thiết quân luật.

- Tài liệu v/v tàu đánh cá Thái Lan xâm phạm hải phận VNCH.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống về an ninh, quân sự; tình hình an ninh, quân sự tại Sài Gòn – Gia Định, các tỉnh.

- Báo cáo tình hình thực tại và chương trình, kế hoạch hoạt động chánh yếu trong 2 năm của Bộ Quốc phòng.

- Tài liệu về hình thức tác chiến của quân lực VNCH và đồng minh.

- Tài liệu thuyết trình của Bộ Quốc phòng về hệ thống thiết kế quốc phòng và kế hoạch quốc phòng 4 năm.

- Tài liệu về tối tân hóa và phát triển quân lực VNCH 8 năm.

- Tài liệu về liên minh quân sự Việt Nam – Campuchia – Lào – Thái Lan.

- Tài liệu v/v mở khóa huấn luyện quân chánh, Tổng thống chủ tọa lễ mãn khóa.

- Huấn thị của Đại tướng Cao Văn Viên v/v quân lực VNCH trưng dụng để giải tán các cuộc biểu tình, bạo động, tài liệu về hoạt động của Việt cộng, biến cố Tết Mậu Thân; bản chụp tài liệu hoạt động của Việt cộng.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng v/v gọi thanh niên, công chức nhập ngũ.

- Tài liệu v/v quân đội Campuchia bắn vào tàu hải quân VNCH.

- Tài liệu v/v tham nhũng trong quân đội, cái chết của một số sĩ quan, hoạt động của quân tiếp vụ và ngành quân vụ.

- Tài liệu của Cục Tâm lý chiến về hoạt động tâm lý chiến.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống v/v sử dụng khóa nguy thoại.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng v/v khai thác và trao trả tù binh giữa Việt cộng và VNCH, khai thác tài liệu của Cộng sản về nghị quyết, chỉ thị, thông tư của TW Cục Miền Nam.

- Tài liệu của Bộ Quốc phòng v/v tổng kết các cuộc hành quân sang biên giới Lào - Campuchia và ném bom ra miền Bắc.

- Tài liệu về “Chiến dịch thừa thắng xông lên” tái chiếm các vùng Cộng sản chiếm đóng.

- Tài liệu của Nha Địa dư Quốc gia v/v tân tạo bản đồ Việt Nam.

- Tài liệu về hoạt động của Quân đoàn I, Thiết giáp binh; hoạt động của ngành chiến tranh chính trị, Hải quân VNCH, Quân đoàn 4, Không quân.

- Tài liệu về quản lý, cấp phát, sử dụng quân xa, công xa trong quân đội.

- Tài liệu v/v viện trợ quân sự và việc sử dụng quân đội của các nước cho VNCH.

- Hoạt động của Quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, phái đoàn Bộ Quốc phòng thăm viếng VNCH, bản tin báo cất nói về sự can thiệp của Mỹ tại Việt Nam, hoạt động của Hải quân, Không quân Hoa Kỳ, máy bay Hoa Kỳ xạ kích lằm vào quân lực VNCH đóng tại trường Phước Đức – Chợ Lớn, quân đội Hoa Kỳ tàn sát thường dân tại xã Sơn Mỹ - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi, Hoa Kỳ rút quân khỏi VNCH, lễ tiễn đưa quân nhân Hoa Kỳ về nước.

3. Tài liệu về an ninh (1967-1975):

- Tài liệu của Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia về việc Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ thị Trung ương Cục Miền Nam ám sát Tổng thống, Phó Tổng thống, Thủ tướng.

- Tài liệu v/v Ủy hội Luật gia Quốc tế xin trả tự do và phỏng vấn việc bắt bà Ngô Bá Thành.

- Hồ sơ về tình hình “nguy hại” tại trại tù binh Phú Quốc.

- Hồ sơ điều tra hành vi thân cộng của Dân biểu Nguyễn Ngọc Nghĩa, Phạm Xuân Huy.

- Tài liệu về hoạt động kinh tài của Việt cộng.

- Báo cáo ngày, tuần, tháng, năm của Tổng nha Cảnh sát Quốc gia.

- Báo cáo đặc biệt, tin tức hàng ngày của Tổng nha Cảnh sát.

- Tài liệu của Hạ Nghị viện, Bộ Nội vụ về hành quân kiểm soát sổ gia đình.

- Tài liệu của Tòa Thị chính Đà Lạt v/v cứu xét, an trí các can phạm bị bắt trong các cuộc hành quân của Cảnh sát.

- Tài liệu v/v sử dụng những biện pháp thích nghi với người chứa chấp những kẻ phạm pháp tàng trữ vũ khí.

- Lời tuyên bố, huấn thị của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Trung tướng Nguyễn Chánh Thi về tình hình chính trị, đất nước.

- Bản nghiên cứu đặc biệt của Phủ Đặc Ủy TW tình báo về địa bàn tiếp vận của Việt cộng trên đất Cambốt.

- Báo cáo chính trị đặc biệt của Nha Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, Cục An ninh Quân đội.

- Tài liệu của Bộ Nội vụ, Việt Tấn xã về Huấn thị điều hành, huấn luyện chính trị cho các khóa nhân dân tự vệ, và việc nữ sinh Huế bị bắt buộc gia nhập nhân dân tự vệ.

- Luật trừng trị tội bắt cóc.

- Biện pháp đối với linh mục Nguyễn Ngọc Lan và Giáo sư Châu Tân Luận.

- Tài liệu của Văn phòng Đặc biệt v/v Lê Văn Viên bị câu lưu về tội hoạt động Đảng phái bất hợp pháp và chống chính phủ VNCH.

- Báo cáo của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia v/v đấu tranh, đình công của công nhân.

- Tài liệu của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia về các hoạt động của các đoàn thể chính trị.

- Tài liệu của Bộ Nội vụ v/v di chuyển can phạm nội địa ra Côn Sơn và phân loại, cải huấn, cải tiến lề lối giải quyết tình trạng can phạm.

- Tài liệu về một máy bay của không lực VNCH trốn sang Singapore.

- Tài liệu của Bộ Nội vụ, các tỉnh về tình trạng dân số toàn quốc.

4. Tài liệu về chính trị (1967 – 1975):

- Tài liệu của Bộ Chiêu hồi về tình hình chiêu hồi và chính sách đại đoàn kết dân tộc.

- Tài liệu về các phong trào chống VNCH và can thiệp của Mỹ ở Việt Nam.

- Kế hoạch, báo cáo về tình hình an ninh, chính trị.
- Tài liệu về hoạt động chính trị của trí thức, sinh viên và học sinh.
- Tài liệu tịch thu được của Việt cộng về tổ chức Trung ương Cục miền Nam.
- Tài liệu về hòa đàm Ba lê giữa VNCH, Hoa Kỳ, đồng minh.
- Dự thảo thư của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu gửi cụ Hồ Chí Minh bàn về hòa bình tại Việt Nam.
- Tài liệu về các hoạt động của Cộng sản Bắc Việt.
- Tài liệu về tù binh Bắc Việt, VNCH, Mỹ.
- Bảng tổng kết tình trạng phạm nhân liên quan đến biến cố chính trị đã được khoan hồng, chế tài.
- Tài liệu của Tòa Đại sứ VNCH tại Anh về các phong trào chống VNCH và can thiệp của Mỹ ở Việt Nam.
- Tuyên cáo của Chính phủ VNCH về các giải pháp hòa bình, phỏng vấn Tổng thống Johnson của Đài truyền tin Networrs về vấn đề hòa bình tại Việt Nam, tài liệu về dư luận Hoa Kỳ đối với cuộc chiến tại Việt Nam, quan điểm của một số quốc gia trong việc tìm kiếm hòa bình và quan điểm của Bắc Việt trong việc giải quyết chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, tài liệu v/v tiếp xúc chính trị của Tổng thống VNCH tại Dinh Độc lập, đối phó với các tổ chức chính trị trá hình của Cộng sản.
- Tài liệu của Tổng Thư ký Phủ Tổng thống v/v thống nhất những danh từ dùng để gọi các tổ chức Cộng sản và lập trường của Việt Nam đối với việc vận động hòa bình.

- Tài liệu v/v được sĩ Nguyễn Thái Nhuận - Chủ tiệm thuốc tây Tân Việt, Chợ Lớn gửi mua thuốc chữa bệnh cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tài liệu v/v tiếp nhận 100 cán bộ Cộng sản bị bắt tại Thái Lan do Chính phủ Thái Lan trao trả.

- Tài liệu của Bộ Chiêu hồi v/v ấn định giá biểu các khoản phụ cấp cho người hồi chánh và thưởng cho những người có công vận động chiêu hồi.

- Tài liệu về các phiên họp khoáng đại lần thứ 1 – 121 bàn về vấn đề hòa bình Việt Nam tại Paris năm 1969.

- Bản tường trình của Bộ Ngoại giao về tù binh, báo “Le Monde” (Pháp) tuyên tạc cách đối xử tù binh của VNCH với tù binh Cộng sản Bắc Việt bị bắt tại Ai lao, phái đoàn quốc tế muốn thăm viếng đề lao, trại giam tù binh Cộng sản, phóng thích tù binh Bắc Việt nan y, tàn phế.

- Tài liệu về vụ 3 dân biểu Trần Ngọc Châu, Hoàng Hồ, Phạm Thế Trúc liên lạc với Việt cộng.

- Tài liệu v/v 3 giáo viên Kim Mạnh, Thạch Tết, Sơn Thọ tổ chức sư sãi Việt gốc Miên biểu tình bạo động.

- Phiếu trình của Bộ Ngoại giao về lời kêu gọi hòa bình của cựu Hoàng Bảo Đại.

- Tài liệu về hoạt động của UB Liên hiệp Quân sự hai bên, bốn bên về việc thi hành Hiệp định BaLê.

- Tài liệu nhận định về tình hình chính trị tại Việt Nam, các đề nghị giải pháp chính trị ôn hòa để ngừng tiếng súng giữa hai miền Nam – Bắc.

- Thư của Thủ tướng VNCH gửi Tổng thống và Chủ tịch Thượng Nghị viện Hoa Kỳ về cuộc tấn công của Cộng sản và bày tỏ quan điểm được ký kết thoả hiệp kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN.

- Bản tin của Việt Tấn xã tại ngoại quốc đưa tin thông điệp của Tổng thống Hoa Kỳ về sự thất bại của VNCH.

- Điểm báo của Bộ Ngoại giao, đài BBC về tình hình chiến cuộc tại Việt Nam.

- Bản tin VTX về vấn đề ngừng bắn tại Việt Nam.

- Tập công điện trao đổi giữa Chính phủ VNCH với Đại sứ VNCH tại các nước về tình hình chính trị tại Việt Nam.

5. Tư pháp (1967 - 1975):

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Phái đoàn Giao dịch với Ủy hội Quốc tế về Đại hội Luật gia chế bản gửi tin về thành tích hoạt động một năm của Bộ Tư pháp.

- Phiếu trình, báo cáo của Văn phòng Tổng thống, Bộ Tư pháp về sự thiệt hại của các cơ quan Tư pháp trong vụ biến cố Tết Mậu Thân.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Tư pháp v/v ân xá, ân giảm cho các tù nhân nhân dịp các ngày lễ, tết.

- Tài liệu của Bộ Tư pháp giới thiệu Bộ Luật giá thú, tử hệ thay hệ thay thế bộ Luật Gia đình, luật lệ hiện hành trừng trị các hành vi phản động phá hoại, thông đồng tiếp tay cho Cộng sản.

- Hồ sơ về soạn thảo ban hành Bộ Dân luật, Bộ Hình luật, Luật quy chế ngành chưởng khế.

- Thông báo của Bộ Tư pháp về thể thức bồi thường tai nạn lưu thông do quân nhân đồng minh gây ra.

- Hồ sơ về vụ án Thượng tọa Thích Thiện Minh, bác đơn xin ân xá của tử tội Huỳnh Bá Vạn, Mai Văn Thát, Huỳnh Công Cảnh, bác đơn xin ân xá của Luật sư Trương Đình Dzu.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống về tổng kết ân xá.

- Tài liệu v/v chấp nhận cho người nước ngoài được nhận con nuôi tại Việt Nam.

- Tài liệu về Đại hội Thẩm phán toàn quốc.

6. Thanh tra (1967 – 1975):

- Tài liệu về bài trừ tham nhũng, buôn lậu, vận chuyển á phiện.

- Các đơn từ khiếu nại, tố cáo.

- Tài liệu v/v soạn thảo các Sắc luật nhằm hữu hiệu hóa công cuộc bài trừ tham nhũng.

- Tài liệu của Phủ Tổng thống v/v phát động phong trào bài trừ chống tham nhũng.

- Báo cáo của Tòa Đại biểu Chính phủ, Văn phòng Thanh tra liên tỉnh v/v chống tham nhũng.

- Tài liệu về nạn tham nhũng tại Sài Gòn, các tỉnh, điều tra tham nhũng tại Cơ quan Tiếp vận TW, ngành điện lực, Biệt khu 44, quỹ tương trợ và tiết kiệm quân nhân.

- Tài liệu kê khai tài sản của nhân viên Văn phòng Tổng thống.

- Tài liệu v/v các dân biểu tố cáo Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có hành vi tham nhũng.

- Đơn, thư tố cáo tham nhũng, buôn lậu, vận chuyển á phiện.

7. Ngoại giao (1967-1975):

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác tháng, quý, năm của Bộ Ngoại giao.

- Tài liệu về chính sách ngoại giao của VNCH.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao v/v Bộ trưởng Trần Chánh Thành giải đáp các thắc mắc liên quan đến đường lối ngoại giao của VNCH.

- Tài liệu của Thượng nghị viện, Phụ tá Liên lạc Quốc hội v/v tái lập hòa bình tại Việt Nam và một số biến cố.

- Tài liệu, tin tức báo chí Indonesia và các nước đưa tin về chiến cuộc tại Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về cải cách thủ tục về quy chế Việt kiều.

- Báo cáo của Bộ Ngoại giao về kế hoạch và tổng kết những thực hiện của Chính phủ trong lãnh vực ngoại giao.

- Báo cáo hoạt động của Tòa Đại sứ VN tại Hoa Thịnh Đốn, tài liệu v/v các nhiệm sở ngoại giao VNCH thuộc vùng Á châu Thái Bình Dương tổ chức họp báo phổ biến đạo luật “Người cày có ruộng”.

- Tài liệu về hoạt động và thành tích của Tòa Đại sứ VNCH tại Phnom – Pênh.

- Tài liệu của Chủ tịch Thượng nghị viện, Tòa Đại sứ VN tại Washington về hoạt động của cựu Trung tướng Nguyễn Chánh Thi và việc Giáo sư Nguyễn Thanh Bình xin cho Trung tướng Thi hồi hương.

- Tuyên bố của Bộ Ngoại giao VNCH về cuộc tổng tiến công của Việt cộng, tài liệu về công tác ngoại giao vận và hoạt động của Bắc Việt tại Liên Hiệp quốc.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao v/v các nước công nhận và tuyên bố quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam.

- Tài liệu v/v Thụy Sĩ, Úc thiết lập quan hệ ngoại giao với Bắc Việt, Mặt trận Giải phóng Miền Nam và cho phép mở phái bộ thường trực, văn phòng liên lạc tại Thụy Sĩ, Úc.

- Tài liệu hướng dẫn về nghi lễ ngoại giao, tiếp ngoại giao đoàn tại Đà Lạt và Phan Rang.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao, VTX về hoạt động của Việt kiều tại Ai Lao, hoạt động của Phái bộ Quân sự VNCH tại Campuchia.

- Tài liệu về cựu Hoàng Bảo Đại khởi tố Tòa án khẩn cấp Paris xin trục xuất Đại sứ VNCH tại Pháp ra khỏi căn nhà số 69 Avenue De Villers, Paris 17è.

- Phúc trình của Tòa Đại sứ VNCH tại Rome v/v tiếp xúc và liên lạc với Tòa Thánh Vatican.

- Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao v/v Chính phủ Gia nã Đại tiếp nhận dân tị nạn và cứu trợ nạn nhân chiến cuộc VN.

- Tài liệu thuyết trình về bang giao và tương tranh quốc tế, Thông cáo chung giữa VN Cộng hòa với các nước và giữa các nước khác trên thế giới. Tài liệu v/v Mã Lai Á dự định mời VNCH gửi giám sát viên tham dự thao diễn quân sự và thương thuyết thoả hiệp hàng không giữa VNCH với Mã Lai Á.

- Tài liệu ký kết hiệp ước cứu trợ và giao hoàn phi hành gia hoặc khí cụ không quân rơi xuống trái đất, tài liệu về các văn kiện song phương giữa VNCH và đồng minh. Tài liệu nghiên cứu của Phụ tá Đặc biệt về Ngoại vụ về quyền ký hiệp ước quốc tế của Tổng thống VNCH, Hoa Kỳ, Pháp và các vấn đề thoả ước hành pháp. Bản kê các văn kiện ngoại giao do VNCH ký kết hoặc gia nhập.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao v/v VNCH tham dự Hội nghị ngoại giao về tái xác định và phát triển luật nhân đạo quốc tế tại Genève, tài liệu tu chính Thoả ước Việt – Mỹ.

- Tài liệu về tình hình chính trị tại Campuchia, Ai Lao, Đại Hàn, Mỹ, Tây Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Pháp, Tây Ban Nha, Ba Tây.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao về các cuộc viếng thăm của Tổng thống VNCH, các phái đoàn tại Hoa Kỳ, Đại Hàn, Trung Hoa Dân quốc, Đài Loan, Phi Luật Tân...

- Tài liệu v/v Tổng thống các nước và phái đoàn nước ngoài viếng thăm Việt Nam Cộng hòa, tài liệu v/v xin thu hình, phỏng vấn Tổng thống, Tổng thống tiếp khách, họp báo.

8. Tài liệu về kinh tế (1967-1975):

- Chương trình và chính sách phát triển, ổn định kinh tế VNCH.

- Tài liệu về các phiên họp của Ủy ban Kinh tế Tài chính.

- Tài liệu về ngân sách quốc gia của các Phủ, Bộ, Tỉnh.

- Tài liệu về thành lập ngân hàng tại các tỉnh.

- Tài liệu về tuyên cáo, tuyên bố của Chính phủ VNCH, Bộ Ngoại giao đối với tài nguyên thiên nhiên quốc gia trong

vùng biển, dưới đáy biển, tranh chấp biên giới, tìm kiếm, khai thác dầu hỏa thêm lục địa.

- Thiết lập các khu công nghiệp, khuếch trương hệ thống thủy điện, viễn thông, giao thông vận tải, các vấn đề khẩn hoang lập ấp.

- Tài liệu về áp dụng thuế giá trị gia tăng, miễn thuế, ấn định giá lúa, gạo.

- Dự luật về chấn chỉnh kinh tế – tài chính quốc gia.

- Chương trình và chính sách phát triển, ổn định kinh tế VNCH, kế hoạch tài chính trong thời kỳ chuyển tiếp.

- Chính sách kinh tế đoản kỳ của Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo của Bộ Kinh tế về tình hình hoạt động tháng, quý, năm, 3 năm. Tài liệu của Tổng Nha Kế hoạch về kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế 4 năm.

- Biên bản các phiên họp của Ủy ban Kinh tế - Tài chính.

- Thông điệp của Tổng thống VNCH về các biện pháp kinh tế tài chính và các ý kiến xung quanh Thông điệp này, bài thuyết trình của Tổng trưởng Kinh tế Tài chính về tình hình và các chủ trương, đường lối của Chính phủ trong lĩnh vực kinh tế.

- Tài liệu về Hội nghị Phát triển Kinh tế Vùng 1 Chiến thuật miền Bắc Trung nguyên Trung phần.

- Bản thống kê kinh tế tài chính 10 năm.

- Tài liệu của Giáo sư Nguyễn Văn Hảo nhận định về tình hình kinh tế tài chính Việt Nam trong 15 năm.

- Danh sách các quốc gia, các tổ chức cá nhân đang viện trợ hoặc sẽ viện trợ cho VNCH, tài liệu đề nghị viện trợ ngầm của thế giới tự do cho VNCH.

- Tài liệu v/v Chính phủ Mỹ viện trợ kinh tế và quân sự cho VNCH, hợp đồng bảo đảm đầu tư của các cơ quan viện trợ Mỹ, tình hình viện trợ của Nhật Bản, tài liệu v/v VNCH xin viện trợ của Ý.

- Tài liệu của Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Tái thiết và Phát triển về chương trình phát triển kinh tế các vùng; chương trình cải cách kinh tế mùa thu.

- Tài liệu v/v Ổn định và phát triển kinh tế trong giai đoạn Việt Nam hóa chiến tranh.

- Dự án Luật bài trừ tham nhũng và chống lạm phát của Dân biểu Phan Huỳnh Đức.

- Tài liệu ban hành Luật Ngân sách quốc gia, dự án ngân sách quốc gia của các Bộ;

- Tài liệu của Hội đồng Bình định và Phát triển TW v/v cấp ngân khoản đặc biệt cho Hội đồng.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế v/v ước lượng tình hình ngân sách và sai lệch lạm phát.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế về tình hình viện trợ thương mại và tín dụng ngoại quốc.

- Tài liệu v/v cấp quỹ đặc biệt cho Tổng Giám đốc CSQG, Tổng Tham mưu Quân lực VNCH.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao v/v giải tán liên hiệp tiền tệ và thanh toán tiền tệ giữa VNCH – Campuchia và Lào.

- Tài liệu ban hành Luật “khoản đảm tái thiết và tương trợ”, Luật ấn định quan thuế biểu xuất, nhập cảng.

- Tài liệu của Tổng thống VNCH, Liên Bộ Kinh tế Tài chính về biện pháp đối với các vụ vi phạm luật lệ thuế vụ.

- Tài liệu của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam về áp lực lạm phát và đề án cải tổ của USAID nhằm chống lạm phát.

- Tài liệu v/v chuyển ngân bồi hoàn cho Tòa Lãnh sự Việt Nam tại Hồng Kông.

- Báo cáo của Viện Thống kê về sự tiến triển của giá cả. Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Kinh tế v/v mỗi xã mở tại Ty Ngân khố tỉnh “trường mục không lời” và nơi rộng cho vay quỹ tiểu thương cho quân nhân, công chức.

- Tài liệu v/v Phái đoàn VNCH dự Hội nghị Liên hiệp quốc về Mậu dịch và Phát triển tại New Delhi.

- Tài liệu về Hội chợ “kỹ nông công thương”, VNCH tham dự các hội chợ quốc tế.

- Tài liệu của Bộ Kinh tế, Nha Mãi mại, tỉnh Ba Xuyên, Bình Định v/v thu mua, chuyên chở, bán lúa gạo, hàng hóa.

- Tài liệu của Văn phòng Tổng thống, Bộ Kinh tế v/v sản xuất nông – ngư – lâm nghiệp liên hệ tới vấn đề xuất cảng.

- Tài liệu v/v VNCH gia nhập Hiệp định Quốc tế về khế ước du lịch.

- Tài liệu của Nhóm Nghiên cứu Kế hoạch Hành chính về kế hoạch phục hồi và phát triển kỹ nghệ Việt Nam.

- Bảng thống kê kỹ nghệ sản xuất và nhập cảng của VNCH.

- Tài liệu của Thượng Nghị viện khuyến cáo Chính phủ sớm ban hành Dự Luật ấn định tổ chức, điều hành, quản trị và kế hoạch phát triển các xí nghiệp công.

- Tài liệu ban hành Luật tìm kiếm, khai thác dầu mỏ, cùng điều kiện thuế khóa, lệ phí và hối đoái liên hệ. Tài liệu v/v đời

khu Mỹ nghệ An Hòa - Nông Sơn về gần Nhà máy Nhiệt điện Đà Nẵng.

- Tài liệu của Bộ Phát triển Nông thôn và các tỉnh v/v xin tái thiết, xây cất cầu, đường ở các địa phương, dự án xây dựng cầu Bắc Mỹ Thuận.

- Tài liệu v/v Hỏa xa Việt Nam xin tái thiết các thiết lộ.

- Tài liệu của Nha Kiến thiết và Thiết kế Đô thị về bản tổng kết cuộc hội thảo chỉnh trang đô thành và vùng phụ cận, tài liệu của Phủ Thủ tướng v/v cấp ngân sách quốc gia xây cất gia cư cho thương phế binh và chỉnh trang khu Thủ Thiêm, An Khánh, Quận 9. Tài liệu v/v thuê, mua, hoán đổi nhà, đất.

- Hồ sơ ban hành Luật “Người cày có ruộng”, bài nói chuyện của Tổng thống nhân dịp lễ phát bằng khoán ruộng đất tại các tỉnh.

- Tài liệu của Phái đoàn Kinh tế Mỹ tại Việt Nam v/v nền nông nghiệp Việt Nam bị tàn phá nhưng vẫn phát triển.

- Tài liệu v/v hợp tác kinh tế với tổ chức TCRR của Đài Loan về canh nông.

- Chương trình hoạt động tổng quát của Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp.

- Tờ trình của Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông về dự án xây đập Ba Tri thuộc tỉnh Kiến Hòa.

- Tài liệu của Bộ trưởng Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư mục về hoạt động phát triển nông nghiệp.

- Ban hành Luật phê chuẩn thoả ước vay tiền của Ngân hàng Phát triển Á Châu để phát triển ngư nghiệp.

9. Tài liệu về văn hóa - xã hội – đoàn thể (1967-1975):

- Tài liệu về tổ chức các ngày lễ, tết.
- Kế hoạch, báo cáo về giáo dục, thông tin, y tế, xã hội.
- Tài liệu về hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, nghiệp đoàn, các hiệp hội, mặt trận, tổ chức phụ trợ.
- Tài liệu về công tác cứu trợ nạn nhân chiến cuộc, bão lụt.

10. Tài liệu về hoạt động riêng biệt (1967 - 1975):

- Tài liệu về các chuyến kinh lý của Tổng thống, các bài nói chuyện, diễn văn.
- Báo chí phục vụ cho Tổng thống.
- Đơn, thư, thiệp trong nước, ngoài nước gửi Tổng thống.
- Hoạt động của phu nhân, lễ đính hôn của con gái Tổng thống.

11. Tài liệu về tổ chức (1967-1975):

- Tài liệu về bầu cử Tổng thống, Phó Tổng thống, Thượng Nghị viện, Hạ Nghị viện nhiệm kỳ I, II.
- Bầu cử Hội đồng đô, tỉnh, thị, xã.
- Tài liệu tổ chức bộ máy các cơ quan Chính phủ, các bộ, đô, tỉnh, thị.
- Tài liệu về đề bạt, bổ nhiệm, thăng thưởng, hồ sơ nhân sự các nhân vật cao cấp, nhân viên các phủ, bộ.
- Tài liệu về tổ chức hành chính tại TW, địa phương.
- Tài liệu về dự luật “Hải phận Việt Nam”, soạn thảo, ban hành Sắc luật ấn định lãnh hải Việt Nam về phương diện ngư

nghiệp, các vi phạm chủ quyền VNCH trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, thu thập tài liệu chứng minh chủ quyền của VNCH trên đảo Hoàng Sa, Trường Sa, các tàu thuyền nước ngoài vi phạm hải phận VN.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế v/v phổ biến ranh giới thêm lục địa Việt Nam.

- Tài liệu v/v tách, sáp nhập, điều chỉnh ranh giới các tỉnh, quận, huyện, xã.

12. Tài liệu thi đua khen thưởng (1967-1975):

- Tài liệu v/v thiết lập các loại huân, huy chương.

- Tài liệu về ân thưởng Bảo quốc Huân chương, Chương mỹ Bội tinh, huy chương... cho các cá nhân trong và ngoài nước.

- Tài liệu về lễ gắn huân, huy chương.

13. Tài liệu về Hành chính - Quản trị (1967-1975):

- Chỉ thị của Tổng thống về cách thức làm hồ sơ trình Tổng thống đọc và ký các văn kiện.

- Tài liệu về hội nghị, hội thảo hành chính.

- Tập lưu các Sắc lệnh, Nghị định, Công văn, Phiếu trình.

- Tài liệu về cách sắp xếp và lưu trữ hồ sơ.

- Tài liệu về trực hàng ngày, di dời văn phòng, mua xe, xăng nhớt, địa chỉ, điện thoại của các phủ, bộ.

PHÔNG PHỦ THỦ TƯỚNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

- **Số lượng tài liệu:** 1044,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1954-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy, bản đồ, ảnh).
- **Tình trạng vật lý:** nhiều tài liệu bị ố, giòn, chữ mờ. Một phần tài liệu đã được tu bổ.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục, cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngày 06/7/1954, Quốc trưởng Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 43-CP ấn định thành phần chính phủ và bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam kiêm Tổng trưởng Bộ Nội vụ⁽¹⁾.

Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng tồn tại đến ngày 23/10/1955 là ngày trưng cầu dân ý để thành lập chính thể Cộng hòa.

Với Hiến ước tạm thời số 1 ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm tự phong mình là Quốc trưởng đồng thời cũng là Thủ tướng chính phủ lấy danh hiệu là “Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa”⁽²⁾.

Ngày 01/11/1963, Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Với biến cố này đã chấm dứt chế độ gia đình trị của họ Ngô.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1954, trang 1692*

(2) *Công báo VNCH, năm 1955, trang 2*

Từ tháng 11/1963 có các đời Thủ tướng sau:

Chính phủ lâm thời Nguyễn Ngọc Thơ từ ngày 04/11/1963 - 07/02/1964.

Nội các Nguyễn Khánh từ ngày 08/02/1964 - 31/10/1964.

Nội các Trần Văn Hương từ ngày 04/11/1964 - 28/01/1965.

Nội các Nguyễn Xuân Oánh từ ngày 28/01/1965 - 16/02/1965.

Nội các Phan Huy Quát từ ngày 16/02/1965 - 11/6/1965.

Nội các Nguyễn Cao Kỳ từ ngày 19/6/1965.

Nội các Nguyễn Văn Lộc từ ngày 09/11/1967.

Nội các Trần Văn Hương thành lập ngày 25/5/1968.

Nội các Trần Thiện Khiêm thành lập ngày 01/9/1969 - 04/4/1975.

Nội các Nguyễn Bá Cẩn từ ngày 04/4/1975 - 24/4/1975.

Ngày 28/4/1975, Vũ Văn Mẫu được cử làm Thủ tướng Chính phủ, trong khi nội các chưa thành hình thì ngày 30/4/1975 miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Về tổ chức Phủ Thủ tướng, từ thời Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng và khi làm Tổng thống kiêm Thủ tướng đều lấy cơ cấu tổ chức Phủ Thủ tướng thời Nguyễn Văn Tâm làm chính, trên cơ sở đó sửa đổi và bổ sung thêm. Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các đời Thủ tướng tiếp tục lên nắm chính quyền nhưng chỉ trong thời gian ngắn, vì vậy tổ chức Phủ Thủ tướng cơ bản vẫn giữ nguyên.

Từ năm 1965 trở về sau do tình hình chính trị ổn định nên cơ cấu tổ chức rõ ràng hơn.

Sắc lệnh số 155-SL/Th.T/PC1 ngày 06/07/1971 và Nghị định 623-NĐ/Th.T/CP1 ngày 08/08/1974 ấn định lại tổ chức Phủ Thủ tướng gồm: Phụ tá Đặc biệt, Văn phòng Đặc biệt, Võ phòng, Văn phòng Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng.

Phụ tá Đặc biệt: các Phụ tá Đặc biệt do Thủ tướng bổ nhiệm và trực tiếp điều động. Mỗi Phụ tá Đặc biệt phụ trách một hay nhiều lãnh vực do Thủ tướng ấn định cụ thể: phụ trách công tác văn thư và điều hành tổng quát, liên lạc với các cơ quan, đánh máy công văn, tài liệu, lưu trữ hồ sơ.

Văn phòng Đặc biệt: do một Chánh Văn phòng điều khiển với sự trợ giúp của một Bí thư, một Công cán Ủy viên, một số Tham chánh Văn phòng. Ngoài ra, Văn Phòng Đặc biệt còn có ba Phòng phụ trách: Công vụ mật và dành riêng, Văn thư và liên lạc tổng quát, mật mã.

Võ phòng: do một Chánh Võ phòng điều khiển với một Phụ tá, có nhiệm vụ: thu thập và đệ trình Thủ tướng Chính phủ các vấn đề thuộc phạm vi quân sự trong và ngoài nước; bảo vệ an ninh cận Phủ Thủ tướng, Phòng Phủ Thủ tướng và tư dinh Thủ tướng; theo dõi việc thực hiện các kế hoạch hoặc giải pháp đã được ấn định liên quan tới chiến lược và chiến thuật, tổ chức huấn luyện, tiếp vận, quản trị nhân viên của quân lực VNCH; nghiên cứu các đề nghị liên quan đến việc áp dụng và thực hiện các kế hoạch giải pháp nói trên; phụ trách về kế hoạch truyền tin tại Phủ Thủ tướng.

Văn phòng Bộ trưởng Phủ Thủ tướng gồm: các Phụ tá Bộ trưởng, Chánh Văn phòng, Bí thư, một số Công cán Ủy viên, một số Tham chánh Văn phòng. Trực thuộc Văn phòng Bộ trưởng có hai Phòng là: Phòng Huy chương, Phòng Xã hội và Tiếp liệu.

Nha Tổng Thư ký Phủ Thủ tướng: do một Tổng Thư ký điều khiển và hai Phó Tổng Thư ký phụ tá, có nhiệm vụ: phụ trách các vấn đề liên quan đến Hành chính TW và địa phương kể cả quốc phòng và các ngành, bổ nhiệm các chức vụ từ Phó Tổng Giám đốc trở lên và các Trưởng cơ quan tự trị, các vấn đề liên quan đến ngành ngoại giao, tư pháp, trưng thu, trưng dụng, chỉnh trang lãnh thổ, nhà, phố, đất đai; các vấn đề liên quan đến kế hoạch phát triển quốc gia, kinh tế - tài chính, ngoại viện, công ốc, công xa, lương bổng, phụ cấp quân nhân, công chức, cán bộ, nhân viên chính quyền; các vấn đề về văn hóa, giáo dục, thanh niên, y tế, xã hội, lao động cựu chiến binh, dân vận, chiêu hồi, sắc tộc, các vấn đề thuộc Trường Quốc gia Hành chính, Trường Cao đẳng Quốc phòng. Theo dõi, cứu xét và phúc trình các vấn đề có tính cách chính trị, cứu trình các ý kiến, thỉnh nguyện, khiếu nại của Hội đoàn và tư nhân; nghiên cứu các vấn đề về pháp lý, tổ chức quản trị, cải tổ hành chính; giải quyết các vấn đề về nghi lễ, lập chương trình hoạt động của Thủ tướng, tổ chức các buổi lễ, tiệc; theo dõi báo chí để phân tích, phúc trình Thủ tướng các tin tức quốc tế, dư luận báo chí trong và ngoài nước, soạn thảo và phổ biến các tin tức liên quan đến hoạt động của Thủ tướng.

Những văn bản liên quan đến việc thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của Phủ Thủ tướng bao gồm:

- Sắc lệnh số 1-SL- Th.T/VP ngày 13/11/1967 và bổ túc bởi Sắc lệnh số 39-SL/ Th.T/VP ngày 21/12/1967 và Nghị định áp dụng số 285-NĐ/ Th.T/VP cùng ngày;

- Sắc lệnh số 51-SL/Th.T/VP ngày 3/6/1968 và sửa đổi bởi Sắc lệnh số 152-SL/Th.T/CS ngày 5/11/1968 và Nghị định số 1337-NĐ/P.Th.T/CS ngày 24/12/1968;

- Sắc lệnh số 176-SL/Th.T/QTCS ngày 01/12/1972 sửa đổi tổ chức Phủ Thủ tướng;

- Sắc lệnh số 155-SL/Th.T/PC 1 ngày 6/7/1974 ấn định lại tổ chức Phủ Thủ tướng và Nghị định số 623-NĐ/Th.T/PC1 ngày 08/8/1974.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung tài liệu chủ yếu của phòng bao gồm:

1. Tài liệu chung:

- Tài liệu về các phiên họp Hội đồng Nội các, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quân chánh, Hội đồng Dân quân ...

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo hoạt động của Phủ, Bộ và các tỉnh.

- Tập lưu Quyết định, Nghị định, Biên bản họp Hội đồng Nội các.

- Tập lưu công văn, công điện, sự vụ lệnh.

- Tài liệu về công tác bình định xây dựng, phát triển, áp chiến lược.

- Tài liệu về viện trợ của Hoa Kỳ cho chương trình phát triển.

- Tài liệu về hoạt động của Trung tâm Điện toán.

2. Tài liệu về hành chánh - quản trị:

- Tập lưu Dự của Đức Quốc trưởng.

- Tập lưu các Luật, Sắc luật, Sắc lệnh, Thông tư.

- Tập lưu công văn, công điện, sự vụ lệnh.

- Sổ ghi công văn.

- Tài liệu v/v di dời công sở

3. Tài liệu về hoạt động riêng biệt:

- Hoạt động của Quốc trưởng, Thủ tướng: yết kiến, chiêu đãi, kinh lý.

- Điệp văn, thư của các đoàn thể, cá nhân xin phước trầu Bảo Đại.

- Tập lưu diễn văn, công văn, thư từ chúc mừng Thủ tướng.

4. Tài liệu về tổ chức:

- Tài liệu về phân ranh địa giới.

- Tài liệu về hoạt động của Quốc hội.

- Tài liệu về bầu cử Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

- Tài liệu về cải tổ hành chính và công vụ.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Phủ Thủ tướng và các cơ quan trực thuộc, các Bộ, các tỉnh.

5. Tài liệu về thi đua - khen thưởng:

- Tập Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định v/v ân thưởng Huân, Huy chương...

6. Tài liệu về nội an - quân sự - an ninh - chính trị:

- Chương trình, kế hoạch quân sự, an ninh, tình báo ...

- Báo cáo hoạt động của Bộ Quốc phòng, các quân khu, đơn vị.

- Hồ sơ Hội nghị Genève 1954, Hiệp định Paris.

- Hồ sơ các hiệp ước, thỏa ước quân sự với nước ngoài.

- Tập bản tin, công văn, công điện về tình hình an ninh, quân sự và chính trị trong và ngoài nước.

- Tài liệu v/v tuyển dụng đào tạo sĩ quan, huấn luyện và công tác quân dịch.

- Bản đồ hành chính, quân sự, không ảnh.

- Hồ sơ các cuộc hành quân, chiến dịch.

- Hồ sơ các hoạt động của Việt Minh, Việt Cộng và các lực lượng đảng phái đối lập.

- Tài liệu v/v kiểm soát hoạt động của các hiệp hội, nghiệp đoàn.

- Tài liệu về vấn đề di cư, tị nạn.

- Hồ sơ v/v quản lý, sử dụng và cấp phát quân trang, quân dụng, và khí tài quân sự.

- Hồ sơ v/v kiểm soát, xuất, nhập cảnh.

- Tài liệu v/v bảo đảm an ninh cho Thủ tướng và nguyên thủ quốc gia.

- Hồ sơ về các cuộc đảo chính và biến cố chính trị.

- Hồ sơ v/v ban bố tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật trên toàn quốc.

- Tài liệu v/v kiểm tra tài nguyên quốc gia trong thời kỳ bình định lãnh thổ.

- Hồ sơ về các cuộc công du, thăm viếng các quân khu, tỉnh của các nguyên thủ quốc gia.

- Hồ sơ v/v tham dự các hội nghị ở nước ngoài.

- Tài liệu v/v Hội Hồng Thập tự Việt Nam xin ban hành qui ước về bảo vệ dân thường trong chiến tranh và chế độ tù binh.

- Tài liệu v/v bố trí, sử dụng các hệ thống thông tin liên lạc.
- Các văn bản pháp qui, luật, sắc lệnh, nghị định ...
- Hồ sơ v/v tiếp nhận quản lý và phân phối viện trợ quân sự nước ngoài.

- Tài liệu v/v quản lý trại giam, tù nhân.

- Tài liệu về hoạt động của quân đội Hoa Kỳ và các nước tại VNCH.

- Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ, tết cho các lực lượng và quân đội đồng minh.

- Tài liệu về vấn đề trợ cấp cho sinh viên thụ huấn quân sự.

- Tài liệu về vấn đề tôn giáo, ngoại kiều.

- Tài liệu v/v triệt thoái quân đội Đồng minh tại miền Nam Việt Nam.

- Hồ sơ các phiên họp của Ủy ban An ninh.

- Tài liệu về hoạt động của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam: Hội đồng Thập tự, Ủy hội Quốc tế, Ủy Ban Liên hợp Quân sự 4 bên.

- Tài liệu về hoạt động của Cựu Hoàng Bảo Đại.

- Hoạt động báo chí tại Việt Nam.

- Hồ sơ v/v quản lý phạm nhân.

7. Tài liệu về tư pháp:

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo của Bộ Tư pháp.

- Các bộ luật, soạn thảo, sửa đổi và ban hành sắc lệnh, dụ...

- Tài liệu về hộ tịch: thay đổi quốc tịch, khai sinh, khai tử, kết hôn, cho và nhận con nuôi.

- Tài liệu v/v phóng thích, xét xử, ân xá, giảm án cho phạm nhân.

- Các cuộc hội thảo, đại hội của ngành tư pháp.

8. Tài liệu về ngoại vụ:

- Tài liệu về các cuộc thăm viếng của các phái đoàn, chính khách VNCH và các nước, các tổ chức tôn giáo.

- Tài liệu về các cuộc thương thuyết, thỏa ước, giữa VNCH với các nước.

- Hoạt động của Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại các nước.

- Tài liệu về chính sách đối ngoại của Việt Nam Cộng hòa.

- Tài liệu v/v tham dự các hội nghị quốc tế.

- Tài liệu về ngoại giao của Việt Cộng.

- Bản tin hàng tuần của Bộ Ngoại giao.

- Tài liệu về hoạt động của quân đội Bắc Việt.

- Tài liệu về tình hình Việt kiều ở các nước.

- Tài liệu về vấn đề biên giới với Cao Miên.

- Tài liệu v/v chúc mừng Việt Nam và các quốc gia nhân dịp quốc khánh, lễ, tết.

9. Tài liệu về thanh tra:

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo về công tác thanh tra.

- Hồ sơ v/v điều tra xác minh đơn, thư khiếu nại và tố cáo các vụ việc tham nhũng, lợi dụng và có hành vi mờ ám.

- Tài liệu v/v kiểm tra, kiểm soát hành chính - tài chính tại các tỉnh, các cơ quan.

- Tập lưu công văn của cơ quan Tổng Thanh tra Trung ương.

10. Tài liệu về kinh tế - tài chính:

- Các văn bản pháp qui về kinh tế - tài chính: Luật, Sắc lệnh, Nghị định ...

- Kế hoạch và báo cáo của các bộ , ngành khối kinh tế - tài chính.

- Tài liệu về Hội nghị kế hoạch Colombo.

- Tài liệu về vấn đề viện trợ.

- Dự trù, chuẩn y và ban hành ngân sách của các bộ, ngành và địa phương.

- Tài liệu v/v tham gia, tham dự các Hội nghị đàm phán, ký kết các Hiệp ước kinh tế - tài chính với nước ngoài.

- Tài liệu về các phiên họp của Ủy ban Kinh tế - Tài chính.

- Tài liệu về các thể thức chi tiêu ngân sách quốc gia.

- Tài liệu về vấn đề giao dịch ngân hàng: tín dụng, chuyển ngân, hối đoái tiền tệ.

- Tài liệu về quản lý và sử dụng các quỹ.

- Tài liệu về việc ấn định, tu chỉnh và thi hành các sắc thuế.

- Tài liệu về việc ấn định và áp dụng giá biểu trong các lãnh vực kinh tế.

- Tài liệu về việc quản lý và sử dụng công sản.

- Tài liệu về thanh toán lương, thưởng, bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân chiến tranh.

- Tài liệu về việc kiểm soát tài sản của công chức.

- Tài liệu về việc quản lý và khai thác khách sạn và khuyến khích trường du lịch.

- Tài liệu về hoạt động sổ xố kiến thiết.

- Tài liệu v/v đề nghị thành lập thị trường chung châu Á.

- Tài liệu v/v xuất nhập cảng: máy móc, thiết bị, hàng hóa.

- Tài liệu v/v thu mua, kiểm soát tiếp tế lúa gạo, hàng hóa và nhu yếu phẩm.

- Tài liệu v/v tham dự các hội chợ thương mại ở nước ngoài.

- Tài liệu v/v đàm phán, ký kết các thương ước với nước ngoài.

- Tài liệu v/v khai thác tài nguyên, khoáng sản: than đá, dầu mỏ, thủy điện.

- Tài liệu v/v quản lý, khai thác giao thông công chánh: đường bộ, đường thủy, hàng không, thương cảng.

- Tài liệu v/v thiết lập và phát triển các khu công nghệ.

- Tài liệu v/v quy hoạch, kiến trúc đô thị, xây dựng nhà cửa đường xá và các công trình khác.

- Tài liệu v/v ấn định các thể lệ quản lý và khai thác các dịch vụ bưu chính viễn thông, khí tượng thủy văn.

- Tài liệu về công tác quản lý ruộng đất, cải cách điền địa: khai khẩn, mua bán, cấp phát.

- Tài liệu v/v xây dựng các hệ thống thủy lợi.

- Tài liệu v/v khai phá, cải hóa các khu rừng và khai thác lâm sản.

- Tài liệu về hoạt động của các khu dinh điền, đồn điền.

- Tài liệu v/v phát triển trồng trọt, chăn nuôi.

11. Tài liệu về văn hóa - xã hội:

- Báo cáo hoạt động của các Bộ, Nha, sở thuộc khối VHXXH.

- Các văn bản pháp qui về lãnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế.

- Tài liệu v/v tổ chức các ngày lễ, tết, khánh tiết.

- Tài liệu v/v tổ chức lạc quyên, công tác cứu trợ.

- Tài liệu v/v kiểm duyệt báo chí, phim ảnh: đình chỉ, thu hồi, thiêu hủy các ấn phẩm vi phạm luật.

- Tài liệu v/v tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Tài liệu v/v xét, cấp học bổng cho các du học sinh.

- Tài liệu v/v hoạt động của các tổ chức tôn giáo, đoàn thể xã hội, sinh viên ...

- Tài liệu v/v giao lưu thể thao, văn hóa với các nước.

- Tài liệu về các buổi lễ trao giải thưởng điện ảnh, văn học.

- Tài liệu v/v bài trừ các tệ nạn xã hội.

- Tài liệu v/v thành lập đoàn thể, hiệp hội...

- Tài liệu v/v bảo vệ thắng cảnh, di tích văn hóa.

PHÔNG NHA TỔNG QUẢN TRỊ

- **Số lượng tài liệu:** 14 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1972-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Điều 66 của Hiến pháp VNCH ngày 01/4/1967 quy định Phó Tổng thống là Chủ tịch Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Hội đồng Kinh tế Xã hội và Hội đồng các Sắc tộc thiểu số⁽¹⁾. Trên thực tế, đến năm 1969, Tổng thống VNCH mới ban hành Luật ấn định tổ chức và điều hành của các Hội đồng trên. Năm 1972, Nha Tổng Quản trị được thành lập với nhiệm vụ như sau: Quản trị nhân viên, quản trị kế toán, hành chánh... cho 3 Hội đồng trên. Hoạt động của Nha Tổng Quản trị chấm dứt vào tháng 4/1975.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÔNG:

Thành phần tài liệu trong phông chủ yếu bao gồm:

- Tập lưu văn bản pháp quy.
- Các văn kiện ấn định thể thức bầu cử Hội viên các Hội đồng.

(1) *Niên giám Hành chánh Việt Nam Cộng hòa, năm 1971, trang 19*

- Tài liệu về việc tuyển dụng, thăng thưởng, bổ nhiệm...
nhân viên.

- Sơ tra lý lịch hội viên.

- Tập lưu phiếu khấu lưu cá nhân.

- Tờ khai thuế cá nhân.

- Tập lưu công văn đi.

- Tập lưu biên bản họp.

- Tài liệu về hội đàm Ba lê.

- Dự thảo ngân sách quốc gia.

- Các bài thuyết trình.

PHÒNG HỘI ĐỒNG KINH TẾ XÃ HỘI

- **Số lượng tài liệu:** 09 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1970-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Hội đồng Kinh tế Xã hội được thành lập theo điều 66 Hiến pháp của VNCH ngày 01/4/1967 và được Luật số 013/69 ngày 25/9/1969 quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ⁽¹⁾.

Nhiệm vụ của Hội đồng KTXH như sau:

- Cố vấn Chính phủ, trình bày sáng kiến, đề nghị kế hoạch về các vấn đề kinh tế xã hội.

- Tham gia ý kiến bằng văn thư hoặc cử đại diện thuyết trình trước Hạ Nghị viện hoặc Thượng Nghị viện về các vấn đề kinh tế và xã hội.

- Hội đồng phải được Tổng thống tham khảo ý kiến về các kế hoạch từ 4 năm trở lên và các dự thảo luật liên quan tới vấn đề kinh tế xã hội.

Thành phần và tổ chức của Hội đồng bao gồm:

* Thành phần Hội đồng:

(1) Hồ sơ số 5483, phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

- 1 Chủ tịch
- 1 Phó Chủ tịch đặc nhiệm về kinh tế
- 1 Phó Chủ tịch đặc trách về xã hội
- 1 Tổng thư ký và 1 Phó Tổng thư ký
- 45 hội viên chính thức
- 18 hội viên dự khuyết.

Nhiệm kỳ của hội viên là 4 năm.

* Tổ chức Hội đồng:

- Văn phòng Thường trực
- Các ban chuyên môn

Mỗi khóa họp thường lệ không quá 15 ngày và các phiên họp của Hội đồng của các Tiểu ban không công khai.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Tập lưu văn bản pháp quy.
- Tập lưu công văn đi
- Sổ theo dõi công văn đi, đến.
- Tập lưu biên bản họp.
- Tài liệu về các phiên họp của các ban chuyên môn.
- Tài liệu về việc các hội viên đi công cán ngoại quốc.
- Phúc trình của các đoàn công cán trong nước.
- Các văn kiện ấn định thể thức bầu cử Hội viên Hội đồng, bầu các Ban chuyên môn.

- Tài liệu về tổ chức và điều hành của Hội đồng KTXH.
- Nội quy của Hội đồng KTXH.
- Tài liệu v/v hội viên xin từ dịch.
- Tài liệu v/v tuyển dụng, thăng thưởng, bổ nhiệm... nhân viên.
- Các bài thuyết trình.
- Tập bản tin các loại.

PHÒNG HỘI ĐỒNG VĂN HÓA GIÁO DỤC

- **Số lượng tài liệu:** 11 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1969-16/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Hội đồng Văn hóa Giáo dục được thành lập theo điều 66 Hiến pháp của VNCH ngày 01/4/1967 và được Luật số 005/69 ngày 5/2/1969 quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ⁽¹⁾.

Nhiệm vụ của Hội đồng VHXH như sau:

- Cố vấn Chính phủ trong việc hoạch định và thực thi chính sách văn hóa giáo dục.

- Trình bày ý kiến và soạn thảo kế hoạch về các vấn đề văn hóa giáo dục.

- Nghiên cứu việc thiết lập Hàn lâm viện Quốc gia.

- Hội đồng Văn hóa Giáo dục có thể tham gia ý kiến về các dự luật liên quan đến Văn hóa Giáo dục hoặc cử đại diện thuyết trình trước Quốc hội về các vấn đề liên hệ.

Thành phần và tổ chức của Hội đồng bao gồm:

* Thành phần Hội đồng

(1) Hồ sơ số 5484, phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

- 1 Chủ tịch : Phó Tổng thống
- 1 Phó Chủ tịch đặc nhiệm về văn hóa
- 1 Phó Chủ tịch đặc trách về giáo dục
- 1 Tổng thư ký và 1 Phó Tổng thư ký
- 45 hội viên chính thức
- 15 hội viên dự khuyết.

Nhiệm kỳ của hội viên là 4 năm

* Tổ chức Hội đồng:

- Văn phòng Thường trực
- Các Ủy ban chuyên môn.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Tập lưu văn bản pháp quy.
- Các văn kiện ấn định thể thức bầu cử Hội viên Hội đồng, bầu các Ban chuyên môn.
- Nội quy của Hội đồng VHGD.
- Tập lưu công văn, công điện, phiếu gửi.
- Tài liệu về các phiên họp của các ban chuyên môn.
- Tập lưu biên bản họp.
- Các đề nghị, dự án thiết lập chính sách văn hóa giáo dục, thiết lập Hàn lâm Viện.
- Tài liệu v/v tuyển dụng, thăng thưởng, bổ nhiệm ... nhân viên.

- Hồ sơ v/v thi hành ngân sách.
- Nhận định về chế độ quân dịch đối với giáo dục đại học.
- Tài liệu v/v hội viên xin từ dịch.
- Các bài thuyết trình.
- Tập bản tin các loại.

PHÔNG HỘI ĐỒNG CÁC SẮC TỘC

- **Số lượng tài liệu:** 13 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1970-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy)
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Hội đồng các Sắc tộc được thành lập theo điều 66 Hiến pháp của VNCH ngày 01/4/1967 và được Luật số 014/69 ngày 14/10/1969 quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ⁽¹⁾.

Nhiệm vụ của Hội đồng các Sắc tộc như sau:

- Cố vấn Chính phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.

- Trình bày ý kiến và soạn thảo kế hoạch về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.

- Nghiên cứu việc thiết lập Hàn lâm viện Quốc gia.

- Quốc hội có thể tham khảo ý kiến Hội đồng các Sắc tộc về các dự luật liên quan đến đồng bào thiểu số trước khi đưa ra thảo luận.

Thành phần và tổ chức của Hội đồng bao gồm:

* Thành phần Hội đồng

(1) Hồ sơ số 9726, phòng Phủ Thủ Tướng VNCH

- 1 Chủ tịch: Phó Tổng thống
- 1 Phó Chủ tịch
- 1 Tổng thư ký và 2 Phó Tổng thư ký
- 48 hội viên chính thức
- 12 hội viên dự khuyết.

Nhiệm kỳ của hội viên là 4 năm.

* Tổ chức Hội đồng:

- Văn phòng Thường trực
- Các ủy ban chuyên môn.

Mỗi khóa họp thường lệ không quá 15 ngày.

Mỗi khóa họp bất thường không quá 10 ngày.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Các văn kiện ấn định thể thức bầu cử Hội viên Hội đồng, bầu các Ban chuyên môn.
- Nội quy của Hội đồng các Sắc tộc.
- Tập lưu công văn, công điện, phiếu gửi.
- Tập lưu văn bản pháp quy.
- Tập lưu biên bản họp.
- Tài liệu về các phiên họp của các ban chuyên môn.
- Biên bản họp về cải tổ hành chánh công vụ.
- Tài liệu họp bàn về trợ giúp y tế cho đồng bào sắc tộc.

- Tài liệu về các kiến nghị, khiếu nại của đồng bào sắc tộc.
- Phiếu trình kiến nghị giúp đồng bào sắc tộc.
- Tài liệu về các thỉnh nguyện của anh em Fulro.
- Tài liệu về các biện pháp giúp đỡ học sinh người Thượng.
- Tài liệu v/v tuyển dụng, thăng thưởng, bổ nhiệm ... nhân viên.
- Hồ sơ v/v thi hành ngân sách, quỹ ứng trước.
- Các bài thuyết trình.
- Tập bản tin các loại.

PHÒNG HỘI ĐỒNG AN NINH VÀ PHÁT TRIỂN

- **Số lượng tài liệu:** 85 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1965-1975, tuy nhiên, tài liệu từ năm 1968 về trước không nhiều, chủ yếu là tài liệu có từ năm 1969-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị cháy góc, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tiền thân của Hội đồng An ninh và Phát triển là các hội đồng:

- Hội đồng Tái thiết Nông thôn;
- Hội đồng Xây dựng Nông thôn;
- Hội đồng Bình định Phát triển;
- Hội đồng Tái thiết Phát triển.

Hội đồng Tái thiết Nông thôn TW được thành lập do Sắc lệnh số 64/TTP ngày 5/4/1965 sau khi bãi bỏ UB Bình định TW và Hội đồng Nội An⁽¹⁾.

Ngày 30/7/1965, với Sắc lệnh số 157-XDNT, Hội đồng Tái thiết Nông thôn TW bị bãi bỏ và thay vào đó là Hội đồng Xây dựng Nông thôn TW⁽²⁾.

(1) *Sắc lệnh số 104-SL/CT ngày 9/3/1964*

(2) *Công báo VNCH, năm 1965, trang 3035*

Với Sắc lệnh số 155-SL/BĐXD ngày 9/11/1968, Hội đồng Bình định và Xây dựng nông thôn TW được thành lập để thay thế cho Hội đồng Xây dựng Nông thôn TW⁽¹⁾.

Năm 1969, Tổng thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 098-SL/BĐXD ngày 5/9/1969 sáp nhập TW Ủy ban Quốc gia Nhân dân Tự vệ và Ủy ban TW Phụng Hoàng vào hệ thống Hội đồng Bình định và Xây dựng TW⁽²⁾.

Sắc lệnh số 626a/TT/SL ngày 15/11/1969 đổi tên Hội đồng Bình định và Phát triển các cấp thành Hội đồng Bình định và Phát triển⁽³⁾. Thành phần, tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng Bình định và Phát triển vẫn được giữ nguyên.

Hội đồng Bình định và Phát triển các cấp được đổi tên lại là Hội đồng Tái thiết và Phát triển theo Sắc lệnh số 150-TT/SL ngày 15/3/1973⁽⁴⁾.

Sau cùng, Hội đồng Tái thiết Phát triển được đổi tên thành Hội đồng An ninh và Phát triển vào ngày 22/2/1974 theo Sắc lệnh số 150-TT/SL⁽⁵⁾.

Thành phần Hội đồng bao gồm:

- Chủ tịch: Thủ tướng Chính phủ;
- Hội viên gồm: các Phó Thủ tướng, Tổng trưởng các Bộ, ngành;
- Tổng Thư ký: Trung tâm Trưởng Trung tâm Điều hợp An ninh và Phát triển TW.

(1) Công báo VNCH, năm 1968, trang 6431

(2) Công báo VNCH, trang 6250

(3) Hồ sơ số 6159, phong Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

(4) Hồ sơ số 6323, phong Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

(5) Hồ sơ số 6323, phong Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

Nhiệm vụ của Hội đồng An ninh và Phát triển được quy định như sau:

- Ấn định các nguyên tắc căn bản cho toàn bộ các vấn đề an ninh và phát triển;

- Thiết lập và ban hành kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển địa phương hàng năm;

- Cứu xét và duyệt y các kế hoạch, chương trình an ninh phát triển do Hội đồng An ninh Phát triển Quân khu, Đô, Tỉnh, Thị đệ trình;

- Hướng dẫn và kiểm soát thực thi các kế hoạch, chương trình an ninh và phát triển tại các địa phương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng chủ yếu là tài liệu hành chính, về các vấn đề sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác.

- Hội nghị, hội họp.

- Các hoạt động quân sự.

- Trật tự trị an: các vấn đề về an ninh, tình báo, nhân dân tự vệ.

- Các hoạt động chính trị: Chiêu hồi, ngưng bắn, thiết lập ngoại giao.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Ngân sách, viện trợ Mỹ, tín dụng.

- Hoạt động thương mại.

- Văn hóa - xã hội: thông tin đại chúng, giáo dục, y tế.

PHÔNG PHỦ TỔNG ỦY CÔNG VỤ

- **Số lượng tài liệu:** 326,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1933-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Ngày 26/01/1954, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58-NV thiết lập Nha Tổng Giám đốc Công vụ trực thuộc Tổng trưởng Bộ Nội vụ⁽¹⁾. Điều khiển Nha này là một Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám đốc phụ tá.

Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Nha Tổng Giám đốc Công vụ được quy định bằng Nghị định số 10-ND/CT ngày 24/2/1954 như sau⁽²⁾:

Nhiệm vụ:

- Soạn thảo các văn kiện chung, các quy chế về công vụ, bảo an và hưu bổng cho các công chức và nhân viên chánh phủ;
- Quản trị công chức và nhân viên các hạng;
- Thỏa hiệp với các bộ để tổ chức và cải tổ các công sở.

Tổ chức:

- Sở Trung ương;

(1) *Công báo VNCH*, năm 1954, trang 436

(2) *Công báo VNCH*, năm 1954, trang 570

- Nha Pháp chế và Tố tụng;
- Nha Quản trị Nhân viên.

Năm 1955, theo Sắc lệnh số 16-TTP ngày 14/11/1955 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa thì Nha Tổng Giám đốc Công vụ là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống, những thẩm quyền và chức chưởng về công vụ trước đây thuộc Bộ trưởng Nội vụ nay do Tổng thống đảm nhiệm⁽¹⁾.

Năm 1965, Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 66-TTP ngày 06/4/1965 giải tán Nha Tổng Giám đốc Công vụ và phân phối nhiệm vụ của Nha này cho các bộ và nha, sở khác⁽²⁾.

Năm 1967, Nha Tổng Giám đốc Công vụ được thành lập lại bằng Sắc lệnh số 6- SL/Th.T/VP ngày 17/11/1967 của Thủ tướng Chính phủ và đặt cơ quan này trực thuộc Phủ Thủ tướng⁽³⁾.

Ngày 05/3/1968, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 261-NĐ/Th.T/CS quy định tổ chức của Nha Tổng Giám đốc Công vụ như sau⁽⁴⁾:

- Phòng Bí thư;
- Sở Hành chánh và Kế toán;
- Nha Nghiên cứu và Pháp chế;
- Nha Quản trị Nhân viên;
- Nha Huấn luyện Tu nghiệp và Giao tế;
- Sở Lưu trữ và Thống kê.

(1) *Công báo VNCH, năm 1955, trang 61*

(2) *Công báo VNCH, năm 1965, trang 1527*

(3) *Công báo VNCH, năm 1967, trang 489*

(4) *Công báo VNCH, năm 1968, trang 1494*

Đến năm 1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 419-TT/SL ngày 19/5/1973 cải biến Nha Tổng Giám đốc Công vụ thành Phủ Tổng ủy Công vụ và đặt trực thuộc Phủ Tổng thống⁽¹⁾. Sau đó, ngày 20/8/1973 ban hành tiếp Nghị định số 156-TT/NĐ để ấn định tổ chức của Phủ này như sau⁽²⁾:

- Ban Cố vấn;
- Văn phòng Tổng ủy trưởng;
- Thanh tra đoàn;
- Đoàn chuyên viên;
- Tổng Nha Quản trị Nhân viên;
- Tổng Nha An ninh Hành chánh;
- Nha Quản trị Công sở;
- Các cơ quan trực thuộc.

Năm 1974, Phủ Tổng ủy Công vụ là cơ quan thuộc Phủ Thủ tướng được ấn định bằng Sắc lệnh số 133-TT/SL ngày 18/02/1974 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa⁽³⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy: Sắc lệnh, nghị định, quyết định...
- Tài liệu về tổ chức nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng thưởng, đào tạo...

(1) Công báo VNCH, năm 1973, trang 2488

(2) Công báo VNCH, năm 1973, trang 4155

(3) Công báo VNCH, năm 1974, trang 970

- Dự thảo ngân sách, bảng kê khai tài sản, tài liệu về quản trị hành chính, tài chính và các hoạt động khác của Phủ Tổng ủy Công vụ.

- Tài liệu về cải tổ hành chính công vụ.

- Tài liệu về các hội nghị, hội thảo.

- Tài liệu về các cuộc công cán trong và ngoài nước.

- Tài liệu về an ninh hành chính, phòng vệ cơ sở.

- Đơn, thư tố cáo, khiếu nại.

PHÒNG HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

- **Số lượng tài liệu:** 05,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1953-1974.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Học viện Hành chính Quốc gia tại Sài Gòn được thiết lập bằng Nghị định số 483-PTT/TK ngày 9/8/1955 để thay thế cho Trường Quốc gia Hành chính Đà Lạt⁽¹⁾.

Trong 02 năm 1957-1958, để hoàn thiện tổ chức Học viện Hành chính Quốc gia, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã ban hành các Nghị định số 382-TTP/TTK ngày 30/8/1957⁽²⁾ và Nghị định số 270-PTT/TTK ngày 28/7/1958⁽³⁾.

Đến năm 1956, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương tiếp tục ban hành Nghị định số 2425-NĐ/HV/HC ngày 21/12/1966 sửa đổi tổ chức của Học viện Quốc gia Hành chính⁽⁴⁾.

Trong quá trình thành lập và hoạt động, tuy có một số thay đổi về cơ cấu tổ chức nhưng mục đích và nhiệm vụ của Học viện vẫn tập trung vào các lĩnh vực sau:

(1) *Công báo VNCH, năm 1955, trang 2172*

(2) *Công báo VNCH, năm 1957, trang 3119*

(3) *Công báo VNCH, năm 1958, trang 3020*

(4) *Công báo VNCH, năm 1967, trang 67*

- Đào tạo công chức các ngạch hành chính quốc gia;
- Tổ chức các lớp huấn luyện về hành chính cho công chức;
- Tu nghiệp cho công chức;
- Sưu tầm, điều tra và nghiên cứu về nền hành chính Việt Nam và ngoại quốc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy, dự án sửa đổi quy chế của Học viện.
- Tài liệu về nguyên tắc quản trị nhân viên: tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển, thăng thưởng...
- Hồ sơ các phiên họp Hội đồng Quản trị.
- Hội nghị, hội thảo về tu nghiệp.
- Hồ sơ về việc mở các lớp đào tạo, tu nghiệp về năng lực hành chính, cải tổ hành chính.
- Tài liệu về ngân sách quốc gia, viện trợ Mỹ về tu nghiệp.
- Bảng kê khai tài sản của Học viện.
- Hồ sơ về công tác xây cất và mua sắm trang thiết bị.

PHÒNG VIỆN TU NGHIỆP QUỐC GIA

- **Số lượng tài liệu:** 09,4 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1971-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính bết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1971, Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 096-SL/Th.T/QTCS ngày 13/8/1971 thành lập Viện Tu nghiệp Quốc gia và đặt cơ quan này trực thuộc Phủ Thủ tướng⁽¹⁾.

Năm 1972, với Nghị định số 610-NĐ/Th.T/QTCS ngày 17/6/1972 của Thủ tướng đã ấn định tổ chức và nhiệm vụ của Viện Tu nghiệp Quốc gia như sau⁽²⁾:

Tổ chức: do một Viện trưởng điều khiển và một Phó Viện trưởng trợ giúp và bao gồm:

- Ủy ban Tu nghiệp Liên bộ;
- Đoàn Cố vấn và Giảng sư;
- Vụ Nghiên cứu;
- Vụ Tổ chức;
- Vụ Yểm trợ;

(1) *Công báo VNCH, năm 1971, trang 5680*

(2) *Công báo VNCH, năm 1972, trang 4896*

- Sở Quản trị.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức các khóa tu nghiệp về năng lực hành chánh, phân tích quản trị và kỹ thuật giảng huấn cho công chức.

- Nghiên cứu và soạn thảo các chương trình huấn luyện và tu nghiệp.

Năm 1973, với Sắc lệnh số 419-TT/SL ngày 19/5/1973 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về việc cải biến Nha Tổng Giám đốc Công vụ thành Phủ Tổng ủy Công vụ thì Viện Tu nghiệp Quốc gia là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng ủy Công vụ⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy, dự án sửa đổi quy chế của Học viện.

- Tài liệu về nguyên tắc quản trị nhân viên: tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển chuyển, thăng thưởng...

- Hồ sơ các phiên họp Hội đồng Quản trị.

- Hội nghị, hội thảo về tu nghiệp.

- Hồ sơ về việc mở các lớp đào tạo, tu nghiệp về năng lực hành chánh, cải tổ hành chánh.

- Tài liệu về ngân sách quốc gia, viện trợ Mỹ về tu nghiệp.

- Bảng kê khai tài sản của Học viện.

- Hồ sơ về công tác xây cất và mua sắm trang thiết bị.

(1) Công báo VNCH, năm 1973, trang 2488

PHÒNG BỘ TÀI CHÍNH

- **Số lượng tài liệu:** 547,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1940 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số hiện bị rách, giòn và ố nhiễm.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Bộ Tài chính được thành lập bởi Sắc lệnh số 29 – TC ngày 19/9/1949 ấn định chức chương của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁽¹⁾.

Theo Sắc lệnh này, Bộ trưởng Bộ Tài chính có nhiệm vụ sau:

- Thiết lập và thi hành ngân sách quốc gia.
- Kiểm soát sự thi hành các ngân sách của các phần, các thành phố và các tỉnh.
- Đại diện và quản trị quốc gia tư sản.
- Kiểm soát việc điều khiển các quỹ hưu bổng và lương tuất của các viên chức.
- Soạn thảo và đảm nhiệm thi hành các luật lệ liên quan đến những vấn đề liên hệ với sự giao dịch về tài chính với khối Liên hiệp Pháp.
- Soạn thảo và đảm nhiệm thi hành những luật lệ các cơ quan tín dụng và đảm nhiệm kiểm soát việc quản trị các cơ quan nói trên về phương diện tài chính.

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Ngày 18/9/1952, do Nghị định số 578-MFEN/Cab, Bộ Kinh tế được sát nhập vào Bộ Tài chính và được tổ chức lại thành Bộ Tài chính và Kinh tế Quốc gia⁽¹⁾.

Đến ngày 09/1/1953, Sắc lệnh số 3-CP của Quốc trưởng Việt Nam lại chia Bộ Tài chính và Kinh tế Quốc gia thành hai Bộ: Bộ Kinh tế và Bộ Tài chính⁽²⁾.

Nghị định số 578-MFEN/Cab ngày 18/9/1952 ấn định tổ chức Bộ Tài chính bị hủy bỏ và thay thế bởi Nghị định số 761-BTC/VP ngày 7/5/1955⁽³⁾.

Sau đó, nhiều Sắc lệnh và Nghị định khác được ban hành sửa đổi cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính để thích hợp với nhu cầu công vụ và đường lối chính trị tổng quát như:

Nghị định số 593-A/BTC/TU ngày 3/5/1958 sửa đổi và bổ túc Nghị định số 761-BTC/VP ngày 7/5/1955⁽⁴⁾.

Nghị định số 1512-BTC/ TU ngày 23/11/1959⁽⁵⁾.

Sắc lệnh số 123 – TTP ngày 28/5/1961⁽⁶⁾.

Sắc lệnh số 188 – TC ngày 18/9/1965⁽⁷⁾.

Sắc lệnh số 20-SL TC ngày 28/2/1968⁽⁸⁾.

Sắc lệnh số 22-SL/ TC ngày 5/3/1968⁽⁹⁾.

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1957, trang 116*

(2) *Niên giám Hành chánh, năm 1957, trang 116*

(3) *Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(4) *Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(5) *Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(6) *Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(7) *Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(8) *Niên giám Hành chánh, năm 1971, trang 165*

(9) *Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

Đến năm 1974, với Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974 của Thủ tướng Chính phủ, một lần nữa nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính lại có sự thay đổi⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này, Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, hoạch định và thi hành chính sách tài chính quốc nội;

- Tài chính công;

- Thuế vụ;

- Tiền tệ, tín dụng, hối đoái;

- Nghiên cứu, soạn thảo và ký kết các thỏa ước tài chính với các quốc gia khác hoặc các định chế tài chính quốc tế;

- Tham gia vào việc hoạch định và thi hành ngân sách quốc gia;

- Tham gia vào việc hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia và đề nghị các kế hoạch tương ứng nếu cần;

- Vận dụng các tài nguyên và phương diện tài chính nhằm trang trải công chi (thuế vụ, quan thuế, tài nguyên ngân khố, công trái...);

- Quản trị các loại công trái, điều hòa công ngân trên toàn quốc.

- Soạn thảo các văn kiện qui định thể lệ tài chính và kế toán áp dụng cho các ngân sách quốc gia, địa phương, các cơ quan công lập tự trị, xí nghiệp quốc doanh, hợp doanh và các trường mục ngoại ngân sách;

- Kiểm soát về phương diện tài chính hoạt động của các cơ quan;

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Ngăn chặn và bài trừ các vụ trốn thuế và ẩn lậu hàng hóa, nhằm bảo vệ guồng máy sản xuất quốc nội;

- Quản trị tư sản quốc gia;

- Cứu xét và thỏa hiệp việc thiết lập các khoản thuế về các dịch vụ do các công sở cung cấp;

- Lập bảng tường trình hàng năm về tình hình tài chính quốc gia.

Về cơ cấu tổ chức, Bộ Tài chính đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng Tài chính và gồm có:

- Các cơ quan Trung ương;

- Các cơ quan địa phương;

- Các cơ quan thuộc quyền giám hộ hoặc kiểm soát của Bộ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng bao gồm:

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy từ TW đến địa phương.

- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

- Hồ sơ cá nhân.

- Tài liệu nguyên tắc về chế độ hưu bổng.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ, các nha, sở trực thuộc.

- Dự án ngân sách, dự án phát hành trái phiếu.

- Các văn bản pháp quy hướng dẫn về thiết lập quỹ, quản lý tiền tệ, tín dụng, thi hành thuế, sáng lập ngân hàng, kiểm soát chi tiêu,...

- Tài liệu về hoạt động của ngân hàng, thị trường chứng khoán.

- Tài liệu về đầu tư, mua bán bất động sản, quyền tư hữu đất đai đô thị, xây cất sửa chữa công sở,...

- Tài liệu về công tác xuất, nhập khẩu, mua bán hàng hóa, vật tư, thiết bị, thuế nhập cảng.

- Tài liệu về việc thiết lập và hoạt động của các công ty sản xuất công nghệ.

- Tài liệu về tổ chức, quy chế và hoạt động của các công ty bảo hiểm.

- Tài liệu về việc thiết lập các quỹ bảo hiểm tổn thất do chiến tranh.

- Tài liệu về việc theo dõi, kiểm soát, thanh tra khiếu nại về hoạt động bảo hiểm.

- Tài liệu về điều tra, kiểm soát hoạt động tài chính của các bộ, các công ty.

- Hồ sơ điều tra các cá nhân tham nhũng của công.

- Tài liệu về các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Tài liệu về các cuộc kinh lý, công cán trong và ngoài nước.

- Biên bản các cuộc họp của Bộ Tài chính, các nha, sở trực thuộc.

- Tài liệu về công tác an ninh hành chánh, phòng vệ cơ sở.

- Tập lưu công văn đi, sổ chuyển giao công văn.

- Sổ theo dõi các hoạt động của Bộ Tài chính, các nha, sở trực thuộc.

PHÒNG TỔNG NHA NGÂN SÁCH VÀ NGOẠI VIỆN

- **Số lượng tài liệu:** 30 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1949 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều. Tài liệu hiện chưa được tu bổ, chỉnh lý.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện được thành lập bởi Sắc lệnh số 15-TTP ngày 14/11/1955 trực thuộc Phủ Tổng thống⁽¹⁾.

Theo Nghị định số 1245-TTP/NS ngày 8/5/1956 Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện có nhiệm vụ⁽²⁾:

- Thiết lập và kiểm soát việc thi hành ngân sách quốc gia;
- Xem xét và kiểm soát việc thi hành ngân sách của những đoàn thể công quyền thứ cấp và tự trị;
- Khảo sát việc thi hành ngân sách và tình trạng kế toán của các cơ quan tài chánh mà sự điều hành có ảnh hưởng đến ngân sách quốc gia;
- Cứu xét và chiếu hội tất cả các dự án có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến ngân sách quốc gia.

(1) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Theo Sự vụ Văn thư số 732-TTP/VP ngày 24/4/1957 thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện đặt trực thuộc Phủ Tổng thống⁽¹⁾.

Với Sự vụ Văn thư số 689-TTP/NSNV ngày 21/4/1958, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện được đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Giám đốc và có Phó Tổng Giám đốc phụ tá⁽²⁾.

Với Nghị định số 9-TC ngày 6/11/1963, thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện trực thuộc Bộ Tài chính⁽³⁾.

Theo Nghị định số 122-TTP/VP ngày 16/1/1965, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện trực thuộc Phủ Thủ tướng⁽⁴⁾.

Theo Sắc lệnh số 015/TT/SL ngày 18/11/1967, Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện trực thuộc Phủ Tổng thống⁽⁵⁾.

Theo tờ trình số 190/PTH.T/SX ngày 16/4/1975 của Phó Thủ tướng Đặc trách sản xuất thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện đặt dưới quyền điều động trực tiếp của Bộ Tài chính⁽⁶⁾.

Đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam 30/4/1975 thì Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện chấm dứt hoạt động.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện bao gồm:

- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của các bộ.

(1) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(5) Hồ sơ số 5667, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(6) Hồ sơ số 10307, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Tài liệu về cải tổ hành chánh địa phương.
- Tài liệu quy định về thể lệ hành nghề, quy chế nhân viên.
- Tình hình kinh phí, lương bổng nhân viên.
- Sắc lệnh, nghị định về thuế.
- Sắc luật quy định về đầu tư.
- Dự án vay nước ngoài.
- Phúc trình về ngân sách của các tỉnh, các ngành.
- Báo cáo tổng kết chi tiêu của các Trung tâm Chuẩn chi.
- Biểu tổng hợp về thu ngân sách quốc gia.
- Bảng kết toán ngân sách, bảng kê kinh phí và đề nghị giải toả kinh phí của các ngành, tỉnh.
- Trợ cấp ngân sách cho các tỉnh, trại cải huấn.
- Chứng từ ngân sách quốc gia về việc giải ngân kinh phí viện trợ Mỹ.
- Tài liệu về trợ cấp của Hoa Kỳ, Pháp cho Việt Nam Cộng hòa.
- Thủ tục chuyển nhượng và sa thải vật dụng Mỹ.
- Thoả hiệp án, thủ tục sử dụng quỹ đối giá.
- Biên bản họp của Hội đồng Liên bộ.
- Tài liệu về việc xây dựng tại các cơ quan, các tỉnh.
- Bảng kê bất động sản của nhân viên các tỉnh.
- Tập khế ước cung cấp văn phòng phẩm.

- Tập bưu điệp của Tổng Thư ký Hội đồng Xây dựng Nông thôn.

- Tập lưu công văn đi, đến.

PHÔNG TỔNG NHA QUAN THUẾ

- **Số lượng tài liệu:** 547,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1940 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng nha Quan thuế (tiền thân là Nha Tổng Giám đốc Thương cảng) được thành lập ngày 01/01/1951 trực thuộc Bộ Tài chính⁽¹⁾.

Tổng nha Quan thuế được cải tổ bởi Nghị định số 835, 836-BTC/NV ngày 16/6/1959, theo đó, Tổng nha Quan thuế đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Giám đốc và có một phụ tá Phó Giám đốc⁽²⁾.

Chức năng, nhiệm vụ của Tổng nha Quan thuế được bổ túc bởi Nghị định số 746-BTC/NV ngày 10/6/1960 và Nghị định số 1461-BTC/TV/CT ngày 23/8/1965⁽³⁾.

Tổng nha Quan thuế có nhiệm vụ:

- Thu các sắc thuế xuất, nhập khẩu trên lãnh thổ Việt Nam;
- Bài trừ gian lận thuế quan;

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 299*

(2) *Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 299*

(3) *Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 299*

- Giúp cho các nha khác thu các sắc thuế chiếu theo luật lệ quy định các sắc thuế đó.

Theo Sắc lệnh số 188-SL/TC ngày 18/9/1965 thì Tổng nha Quan thuế thuộc các cơ quan ngoại thuộc trực thuộc Bộ Tài chính⁽¹⁾.

Sau đó, nhiều nghị định được ban hành tiếp theo để sửa đổi và ấn định lại tổ chức của Tổng nha Quan thuế cho thích hợp với nhu cầu công vụ như:

- Nghị định số 920-BTC/NV/NĐ ngày 10/8/1967 ấn định tổ chức của Tổng nha Quan thuế⁽²⁾.

- Nghị định số 459-BTC/TU/NĐ ngày 26/4/1968 sửa đổi tổ chức của Tổng nha Quan thuế⁽³⁾.

- Nghị định số 556-BTC/TU/NĐ ngày 9/8/1972 ấn định tổ chức của Tổng nha Quan thuế⁽⁴⁾.

- Nghị định số 828-BTC/TU/NĐ ngày 18/11/1972 ấn định tổ chức của Tổng nha Quan thuế⁽⁵⁾.

Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974 của Thủ tướng Chính phủ, một lần nữa nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính lại có sự thay đổi, Tổng nha Quan thuế thuộc Khối chấp hành TW trực thuộc Bộ Tài chính⁽⁶⁾.

(1) Hồ sơ số 1034, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Công báo VNCH, năm 1967, trang 4131

(3) Công báo VNCH, năm 1968, trang 2667

(4) Hồ sơ số 1034, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(5) Hồ sơ số 1034, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(6) Hồ sơ số 1034, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của phòng Tổng nha Quan thuế bao gồm:

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định ấn định tổ chức bộ máy.
- Nghị định, sự vụ lệnh về nhân viên, hồ sơ cá nhân.
- Tài liệu nguyên tắc về quản trị nhân viên.
- Luật, sắc lệnh, nghị định, quyết định hướng dẫn về công tác quan thuế.
- Dự thảo ngân sách.
- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của Tổng nha, các Ty Chánh thu, Ty Kiểm nã.
- Hội nghị, hội thảo về quan thuế.
- Tài liệu về hoạt động ngoại thương giữa Việt Nam và các nước.
- Thống kê hàng hóa ra, vào thực khố, kê khai hàng hóa của các tàu.
- Biên bản họp về việc xuất, nhập cảng hàng hóa.
- Giấy phép xuất, nhập cảng, danh sách tàu đi và đến.
- Tập phiếu nhập khẩu xuất khố để tiêu thụ, xuất khẩu, tái xuất, nhập bảo thuế khố.
- Lưu phiếu lưu hành của các Ty Kiểm nã.
- Tập phiếu kiểm soát hàng hóa, kiểm soát xe ra vào cảng, chất lượng sản phẩm.

- Tập đơn và phiếu xin lưu hành hàng hóa, xin nhập hàng hóa.

- Hồ sơ tố tụng vi phạm hải quan thuế khóa: hồ sơ nộp phạt, chứng chỉ khám nhập và bản tính thuế.

- Các loại sổ ghi hàng hóa tịch thu, thanh toán tiền với tư thương, đăng ký các loại phiếu.

- Chứng từ chi tiêu, cung cấp vật liệu, vật tư và tài liệu yểm trợ khác.

- Lưu công văn đi, đến.

- Sổ đăng ký công văn.

PHÔNG NHA TÀI NGUYÊN CÔNG SẢN

- **Số lượng tài liệu:** 31 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1955 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 188 - TC ngày 18/9/1965, Nghị định số 2157-BTC/TƯ/ND ngày 19/11/1965 quy định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, Nha Tài nguyên Công sản thuộc cơ quan Trung ương, đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc. Nha này gồm có 3 Phòng, có nhiệm vụ như sau⁽¹⁾:

- + Phòng Chuyển nhượng và Tọa mãi Công sản Quốc gia:
Nghiên cứu, soạn thảo, quản trị liên hệ những vấn đề sau:
 - Tọa mãi, đổi nhượng, cho thuê công sản quốc gia;
 - Trưng thu;
 - Thi hành Dự số 26 ngày 20/4/1956⁽²⁾ và các văn kiện kế tiếp về việc chuyển nhượng bất động sản cho ngoại kiều.
- + Phòng Quản trị Công sản Quốc gia:

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Nghiên cứu, soạn thảo, quản trị liên hệ những vấn đề sau:

- Đấu giá, tài sản khuyết chủ, khai thác hầm đá, hầm mỏ;
- Sung dụng, cải dụng, cải loại công sản quốc gia;
- Đặc nhượng đất thành thị.

+ Phòng Quản trị Công ốc và Cư xá:

- Quản trị các cư xá và cao ốc (cấp phát, tu bổ);
- Thi hành việc sung dụng và cải dụng.

Sau đó, các sắc lệnh và nghị định kế tiếp ban hành ấn định, sửa đổi cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ các cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính:

- Nghị định số 98-BTC/TƯ/NĐ ngày 31/01/1967⁽¹⁾.

- Nghị định số 155-BTC/TƯ/NĐ ngày 17/02/1967⁽²⁾. Theo 2 Nghị định này, Nha Tài nguyên Công sản đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc và có 2 sở, mỗi sở có 1 chánh sự vụ điều khiển hoạt động.

- Sắc lệnh số 22-SL/TC ngày 5/3/1968 cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính có sự thay đổi, Nha Tài nguyên Công sản thuộc Khối Thi hành trong tổ chức các cơ quan trung ương của Bộ Tài chính⁽³⁾.

- Nghị định số 386-BTC/TƯ/NĐ ngày 01/4/1968 quy định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan trung ương thuộc Bộ Tài chính⁽⁴⁾.

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Đến năm 1974, với Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974 một lần nữa cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính lại thay đổi, Nha Tài nguyên Công sản thuộc Khối Chấp hành Trung ương trực thuộc Bộ Tài chính⁽¹⁾.

Đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, chấm dứt thời kỳ hoạt động của chế độ Việt Nam Cộng hòa thì cũng chấm dứt hoạt động của Bộ Tài chính, trong đó có Nha Tài nguyên Công sản.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của Nha Tài nguyên Công sản bao gồm:

Tài liệu về tổ chức:

- Nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính và các nha, sở.
- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.
- Hồ sơ theo dõi về lương bổng nhân viên.

Tài liệu về hoạt động chuyên môn:

- Sắc lệnh, nghị định hướng dẫn việc quản trị công sản, cư xá, tài sản vắng chủ, tài sản vô thừa nhận, tài sản trưng dụng, tịch thu, trưng mua, đấu giá bất động sản, ...
- Các dự án ngân sách, chương trình kế hoạch, báo cáo hoạt động.
- Thông tư, sự vụ lệnh, công điện, huấn thị về việc tiếp nhận bất động sản do quân đội Hoa Kỳ chuyển giao.

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Các hồ sơ thi hành thoả ước Việt – Pháp về công sản.
- Hồ sơ thanh toán bất động sản của tư sản Đông Dương cũ.
- Tài liệu mua, bán bất động sản làm trụ sở cho các cơ quan chính phủ.
- Tài liệu ấn định giá thuê, mua tài nguyên công sản.
- Các hồ sơ về chứng thực, trước bạ tài sản.
- Bản đồ ruộng đất, bằng khoán điền thổ.
- Bản vẽ về việc xây cất một số chợ, trường học, công sở.
- Tài liệu về việc cho các cá nhân thuê, mua đất công sản, cư xá, cấp số nhà.
- Hồ sơ quản lý, theo dõi việc chuyển giao tài sản của các công ty.
- Hồ sơ cứu xét cho các ngoại kiều xin mua bất động sản.
- Tài liệu về điều tra, tịch thu, quản trị và hoàn trả tài sản của Bảo Đại và thuộc hạ, Ngô Đình Diệm và thuộc hạ, nhóm Bình Xuyên, tài sản của một số cá nhân làm ăn bất chính, của những người hoạt động cho Việt cộng.
- Tài liệu về sửa chữa công xa, cấp phát nhiên liệu.
- Lưu công văn đi, đến.
- Sổ theo dõi công văn.

PHÒNG KẾ TOÁN CUỘC TRUNG ƯƠNG

- **Số lượng tài liệu:** 02 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1969 - 2/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Kế toán Cuộc Trung ương được thành lập bởi Sắc lệnh số 20-SL/TC ngày 28/02/1968 trực thuộc Bộ Tài chính⁽¹⁾. Kế toán Cuộc Trung ương do một Tổng Giám đốc điều khiển, có nhiệm vụ thi hành các điều khoản ấn định tại Chương 12, Điều 47 Sắc luật số 19/SLU ngày 9/3/1966.

Với Sắc lệnh số 22-SL/TC ngày 5/3/1968, tổ chức của Bộ Tài chính có sự thay đổi, Kế toán Cuộc Trung ương thuộc các cơ quan ngoại thuộc của Bộ Tài chính⁽²⁾.

Nghị định số 1416-BTC/TU/ND ngày 11/11/1968 đã ấn định tổ chức và điều hành của Kế toán Cuộc Trung ương⁽³⁾.

Đến năm 1974, với Sắc lệnh số 164-SL/TC ngày 15/7/1974, một lần nữa cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

chánh lại thay đổi, Kế toán Cuộc Trung ương thuộc Khối Chấp hành Trung ương trực thuộc Bộ Tài chính⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần, nội dung tài liệu của Kế toán Cuộc Trung ương gồm:

- Nghị định, sự vụ lệnh về quản trị nhân viên.
- Hồ sơ cá nhân.
- Ngân sách quốc gia.
- Hồ sơ các sắc thuế.
- Thi hành các lệnh trưng chi.
- Sử dụng quỹ ứng trước, quỹ xây cất công ốc, công thự, trường học, sửa chữa công xa.
- Tài liệu về giá cả.
- Tài liệu về xuất, nhập, kiểm kê vật liệu.
- Chứng phiếu lương bổng, chứng phiếu tạp chi.
- Chứng phiếu hóa đơn thanh toán phụ cấp, trợ cấp.
- Các chứng từ công phí.
- Tài liệu về ân thưởng, hưu liễm.
- Tài liệu học tập.

(1) Hồ sơ số 10304, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

PHÒNG NHA NỘI THƯƠNG

- **Số lượng tài liệu:** 88,4 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1955 – 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** phần lớn tài liệu bị lão hóa, ố, giòn, chữ mờ.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

- Theo Nghị định số 18-KT/TTK/NĐ ngày 2/4/1955 của Bộ Kinh tế Quốc gia ấn định tổ chức của Bộ Kinh tế và các cơ quan trực thuộc, thì “Sở Nội thương” thuộc Nha Giám đốc Thương vụ⁽¹⁾.

- Nghị định số 494-TC/KT ngày 22/8/1955 của Thủ tướng Chính phủ v/v sáp nhập “Nha Kinh tế Việt Nam” vào Bộ Tài chính và Kinh tế⁽²⁾; Theo Sự vụ lệnh số 110 KT/TTK/SVL ngày 5/10/1955 của Bộ Tài chính và Kinh tế thì “Sở Nội thương” thuộc Nha Tổng giám đốc Thương vụ được sát nhập với Nha Kinh tế thành một cơ quan gọi là “Nha Nội thương”⁽³⁾.

- Nghị định số 356-BKT/NC/NĐ ngày 25/6/1957⁽⁴⁾ và Nghị định số 81-BKT/HC/NĐ ngày 27/2/1964⁽⁵⁾ v/v cải tổ Bộ Kinh tế,

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 881, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(4) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(5) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

đã ấn định tổ chức và nhiệm vụ của “Nha Nội Thương” trực thuộc Tổng Nha Thương vụ - Bộ Kinh tế.

- Sắc lệnh số 191-KT ngày 22/9/65 của Chủ tịch UB hành pháp TW đã ấn định lại tổ chức của Bộ Kinh tế⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này “Nha Kiểm soát Kinh tế” thuộc các cơ quan TW - Bộ Kinh tế, có nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 40/BKT/HC/NĐ ngày 29/1/1966⁽²⁾.

- Sắc lệnh số 184-SL/HP/HC ngày 26/11/1966 của Chủ tịch UB Hành pháp TW đã tách Bộ Kinh tế thành 2 bộ: Thương Mại và Công kỹ nghệ, theo Sắc lệnh này “Nha Kiểm soát kinh tế” thuộc Bộ Thương Mại⁽³⁾.

- Sắc lệnh số 35-SL/PTHT/PC ngày 15/12/1967 của Thủ tướng Chính phủ lại sát nhập Bộ Thương mại và Bộ Công kỹ nghệ thành Bộ Kinh tế⁽⁴⁾.

- Theo Sắc lệnh số 83-SL/KT ngày 13/7/1968⁽⁵⁾ và Nghị định số 420-BKT/HC/NĐ ngày 18/10/68⁽⁶⁾ v/v ấn định tổ chức và nhiệm vụ của Bộ Kinh tế; thì “Nha kiểm soát Kinh tế” thuộc khối Thương mại - Bộ Kinh tế.

- Sắc lệnh số 954-TT/SL ngày 23/10/1973 của Tổng thống VNCH cải danh Bộ Kinh tế thành Bộ Thương mại về Kỹ nghệ⁽⁷⁾. Nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ được quy định tại Sắc lệnh số 102-SL/TMKN ngày 13/5/1974⁽⁸⁾ của Thủ

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(4) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(5) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(6) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(7) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(8) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

tướng Chính phủ và Nghị định số 255-BTMKN/HC/NĐ ngày 29/7/1974⁽¹⁾ của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ. Theo Sắc lệnh và Nghị định này “Nha Phát triển Nội Thương” thuộc khối các cơ quan chấp hành TW.

- Ngày 28/11/1974 Tổng Thống VNCH ra Sắc lệnh số 1100-TT/SL cải biến Bộ Thương mại và Kỹ nghệ thành Bộ Thương Mãi và Tiếp tế⁽²⁾; nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Thương Mại và Tiếp tế được ấn định tại Sắc lệnh số 048-SL/TMTT ngày 28/3/1975 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó “Nha Nội Thương” thuộc khối các cơ quan chấp hành TW⁽³⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Phần lớn tài liệu đang trong tình trạng bó gói, các hồ sơ trong phòng mới chỉ được xác định nội dung sơ bộ, như sau:

1. Các mặt hoạt động chung (1957 - 1975):

- Phúc trình về tình hình kinh tế và hoạt động hàng tháng, hàng tuần của Nha Nội thương.

- Kế hoạch bình ổn giá, thống kê, báo cáo tình hình thị trường của các sở trực thuộc.

- Hồ sơ các phiên họp, hội nghị, hội thảo.

2. Điều hòa vật giá (1956 - 1975):

- Tài liệu của Tổng Thống VNCH, Bộ Kinh tế, Nha Nội thương.

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 874, phòng Bộ thương mại và Tiếp tế

- Tài liệu của cơ quan phát triển kinh tế Hoa Kỳ.
- Hồ sơ về nghiên cứu giá lúa.
- Hồ sơ nguyên tắc về trũng mào và cân lưỡng.

3. Kiểm tra Thương gia và xí nghiệp (1956 - 1975):

- Tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Thương mại Tiếp tế và Nha Nội thương.

- Các hồ sơ nguyên tắc về vay tín dụng; thế chấp bất động sản; chế tạo bán các loại thực phẩm, nước uống; thành lập các công ty; mua bán tàng trữ vàng; hành nghề chế tạo, tồn trữ, phân phối phân bón;...

- Danh sách và địa chỉ các thương gia.

4. Yểm trợ (1949 - 1975):

- Tập lưu công văn của Bộ Thương mại Tiếp tế và Nha Nội thương.

PHÒNG NHA NGOẠI THƯƠNG

- **Số lượng tài liệu:** 287 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1949 – 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Nha Giám đốc Ngoại thương được thành lập ngày 7/6/1955 theo Nghị định số 33/KT/TTK/ND ngày 7/6/1955 của Bộ Kinh tế Quốc gia⁽¹⁾.

Ngày 25/6/1957 theo Nghị định số 356/BKT/NC/NĐ của Bộ Kinh tế, Nha Giám đốc Ngoại thương có tên gọi là Nha Ngoại thương⁽²⁾.

Từ năm 1957, qua nhiều lần cải tổ của Bộ Kinh tế (sau này là Bộ Thương mại và Tiếp tế) nhưng về cơ bản chức năng, nhiệm vụ của Nha Ngoại thương hầu như không bị xáo trộn.

Theo Nghị định số 420/BKT/HC/NĐ ngày 18/10/1968 của Bộ Kinh tế, Nha Ngoại thương đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc, gồm có⁽³⁾:

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

1. Phòng Văn thư: trực thuộc Giám đốc Ngoại thương do 1 Chủ sự phụ trách.

2. Sở Nghiên cứu và Trợ cấp: đặt dưới quyền điều khiển của 1 Chánh sự vụ, gồm 2 phòng, mỗi phòng do 1 Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng Pháp chế và Tài liệu;
- Phòng Trợ cấp Xuất cảng.

3. Sở Xuất cảng: đặt dưới sự điều khiển của một Chánh sự vụ, gồm 2 phòng, mỗi phòng do một Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng cấp giấy phép xuất cảng;
- Phòng Tu chính và Kế toán.

4. Sở Nhập cảng: đặt dưới quyền điều khiển của 1 Chánh sự vụ, gồm 3 phòng, mỗi phòng do một Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng Cấp giấy phép Nhập cảng;
- Phòng Cứu xét và Chương trình;
- Phòng Tu chính và Kế toán.

5. Sở Định giá: đặt dưới sự điều khiển của một Chánh sự vụ, gồm 2 phòng, mỗi phòng do một Chủ sự phòng phụ trách:

- Phòng Định giá hàng Nhập cảng;
- Phòng Định giá hàng Xuất cảng.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu của phòng mới chỉ được xác định nội dung sơ bộ. Cụ thể như sau:

1. Các mặt hoạt động chung (1949 – 1975):

- Các Sắc luật của Tổng thống VNCH và UBLĐQG, UBHPTƯ.

- Thông tư, huấn thị của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị định, thông cáo của Bộ Thương mại và Tiếp tế.

- Sưu tập các văn kiện, tài liệu của Bộ Thương mại và Tiếp tế.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ Thương mại và Tiếp tế và Nha Ngoại thương.

- Tập lưu các biên bản họp của Hội đồng Nội các.

- Tập lưu hồ sơ các phiên họp Hội đồng Nội các.

- Hồ sơ về Hội nghị hợp tác kinh tế.

- Tập lưu tập san “Chấn hưng kinh tế”.

2. Tài liệu về nhập cảng (1962 – 1975):

- Tài liệu về chính sách, thể thức, thoả ước nhập cảng.

- Tài liệu về chương trình viện trợ Mỹ.

- Nghị định của Nha Kiểm soát Kinh tế.

- Biên bản, báo cáo, tờ trình, phúc trình của các nha, sở.

- Thống kê hàng nhập xuất cảng.

- Tài liệu của Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Tiếp tế về kế hoạch nhập cảng.

- Hồ sơ về nhập cảng.

- Hồ sơ nguyên tắc về nhập, xuất cảng.

- Hồ sơ về sử dụng tín dụng, ngân khoản bồi thường chiến tranh, thoả ước vay tiền.

3. Tài liệu về xuất cảng (1955 – 1975):

- Hồ sơ nguyên tắc về xuất cảng.
- Chương trình, báo cáo hoạt động của Bộ Thương mại và Tiếp tế và các nha, sở.
- Thống kê sản phẩm xuất cảng.
- Công văn trao đổi giữa các đối tác.
- Công văn về việc xuất cảng hàng hóa, thực phẩm.
- Hồ sơ về xuất cảng hàng hóa.
- Kế hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp.
- Tập lưu biên bản các phiên họp của Ủy ban định giá, Ủy ban Liên bộ Trợ cấp Xuất cảng.
- Hồ sơ về giá xuất cảng.
- Hồ sơ về thuế xuất cảng.

4. Hoạt động yểm trợ (1949 – 1975):

- Hồ sơ về tổ chức bộ máy của Bộ và các nha, sở trực thuộc.
- Công văn, biên bản của Bộ Kinh tế.
- Tài liệu về nhân sự.
- Tài liệu về khen thưởng.
- Hồ sơ cá nhân.

5. Lưu công văn đi của Bộ Kinh tế và Nha Ngoại thương (1955 – 1975).

PHÔNG NHA CÔNG KỸ NGHỆ

- **Số lượng tài liệu:** 73,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1951 – 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Bộ Kinh tế được thành lập theo Sắc lệnh số 28/KT ngày 10/9/1951⁽¹⁾. Nghị định số 18/KT/TTK/NĐ ngày 2/4/1955 ấn định tổ chức Bộ Kinh tế Quốc gia⁽²⁾. Theo điều 9: “Nha Tổng giám đốc Khoáng chất, Kỹ nghệ và Thủ công” có nhiệm vụ: nghiên cứu đề nghị thi hành hoặc đề xuất thi hành các biện pháp hành chính, kinh tế và lý tài liên quan đến sự điều hành, mở mang các kỹ nghệ khai thác và hoán cải.

Nghị định số 33-KT/TTK/NĐ ngày 07/6/1955 đã hủy bỏ Nghị định số 18-KT/TTK/NĐ ngày 02/4/1955⁽³⁾. Theo điều số 13 thì “Nha Tổng giám đốc Khoáng chất, Kỹ nghệ và Công nghệ” có nhiệm vụ: nghiên cứu, đề nghị thi hành hoặc cho thi hành các biện pháp luật lệ, hành chính, chuyên môn, kinh tế và tài chánh liên quan đến sự điều hành và phát triển các kỹ nghệ khai thác và biến thái.

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

Đến năm 1957, tại Nghị định số 356-BKT/NC/NĐ ngày 25/6/1957 về việc cải tổ Bộ Kinh tế Quốc gia, thì “Tổng nha Khoáng chất và Công Kỹ nghệ” có 3 phòng và hai nha, trong đó “Nha Kỹ nghệ” đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc, có nhiệm vụ⁽¹⁾:

- Cho Sở Ngoại thương biết ý kiến về việc nhập cảng, xuất cảng, những vật dụng trang bị và tiếp liệu kỹ nghệ, công nghệ;

- Phân phối và khảo sát sự sử dụng các nguyên liệu và sản phẩm hệ quan trọng;

- Cứu xét đơn xin mở, khuếch trương, hoặc di chuyển các xí nghiệp kỹ nghệ và công nghệ;

- Nghiên cứu chương trình khuếch trương kỹ nghệ;

- Thiết lập dự án về kỹ nghệ;

- Hóa giá một vài sản phẩm kỹ nghệ;

- Nghiên cứu quá trình khuếch trương và cải tiến công nghệ;

- Liên lạc giữa các cơ sở, các phòng cùng các hãng tư có nhiệm vụ chung về công nghệ để tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm công nghệ;

- Kiểm soát kỹ thuật các Hợp tác xã Công nghệ, tổ chức các công việc chung, nghiên cứu vấn đề phân công trong Hợp tác xã Công nghệ.

- Theo Nghị định số 40/BKT/NĐ ngày 29/1/1966 về việc cải tổ Bộ Kinh tế⁽²⁾ và Sắc lệnh số 191-KT ngày 22/9/1965 ấn định lại tổ chức Bộ Kinh tế thì “Nha Công kỹ nghệ” thuộc các

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

cơ quan TW⁽¹⁾, có nhiệm vụ phụ trách các vấn đề liên quan đến sự điều hành và phát triển các ngành kỹ nghệ khai thác và chế biến.

Theo các Sắc lệnh và Nghị định kế tiếp thì cơ cấu tổ chức của Bộ Kinh tế lại có sự thay đổi để thích hợp với nhu cầu công vụ và đường lối hoạt động.

Sắc lệnh số 954-TT/SL ngày 23/10/1973 của Tổng thống VNCH đã cải danh Bộ Kinh tế thành Bộ Thương mại và Kỹ nghệ⁽²⁾.

Theo Sắc lệnh số 102-SL/TMKN ngày 13/5/1974⁽³⁾ của Thủ tướng và Nghị định số 255/BTMKN/HC/NĐ ngày 29/7/1974⁽⁴⁾ của Bộ Thương mại và Kỹ nghệ, ấn định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Bộ Thương mại và Kỹ nghệ thì “Nha Phát triển Kỹ nghệ” thuộc các cơ quan khối chấp hành TW.

Sắc lệnh số 1.100 - TT/SL ngày 28/11/1974 của Tổng Thống VNCH đã cải biến Bộ Thương mại và Kỹ nghệ thành Bộ Thương mại và Tiếp tế⁽⁵⁾; Tách “Nha Phát triển Kỹ nghệ” ra để sáp nhập vào Bộ Canh nông thành “Bộ Canh nông và Kỹ nghệ”.

Đến năm 1975, Thủ tướng Chính phủ ra Sắc lệnh số 049-SL/CNKN ngày 28/3/1975 ấn định tổ chức và nhiệm vụ của Bộ Canh nông và Kỹ nghệ⁽⁶⁾. Theo Sắc lệnh này “Nha Công kỹ nghệ” trực thuộc Tổng Nha Phát triển Kỹ nghệ thuộc khối các cơ quan chấp hành TW.

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(4) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(5) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(6) Hồ sơ số 10284, phòng Phủ Thủ Tướng VNCH

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu chủ yếu trong phòng gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo.
- Hội nghị, hội thảo, biên bản các phiên họp.
- Nghị định, quyết định và tài liệu nguyên tắc hướng dẫn hoạt động CKN.
- Các dự án về đầu tư đối với các ngành khai khoáng, luyện kim, chế tạo máy móc,...
- Các dự án đầu tư đối với các ngành chế biến thực phẩm, các sản phẩm nông ngư nghiệp, kỹ nghệ dệt may, hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm.
- Tổ chức, hoạt động của các công ty thuộc ngành công kỹ nghệ.
- Bảng tổng kê tài sản, báo cáo tài chính, tờ khai hoạt động của các hợp tác xã dệt may, công kỹ nghệ.
- Hồ sơ hưởng đặc khoản đầu tư.
- Hồ sơ xin nhập cảng máy móc, nguyên liệu.
- Phúc trình các hợp đồng bảo hiểm dầu hỏa.
- Chứng từ chi phí cho hoạt động yểm trợ các kho xăng dầu.
- Bảng đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.
- Giấy biên nhận về việc đóng lệ phí cấp bằng sáng chế.
- Hồ sơ chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

PHÔNG TỔNG CUỘC THỰC PHẨM QUỐC GIA

- **Số lượng tài liệu:** 34,2 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1966-1975
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy, có một số đồ án thiết kế).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục hồ sơ.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Năm 1966, với Sắc lệnh số 18-SL/HP/VP ngày 22/2/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, Tổng cuộc Tiếp tế được thành lập đặt trực thuộc Phủ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương⁽¹⁾.

Tổng cuộc Tiếp tế có nhiệm vụ: thi hành kế hoạch ổn định mức giá cả; điều hòa tiếp tế, thu mua, tồn trữ, phân phối, xuất, nhập cảng các loại mĩ cốc, thực phẩm và hóa phẩm; nghiên cứu và đề trình Chính phủ chính sách về mĩ cốc. Tổng cuộc Tiếp tế được giải tán khi tình hình tiếp tế trở lại mức bình thường.

Tổng cuộc Tiếp tế là một cơ quan công lập, có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị đặt dưới quyền quản trị của một Hội đồng Quản trị. Tổng cuộc Tiếp tế do một Tổng cuộc trưởng điều khiển, được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương và được xếp ngang hàng một Thứ ủy.

(1) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế.

Tổng cuộc Trưởng có một Phụ tá giúp việc, Phụ tá Tổng cuộc trưởng được xếp ngang hàng một Tổng Giám đốc. Bên cạnh Hội đồng Quản trị có một Ủy ban Giám sát. Tổng cuộc Tiếp tế đặt trụ sở chính tại Sài Gòn. Tùy nhu cầu công vụ mà Tổng cuộc thiết lập cơ quan đại diện tại các địa phương trong toàn quốc.

Theo Nghị định số 681-NĐ/TCTT ngày 22/4/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, Tổng cuộc Tiếp tế gồm có những cơ quan Trung ương và những cơ quan đại diện ở địa phương⁽¹⁾. Các cơ quan đại diện Tổng cuộc Tiếp tế tại các địa phương được thiết lập sau, tùy theo nhu cầu công vụ và phương tiện của Tổng cuộc Tiếp tế.

Ngày 26/5/1966, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương ban hành Sắc lệnh số 91- SL/KTTC hủy bỏ Sắc lệnh số 18-SL/HP/VP ngày 22/2/1966 và Nghị định số 681-NĐ/TCTT ngày 22/4/1966⁽²⁾. Theo Sắc lệnh này, một cơ quan mệnh danh là Tổng cuộc Tiếp tế được thành lập đặt trực thuộc Tổng Bộ Kinh tế Tài chánh. Tổng cuộc Tiếp tế được giải tán khi tình hình tiếp tế trở lại mức bình thường. Tổng cuộc Tiếp tế là một cơ quan công lập, có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị đặt dưới quyền quản trị của một Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, Tổng cuộc Tiếp tế còn có một Ủy ban Giám sát. Ủy ban Giám sát có nhiệm vụ chỉ dẫn Tổng cuộc về phương diện ngân sách và kế toán, có quyền mở cuộc khám xét ngân quỹ, sổ sách kế toán và các văn kiện liên quan đến tài chánh của Tổng cuộc, lập báo cáo giám sát đệ trình Chính phủ và thanh tra định kỳ hàng năm.

(1) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

Tổng cuộc Tiếp tế được tổ chức theo các văn bản sau:

- Nghị định số 291/TBKTTC/NĐ ngày 7/6/1966 của Tổng Bộ Kinh tế Tài chính⁽¹⁾;

- Nghị định số 001-TUV/VP/TCTT/NĐ ngày 10/4/1967 của Tổng Bộ Kinh tế Tài chính⁽²⁾.

Năm 1970, Thủ tướng Chính phủ lại ban hành Sắc lệnh số 87-SL/KT ngày 20/7/1970 đặt Tổng cuộc Tiếp tế trực thuộc Bộ Kinh tế⁽³⁾.

Năm 1971, Sắc lệnh số 007-SL/KT ngày 1/2/1971 của Thủ tướng Chính phủ hủy bỏ Điều 5 và Điều 10 Sắc lệnh số 91-SL/KTTC ngày 26/5/1966 ấn định thành phần và nhiệm vụ của Ủy ban Giám sát tại Tổng cuộc Tiếp tế⁽⁴⁾. Tổng cuộc Tiếp tế được đặt dưới sự kiểm soát thường xuyên tại chỗ của một kiểm soát viên tài chính.

Năm 1973, Tổng cuộc Tiếp tế được cải danh thành Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia đặt trực thuộc Bộ Thương mại và Kỹ nghệ do Sắc lệnh số 239-SL/TMKN ngày 4/12/1973 của Thủ tướng Chính phủ⁽⁵⁾.

Theo Sắc lệnh này, Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia có nhiệm vụ thi hành các biện pháp nhằm ổn định thị trường và điều hòa tiếp tế về gạo và thực phẩm qua các nghiệp vụ:

- Thu mua, tồn trữ, chuyển vận và phân phối gạo nội địa để đảm bảo nhu cầu tiêu thụ của quân nhân, công chức và cán bộ;

(1) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(2) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(3) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(4) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

(5) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

- Nhập cảng gạo để lập kho dự trữ an toàn tùy theo nhu cầu nhằm ổn định thị trường tiêu thụ trong nước;

- Thu mua, tồn trữ, chuyển vận và phân phối các sản phẩm dinh dưỡng để điều hòa việc tiếp tế thực phẩm trên thị trường;

- Phân phối gạo và thực phẩm cho các địa phương khi có sự xáo trộn giá cả hoặc khi tư nhân không đủ khả năng cung cấp đầy đủ cho nhu cầu.

Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia được đặt dưới quyền quản trị của một Hội đồng Quản trị.

Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia được tổ chức theo Quyết định số 40/TCTPQG/HĐQT/QĐ ngày 21/1/1974 của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng đã được chỉnh lý sơ bộ và bao gồm các nội dung sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động hàng năm, hàng quý của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Hồ sơ về các hội nghị, hội thảo.

- Tập lưu biên bản họp của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia, và các nha, sở.

- Biên bản các phiên họp hàng tháng của Đại diện Tổng cuộc Tiếp tế tại các quân khu, các vùng chiến thuật.

- Tập lưu Sắc lệnh, Nghị định, Thông tư của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cuộc Tiếp tế.

(1) Hồ sơ số 875, phòng Bộ Thương mại và Tiếp tế

- Tập lưu công điện, bưu điệp, công văn đi của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia và các Chi cuộc Tiếp tế.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia và các chi nhánh.

- Hồ sơ bầu đại biểu vào Hội đồng Quản trị Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Huấn thị điều hành của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Thông tư về việc điều hành công tác của Ban Quản khó tại các nha, sở địa phương thuộc Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Tài liệu về tổ chức nhân sự: Báo cáo tình hình nhân số, bảng cấp số nhân viên của Tổng cuộc và các Chi cuộc; danh sách quân nhân, cựu quân nhân biệt phái; tập quyết định, sự vụ lệnh về việc tuyển dụng bổ nhiệm, sa thải, khen thưởng, kỉ luật, lương bổng của nhân viên; tập phiếu lí lịch của nhân viên; bảng thanh toán lương phụ cấp, hồ sơ cá nhân của nhân viên Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Tài liệu về ngân sách, phúc tra về việc quản lý ngân sách của Tổng cuộc Tiếp tế.

- Bảng kết toán tình hình kinh phí.

- Bảng kê các tàu chở gạo đến Việt Nam Cộng hòa.

- Bảng tổng kết trị giá và số lượng gạo Mỹ tiếp nhận và phân phối tại các cảng Sài Gòn và miền Trung.

- Bảng kê chi phí cho từng tàu.

- Bảng kê số lượng gạo hư, thiếu.

- Bảng liệt kê chi phí bảo hiểm chuyên chở gạo nhập cảng.

- Bảng chiết tính của Tổng cuộc Tiếp tế về tình hình gạo nhập cảng.

- Bảng kê thanh toán tiền bán gạo nội địa.

- Bảng tổng kết các nhu yếu phẩm bán ra của Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia.

- Hồ sơ về việc xây cất các kho thuộc Tổng cuộc Tiếp tế tại miền Trung.

PHÒNG BỘ CÔNG CHÁNH VÀ GIAO THÔNG

- **Số lượng tài liệu:** 177,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1948 – 1966.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Chỉ Dụ số 1 ngày 02/6/1948 v/v quy định thành phần Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam, Bộ Công tác và Kế hoạch (tiền thân của Bộ Công chánh và Giao thông) được thành lập⁽¹⁾. Tiếp theo đó, Chỉ Dụ số 26 ngày 20/7/1948 đã quy định cơ cấu, tổ chức của Bộ Công tác và Đồ án⁽²⁾. Đến Sắc lệnh số 60 - CC ngày 09/8/1951 thì Bộ này lại được đổi tên thành Bộ Công chánh - Giao thông và Kiến thiết⁽³⁾. Từ năm 1952, Bộ Công chánh - Giao thông và Kiến thiết được gọi là Bộ Công chánh và Bưu điện và được tổ chức theo Nghị định số 301-Cab/SG ngày 24/4/1952⁽⁴⁾. Và đến ngày 11/12/1954, Bộ này có tên chính thức là Bộ Công chánh và Giao thông theo Nghị định số 1108-PTT/TTK⁽⁵⁾.

Ngày 30/12/1960, Bộ Công chánh và Giao thông lại một lần nữa được cải tổ theo Nghị định số 60/301-NĐ/CC⁽⁶⁾.

(1) *Công báo Việt Nam*, năm 1948, trang 15

(2) *Công báo Việt Nam*, năm 1948, trang 41

(3) *Công báo Việt Nam*, năm 1951, trang 819

(4) *Công báo Việt Nam*, năm 1952, trang 667

(5) *Niên giám Hành chánh*, năm 1957, trang 192

(6) *Công báo Việt Nam*, năm 1961, trang 321

Bộ này tiếp tục tồn tại cho đến năm 1966 thì ngưng hoạt động và được thay thế bởi các bộ khác mới thành lập là Bộ Giao thông Vận tải (thành lập theo Sắc lệnh số 41-SL/GTVT ngày 17/3/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW)⁽¹⁾ và Bộ Công chánh (thành lập theo Sắc lệnh số 71-SL/CC ngày 22/4/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW)⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc.
- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc, các Ty Công chánh.
- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh và Giao thông.
- Dự án, chương trình phát triển các ngành thuộc Bộ Công chánh và Giao thông.
- Các tập lưu công văn đi.
- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông công chánh.
- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.
- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.
- Các dự án chương trình viện trợ Mỹ của Bộ Công chánh và Giao thông.

(1) Công báo Việt Nam, năm 1966, trang 1365

(2) Công báo Việt Nam, năm 1966, trang 2023

- Kinh lý của các nhân viên cao cấp Bộ Công chánh và Giao thông.

- Tài liệu về học tập, biên bản các buổi họp tổ cộng của các Nha, Sở thuộc Bộ.

- Hồ sơ thiết kế, xây dựng các công trình công thự, công ốc, trường học, nhà thờ, các nhà máy nước, nhà máy thủy điện, các phi trường, kiều lộ...

- Tài liệu về các phi trường, phân loại các phi trường quân sự, dân sự và hỗn hợp.

- Hoạt động của Công quản Chuyên chở công cộng, Công quản Hỏa xa, Nha Thương cảng Sài Gòn, Đà Nẵng.

- Hoạt động của Ủy ban Quốc gia Sông Cửu Long.

- Kiểm soát tàu, ghe máy, xe tự động.

- Quản lý tàu thuyền chuyên chở xuyên qua Việt Nam.

- Giá biểu chuyên chở bằng đường bộ, khuân vác.

- Tài liệu dự thi lái xe, xin đăng bộ, sang tên xe.

- Tài liệu về nạo vét, đào đắp kênh rạch và xây dựng cống.

- Tài liệu về hoạt động bưu điện.

- Tài liệu về hệ thống cấp thủy, phân phối điện năng.

PHÔNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- **Số lượng tài liệu:** 25 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 17/3/1966 - 16/6/1968.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 41-SL/GTVT ngày 17/3/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW, Bộ Giao thông Vận tải được thành lập sau khi được tách ra từ Bộ Công chánh và Giao thông⁽¹⁾.

Tuy nhiên, Bộ này chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn rồi lại được sáp nhập với Bộ Công chánh thành Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải theo Sắc lệnh số 63-SL/CC-GTVT ngày 17/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Giao thông Vận tải cùng các đơn vị trực thuộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Bộ Giao thông Vận tải cùng các đơn vị trực thuộc.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Giao thông Vận tải.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1966, trang 1365*

(2) *Công báo Việt Nam, năm 1968, trang 3701*

- Dự án, chương trình phát triển các ngành thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông vận tải.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

- Hồ sơ các Phái đoàn ngoại quốc viếng thăm Việt Nam Cộng hòa.

- Dự án phát triển giao thông vận tải Việt Nam Cộng hòa và Đông Nam Á.

- Các tập lưu công văn đi.

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ thanh toán, lệnh phát ngân, phiếu ước chi.

- Phiếu xuất kho dụng cụ, vật liệu.

- Khánh thành các đường hỏa xa.

- Tài liệu về hữu sản hóa xe lam, kiểm soát xe tự động.

- Hồ sơ xin thành lập các công ty vận tải, hoạt động của các Hội Chuyên nghiệp Vận tải Đường bộ, Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Các Thỏa ước hàng không Hoa – Việt, Việt – Mỹ...

- Tài liệu về việc khánh thành các chuyến bay, xin mua, nhập cảng phi cơ.

- Hoạt động của các Công ty Hàng không.

- Phiếu xin sử dụng phòng VIP.

- Giá vé máy bay.

- Tài liệu về khuếch trương hàng hải, khai thác hỏa xa.
- Tài liệu về hoạt động, khuếch trương bưu điện.
- Cấp điện thoại cho các đơn vị và cá nhân.

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH

- **Số lượng tài liệu:** 26 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 22/4/1966 - 16/6/1968.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 71-SL/CC ngày 22/4/1966 của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp TW, Bộ Công chánh được thành lập sau khi được tách ra từ Bộ Công chánh và Giao thông⁽¹⁾.

Tuy nhiên, Bộ này chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn rồi lại được sáp nhập với Bộ Giao thông Vận tải thành Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải theo Sắc lệnh số 63-SL/CC-GTVT ngày 17/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh cùng các đơn vị trực thuộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, đề biểu công tác của Bộ Công chánh cùng các đơn vị trực thuộc, các Ty Công chánh.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1968, trang 3701*

(2) *Công báo Việt Nam, năm 1968, trang 3958*

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành công chính.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

- Hồ sơ các Phái đoàn ngoại quốc viếng thăm Việt Nam Cộng hòa.

- Các tập lưu công văn đi.

- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.

- Phiếu xét hồ sơ, hóa đơn, lệnh phát ngân về công tác trùng tu kiều lộ, công ốc, công thự.

- Hồ sơ các công trình xây dựng các khách sạn, các khu nhà bình dân, ký túc xá, tu bổ phi trường, kiều lộ, xây dựng, sửa chữa cầu tàu...

- Tái thiết các khu vực bị tàn phá.

- Hồ sơ trưng thu đất để xây dựng các công trình.

- Qui chế hành nghề thầu khoán xây dựng.

- Tu bổ các công trình thoát nước.

- Thiết lập các nhà máy nước, khai thác, kiểm soát tiêu thụ nước, điện. Bảo vệ an ninh cho các công trình điện, nước.

- Tài liệu về giá nhân công, vật liệu.

- Tài liệu về cung cấp nhiên liệu cho các tỉnh.

PHÒNG BỘ CÔNG CHÁNH VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- **Số lượng tài liệu:** 27 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 17/6/1968 - 24/5/1969.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 63-SL/CC-GTVT ngày 17/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Bộ Giao thông Vận tải được sáp nhập với Bộ Công chánh thành Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải⁽¹⁾. Sau đó, Sắc lệnh này lại được sửa đổi bởi Sắc lệnh số 73 – SL /CC /GTVT ngày 2/7/1968⁽²⁾.

Tuy nhiên, đến năm 1969, ngành Công chánh và Giao thông Vận tải lại được tổ chức thành 2 Bộ riêng biệt: Bộ Công chánh và Bộ Giao thông theo các sắc lệnh:

- Sắc lệnh số 114-SL/GT-BĐ ngày 25/5/1969 tổ chức Bộ Giao thông Bưu điện⁽³⁾.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1968, trang 3701*

(2) *Công báo Việt Nam, năm 1968, trang 3958*

(3) *Công báo Việt Nam, năm 1969, trang 6537*

- Sắc lệnh số 109-SL/CC ngày 16/9/1969 ấn định chức chương của Tổng trưởng Công chánh⁽¹⁾ và Sắc lệnh số 142 – SL/CC ngày 20/10/1969 tổ chức Bộ Công chánh⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải cùng các đơn vị trực thuộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải cùng các đơn vị trực thuộc.

- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải.

- Các tập lưu công văn đi.

- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông công chánh.

- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.

- Tài liệu về ngân sách, ủy ngân kinh phí, quỹ tạm ứng.

- Viện trợ Mỹ cho ngành công chánh.

- Tu bổ máy móc, dụng cụ thuộc chương trình viện trợ Mỹ. Quản lý dụng cụ, vật liệu.

- Hồ sơ về tái thiết các vùng bị lũ lụt miền Tây.

- Tài liệu về việc xin bồi thường sử dụng đất đai canh tân kiều lộ, xây dựng các nhà máy nhiệt điện.

- Hồ sơ xây dựng các công trình công ốc, công thự, các trạm xăng, các nhà máy nước.

(1) Công báo Việt Nam, năm 1969, trang 6536

(2) Công báo Việt Nam, năm 1969, trang 7220

- Hoạt động của không tải và lộ vận.
- Khai thác các tàu dầu và xà lan. Nhập cảng, thuê, mua, bán tàu biển.
- Tổ chức giang vận, hệ thống thương thuyền trên sông Cửu Long.
- Điều chỉnh giá chuyên chở.
- Qui chế sử dụng, thi, cấp phát, rút bằng lái xe.
- Đăng bộ công xa.
- Bảo hiểm, bảo vệ phi cơ.
- Hồ sơ các vụ tai nạn giao thông.
- Hoạt động bưu chính.
- Quản lý điện, nước.

PHÒNG BỘ GIAO THÔNG - BƯU ĐIỆN

- **Số lượng tài liệu:** 57 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 25/5/1969 - 22/10/1973.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 114-SL/GT-BĐ ngày 25/5/1969, Bộ Giao thông Bưu điện được chính thức thành lập⁽¹⁾.

Đến ngày 23/10/1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa lại ra Sắc lệnh số 956-TT/SL. Theo đó, Bộ Giao thông Bưu điện và Bộ Công chánh được sáp nhập thành Bộ Công chánh và Giao thông⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Giao thông và Bưu điện cùng các đơn vị trực thuộc.
- Tài liệu về cải tổ hành chánh và công vụ của Bộ.
- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, đồ biểu công tác của Bộ Giao thông và Bưu điện cùng các đơn vị trực thuộc.

(1) Công báo Việt Nam, năm 1969, trang 6537

(2) Công báo Việt Nam, năm 1973, trang 5390

- Biên bản các phiên họp của Bộ Giao thông và Bưu điện.
- Các dự án thực hiện các chương trình phục hồi, tái thiết và phát triển.
- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành giao thông, bưu điện.
- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.
- Hồ sơ các cuộc khảo sát vận tải ở các nước.
- Hồ sơ các Phái đoàn nước ngoài viếng thăm Việt Nam Cộng hòa.
- Các tập lưu công văn đi.
- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.
- Hồ sơ thanh toán, lệnh phát ngân, phiếu ước chi.
- Các Thỏa ước hàng không với Campuchia và các nước.
- Tài liệu về việc khai thác các đường bay.
- Cấp giấy phép cho các công ty nước ngoài mở phòng vé tại Việt Nam. Cho phép các Công ty Hàng không thay đổi Tổng đại lý.
- Tài liệu về giá cước chuyên chở đường bộ.
- Tranh chấp các tuyến đường xe đò.
- Tài liệu về khuếch trương hàng hải, khai thác hỏa xa.
- Kiểm soát ghe, xuồng.
- Nghiên cứu vấn đề lưu thông trên sông Cửu Long.

- Thương thuyết về bưu điện và viễn thông với Lào, Campuchia.

- Tàng trữ, sử dụng máy thu, phát tin. Di chuyển máy vô tuyến.

PHÔNG BỘ CÔNG CHÁNH

- **Số lượng tài liệu:** 68 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 16/9/1969 - 22/10/1973.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 109-SL/CC ngày 16/9/1969 ấn định chức năng của Tổng trưởng Bộ Công chánh và Sắc lệnh số 142-SL/CC ngày 20/10/1969 tổ chức Bộ Công chánh, thì Bộ Công chánh được tái lập⁽¹⁾.

Đến ngày 23/10/1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa lại ra Sắc lệnh số 956-TT/SL, Bộ Giao thông Bưu điện và Bộ Công chánh sáp nhập thành Bộ Công chánh và Giao thông⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và các đơn vị trực thuộc các Ty Công chánh.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, đồ biểu công tác của Bộ Công chánh và các đơn vị trực thuộc các Ty Công chánh.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1969, trang 6536*

(2) *Công báo Việt Nam, năm 1973, trang 7220*

- Biên bản các phiên họp của Bộ Công chánh.
- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về ngành công chánh.
- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.
- Hồ sơ các Phái đoàn nước ngoài viếng thăm Việt Nam Cộng hòa.
- Các tập lưu công văn đi.
- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.
- Phiếu ước chi, phiếu điều chỉnh ước chi, quỹ đặc biệt trùng tu các dự án xây dựng.
- Viện trợ của các nước.
- Dự án chỉnh trang và tái thiết các tỉnh lỵ, thị xã.
- Dự án thiết kế, xây dựng các nhà máy, cao ốc, khu thương mại, khu chợ...
- Áp dụng các chương trình địa dịch và tạo tác tại các tỉnh.
- Kiểm soát kiến trúc xây dựng.
- Trưng thu, trưng dụng, chỉnh trang và thiết kế các ấp thôn.
- Khiếu nại về vấn đề thiết kế đô thị.
- Giải tỏa, bồi thường nhà cửa, hoa màu.
- Hồ sơ xây dựng các phi trường, cầu đường, cầu tàu, hải cảng.
- Hồ sơ các công tác sửa chữa, tân trang, tân tạo các xa lộ, cầu, phà tại các tỉnh.

- Kiểm soát điện, nước.
- Tài liệu về trực phòng vệ an ninh các cơ quan thuộc Bộ.

PHÒNG BỘ CÔNG CHÁNH VÀ GIAO THÔNG

- **Số lượng tài liệu:** 29 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 23/10/1973 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 956-TT/SL ngày 23/10/1973 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Bộ Giao thông Bưu điện và Bộ Công chánh được sáp nhập thành Bộ Công chánh và Giao thông⁽¹⁾. Tiếp theo đó, ngày 18/7/1974, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa lại ra Sắc lệnh số 171-SL/CCGT ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Công chánh và Giao thông⁽²⁾.

Tổ chức và hoạt động của Bộ này tiếp tục tồn tại cho đến ngày chế độ ngụy quyền miền Nam sụp đổ vào tháng 4/1975.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và nhân sự của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác, bản tin hàng tuần của Bộ Công chánh và Giao thông cùng các đơn vị trực thuộc.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1973, trang 7220*

(2) *Hồ sơ số 1305/2, phòng Bộ Công chánh và Giao thông*

- Các tập lưu công văn đi.
- Hồ sơ các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giao thông công chính.
- Hồ sơ công cán trong nước và ngoài nước.
- Tài liệu về ngân sách, dự án ngân sách và thực thi ngân sách của Bộ và các đơn vị trực thuộc.
- Hồ sơ xây dựng các công trình công thự, công ốc, các nhà máy nước, các phi trường, kiều lộ...
- Hồ sơ về bồi thường, truất hữu đất, tạo mãi đất để xây dựng các công trình công cộng, thiết lập các Ty Bưu điện.
- Tài liệu về công tác thực thi kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển.
- Thanh tra công chính.
- Tài liệu ấn định thể lệ đăng bộ, thể thức chuyển nhượng và việc tái đăng bộ để kiểm soát các loại xe.
- Kiểm kê giang thuyền.
- Giá biểu qua phà.
- Đăng bộ công xa.
- Hoạt động của ngành hàng không, hỏa xa.
- Tài liệu về khai thác các hầm đá.
- Tài liệu về việc đảm bảo an ninh và cung cấp điện, nước.
- Tài liệu về công tác bưu chính.
- Hồ sơ xin phép mở tiệm sửa chữa máy thu thanh.

PHÔNG VIỄN THÔNG VIỆT NAM

- **Số lượng tài liệu:** 14 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1952 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục (không tra cứu được).

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Nha Tổng Giám đốc Bưu điện thành lập theo Biên bản chuyển giao thẩm quyền bưu điện và viễn thông của Chính phủ Pháp cho Chính phủ Việt Nam vào ngày 10/01/1951 và Nghị định số 383-Cab/SG ngày 27/5/1952 về tổ chức Bưu điện Việt Nam⁽¹⁾. Theo đó, Nha Viễn thông được thành lập và nằm trực thuộc Nha Tổng Giám đốc Bưu điện trực thuộc Bộ Công chánh Giao thông và Bưu điện (sau là Bộ Công chánh và Giao thông).

Ngày 25/6/1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ký Sắc lệnh số 585-TT/SL v/v thành lập Cơ quan Viễn thông Việt Nam⁽²⁾. Đây là cơ quan duy nhất có chức năng cung cấp dịch vụ viễn thông dân sự, cùng các mạch viễn thông quốc tế và quốc nội tại Việt Nam Cộng hòa. Viễn thông Việt Nam có một Hội đồng Quản trị gồm 9 thành viên do Thủ tướng bổ nhiệm. Số thành viên là nhân viên của Chính phủ chiếm tối đa là 2/3 thành viên của Hội đồng. Tiếp theo đó, ngày 06/8/1973, Thủ tướng Chính

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1963, trang 406*

(2) *Công báo VNCH, năm 1973, trang 3142*

phủ Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 132-SL/GTBD ấn định các thể thức về quản trị, điều hành tài chính, kế toán, kiểm soát và điều kiện chuyển tiếp của Viễn thông Việt Nam⁽¹⁾.

Tổ chức và hoạt động của cơ quan này tiếp tục tồn tại cho đến ngày chế độ ngụy quyền miền Nam sụp đổ vào tháng 4/1975.

II. NỘI DUNG SƠ LƯỢC TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng chỉ có hồ sơ cá nhân của nhân viên, không có tài liệu phản ánh hoạt động của ngành viễn thông Việt Nam Cộng hòa.

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1973, trang 4037*

PHÒNG BỘ CANH NÔNG

- **Số lượng tài liệu:** 03,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1952-1974.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1952, Bộ Canh nông được thành lập theo Sắc lệnh số 81-CN ngày 8/8/1952⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này, Bộ Canh nông được tách ra từ Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động.

Cũng trong năm 1952, với Nghị định số 43/BCN/ND ngày 04/12/1952, tổ chức Bộ Canh nông được ấn định như sau⁽²⁾:

- Các cơ quan chánh danh của Bộ: Nha Đồng lý Văn phòng, Nha Tổng Thư ký.

- Các cơ quan chuyên môn: Nha Canh nông, Nha Mục súc, Nha Thủy lâm, Nha Khảo cứu và Sưu tầm Nông lâm, Nha Hồ tương Nông lâm, Nha Giáo dục Chuyên môn và Thực hành.

- Các cơ quan tư vấn và tổ chức tự trị: Hội đồng Canh nông, các Phòng Canh nông, các tổ chức chuyên nghiệp canh nông, Liên hiệp Túc mẽ Cục.

(1) Hồ sơ số 4061, phòng Phủ Thủ tướng VHCN

(2) Hồ sơ số 4061, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Năm 1954, Bộ Canh nông có thêm một nha, đó là Nha Cải cách Điền địa được thiết lập do Nghị định số 66-BCN/ND ngày 19/11/1954. Một năm sau đó, Nha này lại được tách ra theo Nghị định số 372-PThT/TTK ngày 23/5/1955 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 1961, với Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và Nghị định số 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 ấn định tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn, thì Bộ Canh nông đã được sáp nhập vào Bộ Cải tiến Nông thôn⁽¹⁾.

Năm 1965, Bộ Cải tiến Nông thôn đổi tên thành Bộ Canh nông do Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC ngày 16/8/1965⁽²⁾.

Sang nền Đệ nhị Cộng hòa, Bộ Canh nông được cải danh thành Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông.

Theo Sắc lệnh số 65-SL/CCĐĐ-CN ngày 25/6/1968, Nghị định số 579-BCCĐĐCN/HCTC4/NĐ ngày 27/7/1968 và sau cuộc cải tổ Nội các tháng 8/1969 Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông lại được cải danh thành Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp⁽³⁾.

Năm 1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM ngày 17/3/1972 do Thủ tướng ban hành, Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp đổi tên thành Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư mục⁽⁴⁾.

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1963, trang 333*

(2) *Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 254*

(3) *Niên giám Hành chánh, năm 1971, trang 217*

(4) *Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

Năm 1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã cải danh Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư mục thành Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa bằng Sắc lệnh số 267-/SL ngày 30/3/1973⁽¹⁾.

Cũng trong năm này, với Sắc lệnh số 955-TT/SL ngày 20/10/1973, Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa lại được cải danh thành Bộ Canh nông.

Năm 1974, Thủ tướng Chính phủ ra Sắc lệnh số 178-SL/CN ngày 29/7/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Canh nông như sau⁽²⁾:

+ Các cơ quan Trung ương:

- Thành phần chỉ đạo: Tổng trưởng Canh nông và các phụ tá, Văn phòng Tổng trưởng.

- Thành phần chuyên môn và hành chánh gồm: Khối Thanh tra, Khối Kế hoạch và Kỹ thuật, Khối Chấp hành Trung ương, Khối Yểm trợ.

Năm 1974, Bộ Canh nông chấm dứt hoạt động khi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 1.100-TT/SL ngày 28/11/1974 cải biến Bộ Canh nông thành Bộ Canh nông và Kỹ nghệ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động của Bộ Canh nông và các đơn vị trực thuộc.

(1) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Kế hoạch cộng đồng an ninh và cộng đồng phát triển địa phương.

- Phúc trình v/v kiểm tra nông nghiệp tỉnh An Giang.

- Tài liệu nghiên cứu, cứu xét đề nghị về lệ phí điền thổ, cải hóa rừng vĩnh viễn.

- Tập san, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt.

- Nghị định v/v phân phối giờ dạy đối với các trường Canh nông Thực hành Cần Thơ và Huế.

- Dự án ngân sách.

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ, các ty.

- Nghị định, quyết định về nhân sự.

- Danh sách giới chức có điện thoại tại công sở và tư thất.

PHÒNG BỘ CẢI TIẾN NÔNG THÔN

- **Số lượng tài liệu:** 01,6 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1961-1965.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1961, Bộ Cải tiến Nông thôn được thành lập và ấn định tổ chức bằng các Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và Nghị định số 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 của Bộ Cải tiến Nông thôn⁽¹⁾.

Bộ Cải tiến Nông thôn đảm nhiệm các trách vụ của các Bộ Canh nông, Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa, Phủ Tổng ủy Hợp tác xã và Nông tìn, Phủ Tổng ủy Dinh điền, Sở Kiến thiết Nông thôn.

Tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn gồm có các cơ quan trung ương, các cơ quan ngoại thuộc và các cơ quan đặc biệt:

- + Cơ quan Trung ương:
- Nha Đồng lý Văn phòng;
- Nha Tổng Thư ký;

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1963, trang 333*

- Nha Thanh tra.
- + Cơ quan ngoại thuộc:
 - Tổng nha Điền địa;
 - Nha Lâm vụ;
 - Nha Mục súc;
 - Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn;
 - Nha Khảo cứu;
 - Thảo cầm viên.
- + Cơ quan đặc biệt:
 - Phủ Tổng ủy Hợp tác xã Nông tón;
 - Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ.

Năm 1965, Bộ Cải tiến Nông thôn chấm dứt nhiệm vụ bằng các Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC ngày 16/8/1965⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Tập biên bản họp.
- Hồ sơ v/v tiếp tế thuốc cho các địa điểm dinh điền chưa địa phương hóa.
- Công văn trao đổi về xuất, nhập cảng mục súc, giống, thức ăn gia súc.

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 254*

- Chứng từ v/v xây cất tại các kho trữ mật.
- Bản tin tức; tập san.
- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ, các ty.

PHÔNG BỘ CANH NÔNG VÀ KỸ NGHỆ

- **Số lượng tài liệu:** 0,2 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 28/11/1974-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1974, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 1.100- TT/SL ngày 28/11/1974 cải biến Bộ Canh nông thành Bộ Canh nông và Kỹ nghệ với sự sáp nhập của Nha Phát triển Kỹ nghệ từ Bộ Thương mại và Kỹ nghệ⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Sắc lệnh, Nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ.
- Nghị định v/v ủy quyền cho Thứ trưởng Bộ Canh nông và Kỹ nghệ.

(1) Hồ sơ số 874, phòng Bộ Thương mại Tiếp tế

PHÔNG PHỦ TỔNG ỦY DINH ĐIỀN

- **Số lượng tài liệu:** 457,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 23/4/1957-28/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, dính kết.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Phủ Tổng ủy Dinh điền là cơ quan trực thuộc Phủ Tổng thống theo Sắc lệnh số 103-TTP ngày 23/4/1957 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa⁽¹⁾. Cơ quan này đặt dưới quyền kiểm soát và điều hành của Phó Tổng thống với nhiệm vụ:

- Sưu tầm và áp dụng những phương pháp kỹ thuật để khai khẩn ruộng đất bỏ hoang để tăng cường diện tích canh tác;

- Di chuyển và phân cấp đất đai cho các phần tử nông nghiệp muốn khai thác và giúp đỡ họ với mọi phương tiện sẵn có;

- Tăng cường sức sản xuất, cải thiện cơ cấu nông thôn trên mọi phương diện;

- Đệ trình Tổng thống những kế hoạch thích hợp và theo dõi việc thực hiện kế hoạch.

(1) *Niên giám Hành chánh, năm 1957, trang 48*

Tổ chức của Phủ Tổng ủy Dinh điền gồm có Văn phòng và các nha, sở nội thuộc.

Năm 1961, với Sắc lệnh số 120-TTP ngày 28/5/1961, Nghị định 1186-CTNT ngày 28/11/1961 và 181-BCTNT/NĐ ngày 26/4/1962 về việc ấn định tổ chức của Bộ Cải tiến Nông thôn thì Phủ Tổng ủy Dinh điền là cơ quan trực thuộc của Bộ này⁽¹⁾.

Năm 1963, Sắc lệnh số 9-TTP ngày 12/11/1963 bãi bỏ Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ và thiết lập Phủ Tổng ủy Tân sinh Nông thôn trực thuộc Phủ Thủ Tướng⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Các Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định về tổ chức bộ máy Phủ Tổng ủy Dinh điền.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình của Phủ Tổng ủy Dinh điền, các Nha, Sở trực thuộc.

- Báo cáo hoạt động của các địa điểm dinh điền.

- Tập lưu công văn.

- Tài liệu về nhân viên: Các Quyết định, sự vụ lệnh về tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển, lương bổng nhân viên, thi đua khen thưởng.

- Hồ sơ nhân viên, tờ khai gia đình, đơn xin đi định cư.

- Bảng chấm công, bảng lương.

(1) *Niên giám Hành chính, năm 1963, trang 333*

(2) *Công báo VNCH, năm 1963, trang 85*

- Huấn thị và tài liệu liên quan đến học tập.
- Tài liệu về hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng hòa Dân điền.
 - Các dự án thành lập các địa điểm dinh điền.
 - Hồ sơ thăm viếng các địa điểm dinh điền.
 - Chứng từ v/v xây dựng nhà ở, làm cầu đường vào các khu dinh điền, trợ cấp, thanh toán cho nhân viên.
 - Chứng từ nhận hàng viện trợ Mỹ.
 - Dự trù ngân sách của các nha, sở.
 - Phiếu đặt hàng, khảo giá vật tư, cây trồng.
 - Tài liệu về việc xây dựng, sửa chữa và sử dụng công xa, công ốc.
 - Tài liệu về đồng bào di dân, danh sách gia đình đi định cư.
 - Tài liệu v/v cấp phát ruộng đất cho đồng bào di cư.
 - Tập giấy biên nhận tiền, danh sách cấp phát gạo và tặng phẩm cho đồng bào.
 - Tài liệu về việc kiểm soát dân vệ, bảng kê cấp vũ khí, phiếu lý lịch dân vệ, hướng dẫn thanh niên bảo vệ hương thôn.

PHÔNG NHA CANH NÔNG

- **Số lượng tài liệu:** 60 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1932-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Theo Nghị định số 43/BCN/ND ngày 4/12/1952 thì Nha Canh nông là một cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Canh nông⁽¹⁾.

Năm 1961, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn thuộc Bộ Cải tiến Nông thôn tiếp thu phương tiện từ Sở Canh nông Công tác của Nha Quốc gia Canh nông theo Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961⁽²⁾.

Năm 1965, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn thuộc Bộ Canh nông theo Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965⁽³⁾.

Với Nghị định số 136/CCĐĐNNM/HCTC-4 ngày 07/2/1973 Nha Canh nông được thành lập lại thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục⁽⁴⁾.

(1) Hồ sơ số 4061, phong Phủ Thủ Tướng VNCH

(2) Niên giám Hành chánh, năm 1963, trang 344

(3) Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 254

(4) Hồ sơ số 9405, phong Phủ Thủ tướng VNCH

Năm 1974, Nha Canh nông thuộc Bộ Canh nông, và sau đó là Tổng nha Nông nghiệp, Bộ Canh nông theo Sắc lệnh số 178-SL/CN ngày 29/7/1974 với tổ chức và nhiệm vụ:

- Soạn thảo và thực hiện các chương trình sản xuất nông sản.

- Khảo cứu việc chế biến tồn trữ và sử dụng các nông, lâm, ngư, súc sản và phó sản liên hệ.

- Thực nghiệm, ứng dụng, phổ biến những kỹ thuật canh tác tân tiến.

- Khảo cứu, thực nghiệm, tuyển chọn và phổ biến các giống tốt về lúa gạo và các hoa màu phụ.

- Khảo cứu các đặc tính lý hóa của đất đai và việc áp dụng phân bón thích hợp cho mỗi loại đất và mỗi loại hoa màu.

- Khảo cứu, áp dụng các thể lệ về việc kiểm soát và sử dụng phân bón, thuốc sát trùng liên hệ đến nông nghiệp.

- Nghiên cứu và áp dụng thể lệ kiểm soát phẩm chất các nông phẩm nội địa hay xuất nhập cảng về phương diện vệ sinh và bệnh thảo mộc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Kế hoạch, báo cáo, chương trình, phúc trình của Sở Lúa gạo, các Ty Nông vụ.

- Hội nghị, hội thảo.

- Tài liệu về nhân viên: Quyết định, sự vụ lệnh...

- Tài liệu học tập.

- Tài liệu hướng dẫn về trồng trọt.
- Tài liệu v/v phát triển nghề tầm tang.
- Tình hình sản xuất lúa gạo.
- Công văn xin cấp phân bón hóa học.
- Giám định hạt giống.
- Phiếu khảo nghiệm gạo nhập cảng.
- Ước phí canh tác lúa gạo.
- Tập thông báo khí tượng hàng ngày của Nha Khí tượng (Bộ Giao thông Công chánh).
- Bảng kê chi tiết liên quan đến chương trình gây giống do trại thí nghiệm của các Ty Nông nghiệp.
- Tờ thuận tá, khế ước tá điền.
- Chứng từ chi tiêu, chứng từ xuất nhập vật tư, phân bón.
- Chứng thư kiểm chế trà.
- Tập phiếu phân chất (kiểm tra chất lượng gạo).
- Dự thảo quy chế sản xuất nước tương và tàu vị yếu...

PHÒNG NHÀ NGƯ NGHIỆP

- **Số lượng tài liệu:** 11,2 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1963- 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Nghị định số 356-BKT/NĐ ngày 25/6/1957 của Bộ Kinh tế thì Nha Ngư nghiệp là cơ quan thuộc Bộ Kinh tế⁽¹⁾.

Ngày 20/11/1963, với Nghị định số 83-TTP/VP thì Nha Ngư nghiệp được sáp nhập vào Bộ Cải tiến Nông thôn⁽²⁾.

Năm 1965, Nha Ngư nghiệp là cơ quan trực thuộc Bộ Canh nông được quy định trong Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC/3 ngày 16/8/1965 với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức như sau⁽³⁾:

+ Chức năng, nhiệm vụ:

- Soạn thảo và thực hiện chương trình phát triển ngư nghiệp;
- Sưu tầm, nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến kỹ thuật tân tiến trong lãnh vực khai thác, chế biến và nuôi dưỡng thủy sản;

(1) Hồ sơ số 9348, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Công báo VNCH, năm 1963, trang 57

(3) Công báo VNCH, năm 1965, trang 2775 và 3419

- Soạn thảo và áp dụng luật lệ trong việc bảo tồn và khai thác thủy sản.

+ Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, Thanh tra, Phòng Văn thư, các Sở Khai thác Thủy sản, Kỹ nghệ Ngư sản, Kinh xã Ngư nghiệp, Dưỡng ngư và các Khu Ngư nghiệp.

Năm 1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM ngày 17/3/1972 thì Nha Ngư nghiệp là cơ quan thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục.

Ngày 30/3/1973, Tổng thống ban hành Sắc lệnh số 267-TT/SL cải danh Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục thành Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa thì Nha Ngư nghiệp thuộc Bộ này.

Ngày 23/10/1973, Nha Ngư nghiệp thuộc Bộ Canh nông theo Sắc lệnh số 955-TT/SL.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Báo cáo hoạt động của Nha, Công ty.
- Hội nghị, đại hội thường niên.
- Công cán trong và ngoài nước.
- Tài liệu nguyên tắc về ngư nghiệp.
- Kế hoạch, dự án phát triển ngư nghiệp, nhập cảng tàu.
- Phúc trình về khảo cứu tiềm năng ngư nghiệp.
- Tiêu chuẩn điều giải các vụ vi phạm lãnh hải ngư nghiệp.
- Kỹ thuật đánh cá, mẫu lưới, chỉ sơi, ngư cụ.

- Dự án ngân sách, thỏa ước vay tiền của ADB, chương trình viện trợ Mỹ.
- Chứng từ chi tiêu, chứng từ xuất, nhập vật tư.
- Cứu trợ và huấn luyện ngư phủ.

PHÒNG NHA THỦY LÂM

- **Số lượng tài liệu:** 93 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1923-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Nghị định số 43/BCN/ND ngày 4/12/1952, Nha Thủy lâm là cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Canh nông⁽¹⁾.

Theo Nghị định số 1186-CTNT ngày 28/11/1961 thì Nha này được đổi thành Nha Lâm vụ⁽²⁾ thuộc Bộ Cải tiến Nông thôn.

Năm 1965, Nha Lâm vụ thuộc Bộ Canh nông theo Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965 và Nghị định số 467-BCN/NĐ/HCTC ngày 16/8/1965⁽³⁾.

Đến năm 1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM ngày 17/3/1972 thì Nha Thủy lâm thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục⁽⁴⁾.

Năm 1973, Nha Thủy lâm thuộc Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa theo Sắc lệnh số 267-TT/SL ngày 30/3/1973⁽⁵⁾.

(1) Hồ sơ số 4061, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Niên giám Hành chính, năm 1963, trang 333

(3) Niên giám Hành chính, năm 1967, trang 254

(4) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(5) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Sắc lệnh số 178-SL/CN ngày 29/7/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Canh nông, thì Nha Thủy lâm là một cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Canh nông với nhiệm vụ⁽¹⁾:

- Nghiên cứu và thi hành các biện pháp bồi dưỡng lâm phần và bảo vệ thiên nhiên.

- Quy định và kiểm soát việc khai thác lâm sản.

- Nghiên cứu và thi hành lâm luật.

- Hướng dẫn hoạt động kỹ nghệ lâm sản.

Nha Thủy lâm chịu sự điều hành của Tổng Giám đốc Tổng nha Nông nghiệp và do một giám đốc điều khiển và một phó giám đốc phụ tá. Cơ cấu tổ chức bao gồm:

+ Phòng Hành chánh và Công văn.

+ Phòng Tài chánh và Ngoại viện.

+ Sở Kế hoạch và Ngoại viện.

+ Sở Pháp chế và Kiểm soát.

+ Khu Thủy lâm liên tỉnh.

+ Ty và Hạt Thủy lâm.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình hoạt động của Nha, của các sở, ty, hạt trực thuộc.

- Tập lưu công văn, nghị định, sự vụ lệnh.

(1) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Hội nghị trong nước và quốc tế về bảo vệ rừng và thiên nhiên.

- Các văn bản pháp quy ấn định quy chế bảo vệ rừng.

- Đơn tố cáo, tập biên bản kiểm chứng, biên bản vi phạm lâm luật, phúc trình các phiên tòa xử vi phạm lâm luật.

- Bản tính thuế lâm sản, hồ sơ đấu giá, tịch thu gỗ.

- Hồ sơ vấn đề định các loại hóa chất để bảo vệ mùa màng.

- Dự án, chứng từ chi phí tái thiết và trồng rừng.

- Hồ sơ v/v cải hóa rừng, thiết lập các khu rừng.

- Báo cáo diện tích, kỹ thuật, bản đồ trồng cây.

- Hs v/v phân phối hạt giống, xuất cảng gỗ.

- Tập khế ước, hồ sơ điều tra các nhà khai thác gỗ.

- Thống kê lâm sản.

- Dự án ngân sách: sổ tài sản, kiểm kê vật tư, nhiên liệu.

- Văn kiện nguyên tắc về tài chính.

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy.

- Văn kiện nguyên tắc ấn định quy chế ngạch thủy lâm và quản trị nhân viên.

- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên; hồ sơ cá nhân; huấn luyện nhân viên.

- Tài liệu học tập.

PHÔNG NHA THỦY NÔNG VÀ CÔNG TÁC NÔNG THÔN

- **Số lượng tài liệu:** 08,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1963-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn được thành lập theo Nghị định số 199-CTNT/NĐ ngày 08/5/1962 của Bộ Cải tiến Nông thôn⁽¹⁾.

Năm 1965, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn được sáp nhập vào Bộ Canh nông bằng Nghị định số 468-BCN/NĐ/HCTC3 ngày 16/8/1965⁽²⁾.

Ngày 17/3/1972, với Sắc lệnh số 033-SL/CCĐĐ-PTNNM thì Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn là cơ quan thuộc Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông Ngư Mục⁽³⁾.

Với Nghị định số 136/CCĐĐNNM/HCTC4 ngày 07/2/1973, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Nha được quy định như sau⁽⁴⁾:

(1) Công báo VNCH, năm 1962, trang 1584

(2) Công báo VNCH, năm 1965, trang 3419

(3) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

+ Chức năng và nhiệm vụ:

- Phát triển và điều chế các nguồn lợi thủy ứng dụng vào nông nghiệp;

- Quản trị và kiểm soát việc sử dụng sông ngòi và nguồn nước về phương diện thủy nông;

- Nghiên cứu, tổ chức, thực hiện, quy định và kiểm soát các hệ thống thủy nông.

+ Cơ cấu tổ chức:

- Phòng Điều hành;

- Phòng Ngân sách và Kế toán;

- Sở Điều thủy;

- Sở Quản thủy và Nông tác.

Ngày 03/4/1973, Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn là cơ quan thuộc Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa theo Sắc lệnh số 267-TT/SL của Tổng thống VNCH⁽¹⁾.

Cơ quan này thuộc Bộ Canh nông khi Bộ Phát triển Nông nghiệp và Điền địa được đổi tên là Bộ Canh nông được quy định do Sắc lệnh số 955-TT/SL ngày 23/10/1973⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Kế hoạch, báo cáo hoạt động của Nha.

(1) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9405, phòng Phủ thủ tướng VNCH

- Hội nghị.
- Bản đồ ranh giới các tỉnh.
- Hệ thống thủy nông, mực nước sông.
- Dự án hệ thống thủy nông.
- Tập họa đồ về công tác tu bổ các đập, kênh, mương, cống, kè, đê, đặt máy bơm nước.
- Sơ đồ hệ thống dẫn thủy.

PHÔNG VIỆN KHẢO CỨU

- **Số lượng tài liệu:** 06,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1961-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Năm 1963, Nha Khảo cứu là một cơ quan thuộc Bộ Cải tiến Nông thôn theo Nghị định số 55-BCTNT/NĐ/HCPC ngày 04/2/1963⁽¹⁾.

Theo Nghị định số 985-CN ngày 02/7/1965⁽²⁾ và Nghị định số 583 ngày 15/10/1965⁽³⁾ thì Nha Khảo cứu thuộc Bộ Canh nông.

Sang nền Đệ Nhị Cộng hòa, Bộ Canh nông được cải danh thành Bộ Cải cách Điền địa và Canh nông và Nha Khảo cứu lúc này được đổi tên là Viện Khảo cứu theo Nghị định số 834-BCCĐĐCN/HCTC⁽⁴⁾.

Theo Nghị định số 136/CCĐĐNNM/HCTC4 ngày 07/2/1973, Viện Khảo cứu là cơ quan trực thuộc Tổng nha Nông nghiệp, Bộ Cải cách Điền địa và Phát triển Nông - Ngư - Mục⁽⁵⁾.

(1) Công báo VNCH, năm 1963, trang 575

(2) Công báo VNCH, năm 1965, trang 2775

(3) Công báo VNCH, năm 1965, trang 4497

(4) Công báo VNCH, năm 1965, trang 6541

(5) Hồ sơ số 9405, phong Phủ Thủ tướng VNCH

Kể từ năm 1963, tuy có sự thay đổi cơ quan chủ quản và tên gọi nhưng cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Viện Khảo cứu cũng không có nhiều thay đổi.

+ Cơ cấu tổ chức: do một giám đốc điều khiển và một phó giám đốc phụ tá.

- Phòng Điều hành;
- Phòng Ngân sách và Kế toán;
- Phòng Kế hoạch và Liên lạc;
- Sở Nông-Súc học;
- Sở Lâm học;
- Sở Địa học;
- Sở Biển chế;
- Thảo Cầm viên;
- Thư viện;
- Ty Nông nghiệp tỉnh, thị.

+ Chức năng nhiệm vụ:

- Khảo cứu những vấn đề nông, lâm, súc về phương diện kỹ thuật.

- Khảo cứu điều kiện thổ nhưỡng và các kỹ thuật cải thiện đất đai, phân bón.

- Khảo cứu việc chế biến, bảo quản và sử dụng nông, lâm, súc sản và các phó sản liên hệ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động.
- Hội nghị, hội thảo về lai tạo giống lúa.
- Lưu công văn.
- Phúc trình công cán.
- Chăm sóc, thí nghiệm phân bón trên hoa màu.
- Tập biên bản tiếp nhận hạt giống, thực phẩm gia súc.
- Bản kê xin cấp giống cỏ, phân bón, thiết bị máy móc, viện trợ.
- Dự thảo, kết toán ngân sách.
- Chứng từ lương, chứng từ chi tiêu, chứng minh quỹ ứng trước, chứng từ xây cất chuồng trại.
- Tập phiếu đặt hàng, phiếu khảo giá, phiếu giao hàng.
- Tài liệu liên quan đến hoạt động của các trung tâm thực nghiệm tại các tỉnh.
- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu nguyên tắc quản trị nhân viên, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên, hồ sơ cá nhân.
- Tài liệu hoạt động của nhân dân tự vệ, Đoàn Thanh niên Cộng hòa Nha Khảo cứu.

PHÔNG TỔNG CUỘC PHÁT TRIỂN GIA CƯ

- **Số lượng tài liệu:** 238,2 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1951-29/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính; Tài liệu kỹ thuật (họa đồ, bản vẽ thiết kế).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Quốc gia Kiến ốc Cục được thiết lập tại Bộ Kế hoạch và Kiến thiết bằng Nghị định số 291-Cab/SG ngày 15/6/1951⁽¹⁾. Cơ quan này đặt dưới quyền điều hành và kiểm soát của Tổng trưởng Bộ Kế hoạch.

Năm 1958, với Nghị định số 2113-Tp/VP ngày 5/12/1958 của Tổng thống VNCH, Quốc gia Kiến ốc Cục bị bãi bỏ và được thay thế bằng Ban Doanh lý Kiến thiết đặt dưới quyền trực tiếp của Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống⁽²⁾.

Năm 1963, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 69-TTP/VP ngày 16/11/1963 sáp nhập Ban Doanh lý Kiến thiết vào Bộ Công chánh và Giao thông⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(2) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(3) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

Năm 1967, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương ban hành Sắc lệnh số 112-SL/CC ngày 7/8/1967 cải tổ Ban Doanh lý Kiến thiết trực thuộc Bộ Công chánh thành Tổng Cục Gia cư⁽¹⁾.

Năm 1967, Bộ Công chánh ban hành Nghị định số 67/282-NĐ/CC ngày 17/10/1967 ấn định tổ chức điều hành của Tổng Cục Gia cư⁽²⁾.

Năm 1970, Tổng trưởng Công chánh ra Nghị định số 198-CC/VP-TTK/PC.NĐ ngày 7/12/1970 sửa đổi Nghị định số 62/282/NĐ/CC ngày 17/10/1967 về tổ chức và điều hành của Tổng cục Gia cư⁽³⁾.

Năm 1972, do Sắc lệnh số 005-SL/CC ngày 17/4/1972 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Gia cư được cải biến thành Tổng cục Phát triển Gia cư và Địa ốc⁽⁴⁾.

Năm 1973, Thủ tướng Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 096-SL/Th.T/QTCs ngày 31/5/1973 đặt Tổng cục Phát triển Gia cư và Địa ốc thuộc quyền giám hộ của Thủ tướng Chính phủ⁽⁵⁾. Cũng trong năm 1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 658-TT/SL ngày 18/7/1973 thành lập Tổng cuộc Phát triển Gia cư và giải tán Tổng cục Phát triển Gia cư và Địa ốc⁽⁶⁾.

Ngày 12/10/1973, Tổng cuộc trưởng Phát triển Gia cư ra Quyết định số 153/TCGC/QT/HC/QĐ ấn định tổ chức chi tiết Tổng cuộc Gia cư⁽⁷⁾.

(1) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(2) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(3) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(4) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(5) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(6) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

(7) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

Ngày 24/11/1973, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 1040- TT/SL sửa đổi Sắc lệnh số 658-TT/SL ngày 18/7/1973⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này, Tổng cuộc Phát triển Gia cư được đặt dưới quyền giám hộ của Thủ Thủ tướng.

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cuộc Phát triển Gia cư như sau:

Về cơ cấu tổ chức:

- Văn phòng Tổng cuộc Trưởng;
- Nha Tạo tác;
- Nha Nghiên cứu Kỹ thuật;
- Nha Địa ốc;
- Nha Quản trị;
- Nha Doanh lý;
- Nha Tín dụng và Thương mại;
- Các Cuộc Phát triển Gia cư ở các tỉnh, thị.

Về chức năng nhiệm vụ:

- Đề nghị các chính sách quốc gia về phát triển gia cư và địa ốc;

- Nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan trung ương và địa phương thực hiện việc chỉnh trang lãnh thổ, khuyến khích trường kỹ nghệ gia cư và địa ốc;

- Nghiên cứu và thực hiện các dự án tạo tác được Chính phủ giao phó;

(1) Hồ sơ số 1200, phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư

- Khuyến khích và yểm trợ các chương trình tín dụng gia cư;

- Huy động, vay mượn và nhận lãnh các nguồn tài nguyên trong và ngoài nước để tài trợ cho chính sách phát triển gia cư của Chính phủ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Hồ sơ thành lập và ấn định tổ chức điều hành của Tổng cuộc Phát triển Gia cư và các nha, sở trực thuộc.

- Tài liệu về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, giải nhiệm đối với cán bộ công chức.

- Tài liệu về khen thưởng, kỷ luật.

- Tài liệu về lương bổng, phụ cấp.

- Tài liệu về động viên quân dịch, quân nhân biệt phái.

- Tài liệu về an ninh hành chánh.

- Tài liệu về kế toán.

- Tập lưu công văn.

- Chương trình, kế hoạch và báo cáo hoạt động của Tổng cuộc và các nha, sở trực thuộc.

- Hồ sơ các phiên họp của Hội đồng Quản trị Tổng cuộc.

- Tài liệu về việc hợp tác kinh tế kỹ thuật với các nước.

- Hồ sơ các công trình xây dựng nhà cửa, kiến thiết, chỉnh trang đô thị.

- Hồ sơ mua bán, cấp phát đất đai, nhà cửa.

- Tài liệu tham khảo về công tác chuyên môn và công tác tổ chức hành chính, quản trị.

PHÔNG NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

- **Số lượng tài liệu:** 118 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1948 - 30/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tương đối tốt.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Thỏa hiệp Quốc gia Liên kết ngày 29/12/1954 thì Chính phủ Pháp đã giao thẩm quyền phát hành tiền tệ cho các Chính phủ Ai Lao, Cao Miên và Việt Nam⁽¹⁾. Trên cơ sở đó, Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam đã ban hành Dự số 48 ngày 31/12/1954 về việc thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam⁽²⁾. Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và cũng nhằm củng cố tổ chức ngày càng hoàn thiện hơn, ngày 03/9/1966, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương đã ký Sắc luật số 020/SLU sửa đổi và bổ túc Dự số 48 về tổ chức và nhiệm vụ của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam⁽³⁾.

Theo đó, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam có nhiệm vụ sau:

- Có đặc quyền phát hành giấy bạc và tiền kim khí Việt Nam;

(1) *Niên giám VNCH, năm 1971*

(2) *Công báo VNCH, năm 1955, trang 311*

(3) *Công báo VNCH, năm 1966, trang 3844/27*

- Tạo lập một hệ thống tiền tệ thích nghi trong khuôn khổ Hiến pháp và luật lệ, góp phần vào việc ổn định và khuếch trương sản xuất;

- Bảo vệ giá trị tiền Việt Nam trong và ngoài nước;

- Nhận tiền ký thác, kiểm soát điều hành tín dụng và hối đoái;

- Cố vấn Chính phủ trong các vấn đề kinh tế và tài chính.

Ngân hàng Quốc gia Việt Nam có tư cách pháp nhân và tài chính tự trị. Ngân hàng đặt dưới quyền điều khiển tổng quát của một Thống đốc và một Phó Thống đốc với nhiệm kỳ 5 năm. Việc quản trị Ngân hàng Quốc gia do một Hội đồng đảm nhiệm, do Thống đốc làm Chủ tịch.

Tổ chức của Ngân hàng Quốc gia gồm có:

+ Trực thuộc Thống đốc

- Văn phòng Thống đốc;

- Nha Tổng Thư ký;

- Nha Thanh tra Ngân hàng;

- Nha Pháp chế.

+ Nha Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- Nha Ngoại vụ;

- Nha Ngoại viện;

- Nha Khảo cứu;

- Nha Ngân quỹ;

- Nha Phát hành.

+ Nha Tổng Giám đốc Hối đoái :

- Nha Chuyển ngân;
- Nha Kiểm soát Hối đoái;
- Nha Điện toán.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu chủ yếu trong phòng gồm có:

- Phúc trình hàng quý, năm của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Quỹ Phát triển Kinh tế Quốc gia, Nha Thanh tra Ngân hàng.

- Hồ sơ các phiên họp của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Hội đồng Tối cao Tiền tệ Tín dụng, HĐQT của Việt Nam Thương tín.

- Tài liệu về việc phê chuẩn kết quả tài chánh hàng năm.

- Tu chính ngân sách khai thác.

- Các biểu lãi suất.

- Thanh toán Khối Liên hiệp tiền tệ giữa Việt - Miên - Lào.

- Các dự án của các công ty, xí nghiệp.

- Hồ sơ nguyên tắc nhập cảng, hối suất, hối đoái, thể thức viện trợ Mỹ.

- Bảng liệt kê tín dụng thư của Việt Nam Ngân hàng đã tất toán.

- Bảng sao kê tài khoản.

- Phiếu xuất, nhập cảng của các công ty, xí nghiệp.

- Tín dụng thư nhập cảng của các ngân hàng.
- Tín dụng thư nhập cảng qua viện trợ Mỹ.
- Chứng từ hàng nhập.
- Sổ thu đổi ngoại tệ.
- Sổ cái ngoại tệ của Việt Nam Công thương Ngân hàng.
- Tài liệu của Quỹ Tái tài trợ.
- Hồ sơ các dự án vay tiền Quốc tế.
- Sổ theo dõi tình hình thanh toán tài sản Pháp kiều và tín dụng thư của Ngân hàng Mã Nhật Tân.
- Danh sách chuyển ngân du học.
- Thống kê ngoại thương, thống kê nhập cảng.
- Hồ sơ nhập cảng của các công ty qua viện trợ Mỹ của các ngân hàng.
- Sổ cấp giấy phép nhập cảng.
- Sổ ký quỹ, sổ thu đổi ngoại tệ.
- Sổ danh bộ và địa chỉ của các nhà xuất, nhập cảng.

PHÔNG NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (NÔNG TÍN CUỘC)

- **Số lượng tài liệu:** 18,2 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1957-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp được thành lập bằng Sắc lệnh số 67-ĐT/CCĐĐ ngày 1/4/1957 với tên gọi là Quốc gia Nông tín Cuộc⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này, Quốc gia Nông tín Cuộc là cơ quan thuộc Bộ Điền thổ và Cải cách Điền địa.

Năm 1959, Quốc gia Nông tín Cuộc được sáp nhập vào Phủ Tổng ủy Hợp Tác xã và Nông tín theo Sắc lệnh số 41-TTP ngày 27/2/1959⁽²⁾.

Năm 1965, với Sắc lệnh số 192-QGNTC ngày 22/9/1965 sửa đổi Sắc lệnh số 67-ĐT/CCĐĐ ngày 1/4/1957, thì Quốc gia Nông tín Cuộc là một cơ quan công lập có tư cách pháp nhân và tài chánh tự trị⁽³⁾.

(1) *Công báo VNCH, năm 1957, trang 1232*

(2) *Công báo VNCH, năm 1959, trang 813*

(3) *Công báo VNCH, năm 1965, trang 3831*

Năm 1967, Chủ tịch UBHPTW ban hành Sắc lệnh số 27-SL/CN ngày 31/1/1967 thành lập Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp thay thế cho Quốc gia Nông tín Cuộc⁽¹⁾.

Trong quá trình thành lập và phát triển, Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Phát triển kinh tế nông nghiệp;
- Cải thiện đời sống nông thôn;
- Góp phần thực hiện chính sách tín dụng nông nghiệp của chính phủ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Toàn bộ tài liệu trong phòng là hồ sơ vay tiền của các cá nhân, để phát triển các nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

(1) Công báo VNCH, năm 1967, trang 570

PHÒNG CHI NHÁNH NGÂN HÀNG BANGKOK TẠI SÀI GÒN

- **Số lượng tài liệu:** 05,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1961-1973.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Chi nhánh Ngân hàng Bangkok tại Sài Gòn là một chi nhánh của Bangkok Bank Limited (Thái Lan), được phép chính thức hoạt động tại Sài Gòn từ ngày 01/8/1961 theo Quyết định số 278-BTC/TN ngày 24/2/1961 của Bộ Tài chính.

Theo Biên bản họp của Hội đồng liên Bộ số 578-PT/VP/LB/M ngày 5/8/1961 v/v xem xét thỉnh cầu của Ngân hàng Bangkok xin được thừa nhận làm ngân hàng trung gian để thực hiện nhiệm vụ về chuyển ngân, xuất nhập cảng, sau khi thảo luận, Hội đồng liên Bộ nhất trí thừa nhận Bangkok Bank là một “ngân hàng trung gian”.

Như vậy, Chi nhánh Ngân hàng Bangkok tại Sài Gòn là ngân hàng ngoại quốc, là một tổ chức tư nhân, là phương tiện hối đoái tiền tệ giữa nước này với nước khác.

Bangkok Bank hoạt động đến tháng 6/1974 thì chấm dứt sự tồn tại chi nhánh tại Việt Nam Cộng hòa.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu bao gồm:

- Tài liệu nguyên tắc về tài chính.
- Thủ tục chứng chỉ xuất cảng.
- Biên bản họp.
- Tập lưu công văn đến.
- Tình hình tín dụng thư về nghiệp vụ nhập cảng theo thể thức viện trợ Mỹ.
- Tình hình tổng kết tín dụng thư đã mở.
- Bảng tường kê giấy phép xuất cảng có nẹp ký thác.
- Bảng kê các nghiệp vụ mua chỉ tệ của khách hàng.
- Chi phí bảo hiểm rủi ro hàng năm.
- Sổ đăng ký các chi phiếu.
- Hồ sơ chuyển ngân.
- Tập lưu chuyển phiếu các đơn xin chuyển ngân.
- Tỷ giá hối đoái.

PHÔNG CƠ QUAN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ HOA KỲ (USAID)

- **Số lượng tài liệu:** 114 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1955-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Các loại công cụ tra cứu:** mục lục, cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Đại diện cho Chính phủ Hoa Kỳ trong việc thực hiện các chương trình viện trợ Mỹ là Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (United States Agency for International Development – USAID).

Ngay sau khi Ngô Đình Diệm về Sài Gòn ngày 26/4/1954 thì viện trợ Mỹ đã có tại miền Nam Việt Nam qua sự chuyển ngân của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam từ ngày 03/12/1955. Với ý đồ lập nên một chính phủ tay sai và tạo thực lực cho chính phủ tay sai của Mỹ ở miền Nam Việt Nam nhằm bành trướng chủ nghĩa tư bản của Mỹ ở Đông Nam Á và tiêu diệt Cộng sản, Mỹ đã viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa. Viện trợ của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa gồm viện trợ quân sự và viện trợ kinh tế. Viện trợ kinh tế trong khuôn khổ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ và theo chương trình Thực phẩm (hay Nông phẩm) phục vụ Hòa bình (Food for Peace).

Trong khuôn khổ của chương trình Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, viện trợ Mỹ nhằm giúp Việt Nam Cộng hòa cải thiện

các điều kiện xã hội và kinh tế bằng cách trợ giúp về mặt tài chính và kỹ thuật. Viện trợ này chia làm 3 loại:

- Cho vay để phát triển (Development Loans).
- Viện trợ Thương mại hóa (Commercial Aids).

- Các loại viện trợ khu vực công như: viện trợ kỹ thuật và thặng dư (Technical Cooperation & Development Grants) nhằm thỏa mãn nhu cầu giáo dục bằng cách cấp học bổng, giảng dạy và huấn luyện kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực: canh nông, hành chính, kỹ nghệ, lao động và y tế; viện trợ chương trình (Project Aid): những ngân khoản này được dùng để tài trợ các chương trình hạ tầng cơ sở có tính cách phi thương mại; các viện trợ khác như: định cư nạn nhân ty nạn Cộng sản, tài trợ các chương trình cảnh sát...

Trong khuôn khổ chương trình Thực phẩm phục vụ Hòa bình, viện trợ Mỹ nhằm giúp Việt Nam Cộng hòa bằng các nông phẩm thặng dư ở Mỹ. Một số các chương trình lớn như:

- Chương trình nhập cảng thương mại (CIP - Commercial Import Program). Mục đích của chương trình này là để cung cấp cho Việt Nam Cộng hòa các nhu yếu phẩm mà trong nước còn thiếu hụt nhằm ổn định nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa.

- Chương trình Thực phẩm phục vụ hòa bình (PL. 480): nhằm mục đích cung cấp các loại thực phẩm cho Việt Nam Cộng hòa, cung cấp trực tiếp thực phẩm cho các chương trình thuộc Bộ Xã hội chứ không bán trên thị trường.

- Quỹ đối giá Viện trợ Mỹ là tổng số tiền Việt Nam Cộng hòa thu hoạch được từ 2 chương trình: Chương trình nhập cảng thương mại (CIP) và Chương trình Thực phẩm phục vụ Hòa bình (PL. 480) tại Ngân hàng Quốc gia.

Theo tài liệu hiện có trong phòng, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (United States Agency for International Development – USAID) tại Việt Nam Cộng hòa vào năm 1973 được tổ chức như sau:

1. Văn phòng Giám đốc (Office of the Director), có trụ sở tại số 87 Lê Văn Duyệt;
2. Nha Điều hành (Associate Director for Management);
3. Nha Chương trình (Associate Director for Program);
4. Nha Tài vụ (Associate Director for Financial Management);
5. Nha Cố vấn Tài chính - Thương mại (Associate Director for Commercial and Capital Assistance);
6. Nha Phát triển Địa phương (Associate Director for Local Development);
7. Nha Nông nghiệp và Thực phẩm (Associate Director for Food and Agriculture);
8. Nha Cải cách Điền địa (Associate Director for Land Reform);
9. Nha Chính sách và Kế hoạch kinh tế (Associate Director for Economic Planning and Policy);
10. Nha Tái thiết và Cứu trợ (Associate Director for Relief and Rehabilitation).

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu của phòng bao gồm các nội dung sau:

1. Nha Điều hành:

- Dự án tu chỉnh tổng quát, dự trù và báo cáo ngân sách.
- Tài liệu về nhân sự.
- Các tập lưu công văn.
- Các hợp đồng kinh tế.

2. Nha Chương trình:

- Bảng kê chương trình viện trợ Mỹ.
- Dự trù kế hoạch quỹ đối giá.
- Tài liệu xin kinh phí quỹ đặc biệt.
- Tài liệu phân tích các ngân khoản tiền Việt Nam không thanh toán.
- Điện tín về chương trình nhập cảng thương mại.

3. Nha Tài vụ:

- Báo cáo tình hình ngân quỹ, ngân khoản viện trợ.
- Báo cáo tình hình thỏa hiệp án và chi phí chuyên chở.
- Hồ sơ hưởng dẫn tính lương nhân viên và công tác phí.
- Tài liệu thanh toán hợp đồng với các nhà thầu.
- Phiếu thanh toán tài sản, phế thải.

4. Nha Cố vấn Tài chánh Thương mại:

- Thỏa ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ.
- Hồ sơ về chính sách đầu tư tại Việt Nam.
- Báo cáo về tình hình nhập cảng.
- Hợp đồng nhập cảng hàng hóa.
- Tài liệu về xây dựng cầu đường liên tỉnh.

5. Nha Phát triển Địa phương:

- Tài liệu về tình hình cấp ngân khoản.
- Sổ điện toán các dự án.
- Họ đồ sân bay quân sự Cần Thơ.

6. Nha Nông nghiệp và Thực phẩm:

- Bản đồ về đất đai của Trung tâm Thực nghiệm Canh nông Đà Lạt.
- Tài liệu của Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn về tin tức cao su.
- Chương trình viện trợ nông nghiệp.
- Bảng kê của Nha Nông nghiệp và Thực phẩm về tình hình gạo dự trữ.
- Tài liệu nghiên cứu về các bệnh, các loại côn trùng phá hoại lúa.

7. Nha Cải cách Điền địa:

- Bảng kê các địa chủ trong cải cách điền địa.

8. Nha Chính sách và Kế hoạch Kinh tế:

- Đồ biểu thống kê về giá sỉ, lẻ các mặt hàng hàng tháng.
- Hồ sơ về trợ cấp xuất cảng của Việt Nam Cộng hòa.
- Bảng kê của Nha Chính sách và Kế hoạch Kinh tế về kế hoạch kinh tế, giá cả các mặt hàng tại Đà Nẵng.

9. Nha Tái thiết và Cứu trợ:

- Tập lưu công điện về tình hình chiến sự, cứu trợ và đưa trẻ em Việt Nam ra nước ngoài tháng 3-4/1975.

- Tập lưu điện tín của Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn về việc di cư tại các tỉnh.

10. Tổng Kiểm soát Khu vực:

- Cẩm nang hướng dẫn kiểm tra các hợp đồng.

- Tài liệu hướng dẫn về nhiệm vụ của kiểm soát viên tài chính.

- Hồ sơ về kiểm tra mua sắm tài sản, vật dụng cho chương trình hàng không dân sự.

- Tập lưu thỏa hiệp án các chương trình.

- Các báo cáo kiểm tra các thỏa hiệp án.

PHÔNG CÔNG TY VÔ DANH ANH EM DENIS ĐÔNG DƯƠNG

- **Số lượng tài liệu:** 02 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1959- 22/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Công ty vô danh Anh em Denis Đông Dương (Société anonyme Denis Frères de l'Indochine) được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 1922 với số vốn 2,5 triệu francs⁽¹⁾. Công ty hoạt động trên toàn Đông Dương, Pháp và các thuộc địa. Công ty chuyên xuất, nhập khẩu, ủy thác, vận chuyển quá cảnh, vận tải biển, trang thiết bị tàu biển. Ngoài ra, Công ty còn tham gia khai thác nhiều đồn điền và hầm mỏ ở Đông Dương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu gồm:

- Tài liệu về hành chính quản trị.
- Tài liệu về nhân sự.

(1) *Dương Trung Quốc - Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1919-1945), Nhà Xuất bản Giáo dục năm 2001, trang 47*

- Tài liệu về kế toán.
- Các tập catalogue quảng cáo máy móc, thiết bị.

PHÒNG VĂN PHÒNG QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA

- **Số lượng tài liệu:** 31.5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1958-24/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa được thành lập theo Sắc lệnh số 541-TT/SL ngày 19/11/1968 Tổng Thống VNCH⁽¹⁾. Theo đó, các cơ quan thuộc khối văn hóa trong tổ chức Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên thuộc quyền điều khiển của Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa.

Để hoàn thiện bộ máy Văn phòng Quốc vụ khanh, ngày 07/3/1969 Tổng thống VNCH đã ra Sắc lệnh số 21-SL/QVK/VH về việc ấn định tổ chức Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa như sau⁽²⁾:

Về nhiệm vụ:

- Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa có nhiệm vụ khai thác thành tích hoạt động văn hóa của các cơ quan văn hóa công lập, tư lập và tư nhân đồng thời tổ chức các giải thưởng

(1) *Công báo VNCH, năm 1968, trang 6717*

(2) *Công báo VNCH, năm 1969, trang 1438*

văn hóa và tìm biện pháp cải tiến, phát động các phong trào văn hóa. Ngoài ra, Văn phòng có nhiệm vụ cứu xét các văn kiện pháp lý liên quan đến các vấn đề văn hóa Việt Nam và tham gia ủy ban duyệt sáng tác - nghiên cứu...

Về mặt tổ chức, Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa bao gồm:

- Văn phòng chánh danh;
- Các cơ quan trung ương;
- Các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

Tuy nhiên, để tiện việc quản lý và hệ thống hóa tổ chức bộ máy, nên ngày 26/3/1973 Tổng thống VNCH đã ký Sắc lệnh số 490-TT/SL bãi bỏ Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, các cơ sở thuộc Phủ Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa được sáp nhập vào Bộ Giáo dục và cải danh thành Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Báo cáo hoạt động năm, tháng của Văn phòng Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa và các đơn vị trực thuộc.
- Biên bản họp chuyên môn; hồ sơ các cuộc hội thảo.
- Dự thảo kế hoạch phát triển Thư viện Quốc gia.
- Phúc trình công du ngoại quốc.
- Hồ sơ tổ chức các buổi lễ kỷ niệm truyền thống, tổ chức các buổi kịch nghệ.

(1) *Công báo VNCH, năm 1973, trang 2510*

- Hồ sơ thanh tra các vụ tố cáo về thi cử.
- Tài liệu về việc sử dụng công ốc, công thợ, tiếp liệu, các hoạt động của hành chính quản trị.
- Tập lưu công văn.
- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu về cải cách thủ tục hành chính.
- Tài liệu tham khảo về hội đàm Ba lê.
- Hồ sơ nhân viên.

PHÒNG TỔNG BỘ VĂN HÓA XÃ HỘI

- **Số lượng tài liệu:** 15.5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1966-1967.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, ố giòn.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng Bộ Văn hóa Xã hội được thành lập theo Sắc lệnh số 178-VHXX của Chủ tịch UBHPTW ngày 25/8/1965⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này, Tổng ủy viên Văn hóa Xã hội trực tiếp điều hành 4 Bộ: Bộ Giáo dục, Bộ Y tế, Bộ Xã hội, Bộ Lao động.

Tổ chức của Tổng Bộ VHXX bao gồm:

- Văn phòng;
- Hội đồng Hoạch định chính sách VHXX.

Sắc lệnh số 218-VHXX của Chủ tịch UBHPTW ngày 17/11/1965 chuyển 4 cơ quan trực thuộc Bộ Giáo dục, sang Tổng Bộ Văn hóa Xã hội, gồm: Nha Văn hóa, Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia, Nha Mỹ thuật và Viện Khảo cổ⁽²⁾.

(1) Công báo VNCH, năm 1965, trang 3288

(2) Công báo VNCH, năm 1965, trang 4587

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Hồ sơ các phiên họp của Hội đồng Nội các về văn hóa xã hội.

- Báo cáo về hoạt động của các Nha, Viện.

- Biên bản họp, hội thảo.

- Phiếu trình, công văn v/v giải quyết kỷ luật.

- Tài liệu về triển lãm mỹ thuật.

- Tài liệu về việc trích, dịch báo.

- Tài liệu v/v tổ chức các ngày lễ trong và ngoài nước.

- Tài liệu về các giải thưởng văn học nghệ thuật.

- Tài liệu về duyệt, tham dự các buổi biểu diễn kịch nghệ.

- Tài liệu v/v giải quyết vấn đề y tế nông thôn.

- Tài liệu về xây cất, sửa chữa, bố trí công ốc, công thự.

- Tài liệu về công tác an ninh hành chánh.

PHÔNG BỘ VĂN HÓA

- **Số lượng tài liệu:** 0,8 mét.
- **Thời gian của tài liệu:** 1967 - 1973.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường, một số bị hư hỏng.
- **Công cụ tra cứu :** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Bộ Văn hóa được thành lập do Sắc lệnh số 191-SL/VH ngày 06/12/1966⁽¹⁾ và được tổ chức do Nghị định số 93-VHXH/NĐ ngày 28/3/1967⁽²⁾.

Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Văn hóa được quy định rất cụ thể, bao gồm: bảo tồn, xây dựng và phát huy văn hóa truyền thống cổ truyền, phù hợp với sự phát triển của văn hóa tiên tiến trên thế giới; sưu tầm, bảo tồn và tu bổ các di tích lịch sử; lưu trữ gìn giữ những tài liệu quốc gia; xây dựng và tu bổ các thư viện; phát triển sinh hoạt văn hóa thường xuyên trên mọi lĩnh vực; ấn hành những tác phẩm cổ tiêu biểu cho văn hóa dân tộc; bảo đảm và khuyến khích tự do sáng tác và quyền tác giả; kết hợp và giúp đỡ các tổ chức văn hóa trong và ngoài nước; liên lạc để trao đổi văn hóa và tiếp nhận viện trợ của các nước; thành lập các khu văn hóa tại các địa phương; phổ biến văn hóa và văn minh Việt Nam.

(1) Hồ sơ số 9504, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9504, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu gồm có:

- Sắc lệnh, Nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ.
- Tài liệu về tổ chức của Ủy ban Điện chế Văn tự.
- Nghị định, quyết định về nhân sự.
- Biên bản họp.
- Tài liệu về biên dịch tự điển.
- Thông cáo về xây dựng.
- Tài liệu về tổ chức các ngày lễ trong và ngoài nước.
- Lưu công văn đến.

PHÒNG BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ THANH NIÊN

- **Số lượng tài liệu:**
- **Thời gian của tài liệu:** 9/1948 – 28/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Bộ Quốc gia Giáo dục và Nghi lễ là tiền thân của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Bộ Quốc gia Giáo dục và Nghi lễ được thành lập theo Sắc lệnh số 46 - SG ngày 31/7/1948 của Thủ tướng Chính phủ TW Lâm thời Việt Nam⁽¹⁾.

Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên là cơ quan TW có nhiều lần thay đổi về tổ chức và được mang các tên gọi khác nhau như:

- Sắc lệnh số 33 - GD ngày 19/9/1949 đổi tên thành Bộ Quốc gia Giáo dục⁽²⁾.

- Sắc lệnh số 22 - GD ngày 08/3/1952 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên⁽³⁾.

- Sắc lệnh số 49 - CP ngày 06/6/1952 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục⁽⁴⁾.

(1) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1957, trang 151*

(2) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1957, trang 151*

(3) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1957, trang 151*

(4) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1957, trang 152*

- Sắc lệnh số 145 - CP ngày 10/5/1955 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên⁽¹⁾.

- Sắc lệnh số 30 - TTP ngày 03/12/1955 đổi thành Bộ Quốc gia Giáo dục⁽²⁾.

- Sắc lệnh số 6 - QT/SL ngày 04/11/1964 đổi thành Bộ Văn hóa Giáo dục⁽³⁾.

- Sắc lệnh số 040 - B/QTSL ngày 16/02/1965 đổi thành Bộ Giáo dục⁽⁴⁾.

- Sắc lệnh số 11 - SL/VHGD ngày 19/01/1968 đổi thành Bộ Văn hóa Giáo dục⁽⁵⁾.

- Sắc lệnh số 67 - SL/VHGD ngày 26/6/1968 đổi thành Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên⁽⁶⁾.

- Sắc lệnh số 143 - SL/GD ngày 20/10/1969 đổi thành Bộ Giáo dục⁽⁷⁾.

- Sắc lệnh số 490 - TT/SL ngày 26/5/1973 cải danh thành Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên⁽⁸⁾.

Với Sắc lệnh số 104 - SL/VHGD TN ngày 15/5/1974, Thủ tướng Chính phủ đã ấn định nhiệm vụ của Bộ văn hóa Giáo dục và Thanh niên là nghiên cứu, soạn thảo và thi hành các luật

(1) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1957, trang 152*

(2) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1957, trang 152*

(3) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1967, trang 352*

(4) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1967, trang 352*

(5) *Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(6) *Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(7) *Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(8) *Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

lệ liên quan đến việc phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thanh niên và thể dục thể thao⁽¹⁾. Cụ thể như sau:

+ Giáo dục:

- Tổ chức chương trình học, học vụ và thí vụ bậc tiểu học, trung học, đại học thuộc các ngành phổ thông, tổng hợp, kỹ thuật và chuyên nghiệp;

- Kiến thiết, tu tạo và phát triển các học đường;

- Đào tạo giáo chức các cấp, các ngành.

+ Văn hóa:

- Phục hưng và phát triển nghệ thuật, hội họa, âm nhạc và kịch nghệ;

- Bảo tồn cổ tích lịch sử ;

- Tổ chức thư viện và văn khố.

+ Thanh niên và Thể thao:

- Phát triển thể dục và thể thao;

- Đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên;

- Hướng dẫn và yểm trợ các hội đoàn thanh niên và các hiệp hội thể dục thể thao.

+ Khoa học:

- Khuyến khích và yểm trợ công cuộc sưu tầm và khảo cứu khoa học.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung chủ yếu về hoạt động của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, cụ thể như sau:

- Chương trình kế hoạch báo cáo của Bộ, Nha, Sở, Ty trực thuộc.

- Hồ sơ về hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

- Hồ sơ công cán trong và ngoài nước.

- Hồ sơ xin mở tư thục, trung tiểu học, đại học, kỹ thuật và chuyên nghiệp; xin cứu xét giá trị văn bằng, xin học bổng du học.

- Nghị định về việc cấp học bổng.

- Hồ sơ xin chuyển ngân.

- Hồ sơ nghiên cứu các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn; các dự án hợp tác với nước ngoài.

- Bảng thống kê giáo dục trên toàn quốc ; quy chế thi cử.

- Tài liệu về nguyên tắc thanh tra.

- Hồ sơ về công tác thanh tra thường kỳ và đột xuất.

- Dự án ngân sách; chương trình chi tiêu.

- Hồ sơ về công tác xây dựng các trường học.

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy.

- Hồ sơ bầu cử các đại biểu vào Hội đồng Văn hóa Giáo dục tại các tỉnh.

- Tài liệu nguyên tắc về quản trị nhân viên; hồ sơ cá nhân; nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

- Hồ sơ về các lớp dạy đêm tại các trung tâm giáo dục.

PHÒNG NHA HỌC CHÁNH

- **Số lượng tài liệu:** 206,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1952-28/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, ố, giòn.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Sắc lệnh số 104-SL/VHGDTN ngày 15/5/1974 ấn định tổ chức của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh này thì Nha Học chánh nằm trong khối thành phần chuyên môn và học chánh thuộc các cơ quan Trung ương của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên.

Nghị định số 1522-VHGDTN/KHPC/PC/ND ngày 11/7/1974 ấn định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên⁽²⁾. Theo Nghị định này, tổ chức và nhiệm vụ của Nha Học chánh được quy định như sau:

+ Nhiệm vụ:

- Thực hiện kế hoạch chương trình giáo dục các ngành học bậc trung tiểu học công và tư;

- Đề nghị nhu cầu giáo chức và nhân viên văn phòng;

(1) Hồ sơ số 9504, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9504, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Cho ý kiến v/v phân phối giáo chức và nhân viên cho địa phương;

- Theo dõi và báo cáo tình hình trường sở, nhân số;

- Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, thi hành kế hoạch, chương trình giáo dục;

- Kiểm soát tình trạng dạy giờ;

- Dự trù nhu cầu trang bị và phương tiện cho các trường.

+ Tổ chức:

Nha Học chánh được đặt dưới quyền điều khiển của 1 Giám đốc, có 2 Phó Giám đốc phụ tá (1 đặc trách Giáo dục Phổ thông, 1 đặc trách phần Giáo dục Kỹ thuật chuyên nghiệp và Mỹ thuật) gồm 1 Phòng Điều hành và 3 sở.

1. Phòng Điều hành.

2. Sở Học chánh 1: do 1 Chánh sự vụ điều khiển, gồm có các Phòng:

- Phòng Trung học;

- Phòng Tiểu học;

- Phòng Giáo dục Tráng niên;

- Phòng Tư thực Trung học;

- Phòng Tư thực Tiểu học.

3. Sở Học chánh 2: do 1 Chánh sự vụ điều khiển, gồm có các Phòng:

- Phòng Kỹ thuật;

- Phòng Mỹ thuật;

- Phòng Nông Lâm súc;
- Phòng Huấn nghệ;
- Phòng Tư thực.

4. Sở Trang bị: do 1 Chánh sự vụ điều khiển gồm có:

- Phòng Trang bị Kỹ thuật và Mỹ thuật;
- Phòng Trang bị Trung và Tiểu học;
- Phòng Trang bị Nông Lâm súc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của Nha, và các Sở, Ty, trường trực thuộc.
- Phúc trình về các hội nghị trong và ngoài nước.
- Tài liệu v/v đi công cán trong và ngoài nước, tiếp các phái đoàn ngoại quốc.
- Danh sách các trường.
- Thống kê giáo dục trung tiểu học trong toàn quốc.
- Hồ sơ về việc mở các lớp thanh toán mù chữ, mở trường trung học, tiểu học.
- Hồ sơ các lớp dạy đêm.
- Dự án về cải tổ chương trình giáo dục.
- Hồ sơ về giảng dạy, bế giảng năm học.
- Tài liệu về an ninh học đường.
- Hồ sơ thanh tra các trường học.

- Quy chế thi cử; nghị định, thông tư về việc mở các kỳ thi, danh sách thí sinh trúng tuyển của các hội đồng thi, bằng tốt nghiệp của thí sinh.

- Đề thi, bài kiểm tra trắc nghiệm.

- Tập lưu văn bằng.

- Tổ chức các kỳ thi sư phạm; mở lớp tu nghiệp giáo viên xã ấp, huấn luyện sư phạm.

- Triển lãm giáo dục nông lâm súc.

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy (Tổng nha, Nha, Sở Học chánh, các trường trong toàn quốc).

- Hồ sơ bầu cử các đại biểu vào Hội đồng Văn hóa Giáo dục tại các tỉnh.

- Hồ sơ v/v thành lập, đổi tên các trường trung tiểu học.

- Nguyên tắc quản trị hành chánh tài chánh.

- Văn kiện quy chế ngạch giáo sư.

- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về công tác yểm trợ; xây dựng các trường trong toàn quốc, quỹ hiệu đoàn.

PHÒNG NHA SINH HOẠT QUỐC TẾ

- **Số lượng tài liệu:** 344 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1953 – 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Nha Sinh hoạt Quốc tế có tên gọi ban đầu là Nha Liên lạc Quốc tế và là cơ quan trực thuộc Tổng trưởng Văn hóa Giáo dục⁽¹⁾.

Bộ Văn hóa Giáo dục là đơn vị có nhiều thay đổi về tổ chức bộ máy, sau mỗi lần thay đổi đó thì Nha Sinh hoạt Quốc tế có các tên gọi và sự phụ thuộc như sau:

Theo Sắc lệnh số 67 – SL/VHGD – TN ngày 26/6/1968 của Thủ tướng Chánh phủ thì Nha Sinh hoạt Quốc tế có tên gọi là Nha Công tác Quốc tế và là cơ quan trực thuộc Tổng trưởng VHGD-TN⁽²⁾.

Căn cứ vào Sắc lệnh số 143 – SL/GD ngày 20/10/1969 của Thủ tướng Chánh phủ, Nha Công tác Quốc tế là cơ quan chuyên môn của Bộ Giáo dục⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Với Sắc lệnh số 104 - SL/VHGDTN ngày 15/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sinh hoạt Quốc tế là tên gọi cuối cùng và là cơ quan thuộc Khối Chấp hành TW⁽¹⁾. Nha Sinh hoạt Quốc tế được thiết lập trên cơ sở Nha Công tác Quốc tế và Nha Học bổng và Du học.

Nha Sinh hoạt Quốc tế có nhiệm vụ: lập các thủ tục liên quan đến hội nghị, hội thảo liên quan đến các tổ chức quốc tế về văn hóa giáo dục – thanh niên; chỉ dẫn các thủ tục liên quan đến việc nhận, phân phối học bổng; du học học bổng và du học tự túc; chuyển ngân cho du học tự túc và du học có học bổng tại ngoại quốc; lập thống kê, nhật tu danh sách, theo dõi tình trạng, xét trình các biện pháp chế tài đối với nhân viên Bộ VHGD - TN du học, tu nghiệp, quan sát tại ngoại quốc; thiết lập, phụ trách các dịch vụ liên quan đến việc điều hành các khóa huấn luyện, tu nghiệp.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung chủ yếu của tài liệu phản ánh các hoạt động về học bổng và du học, hoạt động của trung tâm Innotech, Ủy ban UNESCO VN, cụ thể như sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động.
- Hội nghị, hội thảo quốc tế.
- Nghị định về việc cấp học bổng trong nước.
- Hồ sơ xét cấp học bổng trong nước cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh trung tiểu học thuộc thành phần quốc gia nghĩa tử, sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Nghị định, quyết định, thông tư hướng dẫn về việc xuất ngoại du học, tu nghiệp.

- Thông cáo của Bộ Giáo dục, Nha Học bổng và Du học về học bổng.

- Biên bản họp của Hội đồng Du học.

- Danh sách, đơn, hồ sơ cứu xét việc cấp học bổng.

- Danh sách thống kê sinh viên, công chức, tu sĩ du học hoặc bị bác khước.

- Thông tư, phiếu trình, tài liệu sưu tra lý lịch ứng viên du học.

- Phiếu lý lịch, thành tích biểu, giấy chứng nhận của sinh viên du học.

- Báo cáo, lưu công văn về việc triển hạn, gia hạn lưu ngoại.

- Danh sách sinh viên, Việt kiều hồi hương và xuất ngoại.

- Báo cáo, biên bản họp, thông báo, thông cáo về việc chuyển ngân du học.

- Hồ sơ xét cấp các học bổng UNESCO, ECAFE, USAID, USOM.

- Lưu công văn của Nha Học bổng và Du học .

- Phúc trình, biên bản họp, thuyết trình các dự án của SEAMEO và các trung tâm miền (Innotech, RECEAM...) của phái đoàn VN tham dự các kỳ hội thảo miền .

- Các bản dự thảo, thỏa hiệp giữa Chính phủ VNCH và tổ chức SEAMEO về trung tâm Innotech.

- Quyết định về thành phần tiểu ban chuyên môn thuộc tổ chức SEAMEO.

- Hồ sơ về việc tài trợ Trung tâm Innotech Singapore di chuyển về Sài Gòn.

- Hồ sơ các ứng viên tham dự các khóa học của trung tâm miền.

- Dự thảo về kế hoạch phát triển giáo dục tại VNCH thời hậu chiến.

- Phúc trình của Ủy ban UNESCO VN về việc tham dự các kỳ họp.

- Danh sách nhân viên.

- Hồ sơ thuyên chuyển nhân viên.

- Lưu công văn của Nha Sinh hoạt Quốc tế.

PHÒNG NHA SINH HOẠT HỌC ĐƯỜNG

- **Số lượng tài liệu:** 02 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1972 - 25/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 8/5/1972 của Thủ tướng Chính Phủ về tổ chức của Bộ Giáo dục thì Nha Sinh hoạt Học đường là cơ quan chuyên môn⁽¹⁾.

Đến năm 1974, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên có thay đổi về tổ chức. Song, Nha Sinh hoạt Học đường vẫn được giữ nguyên và hoạt động đến ngày 30/4/1975.

Ngay từ khi mới thành lập, Nha Sinh hoạt Học đường đã đảm nhận một vai trò hết sức quan trọng, đó là: đoàn ngũ hóa mọi thành phần liên hệ đến học đường, giáo dục học sinh, sinh viên toàn quốc; phát triển nếp sống cộng đồng và sinh hoạt tập thể trong học đường; tạo ra học đường môi trường sinh hoạt lành mạnh và hữu dụng hóa sinh viên, học sinh đối với cộng đồng dân tộc; chu toàn nền giáo dục đại chúng và thực dụng về các phương diện: đức dục, mỹ dục, trí dục và thể dục.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, tờ trình về hoạt động của các phòng.
- Dự thảo về việc đoàn ngũ hóa học sinh, sinh viên.
- Dự án đón tiếp Phái đoàn Thanh niên Tiên tiến.
- Dự án ngân sách.
- Tài liệu về hoạt động hành chánh quản trị.
- Tập sự vụ văn thư.
- Sổ theo dõi công văn.
- Bản tin.
- Tập lưu công văn, công điện.

PHÒNG NHA Y TẾ VÀ XÃ HỘI HỌC ĐƯỜNG

- **Số lượng tài liệu:** 04,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1959 – 25/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Nha Y tế và Xã hội Học đường có cơ quan tiền thân là Sở Thanh niên và Xã hội Học đường. Sở Thanh niên và Xã hội Học đường được thiết lập do Nghị định số 824/GD/NĐ ngày 27/9/1956⁽¹⁾ và sau đó được bổ túc bởi Nghị định số 933-GD/NĐ ngày 05/7/1957 của Bộ Quốc gia Giáo dục⁽²⁾. Ngoài nhiệm vụ phát triển về hoạt động thể dục thể thao, Nha này còn có nhiệm vụ liên lạc với Bộ Xã hội và Y tế về các vấn đề có tính cách xã hội đối với học sinh, sinh viên và giáo chức.

Theo Sắc lệnh số 11-SL/VHGD ngày 19/01/1968 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức của Bộ Văn hóa Giáo dục, thì Nha Xã hội và Y tế Học đường thuộc Khối Thanh niên Học đường điều khiển⁽³⁾. Sau đó, Sắc lệnh số 67-SL/VHGD-TH ngày 26/6/1968 của Thủ tướng Chính phủ đã đặt Nha Y tế và Xã hội Học đường trực thuộc Nha Tổng Thư kí⁽⁴⁾. Từ năm 1969-1974,

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Bộ VHGD và TN có nhiều lần cải tổ về mặt tổ chức. Song, Nha Y tế và Xã hội Học đường vẫn là cơ quan chuyên môn được đặt ngang hàng với các Nha, Trung tâm khác thông qua các Sắc lệnh do Thủ tướng Chính phủ ban hành gồm:

- Sắc lệnh số 143-SL/GD ngày 20/10/1969⁽¹⁾;
- Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 08/5/1972⁽²⁾;
- Sắc lệnh số 144-SL/GD ngày 06/10/1972⁽³⁾;
- Sắc lệnh số 104-SL/VHGD TN ngày 15/5/1974⁽⁴⁾.

Nha Y tế và Xã hội Học đường hoạt động và tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Nhiệm vụ của Nha Y tế và Xã hội Học đường được quy định cụ thể như sau: khám bệnh, giám định sức khỏe, cho ý kiến hồ sơ bệnh lí của nhân viên trong các dịch vụ tổng quát; trang bị, phân phối dụng cụ và thuốc men cho các cơ sở y tế học đường, theo dõi tình trạng sức khỏe học sinh, sinh viên; huấn luyện, đào tạo nhân viên phụ trách y tế học đường; giảng dạy các khóa cứu thương cho các trường; cứu xét các vấn đề về xã hội học đường; cứu xét thiết lập các Trung tâm Y tế và Xã hội Học đường.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của các Trung tâm Y tế Học đường các tỉnh.
- Tài liệu về hội nghị hội thảo.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Các biên bản họp.
- Các văn bản quy định thể lệ, tiêu chuẩn vệ sinh học đường.
- Tài liệu về chống bệnh học đường, giảng dạy về sức khoẻ.
- Tài liệu v/v huấn luyện cán bộ vệ sinh của trường.
- Tài liệu v/v trợ cấp cho sinh viên y khoa làm luận văn.
- Chứng từ thu, chi quỹ xã hội học đường, kết toán quỹ xã hội học đường của các vùng chiến thuật.
- Tài liệu v/v lạc quyên cây mùa xuân.
- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu về nhân viên, hồ sơ cá nhân.
- Lưu công văn.

PHÒNG NHA SƯU TẦM VÀ NGHIÊN CỨU

- **Số lượng tài liệu:** 03 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1973 – 26/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày 08/5/1972 của Thủ tướng Chính phủ v/v cải tổ Bộ Giáo dục, một số Nha và Trung tâm được thành lập, trong đó có Trung tâm Nghiên cứu, Sưu tầm và Phổ biến Tài liệu Giáo dục, tiền thân của Nha Sưu tầm và Nghiên cứu⁽¹⁾.

Với các Sắc lệnh kế tiếp cải tổ cơ cấu tổ chức của Bộ VHGD-TN, thì Trung tâm Nghiên cứu, Sưu tầm và Phổ biến Tài liệu Giáo dục cũng có những thay đổi cho phù hợp.

Theo Sắc lệnh số 144-SL/GD ngày 06/10/1972 về tổ chức của Bộ Giáo dục, thì Trung tâm Nghiên cứu, Sưu tầm và Phổ biến Tài liệu Giáo dục được đổi tên thành Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục⁽²⁾. Căn cứ theo Sắc lệnh số 104-SL/VHGD-TN ngày 15/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sưu tầm và

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Nghiên cứu là tên gọi cuối cùng, đơn vị này trực thuộc Khối Nghiên cứu Chương trình⁽¹⁾.

Nhiệm vụ, chức năng của Nha Sưu tầm và Nghiên cứu được quy định rất cụ thể. Theo đó, Nha Sưu tầm và Nghiên cứu có nhiệm vụ sưu tầm và nghiên cứu kế hoạch và nhu cầu cải tiến quản trị trong các cơ quan thuộc Bộ: nhu cầu phát triển của học sinh; kỹ thuật giáo dục để cải tiến điều kiện dạy và học; nhu cầu và điều kiện để phát triển văn hóa và sinh hoạt thanh niên thể dục thể thao; tương quan giữa văn hóa giáo dục và thanh niên với các sinh hoạt khác.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG

Thành phần tài liệu chủ yếu như sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, tờ trình về hoạt động của các phòng.

- Tài liệu về việc công cán, thăm viếng của các phái đoàn trong và ngoài nước.

- Hồ sơ về các khóa hội thảo; dự thảo kế hoạch tổ chức đại hội giáo dục toàn quốc.

- Tài liệu hội thảo về việc bảo trợ nhi đồng.

- Dự án khảo sát các vấn đề về giáo dục các cấp, hướng học, hướng nghiệp, giáo dục tại các địa phương.

- Kế hoạch soạn thảo chương trình học cho trung, tiểu học.

- Tài liệu về việc nhận xét tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Dự án ngân sách.
- Dự án tài trợ in luận án cao học và tiến sĩ.
- Tài liệu về việc dịch và in sách.
- Tài liệu nghiên cứu về giáo dục.
- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy.
- Quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.

PHÔNG NHA VĂN KHỐ QUỐC GIA

- **Số lượng tài liệu:** 77,5 mét.
- **Thời gian của tài liệu:** 1957 – 28/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** phần lớn bị giòn, dễ rách, ố, giòn.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục, cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Nha Văn khố Quốc gia có tên gọi ban đầu là Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia. Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được thành lập theo Sắc lệnh số 86/GD ngày 13/4/1959 và được đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục⁽¹⁾. Ngày 20/8/1959, Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục ban hành Nghị định số 1118-GD/NĐ ấn định tổ chức của Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia⁽²⁾. Theo Nghị định này, Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc và một Phó Giám đốc. Chức năng và nhiệm vụ của Nha này được quy định cụ thể như sau:

- Về thư viện: tổ chức Thư viện Quốc gia và các thư viện thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục trên toàn cõi Việt Nam; kiểm soát các thư viện này và hướng dẫn về phương diện chuyên môn các thư viện thiết lập trong các cơ quan của Chính phủ; huấn luyện

(1) Hồ sơ số 10432, phong Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 8566, phong Phủ Thủ tướng VNCH

các chuyên viên về khoa thư viện hay mở các lớp tu nghiệp về khoa này cho viên chức các công sở.

- Về lưu trữ công văn: tổ chức, hướng dẫn và kiểm soát các Trung tâm Văn khố trong toàn quốc; tiếp nhận, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu của các Bộ, Nha, Sở hay các cơ quan phụ thuộc gửi về lưu trữ; hướng dẫn và giúp đỡ về phương diện chuyên môn việc tổ chức và điều hành các sở, phòng lưu trữ trong toàn quốc; tổ chức các khóa huấn luyện và tu nghiệp nhân viên chuyên môn về văn khố cho các công sở; về nạp bản: phụ trách tất cả các vấn đề liên quan đến việc làm phiếu văn hóa phẩm.

Sắc lệnh số 120-SL/QVK/VH ngày 08/10/1971 của Thủ tướng Chính phủ thiết lập Thư viện Quốc gia và đặt trực thuộc Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa⁽¹⁾.

Theo Sắc lệnh số 018-SL/QVK/VH ngày 28/01/1973 của Thủ tướng Chánh phủ thì Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được cải danh thành Nha Văn khố Quốc gia trực thuộc Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa⁽²⁾.

Như vậy, Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia được thành lập năm 1959 trên cơ sở tách Thư viện Quốc gia Nam phần làm hai phần: Lưu trữ và Thư viện. Phần Thư viện chính là Thư viện Quốc gia (Theo Sắc lệnh số 33-GD ngày 19/9/1949⁽³⁾, phần lưu trữ tuy không quy định thuộc Thư viện Quốc gia nhưng vẫn do Thư viện Quốc gia quản trị cho đến ngày ban hành Sắc lệnh số 86/GD ngày 13/4/1959 và Nghị định số 1118-GD/NĐ

(1) *Hồ sơ số 8566, phong Phủ Thủ tướng VNCH*

(2) *Hồ sơ số 8566, phong Phủ Thủ tướng VNCH*

(3) *Niên giám VNCH, năm 1957, trang 151*

ngày 20/8/1959). Theo Sắc lệnh và Nghị định trên thì công tác thư viện và lưu trữ hoạt động độc lập, chung giữa lưu trữ và thư viện là Phòng Hành chính Kế toán và Sở Kỹ thuật. Vì vậy, khi Thư viện Quốc gia được thiết lập theo Sắc lệnh số 120-SL/QVK/VH ngày 08/10/1971 thì không ảnh hưởng tới công tác lưu trữ.

Như vậy, Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia hoạt động đến ngày 28/01/1973. Do việc cải danh thành Nha Văn khố Quốc gia, các phần vụ về thư viện, trao đổi văn hóa phẩm được chước miễn và trao sang Thư viện Quốc gia nên về tổ chức có sự thay đổi. Tuy nhiên, về cơ bản thì Nha Văn khố Quốc gia vẫn là một phong thống nhất với tên gọi sau cùng là Nha Văn khố Quốc gia.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung chủ yếu của tài liệu trong phong bao gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, hoạt động của các Nha, Sở.
- Tài liệu về công cán trong và ngoài nước.
- Tài liệu về triển lãm sách báo.
- Kỷ yếu giải thưởng văn học nghệ thuật.
- Luật, Sắc lệnh quy định bằng sáng chế, nhãn hiệu chế tạo và thương hiệu.
- Hồ sơ về thể lệ nạp bản các ấn phẩm.
- Tài liệu về việc tiếp nhận các ấn phẩm, tài liệu nạp bản.
- Đăng công báo danh sách các ấn phẩm nạp bản.

- Trích lục công báo.
- Soạn thảo và ấn hành thư tịch, soạn thảo vừng tập pháp chế, cập nhật hóa vừng tập.
- Tài liệu thư tịch Việt Nam cung cấp cho UNESCO để soạn thảo sách.
- Tài liệu về ký thác hồ sơ của các nha sở.
- Tài liệu về xây cất các công trình.
- Tài liệu về quân dịch.
- Kê khai tài sản của công chức.
- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy.
- Nghị định, quyết định, sự vụ lệnh về nhân viên.
- Tập lưu công văn, sổ chuyển giao công văn.
- Tài liệu về dự trù và thi hành ngân sách.

PHÒNG NHA SINH HOẠT VĂN HÓA

- **Số lượng tài liệu:** 04,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1959 – 18/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Nha Văn hóa khởi thủy là Phòng Văn hóa của Bộ Quốc gia Giáo dục và Lễ nghi thành lập ngày 11/7/1948⁽¹⁾, đổi là Sở Văn hóa và Mỹ thuật, Bộ Quốc gia Giáo dục ngày 23/5/1951⁽²⁾, đổi là Nha Văn hóa thuộc Nha Tổng Giám đốc Học vụ và được đặt dưới quyền điều khiển của một Giám đốc⁽³⁾.

Ngày 19/01/1968, Thủ tướng Chính phủ đã ký Sắc lệnh số 11 – SL/VHGD về việc củng cố lại tổ chức của Bộ Văn hóa Giáo dục⁽⁴⁾. Theo đó, Nha Văn hóa cùng một số nha khác thuộc Khối Văn hóa và do Thứ trưởng Văn hóa điều khiển.

Theo Sắc lệnh số 104 – SL/VHGD TN ngày 15/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Sinh hoạt Văn hóa là tên gọi cuối cùng và thuộc Khối Chấp hành Trung ương⁽⁵⁾.

(1) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1963, trang 288*

(2) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1963, trang 288*

(3) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1963, trang 288*

(4) *Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

(5) *Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

Nhiệm vụ của Nha Sinh hoạt Văn hóa được quy định rất cụ thể: thiết lập các chương trình sinh hoạt và chương trình liên quan đến việc bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc và hội nhập văn hóa từ bên ngoài thông qua các sinh hoạt hội nghị, diễn thuyết, hội thảo, triển lãm, biểu diễn, lễ kỷ niệm, tổ chức các giải thưởng trong và ngoài nước; nghiên cứu, thiết lập và phổ biến các quy luật và nguyên tắc cho mọi sinh hoạt văn hóa; cứu xét cấp phát các giấy phép liên quan đến hoạt động văn hóa; quảng bá và liên lạc với các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến sinh hoạt văn hóa; cứu xét và yểm trợ nhân sự, phương tiện cho các tổ chức, văn nghệ sĩ trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động văn hóa.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung chủ yếu gồm các vấn đề sau :

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của Nha, các Phòng.
- Phúc trình, hồ sơ về hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.
- Hồ sơ công cán trong và ngoài nước.
- Dịch sách, tìm hiểu sách ngoài nước, phát hành sách. Tặng và cung cấp sách cho các trường học và cơ quan chính phủ.
- Triển lãm sách và các tác phẩm hội họa, điêu khắc.
- Tài liệu về giải thưởng văn học nghệ thuật.
- Hồ sơ về tổ chức các ngày lễ.
- Phiếu trình v/v liên hệ giữa chánh quyền và cơ quan tôn giáo.

- Dự án ngân sách; chứng từ thanh toán thù lao dịch sách.
- Tài liệu về xây cất, tu bổ trụ sở.
- Tài liệu về công tác an ninh hành chánh.
- Tài liệu về nguyên tắc nhân viên.
- Bảng kê nhân số.
- Tập phiếu trình về nhân viên.
- Tập công văn đến, lưu công văn đi.

PHÔNG NHA KHẢO THÍ

- **Số lượng tài liệu:** 13,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1949-18/12/1974.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÔNG:

Cơ quan tiền thân của Nha Khảo thí là Nha Thanh tra và Khảo thí. Theo Nghị định số 1692-GD/PC/NĐ ngày 6/12/1965 của Tổng Bộ Văn hóa Xã hội thì tổ chức của Bộ Giáo dục có Nha Thanh tra và Khảo thí được đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Ủy viên Giáo dục⁽¹⁾. Năm 1967, Sở Khảo thí là cơ quan trực thuộc Bộ Giáo dục⁽²⁾.

Ngày 26/6/1968, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 67-SL/VHGD-TN quy định về tổ chức của Bộ VHGD – TN⁽³⁾. Theo Nghị định này, Nha Khảo thí trực thuộc Tổng nha Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục, còn Ban Thanh tra Đặc biệt trực thuộc Tổng trưởng.

Từ năm 1969-1974, Bộ VHGD - TN có nhiều lần thay đổi về tổ chức. Tuy nhiên, với các Sắc lệnh số 070-SL/GD ngày

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Niên giám Hành chính, năm 1967, trang 353

(3) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

8/5/1972⁽¹⁾, Sắc lệnh số 144-SL/GD ngày 6/10/1972⁽²⁾ và Sắc lệnh số 104-SL/VHGD-TN ngày 15/5/1974⁽³⁾ của Thủ tướng Chính phủ thì Nha Khảo thí là cơ quan chuyên môn.

Nhiệm vụ của Nha Khảo thí được quy định cụ thể: phụ trách các dịch vụ về khảo thí liên quan đến các ngành học phổ thông, kỹ thuật, nông lâm súc và chuyên nghiệp bậc Trung học và Mỹ thuật; soạn thảo ấn loát, phân phối đề thi; kiểm điểm và định chuẩn các đề thi; nghiên cứu và áp dụng các phương thức bảo mật đề thi; nghiên cứu các loại đề thi; hướng dẫn giáo chức Trung tiểu học các ngành liên hệ soạn đề thi; lập phiếu giám thị và giám khảo; điều động, phân phối Hội đồng giám khảo, giám thị; ấn định các trung tâm thu nhận hồ sơ dự thi, các địa điểm thiết lập hội đồng thi; phối hợp với các địa phương bảo vệ an ninh trường thi; nghiên cứu và phổ biến nguyên tắc thể lệ thi cử; cứu xét các đề nghị thưởng phạt giáo chức và thí sinh trong thi cử; cấp phát và điều chỉnh các chứng chỉ trúng tuyển; kiểm soát các chứng chỉ và văn bằng; thống kê kết quả các kỳ thi; lưu trữ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tập thông cáo về việc nhận đơn dự thi của thí sinh.
- Bảng kê các trung tâm, hội đồng thi.
- Tờ trình về diễn tiến tổ chức thi tú tài.
- Nghị định hủy kết quả thi.
- Danh sách thí sinh trúng tuyển đệ nhất cấp.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Tập biên bản, kết quả kỳ thi tú tài 1 và 2.
- Bảng kê điểm số của hồ sơ xin du học.
- Lưu công văn , công điện.

PHÒNG TỔNG NHA THANH NIÊN

- **Số lượng tài liệu:** 24 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1955 – 22/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngày 29/3/1954, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 258a/GD về việc thành lập Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và Thể thao trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục⁽¹⁾. Tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và Thể thao được thay đổi nhiều lần qua các Nghị định sau:

- Nghị định số 249 - TTP ngày 17/9/1959;
- Nghị định số 1177 - TTP/CV ngày 20/11/1959;
- Nghị định số 804 - TTP/TN ngày 05/7/1960;
- Nghị định số 844 - TTP/TN ngày 12/7/1960;
- Nghị định số 145 - TTP/TN ngày 07/02/1961;
- Nghị định số 146 - TTP/TN ngày 07/02/1961;
- Nghị định số 346 - TTP/TN ngày 06/4/1961;

(1) *Công báo VNCH, năm 1967, trang 249*

- Nghị định số 752 - CDV ngày 17/7/1962⁽¹⁾.

Từ năm 1964, trải qua nhiều lần thay đổi các chính thể của Nhà nước VNCH, Nha Tổng Giám đốc Thanh niên và Thể thao còn một số lần thay đổi và mang những tên gọi khác nhau, cụ thể như sau:

- Sắc lệnh số 100 - TTP ngày 17/02/1964 thiết lập Phủ Đặc uỷ Thanh niên và Thể thao thay thế Bộ Thanh niên và Thể thao, đặt trực thuộc Phó Thủ tướng Đặc trách Bình định⁽²⁾.

- Sắc lệnh số 327 - TTP ngày 10/11/1964 của Thủ tướng Chánh phủ về việc đặt Phủ Đặc uỷ Thanh niên và Thể thao trực thuộc Phủ Thủ tướng⁽³⁾.

- Nghị định số 62 - BTNTT/HC.3/NĐ ngày 11/3/1965 về việc ấn định tổ chức của Bộ Thanh niên và Thể thao⁽⁴⁾.

- Sắc lệnh số 26 - SL/P.Th.T ngày 29/11/1967 về việc thiết lập Nha Tổng Giám đốc Thanh niên đặt trực thuộc Phủ Thủ tướng⁽⁵⁾.

- Sắc lệnh số 146 - SL/Th.T/QTCS ngày 23/10/1969 của Thủ tướng Chánh phủ về việc điều chỉnh Nha Tổng Giám đốc Thanh niên trực thuộc Phủ Thủ tướng⁽⁶⁾.

- Sắc lệnh số 083 - SL/Th.T/QTCS ngày 21/7/1971 của Thủ tướng Chánh phủ về việc đặt Nha Tổng Giám đốc Thanh niên trực thuộc Bộ Giáo dục⁽⁷⁾.

(1) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(5) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(6) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(7) Hồ sơ số 7355, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Sắc lệnh số 144 - SL/VHGD ngày 06/10/1972 của Thủ tướng Chính phủ ấn định Tổng nha Thanh niên là cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Văn hóa Giáo dục⁽¹⁾.

Mặc dù thay đổi nhiều lần với các tên gọi khác nhau, nhưng nhiệm vụ của Tổng nha Thanh niên được quy định rất rõ ràng, cụ thể như sau: thi hành chính sách thanh niên quốc gia, yểm trợ kỹ thuật thanh niên các hiệp hội, theo dõi sinh hoạt thanh niên trong mọi tầng lớp nhân dân, phát triển kỹ thuật về sinh hoạt thanh niên trong đại chúng, đoàn ngũ hóa thanh niên; thi hành chính sách thể dục thể thao quốc gia, theo dõi và khích lệ hoạt động thể dục thể thao toàn quốc, phát triển kỹ thuật thể dục thể thao về võ thuật.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của phòng cụ thể như sau:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, hoạt động của Tổng nha, các Ty, Sở trực thuộc.

- Kế hoạch cộng đồng tái thiết và cộng đồng phát triển địa phương.

- Hội nghị, hội thảo.

- Tập biên bản họp.

- Hồ sơ đi công cán, thăm viếng, tiếp đón phái đoàn trong và ngoài nước.

- Bảng tổng kết chương trình thanh niên trên toàn quốc.

(1) Hồ sơ số 9509, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Tài liệu về việc huấn luyện cấp trưởng thanh niên (thông tư, thông cáo mở lớp).

- Tài liệu về việc huấn luyện, kiểm soát tập các môn thể thao tại các trung tâm huấn luyện.

- Hồ sơ về việc tổ chức trại sinh hoạt, trại du ngoạn.

- Tổ chức các giải thể thao trong nước; tham gia các giải thi đấu tại ngoại quốc; phát động sáng tác văn nghệ và sưu khảo tài liệu về thanh niên, thể dục thể thao.

- Sắc lệnh, nghị định về tổ chức bộ máy.

- Hồ sơ các cá nhân, đoàn thể xin thành lập, cải danh hội thể dục thể thao; nghị định cho phép thành lập hội; thanh tra, kiểm tra hoạt động của các hội.

- Tài liệu về công tác tuyên huấn, công tác an ninh hành chánh, phòng vệ cơ sở.

- Nghị định, sự vụ lệnh về nhân viên, hồ sơ cá nhân; tài liệu về nguyên tắc quản trị nhân viên.

- Dự thảo ngân sách; xin cấp trang thiết bị TĐTT; xây dựng cơ sở TĐTT tại các tỉnh; chứng từ thu chi, chứng từ xuất, nhập vật tư; bảng kê tình hình thực hiện kinh phí; tập phiếu cơ sở điều tra về điều kiện cơ sở vật chất của các trung tâm TĐTT.

PHÒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC THỦ ĐỨC

- **Số lượng tài liệu:** 0,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1966 - 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu :** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức trong quá trình tồn tại và phát triển đã có nhiều thành tích đáng kể. Trong quá trình đó, Trường đã trải qua nhiều tên gọi tùy thuộc vào chức năng nhiệm vụ được giao. Tên gọi ban đầu là Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật (năm 1962)⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh số 107-SL/GD ngày 02/9/1970 sửa đổi điều 2 Sắc lệnh số 9-SL/VHGD ngày 19/01/1968 v/v thiết lập Trung tâm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, thì Trung tâm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ được xây cất tại quận Thủ Đức – Gia Định⁽²⁾. Năm 1972, trường được đổi tên thành Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Nguyễn Trường Tộ Thủ Đức⁽³⁾. Đến năm 1974, trường được nâng cấp thành Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức⁽⁴⁾.

(1) *Kỷ yếu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức*

(2) *Công báo VNCH, năm 1970, trang 6152*

(3) *Kỷ yếu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức*

(4) *Kỷ yếu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức*

Tên gọi Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức tồn tại đến năm 1976.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

1. Hồ sơ về hàng viện trợ của Hoa Kỳ cho các trường (1966-1967):

2. Tài liệu v/v tiếp nhận trang thiết bị viện trợ của trường (1972-1973):

- Sự vụ lệnh v/v đề cử các tiểu ban tiếp nhận trang thiết bị và vật tư.

- Danh sách máy và phụ tùng.

- Catalogue máy móc thiết bị.

3. Tài liệu về công xa (1972-1974):

- Sự vụ lệnh v/v thiết lập cơ quan bảo trì và tiếp liệu.

- Tài liệu v/v Nha Kỹ thuật cấp công xa cho các trường.

- Biểu kê khai công xa.

- Công văn của các trường v/v xin cấp công xa.

- Thẻ công xa.

- Tài liệu v/v cấp nhãn thuế cho công xa mang số ẩn tế.

- Tài liệu v/v nhượng xe hơi phế thải do cơ quan bạn viện trợ.

- Tài liệu v/v áp dụng thủ tục thu tiền bảo trì và sửa chữa công xa.

- Hồ sơ bàn giao công xa.

- Tờ trình v/v xin sử dụng xe buýt.

4. Biểu kê tài sản (1973):

- Biểu kê giao máy móc và phụ tùng.

- Các biên bản bàn giao.

5. Tài liệu liên quan đến cơ sở vật chất (1972-1973):

- Tài liệu về thủ tục tiếp nhận và kiểm kê tài sản.

- Công văn v/v xin sử dụng một phần kho của M.S.O và yểm trợ việc trang bị cơ sở.

- Tài liệu về tình trạng phòng ốc bị hư hỏng sau các tiếng nổ lớn đêm 14/02/1972.

- Công văn v/v thực tập của sinh viên tại cơ quan bảo trì và tiếp liệu.

- Công văn về công tác xây cất Văn phòng Cơ quan Bảo trì và Tiếp liệu Thủ Đức.

6. Tài liệu v/v di chuyển máy móc thiết bị (1973):

- Công văn v/v chuyển nhượng, di dời máy móc.

- Công văn v/v hủy bỏ cuộc đấu thầu mua sắm dụng cụ máy móc.

- Công văn v/v chuyển máy móc từ Trường Bách Khoa đến Trung tâm Cao Đẳng.

7. Hồ sơ hành chánh (1970 - 1975):

- Thông tư về nguyên tắc hành chánh.

- Công văn xin sử dụng các dấu thuộc Cơ quan Bảo trì Tiếp liệu.

- Thông tư v/v áp dụng danh xưng Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh Niên.

- Thông tư v/v cải tổ cơ cấu của Bộ và các Nha.

- Tài liệu về nhu cầu giáo sư, phân phối giáo sư.

- Tài liệu v/v điều hành trung tâm.

- Tài liệu v/v phân công phòng vệ dân sự tại Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật.

- Chứng thư thâm niên công vụ, bổ nhiệm, chuyển ngạch, thăng thưởng giáo sư.

PHÒNG TRƯỜNG QUỐC GIA CAO ĐẲNG MỸ THUẬT SÀI GÒN

- **Số lượng tài liệu:** 04,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1956 - 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn được thành lập theo Nghị định số 1192/GD ngày 31/12/1954 của Thủ tướng Chính phủ⁽¹⁾. Nghị định số 1625 - GD/NĐ ngày 11/10/1957 của Bộ Quốc gia Giáo dục đã ấn định tổ chức của Trường⁽²⁾.

Trường có nhiệm vụ đào tạo nghệ sĩ để phát huy nền văn hóa Việt Nam về phương diện mỹ thuật thuần túy, đào tạo giáo sư chuyên về các ngành mỹ thuật để giảng dạy tại các trường trung học và tiểu học, đào tạo các giáo sư chuyên môn cho các trường mỹ nghệ và các cán bộ cho các ngành tiểu công nghệ.

Sau một thời gian hoạt động, Trường được cải tổ theo Nghị định số 695-NĐ/QVK/VH ngày 01/7/1970 của Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 82, phòng Trường QGCĐMTSG

(2) Công báo VNCH, năm 1957, trang 4246

(3) Hồ sơ số 82, phòng Trường QGCĐMTSG

Nghị định số 273-QVK/VH/NĐ ngày 03/8/1971 của Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa đã ấn định chi tiết tổ chức của Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn⁽¹⁾. Trường do một Giám đốc điều khiển, có một phụ tá và một Chủ sự Phòng Văn thư. Bên cạnh có hai Hội đồng: Hội đồng Giáo sư và Hội đồng Tư vấn.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

1. Học vụ (1960 – 1975):

- Tài liệu về các khóa tuyển sinh.
- Tài liệu về các khóa thi lên lớp, tốt nghiệp.
- Tài liệu về công tác học vụ.
- Phiếu cá nhân của sinh viên.
- Tài liệu về bảo vệ an ninh và kỷ luật học đường.
- Học bạ của sinh viên.
- Tài liệu về hoãn dịch, huấn luyện quân sự học đường.
- Cấp thẻ động viên tại chỗ cho các sinh viên.
- Tài liệu lễ trình diện lực lượng sinh viên học sinh phòng vệ hậu phương.
- Tài liệu hoạt động thể thao học đường.
- Tài liệu về các cuộc triển lãm, thi vẽ hội họa.
- Tài liệu v/v sinh viên tổ chức “Đêm thao thức” để phản đối Chính phủ Cao Miên sát hại Việt kiều.

(1) Hồ sơ số 82, phòng Trường QGCĐMTSG

2. Tài liệu chung (1960 – 1975):

- Tờ trình nguyện để.
- Phúc trình hoạt động và dự trù ngân sách trong năm.
- Bảng đúc kết, thống kê thành quả hoạt động của trường.

3. Tổ chức (1961 – 1975):

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu liên quan đến nhân viên.
- Hồ sơ cá nhân.
- Tài liệu v/v thiết lập phiếu công chức.
- Tài liệu về tình trạng quân dịch của công chức nhà trường.
- Tài liệu v/v bàn giao công việc giữa cựu và tân Hiệu trưởng.
- Phiếu phê điểm nhân viên.
- Thống kê nhân viên, danh sách nhân viên.
- Hồ sơ xin tuyển dụng nhân viên.

4. Kế toán (1957 – 1975):

- Chứng từ thanh toán lương bổng nhân viên, thanh toán dạy giờ.
- Bảng ngân sách quốc gia của Trường.
- Tài liệu về thuế lương bổng nhân viên của Trường.
- Tài liệu v/v xin trợ cấp tài chánh để đúc tượng Khổng Tử.
- Tài liệu v/v cấp học bổng cho sinh viên.
- Bảng đề nghị giải tỏa kinh phí hàng quý.

5. Xây dựng cơ bản (1958 – 1975):

- Tài liệu v/v bàn giao nhà đất do Nha Xã hội Quân đội chiếm đóng để mở rộng Trung tâm Mỹ thuật Việt Nam.

- Tài liệu của Bộ Văn hóa Giáo dục, Nha Mỹ thuật v/v sử dụng nhà Văn hóa và xin cấp đất trong khuôn viên trường để xây dựng Ty Bưu điện.

- Tài liệu v/v tân tạo, tu bổ, xây cất các lớp học.

- Tài liệu v/v xây dựng tượng cổ họa sĩ Lê Văn Đệ.

- Tài liệu v/v cấp, bán, thu hồi nhà cho nhân viên của Trường tại cư xá Thanh Đa.

6. Lưu Công văn (1963 – 1975):

- Tập lưu công văn.

- Tập công văn trao đổi.

7. Đoàn thể (1960 – 1975):

- Tài liệu về hoạt động của Liên đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia.

- Tài liệu về hoạt động của Chi đoàn Công chức Cách mạng Quốc gia của Trường.

- Danh biểu kiến trúc sư.

PHÒNG TRƯỜNG QUỐC GIA TRANG TRÍ MỸ THUẬT

- **Số lượng tài liệu:** 05 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1940 - 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật có tên gọi đầu tiên là “Trường Mỹ nghệ Thực hành” được cải tổ theo Nghị định số 117-GD/NĐ ngày 31/01/1950 của Thủ tướng Chánh phủ⁽¹⁾. Theo Nghị định số 286-GD/HV/NĐ ngày 21/02/1961 trường được đổi danh hiệu và cải tổ thành Trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định⁽²⁾.

Để phù hợp với tính chất và quy mô phát triển ngày càng cao của trường, Thủ tướng Chánh phủ đã ký Nghị định số 694-NĐ/QVK/VH ngày 01/7/1970 v/v cải tổ Trường Trung học Trang trí Mỹ thuật thành Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật⁽³⁾ đặt trực thuộc Nha Mỹ thuật. Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa đã ký Nghị định số 272 – QVK/VH/NĐ ấn định tổ chức của trường⁽⁴⁾. Trường tồn tại và hoạt động đến 30/4/1975.

(1) Hồ sơ số 123 phòng Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật

(2) Hồ sơ số 123, phòng Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật

(3) Hồ sơ số 123 phòng Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật

(4) Công báo VNCH, năm 1971, trang 5699

Ngay từ khi mới thành lập, nhiệm vụ của Trường được nêu cụ thể, gồm: cải tiến và nâng cao nền tiểu công nghệ và mỹ thuật Việt Nam; đào tạo họa viên, chuyên viên, trang trí gia lành nghề trong lãnh vực trang trí mỹ thuật; bảo tồn và phát triển những tinh hoa của nền trang trí Đông phương và cổ truyền Việt Nam; đẩy mạnh công cuộc cải tiến chương trình giáo khoa theo đà tiến triển của thế giới để phát huy một nền trang trí mỹ thuật khai phóng và tiến bộ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

1. Học vụ (1952 – 1975):

- Tài liệu về công tác tuyển sinh.
- Tài liệu về các kỳ thi học kỳ, tốt nghiệp.
- Sổ điểm danh.
- Học bạ.
- Chứng chỉ học trình cấp cho sinh viên.
- Hồ sơ của học sinh các lớp dự thính.
- Tài liệu về công tác học vụ.
- Tài liệu v/v hoãn dịch, nhập ngũ, động viên tại chỗ đối với sinh viên.
- Tài liệu v/v tổ chức cuộc thi sáng tác huy hiệu cho chương trình thiếu nhi tham gia sản xuất.

2. Tổ chức (1955 – 1975):

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu về lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường.

- Tài liệu nguyên tắc về nhân viên.
- Tài liệu v/v xin tuyển dụng nhân viên.
- Phiếu điều tra và sưu tra về hạnh kiểm và hành vi chánh trị của các giáo sư.
- Chứng thư hành chánh, giấy giới thiệu của Trường.
- Tài liệu v/v các giáo sư xin dạy giờ, cử giáo viên dạy giờ.
- Danh sách nhân viên tham gia các khóa huấn luyện cán bộ hóa công chức.
- Hồ sơ cá nhân.

3. Kế toán (1940 – 1974):

- Tài liệu về dự trù ngân sách.
- Sổ thu chi quỹ của Trường Mỹ nghệ Thực hành (1940).
- Nhật ký thu, chi.
- Chứng từ lương bổng, phụ cấp nhân viên, thanh toán phụ cấp thâm niên công vụ.
- Tài liệu v/v xin bồi hoàn tiền hưu liễm của cá nhân.
- Tài liệu v/v xét cấp học bổng cho sinh viên.
- Tài liệu v/v kiểm soát quỹ của Nghiệp hội.

4. Lưu công văn (1970 – 1975):

- Sổ ghi công văn đi.
- Tập lưu công văn đi.

PHÒNG BỘ Y TẾ

- **Số lượng tài liệu:** 302,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1948 - 30/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tương đối tốt.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1948, chính quyền của Bảo Đại được thực dân Pháp dựng lên. Ngay sau đó, Quốc trưởng Bảo Đại đã thành lập Chính phủ Trung ương lâm thời Việt Nam, đứng đầu Nội các là Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân.

Ngày 25/9/1948, Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân ra Chỉ Dụ số 72 ấn định tổ chức các cơ quan TW thuộc Bộ Y tế Chính phủ TW Lâm thời Việt Nam⁽¹⁾.

Năm 1950, để phù hợp với tình hình lúc bấy giờ, Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã ban hành Nghị định số 615-YT/XH/VP ngày 26/10/1950 tổ chức lại Bộ Y tế thành Bộ Y tế Xã hội⁽²⁾.

Về nhiệm vụ, Bộ Y tế Xã hội được tăng thêm quyền kiểm soát nhân công, sưu tầm thống kê về lao động, liên lạc với các tổ chức lao động quốc tế; cứu tế xã hội, thanh tra lao động, bài trừ và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

(1) *Công báo VNCH, năm 1948, trang 158.*

(2) *Công báo VNCH, năm 1950, trang 669.*

Ngày 22/10/1952, Bộ Y tế và Xã hội được tách thành 2 bộ riêng biệt. Do vậy, tổ chức Bộ Y tế được ấn định lại bởi Nghị định số 103- YT/VP ngày 22/10/1955⁽¹⁾. Theo Nghị định này, tổ chức của Bộ Y tế được quy định như sau:

+ Văn phòng Tổng trưởng được đặt dưới quyền điều khiển của Đồng lý Văn phòng, có 1 Bí thư Trưởng và 2 Tham chính Văn phòng.

+ Nha Giám đốc Hành chính Tổng quát, Nhân viên và Kế toán được đặt dưới quyền điều khiển của 1 Giám đốc.

+ Nha Tổng Giám đốc Y tế và Bệnh viện được đặt dưới quyền điều khiển của 1 Tổng giám đốc, gồm 3 sở và 1 phòng.

Theo Sắc lệnh số 145-CP ngày 10/5/1955 thì Bộ Y tế sáp nhập vào Bộ Xã hội với tên gọi mới là Bộ Xã hội và Y tế⁽²⁾, và Nghị định số 722-HC/NĐ ngày 25/7/1956 đã quy định lại tổ chức hành chánh TW tại Bộ này⁽³⁾.

Theo Sắc lệnh số 154-TTP ngày 09/11/1956, Bộ Y tế được tách ra khỏi Bộ Xã hội và mang danh xưng Bộ Y tế⁽⁴⁾.

Nghị định số 228-BYT/PC/NĐ ngày 07/01/1964 về việc thành lập Sở Y tế Hương thôn đặt trực thuộc Nha Đồng lý Văn phòng⁽⁵⁾.

Nghị định số 1524- BYT/PC/NĐ ngày 11/5/1964 thiết lập Nha Tổng Thư ký tại Bộ Y tế⁽⁶⁾.

(1) Công báo VNCH, năm 1950, trang 669.

(2) Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 378.

(3) Hồ sơ số 4162, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Niên giám Hành chánh, năm 1967, trang 378.

(5) Công báo VNCH, năm 1964, trang 330

(6) Công báo VNCH, năm 1964, trang 1943

Sắc lệnh số 260 -YT ngày 18/9/1964 về việc thiết lập Nha Tổng quản trị Chương trình Phát triển Y tế⁽¹⁾.

Sắc lệnh số 45 - SL/YT ngày 18/3/1966⁽²⁾ và Nghị định số 1683 - BYT/PC/NĐ ngày 30/5/1966⁽³⁾, đã quy định lại chức năng nhiệm vụ của Bộ Y tế.

Theo Sắc lệnh số 115 - SL/YT-XH-CT ngày 20/8/1968, Bộ Y tế sáp nhập với Bộ Xã hội và được cải danh với tên gọi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ⁽⁴⁾.

Năm 1969, Bộ Y tế được tách khỏi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ. Theo Sắc lệnh số 162-SL/YT ngày 07/11/1969, tổ chức Bộ Y tế gồm có các cơ quan TW và cơ quan địa phương⁽⁵⁾.

Năm 1973-1974, Chính phủ Việt nam Cộng hòa tiến hành cải cách hành chính sâu rộng từ Trung ương đến địa phương. Theo đó, Bộ Y tế được tổ chức lại bởi Sắc lệnh số 175-SL/YT ngày 23/7/1974⁽⁶⁾. Theo Sắc lệnh này, Bộ Y tế đặt dưới quyền giám hộ của Tổng trưởng Y tế, gồm có:

+ Cơ quan TW:

- Văn phòng Tổng trưởng;
- Thanh tra Đoàn;
- Khối Nghiên cứu Chương trình;
- Khối Chấp hành TW;

(1) Công báo VNCH, năm 1964, trang 3534

(2) Công báo VNCH, năm 1966, trang 3258

(3) Công báo VNCH, năm 1966, trang 1367

(4) Niên giám Hành chính, năm 1967, trang 378

(5) Hồ sơ số 6581, phong Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

(6) Hồ sơ số 658, phong Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa

- Khối Yểm trợ.
- + Các cơ quan trực thuộc:
 - Viện Quốc gia Y tế Công cộng;
 - Viện Truyền máu Quốc gia;
 - Các Bệnh viện Quốc gia;
 - Các Trung tâm Y tế Toàn khoa;
 - Các Trung tâm Huấn luyện Y tế tại các tỉnh;
 - Các Trường Huấn luyện chuyên môn tại TW.
- + Các cơ quan thuộc quyền giám hộ của Bộ gồm có:
 - Viện Pasteur Việt Nam;
 - Viện Quốc gia Phục hồi.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của phòng bao gồm:

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo của Bộ, các Phòng Y tế.
- Báo cáo thống kê về y khoa.
- Tài liệu về hội nghị, hội thảo; các bài thuyết trình.
- Biên bản về cấp thẻ khám chữa bệnh.
- Hồ sơ về việc cấp y chứng tử.
- Tài liệu về dinh dưỡng trong bệnh viện.
- Tài liệu về khảo sát hoạt động quang tuyến X của các cơ sở y tế.

- Tài liệu về các “Chiến dịch y tế về làng”.
- Tài liệu về nguyên tắc kế toán; phiếu gửi hồ sơ thanh toán, phiếu ước chi, bảng uỷ ngân, chứng phiếu lương bổng, lệnh thu ngân, chứng từ thu chi, chứng từ quỹ ứng trước.
- Phiếu đặt hàng (thực phẩm, hàng hóa khác...).
- Phiếu tiếp liệu (cung cấp dược).
- Phiếu theo dõi công tác xây cất các bệnh viện toàn quốc.
- Hồ sơ nguyên tắc về quản trị nhân viên.
- Hồ sơ nhân viên.
- Bảng cấp số nhân viên; nhu cầu nhân viên.
- Hồ sơ tuyển sinh, đào tạo các trường thuộc Bộ Y tế quản lý (thông cáo chiêu sinh nhập học, khai giảng, lịch học...).
- Tập bài giảng.
- Tập chứng chỉ về học cứu thương.
- Hồ sơ về việc xin cấp học bổng giáo dục quốc tế, y tế công cộng.
- Tập nghị định cho các y, bác sỹ đi tu nghiệp tại ngoại quốc.
- Hồ sơ về việc đề cử y sỹ lý khám.

PHÒNG BỘ LAO ĐỘNG

- **Số lượng tài liệu:** 196 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1949-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Bộ Lao động được thành lập theo Sắc lệnh số 31 - XLN ngày 19/9/1949 ấn định chức chương của Bộ trưởng Bộ Canh nông, Xã hội và Lao động⁽¹⁾.

Năm 1954, Nghị định số 56 - LDTN/ND ngày 31/12/1954 bãi bỏ Nghị định tổ chức Bộ Xã hội và Lao động và thay bằng Bộ Lao động và Thanh niên, đồng thời qui định cơ cấu tổ chức của Bộ này như sau⁽²⁾:

- Nha Đồng lý Văn phòng;
- Nha Tổng Thư ký;
- Hai nha chuyên môn:
 - + Nha Tổng Thanh tra Lao động;
 - + Nha Tổng Giám đốc Thanh niên.

(1) Hồ sơ số 4061, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Công báo VNCH, năm 1955, trang 234

Sau đó, tổ chức và chức năng của Bộ này còn được thay đổi nhiều lần qua các văn bản sau:

- Theo Nghị định số 31 - GD/TN/ND ngày 26/11/1955, Nha Tổng giám đốc Thanh niên được đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục và Thanh niên.

- Nghị định số 36 - BLĐ/HC/NĐ ngày 1/2/1959 ấn định lại tổ chức của Bộ Lao động và Thanh niên⁽¹⁾.

- Nghị định số 72 - BLĐ/HC/NĐ ngày 30/5/1964 lại thay đổi tổ chức Bộ Lao động⁽²⁾.

- Sắc lệnh số 37 - SL/ LĐ ngày 9/3/1966 và Nghị định số 57/BLĐ / VP / NĐ ngày 15/4/1966⁽³⁾.

- Sắc lệnh số 137 - SL/LĐ ngày 12/10/1968 của Thủ tướng Chính phủ⁽⁴⁾.

Cuối cùng, Sắc lệnh số 149 - SL/LĐ ngày 4/7/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Lao động như sau⁽⁵⁾:

* Nhiệm vụ:

- Thi hành luật lệ lao động;
- Liên lạc với Tổ chức Quốc tế Lao động: thi hành nghĩa vụ quốc gia hội viên đối với tổ chức này;
- Thi hành các quyết định của Ủy ban Quốc gia Nhân lực trong phạm vi nhân lực và nhân dụng;

(1) Công báo VNCH, năm 1959, trang 522

(2) Hồ sơ số 9523, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 9523, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 9523, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(5) Hồ sơ số 9523, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Điều hòa thị trường nhân công, đặc biệt chú trọng việc toàn dụng thương phế binh và cựu quân nhân;

- Tổ chức huấn nghệ công nhân;

- Phát triển chế độ an ninh xã hội cho công nhân;

- Cải thiện và phát triển chế độ an toàn và vệ sinh tại các xí nghiệp, công trường;

- Cải tiến giao tế lao động.

* Tổ chức: Bộ Lao động, đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng Lao động, gồm có các cơ quan Trung ương và các cơ quan địa phương.

1. Các cơ quan Trung ương gồm có:

- Thành phần chỉ đạo;

- Thành phần chuyên môn hành chính.

2. Các cơ quan địa phương gồm có:

- Sở Thanh tra Lao động Đô thành;

- Các Ty Lao động tỉnh, thị xã và liên tỉnh.

Ngoài các cơ quan trên, để kết hợp hoạt động của các cơ quan chuyên môn và hành chính theo chính sách và đường lối của Bộ, một Ủy ban Điều hợp được triệu tập định kỳ và bất thường tùy theo nhu cầu công vụ.

* Ủy ban Điều hợp có nhiệm vụ:

- Thông đạt mục tiêu, đường lối và chương trình hoạt động của Bộ;

- Tìm hiểu thực trạng, khả năng và tinh thần của nhân viên, những khó khăn mà các cấp gặp phải để tạo sự thông cảm

và sự hợp tác của mọi giới, tiếp nhận sáng kiến và đề nghị cải tiến;

- Phát huy sự thông cảm giữa giới chức hoạch định đường lối và giới chức thi hành.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Phòng Bộ Lao động chủ yếu gồm các tài liệu về quản lý hành chánh như:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự của Bộ.

- Tài liệu về chương trình, kế hoạch và báo cáo hoạt động của Bộ và các cơ quan trực thuộc.

- Các văn kiện pháp qui về lao động và thi hành luật lệ lao động.

- Tài liệu về thanh tra: hướng dẫn và lượng giá việc thi hành các chương trình công tác của Bộ tại TW và địa phương, đề nghị các biện pháp thưởng, phạt...

- Tài liệu về thị trường nhân công.

- Tài liệu v/v tổ chức huấn nghệ công nhân, cải thiện và phát triển chế độ an toàn, vệ sinh tại xí nghiệp, công trường, cải tiến chế độ giao tế lao động.

PHÒNG TÒA ÁN LAO ĐỘNG SÀI GÒN

- **Số lượng tài liệu:** 09 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1958-24/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tòa án Lao động Sài Gòn được thành lập do Dụ số 15 ngày 8/7/1952⁽¹⁾ và được sửa đổi bởi Sắc lệnh số 140-TTP ngày 06/5/1955 của Thủ tướng Ngô Đình Diệm⁽²⁾. Tòa án Lao động Sài Gòn có thẩm quyền xét xử các vụ tranh tụng giữa chủ nhân và công nhân trong phạm vi đô thị Sài Gòn-Chợ Lớn và địa hạt hành chính các tỉnh Gia Định và Chợ Lớn.

Về cơ cấu tổ chức, Tòa án Lao động Sài Gòn gồm có:

- 01 vị Thẩm phán Tòa sơ thẩm hay Thẩm phán hòa giải giữ chức Chánh thẩm.

- 04 phụ thẩm: 02 người thuộc giới chủ nhân, 02 người thuộc giới công nhân.

(1) *Công báo VNCH, năm 1952, trang 932*

(2) *Hồ sơ số 1444, phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa*

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu của phòng bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tài liệu về nguyên tắc nhân viên và kế toán.
- Danh sách nhân viên, cảnh sát quốc gia giúp việc tại Tòa.
- Danh sách các phiên xử.
- Hồ sơ các phiên xử; Bảng kê kết quả các phiên xử.
- Sổ kháng cáo.
- Tập lưu giấy báo luật sư, đương sự.
- Tập lưu phiếu gửi, công văn.

PHÔNG LIÊN ĐOÀN LAO CÔNG VIỆT NAM

- **Số lượng tài liệu:** 02,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1956-1973.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số hiện bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Liên đoàn Lao công Việt Nam được thành lập vào năm 1948⁽¹⁾. Ban sáng lập bao gồm:

- Chủ tịch: Phan Văn Đăng;
- Phó Chủ tịch: Đỗ Đông Cung, Nguyễn Văn Lê;
- Thư ký: Trần Quốc Bửu;
- Phó Thư ký: Huỳnh Văn Thành, Ngô Văn Nhân, Nguyễn Thanh Liêm;
- Tổng Thủ quỹ: Hồ Văn Tư;
- Thư ký Quản trị: Nguyễn Văn Lục.

Tôn chỉ hoạt động của cơ quan này là “Bảo vệ quyền lợi, chức nghiệp, thầy thợ các ngành công kỹ nghệ, thương mại, canh nông và các nghề tự do”.

(1) Hồ sơ số 30614, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Liên đoàn Lao công Việt Nam tồn tại cho đến ngày chính quyền tại miền Nam sụp đổ vào năm 1975.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu chủ yếu phản ánh sự hoạt động của Nghiệp đoàn Công nhân Dầu hỏa và Hóa phẩm Việt Nam, Nghiệp đoàn Xích lô máy, bao gồm:

- Biên bản họp của Phân bộ Esso Sài Gòn.
- Điều lệ và nội quy của Nghiệp đoàn.
- Hồ sơ v/v bầu cử đại biểu công nhân.
- Sổ đại biểu công nhân.
- Thông tri, thông báo về thành phần đại biểu công nhân.
- Hồ sơ đại biểu thường niên.
- Thỏa ước lao động.
- Tài liệu về việc đình công, tranh chấp lao động.
- Kiến nghị giải quyết việc làm cho công nhân.
- Tài liệu về việc vận động giảm thuế lương bổng.
- Đơn xin ra khỏi Nghiệp đoàn.
- Thông tri kêu gọi ủng hộ tài chánh.
- Biên nhận v/v ủng hộ tài chánh cho công nhân đình công.
- Bảng tổng kết tài chánh.
- Công văn phúc đáp về trợ cấp.
- Tài liệu về hội thảo tái thiết hậu chiến.

- Tài liệu về việc huấn luyện sơ cấp cho cán bộ Nghiệp đoàn.

- Tài liệu học tập.

- Bản tin.

- Bản tóm lược tin tức quan trọng các nhật báo xuất bản tại Sài Gòn.

- Lưu hồ sơ công nhân của Nghiệp đoàn Công nhân Xích lô máy.

PHÒNG BỘ XÃ HỘI

- **Số lượng tài liệu:** 04 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1952-4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối, ố, giòn, mờ chữ.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1952, Bộ Xã hội được tách ra từ Bộ Y tế và Xã hội bằng Nghị định số 615-YT/XH/VP ngày 22/10/1952⁽¹⁾.

Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Bộ Xã hội được ấn định theo Nghị định số 54-XH/NĐ ngày 23/10/1954 do Tổng trưởng Xã hội ban hành⁽²⁾.

+ Nhiệm vụ:

- Cứu trợ xã hội;

- Bảo trợ xã hội.

+ Tổ chức:

- Nha Đăng lý Văn phòng;

- Nha Tổng Thư ký;

(1) *Công báo VNCH, năm 1950, trang 669*

(2) *Công báo VNCH, năm 1955, trang 22*

- Các Sở Xã hội tại Bắc, Trung và Nam Việt.

Năm 1955, Bộ Xã hội được sáp nhập vào Bộ Y tế theo Sắc lệnh số 145-CP ngày 10/5/1955 với tên gọi mới là Bộ Xã hội và Y tế⁽¹⁾.

Năm 1956, Bộ Xã hội lại được tách ra khỏi Bộ Xã hội và Y tế bằng Sắc lệnh số 154-TTP ngày 9/11/1956⁽²⁾. Từ thời gian này trở đi, để thực hiện nhiệm vụ của ngành ngày càng hoàn thiện hơn, Bộ Xã hội đã từng bước được bổ sung hoặc cải tổ bộ máy các cấp trực thuộc Bộ.

Ngày 20/8/1968 theo Sắc lệnh số 115-YTXHCT, Bộ Xã hội một lần nữa lại được sáp nhập với Bộ Y tế với tên gọi mới là Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ⁽³⁾.

Năm 1969, Bộ Xã hội được tách khỏi Bộ Y tế Xã hội và Cứu trợ và được tổ chức lại theo Sắc lệnh số 144-SL/XH ngày 20/10/1969⁽⁴⁾.

Năm 1974, với Sắc lệnh số 124-SL/XH ngày 6/6/1974, Bộ Xã hội được cải danh thành Bộ Xã hội và Khẩn hoang Lập ấp⁽⁵⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Báo cáo hoạt động của Bộ.
- Tài liệu về hội nghị trong nước và quốc tế.

(1) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1967, trang 378*

(2) *Niên giám hành chánh VNCH, năm 1967, trang 378*

(3) *Công báo VNCH, năm 1968, trang 5088*

(4) *Công báo VNCH, năm 1969, trang 7222*

(5) *Hồ sơ số 8808, phòng Phủ Thủ tướng VNCH*

- Thuyết trình, thảo luận về cứu trợ nạn nhân chiến cuộc.
- Phiếu trình về dự án thiết lập khu Casino.
- Nghị định về trợ cấp cho các cơ sở xã hội
- Bảng kê tài sản thặng dư của USAID nhượng cho Bộ Xã hội.
- Tài liệu về nguyên tắc kế toán.
- Nghị định về tổ chức bộ máy của Bộ Xã hội từ TW đến địa phương.

PHÔNG BỘ PHÁT TRIỂN SẮC TỘC

- **Số lượng tài liệu:** 59,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1967 – 15/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy.)
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Bộ Phát triển Sắc tộc thành lập năm 1967 bởi Sắc lệnh số 36 – ST/PTST ngày 15 tháng 12 năm 1967⁽¹⁾ do Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc ký và Nghị định số 022/PTST/ND ngày 16/12/1967⁽²⁾ ấn định tổ chức, phân nhiệm và điều hành các cơ quan thuộc Bộ Phát triển Sắc tộc. Theo đó, Bộ có nhiệm vụ:

- Thực thi chính sách của Chính phủ đối với đồng bào sắc tộc;
- Thực hiện bình đẳng và đoàn kết Kinh Thượng;
- Thực hiện sự tôn trọng phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số;
- Nâng đỡ đồng bào sắc tộc theo kịp đà phát triển chung của dân tộc.

(1) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Để hoàn thiện về tổ chức và đáp ứng các yêu cầu điều hành hoạt động của Bộ Phát triển Sắc tộc, các sắc lệnh, nghị định tiếp theo đã được ban hành:

- Sắc lệnh số 106-SL/PTST ngày 8/8/1968 ấn định cơ cấu tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc⁽¹⁾.

- Sắc lệnh số 197-SL/PTST ngày 22/12/1968 ấn định chức trưởng của Tổng trưởng Bộ Phát triển Sắc tộc⁽²⁾.

- Sắc lệnh số 198-SL/PTST ngày 22/12/1969 ấn định tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc⁽³⁾.

- Nghị định số 41-PTST/NĐ ngày 09/02/1973 tổ chức, phân nhiệm và điều hành Bộ Phát triển Sắc tộc⁽⁴⁾.

- Sắc lệnh số 020-SL/PTST ngày 09/02/1973 ấn định tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc⁽⁵⁾.

- Nghị định số 039-ST/NĐ ngày 19/02/1973 ấn định tổ chức phân nhiệm và điều hành Bộ Phát triển Sắc tộc⁽⁶⁾.

- Sắc lệnh số 121-SL/PTST ngày 30/5/1974 ấn định nhiệm vụ và tổ chức Bộ Phát triển Sắc tộc⁽⁷⁾.

- Nghị định số 190-ST/NĐ ngày 24/8/1974 ấn định tổ chức, phân nhiệm và điều hành Bộ Phát triển Sắc tộc⁽⁸⁾.

(1) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Công báo VNCH, năm 1970, trang 256

(3) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(5) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(6) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(7) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(8) Hồ sơ số 9520, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

Bộ Phát triển Sắc tộc đặt dưới quyền điều khiển của Tổng trưởng, có 3 phụ tá xếp ngang Tổng Giám đốc bao gồm:

+ Các cơ quan Trung ương gồm hai thành phần:

- Thành phần chỉ đạo gồm:

Tổng trưởng, 1 phụ tá Tổng trưởng, hai chuyên viên đặc nhiệm, Văn phòng Tổng trưởng.

- Thành phần chuyên môn hành chánh gồm:

Khối Thanh tra;

Sở Nghiên cứu và Kế hoạch;

Khối Chấp hành Trung ương;

Khối Yểm trợ.

+ Các cơ quan trực thuộc gồm:

- Văn phòng đại diện Bộ Phát triển Sắc tộc tại Cao nguyên;

- Trung tâm Huấn luyện cán bộ quốc gia Pleiku;

- Trung tâm Khảo cứu Sắc tộc.

+ Các cơ quan địa phương thuộc bộ gồm:

- Các Ty và Phòng Phát triển Sắc tộc tại tỉnh và thị xã.

- Các ký túc xá học sinh sắc tộc.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần chủ yếu của tài liệu trong phòng gồm có:

- Sắc lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự.

- Tài liệu về phúc trình, thống kê danh sách cán bộ sơn thôn, cán bộ Trường Sơn.

- Tài liệu nguyên tắc quản trị nhân viên, điều tra, sưu tra nhân viên, hồ sơ cá nhân, phiếu phê điểm.

- Bảng kê về nhân số nhân viên các cấp, lương, phụ cấp, đơn xin trợ cấp.

- Sổ nhật tư cán bộ, nhân viên sắc tộc.

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo, phúc trình hoạt động của Bộ, các Nha, Ty Phát triển Sắc tộc.

- Kế hoạch, báo cáo về việc định cư, kiến điền cho đồng bào Thượng,

- Chương trình đặc biệt phục hồi, tái thiết và phát triển quốc gia.

- Chương trình phát triển sơn thôn, tự túc phát triển buôn, ấp, xã.

- Kế hoạch bình định và cấp phát thực phẩm phụng sự hòa bình.

- Các dự án thiết lập trung tâm tạm trú cho đồng bào Thượng, trại gia đình và quy chế cho cán bộ Trường Sơn

- Dự án thành lập các đại đội sơn chiến thượng, các địa phương quân.

- Bảng thống kê các địa điểm định cư; bảng kê, danh sách các xã, ấp sắc tộc và các sĩ quan sắc tộc.

- Dự án ngân sách, viện trợ Mỹ; dự trù về nông nghiệp, mục súc cho đồng bào Thượng.

- Tài liệu về nguyên tắc quản trị tài chính, động viên tại chỗ đối với đồng bào sắc tộc.

- Tài liệu về các cơ quan phát triển sắc tộc địa phương, số lượng chứng chỉ các sắc tộc, các khóa sinh, nhân dân tự vệ được cấp thẻ.

- Tài liệu về công tác xây cất trụ sở, trường học, ký túc xá, trung tâm tạm trú cho đồng bào Thượng...

- Hồ sơ cấp phát quân trang, quân dụng cho nhân viên, thanh toán quỹ ứng trước, chi tiêu, thù lao,...

- Tài liệu về việc tuyển sinh huấn luyện cán bộ quốc gia tại Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Pleiku; sĩ quan trừ bị đối với thanh niên sắc tộc, thiếu sinh quân.

- Tài liệu về công tác an ninh, cấp phát, sử dụng vũ khí.

- Tài liệu về các cuộc họp, hội nghị, hội thảo về giáo dục, kinh tế, văn hóa, chính sách và biện pháp nâng đỡ đồng bào thiểu số.

- Hồ sơ về việc tổ chức các ngày lễ.

- Hồ sơ về việc bầu cử đại biểu Hội đồng các Sắc tộc.

- Hồ sơ, hình ảnh về các cuộc công cán trong và ngoài nước.

- Hồ sơ về việc người sắc tộc xin xuất ngoại, du học.

- Tài liệu về việc quan hệ công tác giữa các cơ quan phát triển sắc tộc.

- Tập lưu thư từ riêng của Tổng trưởng.

- Tập lưu công văn đi, đến.

- Sổ theo dõi hoạt động, sổ lưu công văn.

PHÔNG TỔNG NHA ĐẶC TRÁCH PHÁT TRIỂN NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN

- **Số lượng tài liệu:** 17,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 18/9/1969 - 4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên là cơ quan trực thuộc Phủ Thủ tướng được thành lập bởi Sắc lệnh số 0112/PTH.T/QTCS ngày 18/9/1969⁽¹⁾.

Tổng nha có nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch phát triển giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp cho người Việt gốc Miên, nghiên cứu chương trình học vấn cho phù hợp với khả năng của các học viên người Việt gốc Miên.

Nghị định số 1211-NĐ/TH.T/QTCS ngày 17/11/1969 ấn định tổ chức và điều hành của Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên⁽²⁾ như sau:

+ Tổng nha do 01 Tổng Giám đốc điều khiển và có 01 Phó Tổng Giám đốc phụ giúp công việc.

(1) Hồ sơ số 9519, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9519, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- + Tổ chức gồm có:
- Phòng Bí thư;
- Phòng Văn thư;
- Thanh Tra Đoàn;
- Sở Hành chính, Nhân viên và Kế toán;
- Sở Văn hóa Giáo dục;
- Sở Kinh tế Xã hội;
- Các Ty và Ty liên tỉnh.

Từ năm 1971 đến năm 1973, Tổng nha có một số thay đổi về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ qua các Nghị định: số 884-NĐ/TH.T/QTCS ngày 1/9/1971⁽¹⁾; số 354-NĐ/TH.T/QTCS ngày 1/9/1971⁽²⁾; số 096-NĐ/TH.T/QTCS ngày 26/1/1973⁽³⁾ và số 658-NĐ/PTh.T/PC.I ngày 20/8/1974⁽⁴⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của phòng Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên gồm:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.
- Tài liệu nguyên tắc về tuyển dụng, quản lý nhân viên; hồ sơ cá nhân, hồ sơ lương bổng nhân viên, danh sách công chức xuất ngoại tu nghiệp.
- Danh sách dân số các tỉnh, danh sách người Việt gốc Miên các tỉnh, danh sách các tu sĩ.

(1) Hồ sơ số 9519, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 9519, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 9519, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 9519, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

- Sổ lưu chứng minh thư, sổ thống kê phiếu lý lịch, sổ ghi chứng chỉ người Việt gốc Miên, sổ đăng ký thăng thưởng nhân viên.

- Kế hoạch Miên vận, chương trình phát triển sắc tộc các tỉnh.

- Báo cáo công tác an ninh hành chính hàng tháng của các ty, báo cáo nguyệt trạng của các nha, ty.

- Bảng tổng hợp thống kê các chùa, tình hình tôn giáo các tỉnh.

- Dự án ngân sách, dự án cầu viện, chương trình thực phẩm phụ trợ sự hòa bình, dự án phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt.

- Báo cáo thi hành ngân sách, kinh phí ước chi, công tác cứu trợ, trợ cấp cho người Việt gốc Miên.

- Hồ sơ xin xây cất, sửa chữa chùa chiền, trường học, bệnh viện cho người Việt gốc Miên.

- Danh sách học sinh, sinh viên người Việt gốc Miên được trợ cấp, cấp học bổng.

- Danh sách các tu sĩ, thanh niên người Việt gốc Miên nhập ngũ, hoãn dịch, chứng chỉ quân dịch, quân nhân biệt phái.

- Lưu công văn đi, đến, sự vụ lệnh, công điện, phiếu trình.

- Hồ sơ, đơn từ khiếu nại của sư sãi, kiến nghị của Giáo hội Phật giáo.

- Sổ kiểm soát lý lịch an ninh, ghi công văn đi, đến, sổ phạt tử, sổ theo dõi thanh toán, trợ cấp, lương bổng.

PHÒNG TÒA ĐẠI BIỂU CHÍNH PHỦ TRUNG NGUYÊN TRUNG PHẦN

- **Số lượng tài liệu:** 84,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 4/8/1954 - 1969.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

- Theo Dự số 21 ngày 04/8/1954 chức Thủ hiến bị bãi bỏ⁽¹⁾. Thay vào đó là các Đại biểu Chính phủ tại các Phần lãnh thổ, trong đó có Trung Việt.

- Ngày 24/12/1955, Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành Dự số 17 về việc cải tổ nền hành chính các Phần. Theo đó, bãi bỏ tư cách pháp nhân và ngân sách tự trị các Phần bị bãi bỏ⁽²⁾.

Để thuận lợi cho việc quản lý, Tổng thống VNCH đã ban hành Sắc lệnh số 147a/NV ngày 24/10/1956 về việc sáp nhập Trung nguyên Trung phần và Cao nguyên Trung phần thành lãnh thổ Trung phần⁽³⁾.

Ngày 24/10/1956, Tổng thống còn ban hành Dự số 57a quy định quyền hạn nhiệm vụ của Đại biểu Chánh phủ⁽⁴⁾. Theo

(1) Hồ sơ số 4144, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 1175, phòng Phủ Tổng thống Đệ I Cộng hòa

(3) Hồ sơ số 860, phòng Phủ tổng thống Đệ I Cộng hòa

(4) Hồ sơ số 1175, phòng Phủ Tổng thống Đệ I Cộng hòa

Dụ này, quyền hạn của Đại biểu Chánh phủ đã bị thu hẹp một phần, chỉ còn 3 quyền sau:

- Tư cách thanh tra;
- Tư cách phụ tá quyền hành pháp TW;
- Tổng thống có thể giao phó cho Đại biểu Chính phủ những nhiệm vụ đặc biệt trong một số tỉnh.

Như vậy, Dụ Số 57a đã đặt chức vụ đại biểu như một chức vụ trung gian, Tòa Đại biểu không phải là một đơn vị chỉ huy hành chính có tư cách pháp nhân cao hơn tỉnh nữa.

Sau khi nắm quyền lãnh đạo, Hội đồng Quân nhân Cách mạng và Chánh phủ Lâm thời đã ban hành một loạt công điện, nghị định nhằm từng bước thu hẹp quyền hành để tiến tới giải tán Văn phòng Đại biểu Chính phủ tại các Phần, cụ thể:

- Công điện số 28861H31/MR ngày 08/11/1963 và Công điện số 29524 ngày 18/11/1963 của Hội đồng Quân nhân Cách mạng về việc giải tán các Tòa Đại biểu Chính phủ tại các Phần, toàn bộ nhân viên, phương tiện của các Tòa Đại biểu thuộc quyền sử dụng của các Bộ Tư lệnh Vùng Chiến thuật⁽¹⁾.

- Nghị định số 805-TTP/NV ngày 19/4/1964 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tổ và thay thế Văn phòng các Đại biểu Chính phủ cũ bằng “Văn phòng Dân vụ” cạnh các Tư lệnh vùng Chiến thuật, đảm trách những nhiệm vụ của Đại biểu Chánh phủ⁽²⁾. Như vậy, Trung nguyên Trung phần nằm vào vị trí Vùng 1 và 2 Chiến thuật. Các Văn phòng Dân vụ đặt dưới quyền điều khiển của Tư lệnh Vùng Chiến thuật.

(1) Tài liệu phỏng Tòa Đại biểu Chính phủ TNTP

(2) Công báo VNCH, năm 1964, trang 1581

Nghị định số 2107-UBHP/CT ngày 01/12/1965 đã tu chỉnh một phần Nghị định số 805-TTP/NV ngày 19/4/1964⁽¹⁾. Theo đó, tổ chức của Văn phòng Dân vụ được bổ sung thêm 01 Bí thư, các thành phần khác vẫn giữ nguyên.

Như vậy, từ năm 1963-1967, quyền của các Đại biểu Chính phủ tại Trung phần đã mất dần, thay vào đó là sự điều khiển của các Tư lệnh Vùng Chiến thuật.

Luật 001/69 của Tổng thống VNCH đã chính thức quy định việc bãi bỏ chức đại biểu tại các Phần⁽²⁾.

Nghị định số 544-NĐ/ThT/QTCS ngày 12/5/1969, đã bãi bỏ chức vụ phụ tá hành chánh và giải tán Văn phòng Dân vụ cạnh các Tư lệnh Vùng Chiến thuật, chấm dứt toàn bộ hoạt động của Đại biểu Chính phủ tại Trung nguyên Trung phần⁽³⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu của phòng gồm có:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy, nhân sự của Tòa Đại biểu, các nha, sở trực thuộc.
- Tài liệu về quy chế các ngành.
- Tài liệu nguyên tắc về quản trị nhân viên, kế toán.
- Báo cáo hoạt động của các nha, sở, tỉnh, các đoàn thể...
- Tài liệu v/v kinh lý của Tổng thống, Thủ hiến.

(1) *Công báo VNCH, năm 1965, trang 4803*

(2) *Quy pháp Vựng tập, năm 1965, quyển 12, tập 1, trang 9*

(3) *Công báo VNCH, năm 1969, trang 3426.*

- Tài liệu về hội nghị, hội thảo, hội chợ, biên bản các cuộc họp của các cấp.

- Tài liệu về công tác phòng vệ dân sự, hoạt động của Việt Minh, hoạt động quân sự và chính trị tại các tỉnh.

- Tài liệu về các can cứ chính trị và việc phóng thích các can cứ chính trị.

- Tài liệu điều tra của Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến tại Phú Yên.

- Tài liệu tổng kết tin tức của các đài.

- Tài liệu về các hoạt động của ngành nông, ngư nghiệp.

- Tài liệu về văn hóa giáo dục

- Hồ sơ về tổ chức các ngày lễ.

- Chứng từ về lương, phụ cấp, văn phòng phẩm...

- Tài liệu về ân thưởng huy chương các loại.

- Tài liệu về khiếu tố, khiếu nại.

- Tập lưu công văn đi, đến, công điện, mật điện, mật mã, điện tín...

- Sổ theo dõi nhân viên.

PHÒNG TÒA ĐẠI BIỂU CHÍNH PHỦ NAM PHẦN

- **Số lượng tài liệu:** 97,6 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 04/8/1954 – 1959.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** nhiều tài liệu đã bị giòn, mủn và rách nát.
- **Công cụ tra cứu:** bộ mục lục đánh máy, được đánh số theo Khung phân loại Boudet.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Dự số 21 ngày 04/8/1954, chức Thủ hiến chính thức bị bãi bỏ, thay vào đó là các Đại biểu Chính phủ tại Phần trong đó có Đại biểu Chính phủ tại Nam phần⁽¹⁾. Theo đó, Đại biểu Chính phủ tại Nam phần có chức năng đại diện cho Chính phủ và thực thi các nhiệm vụ được Chính phủ giao phó tại các tỉnh Nam phần. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Đại biểu Chính phủ được quy định tại Dự số 57a ngày 24/10/1956 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

Theo tài liệu hiện có trong phòng, Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần được tổ chức như sau⁽²⁾:

Đứng đầu Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần là một Đại biểu Chính phủ và bên cạnh Đại biểu Chính phủ là một Ủy viên

(1) *Công báo Việt Nam, năm 1954, trang 1980*

(2) *Hồ sơ số D.3 - 58, phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần*

Chính trị và Hành chánh. Tổ chức Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần gồm có:

- Đồng lý Văn phòng và Phòng Công văn;
- Đồng lý Sự vụ;
- Võ phòng;
- Quản trị Địa phương Ngoại quốc Viện trợ.

Ngày 24/9/1958, Tòa Đại biểu Chánh phủ Nam phần bị bãi bỏ bằng Sắc lệnh số 480-TTP ngày 24/9/1958 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Khối tài liệu này đã được phân loại sơ bộ theo khung phân loại Boudet, gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1. Văn bản pháp quy:

- Các sắc lệnh của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.
- Các nghị định, quyết định, chỉ thị của Đại biểu Chính phủ Nam phần.

2. Tổ chức chính quyền TW:

- Tài liệu về tổ chức nhân sự, các nghị định, quyết định về nhân viên, hồ sơ nhân viên.
- Tài liệu về sửa đổi ranh giới các tỉnh Nam phần.
- Công văn trao đổi giữa Tòa Đại biểu và các tỉnh Nam phần.

(1) Công báo VNCH, năm 1958, trang 3780

- Báo cáo hàng ngày, hàng tháng của Nha Công an Nam phần.

- Tài liệu về hoạt động của Bảo an, vệ binh, các trung tâm huấn luyện.

- Tài liệu về tình hình an ninh, quân sự tại các tỉnh Nam phần.

- Hoạt động của Việt Cộng, Pháp, Mỹ.

- Tài liệu về hoạt động của tôn giáo, ngoại kiều.

- Kiểm báo.

3. Tổ chức chính quyền địa phương:

- Phúc trình tổng quát hàng năm, hàng tháng của các tỉnh Nam phần.

- Phúc trình kinh lý của các tỉnh trưởng tại Nam phần.

- Bản tin tức các địa phương của các tỉnh Nam phần.

- Địa phương chí các tỉnh Nam phần.

- Tài liệu về công tác bình định các xã.

4. Chính trị:

- Hiệp ước Genève 1954.

- Tài liệu về thanh tra chính trị, hành chính các tỉnh Nam phần.

5. Tư pháp:

- Hoạt động của các nhà tù.

- Phóng thích tội phạm.

6. Công chánh - Giao thông:

- Xây cất, quản lý, duy tu nhà cửa, công thự.
- Xây cất, quản lý, duy tu, đổi tên, quy hoạch đường sá.

7. Văn hóa, giáo dục, xã hội:

- Tổ chức bộ máy, nhân sự ngành giáo dục.
- Các cuộc thi cử.
- Xây dựng đài kỷ niệm, hoạt động của các viện bảo tàng.
- Các hoạt động văn hóa xã hội khác.

PHÒNG SỞ LAO ĐỘNG ĐÔ THÀNH SÀI GÒN

- **Số lượng tài liệu:** 01 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1957 – 15/4/1975
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, giòn và ố nhiều.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Sở Lao động Đô thành Sài Gòn được thành lập theo Nghị định số 36-BLD/HC ngày 01/02/1959 của Tổng trưởng Lao động⁽¹⁾.

Theo Nghị định này, Sở Lao động Đô thành Sài Gòn có nhiệm vụ kiểm soát việc thi hành các luật lệ lao động, các hoạt động của các xí nghiệp tại Đô thành Sài Gòn, giải quyết các vụ phân tranh lao động.

Tổ chức của Sở Lao động Đô thành Sài Gòn gồm có 4 phòng:

- Phòng Văn thư: có nhiệm vụ tiếp nhận, vào sổ, phân phát, gửi công văn; lưu trữ hồ sơ, thư viện; tập trung và phân phát công văn đánh máy; tập trung, kiểm soát hồ sơ trình ký; các công văn khác; các việc về quản trị nhân viên, quản trị vật liệu, kế toán, các việc hành chánh.

- Phòng Kiểm soát: phụ trách kiểm soát việc thi hành luật lệ lao động và an ninh xã hội tại các xí nghiệp; xem xét, kiểm

(1) *Niên giám Hành chánh VNCH, năm 1963, trang 329*

nhận sổ sách lao động; điều tra để thu thập tài liệu thống kê; phụ cấp gia đình...; kiểm soát hoạt động nghiệp đoàn; kiểm soát việc thi hành luật lệ về đại biểu công nhân; tờ trình định kỳ của Sở.

- Phòng Cá nhân Phân tranh: phụ trách việc hòa giải các tranh chấp lao động; lập hồ sơ tư Tòa án Lao động khi hòa giải không thành; Đại diện công nhân trước Tòa án.

- Phòng Cộng đồng Phân tranh: chịu trách nhiệm thụ lý các vụ cộng đồng phân tranh; hòa giải cộng đồng phân tranh; lập hồ sơ tư Hội đồng Trọng tài khi hòa giải không thành.

Đến năm 1971, để phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và điều kiện phát triển chung của xã hội, tổ chức Sở Lao động tại các địa phương đã được cải danh thành Sở hay Ty Thanh tra Lao động và An ninh Xã hội, các Sở, Ty này đặt trực thuộc Nha Thanh tra TW thuộc Bộ Lao động⁽¹⁾.

Tại Sài Gòn, Sở Thanh tra Lao động và An ninh Xã hội Đô thành được cải tổ lại, gồm 5 phòng :

- Phòng Văn thư.
- Phòng Cộng đồng Phân tranh;
- Phòng Cá nhân Phân tranh;
- Phòng Tìm việc;
- Phòng Kiểm soát và Thanh tra Xí nghiệp.

Như vậy, kể từ khi thành lập đến năm 1971, tổ chức của Sở Lao động Đô thành Sài Gòn đã được cải tổ lại, nhiệm vụ của cơ quan này được bổ sung thêm để đáp ứng cho yêu cầu của xã

(1) *Niên giám VNCH, năm 1971, trang 318*

hội. Đây là một cơ quan kiểm soát việc thi hành các luật lệ lao động tại địa phương, sự tồn tại của nó đã góp phần thúc đẩy việc phát triển chung tại Sài Gòn lúc bấy giờ.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Dự án ngân sách năm 1961 - 1971.
- Phúc trình hoạt động hàng tuần, hàng tháng.
- Tài liệu nguyên tắc về nhân viên, kế toán, danh sách nhân viên ...
- Thông tư, nghị định hướng dẫn các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Công văn đi năm 1953 - 1962.
- Tài liệu về tranh chấp lao động, tai nạn lao động, về lãng công của giới cần lao; công tác hòa giải, phân tranh lao động...
- Sổ theo dõi công văn đến.

Tài liệu Thời kỳ Cách mạng

PHÔNG BỘ Y TẾ XÃ HỘI VÀ THƯƠNG BINH

- **Số lượng tài liệu:** 73,4 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1970-1976.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số hiện bị mờ mực và ố nhiễm.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập vào ngày 06/6/1970. Ngày 11/6/1970, Chủ tịch Chánh phủ Cách mạng Lâm thời ban hành Nghị định số 69/NĐ-PCT quy định nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh như sau⁽¹⁾:

Bộ Y tế Xã hội và Thương binh là cơ quan của Hội đồng Chánh phủ có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, chủ trương của Chánh phủ về công tác y tế, xã hội và thương binh.

Bộ Y tế Xã hội và Thương binh do Bộ trưởng phụ trách, có các Thứ trưởng giúp việc. Bộ máy của Bộ bao gồm:

- Vụ Phòng bệnh-Chữa bệnh
- Vụ Xã hội-Thương binh
- Vụ Tổ chức-Tuyên huấn

(1) Hồ sơ số 36, phòng Bộ Y tế Xã hội và Thương binh

- Cục quản lý Dược
- Phòng Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em;
- Phòng Đông y;
- Văn phòng Bộ;
- Thanh tra của Bộ.

Ở cấp thành phố, khu, tỉnh, huyện... bộ máy y tế xã hội và thương binh chịu sự lãnh đạo của chính quyền các cấp: đó là các sở ở thành phố và khu, ở cấp tỉnh và phân khu là ty và phòng ở cấp huyện...

Tháng 4/1976, hoạt động của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh đã khép lại và chuyển sang một thời kỳ mới với sự kiện lịch sử “Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước ngày 25/4/1976”.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về công tác tổ chức bộ máy (kiện toàn tổ chức của Văn phòng Bộ Y tế và các cơ quan, đơn vị trực thuộc).
- Tài liệu về công tác tổ chức nhân sự (tuyển dụng, điều động, chuyển chuyển, nâng xếp lương, đào tạo...).
- Kế hoạch và báo cáo của Bộ Y tế Xã hội và Thương binh và các Ban Y tế, Dân y vùng, miền.
- Các cuộc họp của Văn phòng Bộ Y tế.
- Tập lưu công văn, công vụ lệnh...
- Tài liệu về hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.
- Tài liệu về công tác tuyên huấn.

- Tài liệu về hoạt động của địch trong địa bàn hoạt động của các cơ quan cách mạng.
- Tài liệu về công tác tiếp quản, công quản.
- Thống kê danh sách nhân viên y tế chế độ cũ ra trình diện và học tập cải tạo.
- Hồ sơ cá nhân của nhân viên y tế chế độ cũ.
- Tài liệu về hoạt động của các bệnh viện và các cơ sở y tế ở miền Nam sau ngày giải phóng.
- Tài liệu về việc quản lý nhà, đất và các cơ sở y tế của ngành y tế và thương binh xã hội.

PHÒNG LIÊN HIỆP CUNG ỨNG VẬT TƯ KHU VỰC II

- **Số lượng tài liệu:** 116 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 20/5/1980 – 31/12/1985.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số hiện bị mờ mực.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II được thành lập theo Quyết định số 156/CP ngày 20/5/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc sửa đổi tổ chức bộ máy quản lý cung ứng vật tư của Bộ Vật tư⁽¹⁾.

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Liên hiệp Cung ứng Vật tư khu vực II ngày 17/5/1980⁽²⁾ và Quyết định số 127/VT-QĐ ngày 30/5/1980⁽³⁾ của Bộ Vật tư, thì Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II có nhiệm vụ:

- Cung ứng vật tư cho các đơn vị tiêu dùng và các huyện trong địa bàn được phân công theo chỉ tiêu kế hoạch và quy định của Nhà nước;

(1) Hồ sơ số 393, phòng Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II

(2) Hồ sơ số 393, phòng Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II

(3) Hồ sơ số 393, phòng Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II

- Tổ chức nắm nhu cầu vật tư, khả năng sản xuất, xuất, nhập khẩu vật tư của các đơn vị, tổ chức trong khu vực để có kế hoạch đặt hàng;

- Tổ chức thu mua, khai thác triệt để nguồn vật tư sản xuất trong khu vực, vật tư tồn kho, phế liệu... để tạo nguồn vật tư đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng trong khu vực;

- Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực kinh doanh và cung ứng vật tư;

- Có trách nhiệm giúp Bộ và UBND các tỉnh, thành phố quy hoạch mạng lưới kinh doanh, cung ứng vật tư trong khu vực phụ trách trên cơ sở quy hoạch chung của ngành cũng như của địa phương.

Cơ cấu tổ chức của Liên hiệp bao gồm:

- Các phòng, ban nghiệp vụ: Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Kế toán-Tài vụ-Thống kê, Phòng Giá, Phòng Tổ chức Cán bộ và Lao động Tiền lương, Phòng Kỹ thuật-Quản lý kho-Xây dựng Cơ bản, Phòng Hành chính Quản trị, Phòng Vật tư nội bộ, Ban Bảo vệ, Phòng Cung ứng Thiết bị Phụ tùng, Phòng Cung ứng Kim khí, Phòng Cung ứng Hóa chất Vật liệu Điện và Dụng cụ Cơ khí, Phòng Gia công Thu mua.

- Các đơn vị trực thuộc Liên hiệp: Công ty Phế liệu Kim khí, Chi nhánh Vật tư Khoa học Kỹ thuật, Xí nghiệp Vận tải, Xí nghiệp Sửa chữa Xe máy, Viện Điều dưỡng và 16 Công ty Vật tư Tổng hợp tại các tỉnh, đặc khu từ Phú Khánh đến Minh Hải.

Ngày 01/01/1986, Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II chính thức giải thể và chuyển giao toàn bộ tổ chức, nhiệm vụ sang các Tổng công ty ngành hàng thuộc Bộ Vật tư⁽¹⁾.

(1) Hồ sơ số 393, phong Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung tài liệu trong phòng chủ yếu gồm:

- Tài liệu về công tác tổ chức bộ máy (thành lập, giải thể, kiện toàn tổ chức...).

- Tài liệu về công tác tổ chức nhân sự (tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, khen thưởng, nâng lương...)

- Tài liệu về công tác thanh tra, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, chống tiêu cực, tham nhũng.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Liên hiệp II và các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về công tác kinh doanh, cung ứng vật tư.

- Tài liệu về công tác tài chính kế toán.

PHÒNG VĂN PHÒNG II BỘ VẬT TƯ

- **Số lượng tài liệu:** 01 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1976-1983.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị rách, bị mối.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Văn phòng II Bộ Vật tư được thành lập theo Quyết định số 47/VT-QĐ ngày 15/01/1977 của Bộ Vật tư ⁽¹⁾. Theo Quyết định này, Văn phòng II Bộ Vật tư có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi chức năng của Văn phòng Bộ tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần tài liệu trong phòng chủ yếu bao gồm:

- Tài liệu chỉ đạo: tập quyết định, chỉ thị, công văn của Hội đồng Chính phủ, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ.
- Tài liệu về tổ chức và hoạt động của cơ quan.
- Tài liệu XDCB.
- Tập lưu công văn đi, đến.

(1) Hồ sơ số 31, phòng Văn phòng II Bộ Vật tư

- Tài liệu về nhân sự: tuyển dụng, điều động, thăng chức, lương bổng ...

PHÒNG CÔNG TY VẬT TƯ THỨ LIỆU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Số lượng tài liệu:** 46,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1976 – 1995.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tương đối tốt, riêng tài liệu từ năm 1989 trở về trước bị mục nát, mất chữ.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Công ty Vật tư Thứ liệu TP. Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở tiếp quản các đơn vị của chế độ cũ, chủ yếu là 2 đơn vị Cơ quan Tiếp Vận TW và Việt Nam Vận tải Công ty, gọi chung là Công ty Vật tư Phế liệu miền Nam⁽¹⁾.

Tháng 11/1976, Công ty Vật tư Phế liệu miền Nam đổi tên thành Công ty Phế liệu Khu vực II trực thuộc Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Vật tư.

Ngày 18/12/1980, Công ty Phế liệu Khu vực II được chuyển sang trực thuộc Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II thuộc Bộ Vật tư và đổi thành Công ty Phế liệu Kim khí⁽²⁾.

Quyết định số 408/VT-QĐ ngày 6/9/1985 đổi tên Công ty Phế liệu Kim khí thành Công ty Vật tư Thứ liệu TP. HCM trực thuộc Công ty Vật tư Thứ liệu TW - Bộ Vật tư⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 01 phòng Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Hồ sơ số 09 phòng Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh

(3) Hồ sơ số 101, phòng Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 28/5/1993, Bộ Thương mại ra Quyết định số 602/TM-TCCB thành lập doanh nghiệp nhà nước Công ty Vật tư Thứ liệu TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng công ty Kim khí - Bộ Thương mại⁽¹⁾.

Ngày 25/12/1995, Quyết định số 457 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp sáp nhập Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp với Công ty Vật tư Thứ liệu TP. Hồ Chí Minh thành Công ty Thiết bị Công nghiệp từ ngày 01/01/1996⁽²⁾.

Công ty Vật tư Thứ liệu TP. Hồ Chí Minh qua nhiều lần đổi tên và sáp nhập từ năm 1975 đến năm 1995, nhưng tổ chức và nhiệm vụ của Công ty vẫn không thay đổi, cụ thể như sau:

* Tổ chức:

- Đứng đầu Công ty là Giám đốc. Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Thương mại và Du lịch bổ nhiệm. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nguyên tắc thủ trưởng và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty Kim khí, Bộ Thương mại và Du lịch về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc và các Phòng ban sau:

- + Phòng Tổ chức Hành chính;
- + Phòng Kinh doanh;
- + Phòng Kế toán Tài vụ;
- + Các đơn vị trực thuộc Công ty: Các xí nghiệp, cửa hàng...

(1) Hồ sơ số 101, phòng Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Hồ sơ số 101, phòng Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh

* Nhiệm vụ:

- Khai thác, tận dụng các nguồn vật tư thứ liệu để tạo thêm ra vật tư nguyên liệu, sản phẩm và góp phần thực hiện lưu chuyển các mặt hàng kim khí chính phẩm của ngành, đáp ứng tốt cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội trong và ngoài nước.

- Tổ chức điều tra, khảo sát tìm các nguồn vật tư thứ liệu và kim khí cũng như nhu cầu tiêu thụ, làm căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được giao về cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động ... để nâng cao năng suất, đảm bảo tự trang trải về tài chính. Quản lý và sử dụng đúng nguồn vốn theo chế độ hiện hành.

Tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh từ việc thu mua, khai thác, vận chuyển, phân loại chọn lọc, gia công tái chế, phục hồi ... và tiêu thụ. Thường xuyên nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đầu tư, cải tiến nhằm mở rộng mặt hàng, tiết kiệm nguyên vật liệu.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần nội dung trong phòng chủ yếu gồm:

- Kế hoạch, báo cáo hoạt động của Công ty.
- Tập lưu công văn của Công ty.
- Tập báo cáo của các phòng ban của Công ty.
- Tài liệu bàn giao giữa các đơn vị trực thuộc.
- Tài liệu về tổ chức bộ máy của Công ty.

- Tập Quyết định về nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, lương bổng ...

- Danh sách CBCNV của Công ty Vật tư Thứ liệu.

- Hs v/v thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho nhân viên.

- Tài liệu v/v nghỉ hưu, nghỉ việc.

- Tài liệu về khen thưởng, kỷ luật nhân viên.

- Tập đơn từ, khiếu nại của Công ty.

- Tài liệu về công tác tài chính, kế toán.

- Kế hoạch báo cáo lao động tiền lương, tài chính.

- Tài liệu v/v thanh lý máy móc, thiết bị, thuê kho bãi

- Báo cáo quyết toán.

- Tài liệu kiểm kê tài sản.

- Sổ cái của Công ty Vật tư Thứ liệu.

- Báo cáo công nợ.

- Tập chứng từ nhập hàng hóa, tiền điện, nước...

- Sổ theo dõi tạm ứng, thu chi, nhập - xuất - tồn hàng hóa, sổ quỹ...

- Hợp đồng kinh tế.

PHÔNG CÔNG TY VẬT TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

- **Số lượng tài liệu:** 15,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1975-1995.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số tài liệu bị mối, rách, mực nát không đọc được.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp trước đây là Xí nghiệp Vật tư Vận tải được thành lập theo Quyết định số 451/CL-CB ngày 2/6/1977 của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim và được đặt trực thuộc Công ty Cơ khí⁽¹⁾.

Ngày 16/9/1990, theo Quyết định số 328/QĐ-CNNG-TCNS của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Xí nghiệp Vật tư Vận tải được đổi tên thành Xí nghiệp Vật tư Cơ khí Tổng hợp⁽²⁾.

Quyết định số 217/QĐ/TCNSĐT ngày 5/5/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng thành lập lại Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 32, phòng Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp

(2) Hồ sơ số 32, phòng Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp

(3) Hồ sơ số 32, phòng Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp

Đến năm 1995, Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp sáp nhập với Công ty Vật tư Thử liệu TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 457 ngày 25/12/1995⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần, nội dung của tài liệu trong phòng chủ yếu gồm:

- Tài liệu chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tập quyết định về công tác nhân sự.

- Chương trình, kế hoạch công tác của Công ty.

- Biên bản bàn giao công việc.

- Tập lưu công văn.

- Hợp đồng lao động.

- Hồ sơ cá nhân.

- Báo cáo kiểm kê tài sản.

- Tài liệu về tài chính, kế toán.

- Hồ sơ xây dựng cơ bản.

- Tài liệu quyết toán thu, chi.

- Tài liệu nhập, xuất hàng hóa.

- Chứng từ kế toán: thu, chi, ủy thác, vay vốn...

- Sổ quỹ, sổ theo dõi ngoại tệ, sổ đăng ký hàng hóa.

(1) Hồ sơ số 101, phòng Công ty Vật tư Thử liệu Thành phố Hồ Chí Minh

PHÒNG CÔNG TY KINH DOANH THÉP VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

- **Số lượng tài liệu:** 375,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1996-2003.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngày 25/12/1995, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 457 sáp nhập Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp và Công ty Thép Tp. Hồ Chí Minh và đổi tên thành Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp từ ngày 01/01/1996⁽¹⁾.

Chức năng nhiệm vụ: tổ chức kinh doanh, sản xuất, gia công và chế biến kim khí chính phẩm, vật tư thứ liệu, ứ đọng và các loại máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của các ngành, địa phương trong cả nước và xuất nhập khẩu.

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

- + Phòng Kinh doanh Xuất Nhập khẩu;
- + Phòng Tổ chức Hành chính;
- + Phòng Tài chính Kế toán;

(1) Hồ sơ số 101, phòng Công ty Vật tư Thép Tp. Hồ Chí Minh

+ Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 1;
- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 2;
- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 3;
- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 4;
- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 5;
- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 6;
- Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Vật tư Tổng hợp số 7;
- Xí nghiệp Kinh doanh sửa chữa và bảo hành xe máy (Xí nghiệp số 8).

Ngày 07/6/2000, với Quyết định số 900/2000/QĐ/H/TC của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam, Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp được đổi tên thành Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp⁽¹⁾.

Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp duy trì hoạt động đến hết năm 2003.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu về công tác tổ chức bộ máy (thành lập, giải thể các đơn vị, phòng, ban trực thuộc).

- Tài liệu về công tác tổ chức nhân sự (tiếp nhận, điều động, chuyển, nâng lương, khen thưởng...)

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

(1) Hồ sơ phòng Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp

- Tài liệu về công tác lao động tiền lương, thi đua khen thưởng.

- Tài liệu về công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.

- Tài liệu về công tác thanh tra.

- Tài liệu về công tác tài chính kế toán (sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ các loại).

PHÒNG CÔNG TY KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Số lượng tài liệu:** 221,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1975-2003.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** tốt.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh với tên gọi ban đầu là Công ty Kim khí miền Nam được tách khỏi Công ty Kim khí - Thiết bị Phụ tùng theo Quyết định số 517/VT-QĐ ngày 30/12/1975⁽¹⁾.

Quyết định số 765/VT-QĐ ngày 19/10/1976 chuyển Công ty Kim khí miền Nam về trực thuộc Tổng công ty Kim khí của Bộ Vật tư⁽²⁾.

Ngày 4/11/1976, theo Quyết định 827/VT-QĐ của Bộ Vật tư, Công ty Kim khí miền Nam đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II thuộc Tổng công ty Kim khí⁽³⁾.

(1) Hồ sơ phòng Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Hồ sơ số 31, phòng Văn phòng II Bộ Vật tư

(3) Hồ sơ phòng Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

Đến năm 1985, Quyết định số 746/VT ngày 20/12/1985 của Bộ Vật tư đổi tên Công ty Kim khí KV II thành Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Vật tư⁽¹⁾.

Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh được thành lập và tổ chức lại theo Quyết định số 595/TM - TCCB ngày 28/5/1993 của Bộ Thương mại⁽²⁾ với cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ như sau:

* Tổ chức:

+ Ban Giám đốc;

+ Các Phòng Nghiệp vụ:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh;

- Phòng Kế toán - Tài chính;

- Phòng Đầu tư - Phát triển.

Ngoài các phòng chuyên môn, Công ty còn có các Xí nghiệp và Tổng kho trực thuộc. Nhiệm vụ:

- Xây dựng mạng lưới kinh doanh và tổ chức thực hiện việc kinh doanh kim khí, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của ngành thép và các ngành công nghiệp khác;

- Tổ chức sản xuất, gia công hoặc liên doanh, liên kết với các đơn vị khác trong và ngoài nước để sản xuất các sản phẩm bằng thép;

- Nghiên cứu khả năng tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước để mở rộng và phát triển kinh doanh.

(1) Hồ sơ phong Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Hồ sơ phong Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần nội dung trong phòng chủ yếu gồm:

- Tập tài liệu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Vật tư, Tổng Cục vật tư ...

- Tập quyết định về tổ chức bộ máy của Công ty.

- Tập lưu công văn.

- Kế hoạch, báo cáo hoạt động của Công ty Kim khí.

- Tài liệu về xây dựng cơ bản.

- Danh sách CBCNV của Công ty .

- Tập quyết định về nhân sự: tuyển dụng, điều động, thăng chức, thôi việc, lương bổng...

- Tài liệu về khen thưởng, kỷ luật.

- Hồ sơ cung cấp hàng cho các đơn vị thuộc các Bộ.

- Báo cáo quyết toán.

- Tập lưu các hợp đồng: cung ứng, mua bán, gia công, vận chuyển, bốc xếp...

- Tài liệu kế toán: chứng từ thu chi, thanh toán, sổ theo dõi, lệnh vận chuyển hàng, tập lưu phiếu xuất - nhập vật tư...

- Tài liệu về hoạt động tài chính, kế toán, lao động tiền lương.

- Hồ sơ các tàu hàng cập bến.

- Báo cáo tình hình thu, chi quỹ, hàng tồn kho.

- Tài liệu về công tác thanh tra, bảo vệ.

- Tài liệu về công tác xây dựng Đảng: thành lập, tổ chức, kết nạp, kỷ luật đảng viên.

- Tài liệu về công tác công đoàn.

PHÔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN

- **Số lượng tài liệu:** 01,8 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1976-1980
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** một số hiện bị mờ mực và ố nhiễm.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Năm 1976, Công ty Hóa chất Vật liệu Điện miền Nam là đơn vị trực thuộc Tổng cục Vật tư - Bộ Vật tư.

Năm 1977, Công ty Hóa chất Vật liệu Điện miền Nam được đổi tên thành Công ty Hóa chất Vật liệu Điện Khu vực II trực thuộc Tổng công ty Hóa chất Vật liệu Điện và sau đó là Tổng công ty Hóa chất Vật liệu Điện và Dụng cụ Cơ khí - Bộ Vật tư.

Nhiệm vụ của Công ty là quản lý kinh doanh và cung ứng vật tư kỹ thuật mặt hàng hóa chất và vật liệu điện cho các đơn vị và 14 Công ty Vật tư các tỉnh phía Nam: Lâm Đồng, Thuận Hải, Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Cửu Long, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải.

Ngày 30/5/1980, theo Quyết định số 127/VT-QĐ của Bộ Vật tư, Công ty Hóa chất Vật liệu Điện Khu vực II được chuyển thành Công ty Hóa chất Vật liệu Điện⁽¹⁾ trực thuộc Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

(1) Hồ sơ số 393, phòng Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II

Tháng 12/1980, với Quyết định số 793/VT-QĐ ngày 11/12/1980 của Bộ Vật tư về việc tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II, thì Công ty Hóa chất Vật liệu Điện chính thức bị giải thể⁽¹⁾. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty chuyển về các phòng chức năng của Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

- Tài liệu của các cơ quan cấp trên về công tác quản lý cung ứng vật tư, cải tạo công thương nghiệp và công tác tài chính kế toán.
- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Báo cáo tổng kết công tác hàng năm.
- Báo cáo kế hoạch cung ứng hóa chất, vật liệu điện của Công ty Vật tư các tỉnh.

(1) Hồ sơ số 393, phòng Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II

PHÒNG XÍ NGHIỆP LIÊN HIỆP RƯỢU BIA NƯỚC GIẢI KHÁT II

- **Số lượng tài liệu:** 18 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1976 – 1993.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường
- **Công cụ tra cứu:** mục lục

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngay sau khi Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Bộ Lương thực và Thực phẩm đã có Quyết định số 128e/LTTP-TC ngày 12/8/1976 v/v thành lập Công ty Rượu Bia Nước giải khát Miền Nam⁽¹⁾.

Trên cơ sở tổ chức của Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam, ngày 18/6/1981, Bộ Công nghiệp Thực phẩm đã ra Quyết định số 625-CNTP/TCQ v/v chuyển Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam thành Xí nghiệp Liên hiệp Rượu Bia Nước giải khát II⁽²⁾.

Sau một thời gian hoạt động, để đơn giản hóa công tác quản lý, Bộ Công nghiệp Nhẹ đã có Quyết định số 990/CNN-TCLĐ ngày 15/10/1993 v/v giải thể Xí nghiệp Liên hiệp Rượu

(1) Hồ sơ số 03, phòng XNLHRBNGKII

(2) Hồ sơ số 150, phòng XNLHRBNGKII

Bia Nước giải khát II và sáp nhập Văn phòng Xí nghiệp Liên hiệp Rượu Bia Nước giải khát II vào Công ty Bia Sài Gòn⁽¹⁾.

Nhiệm vụ của Công ty Rượu Bia Nước giải khát miền Nam và sau này là Xí nghiệp Liên hiệp Rượu Bia Nước giải khát II được quy định như sau:

- Có nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật tài chính 5 năm và kế hoạch hàng năm;

- Chịu trách nhiệm trước Bộ về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Được Bộ ủy nhiệm và giao nhiệm vụ quản lý ngành từ khâu nguyên liệu đến chế biến ra các loại sản phẩm bảo đảm chất lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu theo kế hoạch nhà nước, phạm vi hoạt động từ Nghĩa Bình đến Minh Hải;

- Giúp Bộ nghiên cứu các chính sách, chế độ, biện pháp về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật với nước ngoài. Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật và ứng dụng vào sản xuất;

- Trực tiếp xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCNV, quản lý CBCNV theo sự phân cấp của Bộ. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động.

Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp Liên hiệp Rượu Bia – NGK II gồm có:

- Tổng Giám đốc điều hành chung và chịu trách nhiệm trước Bộ, giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Giám đốc;

(1) Hồ sơ số 1048, phòng XNLHRBNGKII

- Các đơn vị sản xuất và phục vụ sản xuất; bao gồm:

- + Nhà máy Rượu Bình Tây;
- + Nhà máy Bia Sài Gòn;
- + Nhà máy Nước ngọt Chương Dương;
- + Nhà máy Nước ngọt Hậu Giang;
- + Nhà máy Nước đá Sài Gòn;
- + Xưởng Cơ khí Rượu Bia;
- + Xưởng sửa chữa ô tô Khánh Hội.

Các đơn vị trên hoạt động theo kế hoạch của XNLH, thực hiện chế độ hạch toán nội bộ, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, được Tổng Giám đốc ủy quyền mở tài khoản chuyên chi, và tài khoản chuyên thu và được giao dịch trong phạm vi cần thiết để bảo đảm cho hoạt động SXKD của đơn vị. Đối với đơn vị ở xa, có thể được thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập do Tổng Giám đốc XNLH quyết định.

- Các phòng chức năng quản lý gồm:

- + Phòng Kế hoạch;
- + Phòng Kỹ thuật;
- + Phòng KCS;
- + Phòng Vật tư;
- + Phòng Tiêu thụ;
- + Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính;
- + Phòng Tổ chức Lao động;
- + Văn phòng.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

1. Tổ chức:

- Tài liệu về tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ của Liên hiệp và các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về bàn giao, tiếp quản hãng BGI.

- Tài liệu về cải tạo, sản xuất ngành bia, rượu, nước giải khát.

- Báo cáo về tăng giảm lao động.

2. Kế hoạch:

- Tài liệu v/v giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị.

- Kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu v/v sửa chữa và xây dựng các công trình.

- Tài liệu về phương án xây dựng các đơn vị.

- Luận chứng khoa học kỹ thuật của các đơn vị.

- Hợp tác lao động với nước ngoài.

3. Kế toán:

- Tài liệu về bàn giao tài sản của các đơn vị.

- Tài liệu về tài sản cố định của các đơn vị.

- Báo cáo về thu, chi của Liên hiệp và các đơn vị trực thuộc.

- Bảng kiểm kê tài sản cố định của Công ty Rượu Bia miền Nam.

- Tài liệu về công tác quản lý tài sản nhà cửa.
- Tài liệu về tổng kết tài sản.
- Tài liệu về điều động tài sản.
- Báo cáo quyết toán của các đơn vị.
- Tài liệu về giao vốn cho các đơn vị.

4. Kỹ thuật:

- Tài liệu về quản lý kỹ thuật, nghiên cứu, kế hoạch, thống kê sản phẩm công nghiệp.

- Tập bản vẽ các thiết bị máy móc của các đơn vị.

5. KCS:

- Tài liệu về dụng cụ đo lường.

6. Vật tư:

- Tài liệu về cung cấp vật tư, nguyên liệu.
- Tài liệu về phân bổ vật tư cho các đơn vị

7. Tiêu thụ:

- Báo cáo về tiêu thụ sản phẩm.

8. Văn phòng:

- Tài liệu về công tác thanh tra, pháp chế, bảo vệ.
- Tài liệu về thi đua khen thưởng, khen thưởng sáng kiến.
- Tài liệu hướng dẫn về công tác lưu trữ.

PHÔNG TỔNG CỤC CAO SU

- **Số lượng tài liệu:** gồm 605 hộp, 3210 đơn vị bảo quản.
- **Thời gian tài liệu:** 1975 – 1989.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** Mục lục, cơ sở dữ liệu

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng cục Cao su là đơn vị có lịch sử hình thành phòng tương đối phức tạp. Căn cứ Quyết định số 52/CP ngày 11/3/1977 của Hội đồng Chính phủ v/v sửa đổi một số tổ chức của Bộ Nông nghiệp, trong đó có việc chuyển Tổng cục Cao su thành Tổng công ty Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp⁽¹⁾. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp đã có Quyết định số 216/NN-TC-QĐ ngày 23/7/1977 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng công ty Cao su VN⁽²⁾.

Đến năm 1980, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 30 và 31/01/1980, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 93-CP ngày 24/3/1980 v/v thành lập Tổng cục Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 943, phòng Tổng Công ty Cao su

(2) Hồ sơ số 676, phòng Tổng Công ty Cao su

(3) Hồ sơ số 943, phòng Tổng Công ty Cao su

Ngày 19/02/1981, Ban Thường vụ Quốc hội Khóa 6 đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn việc thành lập Tổng cục Cao su trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 159/CP ngày 14/4/1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Cao su.

Năm 1990, thực hiện Nghị quyết số 244/HĐNN ngày 31/3/1990 của Hội đồng Nhà nước⁽¹⁾ và Chỉ thị số 113/CT ngày 05/4/1990 của Hội đồng Bộ trưởng⁽²⁾ Tổng cục Cao su bị giải thể, phần quản lý nhà nước ngành cao su được chuyển sang Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm, Văn phòng Tổng cục Cao su được sáp nhập vào Văn phòng Tổng công ty Cao su Việt Nam. Như vậy, Tổng cục Cao su tồn tại và hoạt động đến năm 1990.

Về chức năng và nhiệm vụ, Tổng cục Cao su là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành cao su trong cả nước, xây dựng và phát triển sản xuất cao su theo đúng chính sách luật pháp của Nhà nước, bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất cao su phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần chủ yếu của tài liệu gồm:

1. Tổ chức (1975-1987):

- Danh sách CBCNV các đơn vị trực thuộc.
- Báo cáo thống kê về nhân viên.

(1) Hồ sơ số 944, phòng Tổng Công ty Cao su

(2) Hồ sơ số 944, phòng Tổng Công ty Cao su

- Tổ chức bộ máy của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc.

- Phương hướng xây dựng các công ty cao su mới ở Tây Nguyên.

- Tài liệu của Tổng cục v/v thực hiện chế độ chính sách.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với các liệt sỹ, gia đình chính sách.

- Giải quyết chế độ hưu trí cho cán bộ.

- Tài liệu về khen thưởng kháng chiến trong ngành cao su, khen thưởng công tác.

- Tài liệu v/v đề nghị khen thưởng cho chuyên gia, quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia.

- Xác nhận đảng viên cho cán bộ nhân viên, xác nhận lý lịch.

- Tài liệu kỷ luật.

- Tài liệu về thanh tra các vụ việc.

- Cải tiến chế độ, chính sách lao động tiền lương trong ngành cao su.

2. Lao động tiền lương (1975-1987):

- Tài liệu về tiêu chuẩn phân cấp bậc kỹ thuật, lao động và chức danh ngành nghề thuộc ngành cao su.

- Bảng tổng hợp chức danh nghề nghiệp.

- Tài liệu v/v giao và điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch lao động tiền lương cho các đơn vị trực thuộc.

- Kế hoạch lao động tiền lương của Tổng cục Cao su.
- Bảng tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch của Tổng cục Cao su.
- Báo cáo về tình hình nhân lực và tiền lương của Tổng Công ty hàng quý, hàng năm.
- Báo cáo về tăng giảm lao động của Tổng cục hàng quý, hàng năm.
- Tập quyết định v/v nâng, xếp, điều chỉnh lương nhân viên của Tổng cục và các đơn vị.
- Tài liệu v/v phân bổ lao động, điều động lao động dân cư vào các nông trường cao su.
- Kế hoạch, báo cáo của Tổng cục và các đơn vị trực thuộc v/v tuyển lao động.
- Tài liệu về kỹ thuật an toàn nôi hơi của Tổng cục và các công ty.
- Báo cáo thống kê về tai nạn lao động.
- Quy định về chế độ trả lương khoán, lương sản phẩm và thưởng trong ngành cao su.

3. Văn phòng (1975-1987):

- Tập lưu công văn đi.
- Tập lưu báo cáo, biên bản họp.
- Tập lưu quyết định về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự của các Vụ, Phòng, Ban trực thuộc.
- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác hàng quý, năm của Tổng cục .
- Đề án xây dựng ngành cao su của Tổng cục Cao su.

- Tài liệu v/v phân phối quản lý nhà ở cho cán bộ công nhân viên thuộc Tổng cục Cao su.

4. Đào tạo (1976-1986):

- Tài liệu của Tổng cục Cao su hướng dẫn về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Báo cáo thống kê về trình độ văn hóa, chuyên môn, khoa học kỹ thuật của đội ngũ cán bộ Tổng Công ty Cao su.

- Tài liệu v/v đào tạo công nhân thuộc ngành cao su.

- Tài liệu v/v học sinh ngành cao su được tuyển học tại các trường đại học, các trường trung học chuyên nghiệp.

5. Khoa học kỹ thuật và sản xuất cao su (1978-1987):

- Tài liệu của Tổng Công ty hướng dẫn về công tác tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm.

- Tài liệu của Tổng cục v/v cải tiến bao bì.

- Chỉ tiêu, kế hoạch khoa học kỹ thuật của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu v/v hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Tổng cục Cao su và các đơn vị trong và ngoài nước.

- Tài liệu v/v thực hiện dự án VIE/80/007 v/v khôi phục và phát triển cao su.

- Các đề tài khoa học.

6. Kế toán – Tài vụ (1976-1989):

- Báo cáo của các công ty cao su v/v thực hiện kế hoạch tổng hợp, kế hoạch tài vụ.

- Tài liệu v/v bàn giao khu Ninh Hòa thuộc Công ty Cao su Dầu Tiếng cho Công ty Cao su Quản Lợi.

- Tài liệu v/v bàn giao TSCĐ của các đơn vị.

- Tài liệu của các công ty cao su v/v kiểm kê, kiểm tra thanh lý TSCĐ.

- Tài liệu của Công ty Cao su về tổng hợp kế hoạch tài chính.

- Báo cáo quyết toán của các công ty.

- Tài liệu v/v giao và điều chỉnh kế hoạch xây dựng cơ bản cho các công ty.

- Kế hoạch, báo cáo tổng hợp của các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo thực hiện công tác tài chính của các đơn vị.

7. Hợp tác Quốc tế (1985-1987):

- Tài liệu của Tổng cục Cao su về chế độ chính sách cho cán bộ, công nhân viên công tác tại Lào và Campuchia.

- Tài liệu của Vụ Hợp tác Quốc tế về quy chế xây dựng đơn hàng với các nước XHCN.

- Các đề án phát triển cao su.

- Báo cáo công tác hàng tháng, quý, 6 tháng của Vụ Hợp tác Quốc tế.

- Tài liệu v/v hợp tác với các nước XHCN.

- Tài liệu thỏa thuận về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa Tổng cục Cao su Việt Nam với Tổng cục Cao su Campuchia.

- Tài liệu về kế hoạch khôi phục, xây dựng ngành cao su Campuchia.

- Tổng kết việc thực hiện kế hoạch hợp tác 5 năm (1980-1985) giữa Tổng cục Cao su Việt Nam và Tổng cục Cao su Campuchia.

- Tài liệu v/v đoàn chuyên gia cao su Việt Nam khôi phục sản xuất, kinh doanh ngành cao su tại Campuchia.

- Tài liệu v/v gia công, chế biến mủ cao su giữa Việt Nam – Campuchia.

- Hiệp định Việt- Xô về trồng cao su, sản xuất và chế biến cao su thiên nhiên.

- Tài liệu của Viện Kinh tế Kỹ thuật cao su v/v xây dựng Phân viện Kinh tế Cao su Tây Nguyên do Liên Xô giúp.

- Tài liệu của Tổng cục Cao su v/v xin nhận viện trợ của Liên Xô.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Tiệp Khắc.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Cộng hòa Dân chủ Đức.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Bungari.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Cu Ba.

- Tài liệu về hợp tác kinh tế giữa ngành cao su Việt Nam với ngành cao su Mông Cổ.

- Tài liệu về ký kết hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Viện Kinh tế Cao su và Liên Hiệp Quốc.

- Tài liệu của Hội đồng Bộ trưởng, Tổng cục Cao su Việt Nam, Campuchia v/v tặng thưởng huân chương cho chuyên gia.

8. Ban Cải tạo (1975-1987):

- Tài liệu của Tổng cục Cao su v/v cải tạo XHCN ngành cao su.

- Tài liệu của Phó Thủ tướng, Tổng Công ty Cao su v/v thu hồi tài sản của các công ty cao su Pháp và Pháp kiều ở miền Nam.

- Bảng tổng hợp về các đồn điền và vườn cây cao su tư nhân ở miền Nam.

- Tài liệu v/v trao lại quyền lãnh đạo Công ty Cao su Xuân Lộc của ông André Rrunsau cho 2 ông Quang Quế Đơn và Trần Công Hiền.

- Tài liệu v/v bàn giao tài sản của công ty SIPHLCD SPHXL cho Ban Cao su Đông Nam Bộ.

- Tài liệu v/v bàn giao nhà của Công ty SIPH cho Tổng cục Cao su.

- Tài liệu về khai nợ của Việt kiều trước khi xuất cảnh cho Ủy ban Quân quản.

- Hồ sơ các đồn điền SIPH ICD.

- Tài liệu v/v bàn giao tài sản Cửu Nam Công ty CENACO.

- Tài liệu v/v bàn giao tài chính cho Sở Tài chính của Công ty Cao su Đồng bằng Nam Bộ.

- Tập bản đồ các đồn điền cao su.

- Công văn và đơn đòi giải quyết thâm niên của công nhân cao su làm cho các đồn điền Pháp.

- Tài liệu của bà Nguyễn Thị Lương xin trả các cơ sở cao su tại Tỉnh Sông Bé cho Nhà nước.

- Đơn từ khiếu nại liên quan đến các đồn điền cao su tư nhân.

- Tài liệu v/v cải tạo XHCN cao su tư nhân thuộc khu vực quản lý của các công ty cao su.

9. Đời sống (1976-1986):

- Tài liệu của các cơ quan trung ương, Tổng cục Cao su hướng dẫn công tác phục vụ đời sống của ngành cao su.

- Báo cáo công tác phục vụ đời sống của ngành cao su.

- Kế hoạch cung ứng hàng hóa phục vụ đời sống của ngành cao su.

10. Thanh Tra (1978-1988):

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác thanh tra của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu của Tổng Công ty Cao su và các đơn vị trực thuộc v/v thực hiện nghị quyết 228/NQ – TW.

- Tài liệu v/v thanh tra các công ty cao su.

- Tài liệu v/v thanh tra, xét giải quyết khiếu tố, khiếu nại của các công ty.

- Đơn từ của ông Nguyễn Thành Lâm về ngôi nhà số 567 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

11. Kinh tế - Kế hoạch (1975-1989):

- Chỉ tiêu, kế hoạch, báo cáo công tác của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Tài liệu về quản lý, cung ứng vật tư, thiết bị của các đơn vị.

- Tài liệu v/v cung ứng, mua bán, trao đổi, liên doanh liên, kết kinh tế trong nước và quốc tế.

- Kế hoạch, báo cáo công tác xây dựng cơ bản, khai hoang trồng mới của Tổng cục Cao su và các đơn vị.

- Chương trình, kế hoạch của Tổng cục Cao su về chỉ tiêu sản xuất và khai hoang trồng mới dài hạn.

- Tài liệu của Tổng cục Cao su và các đơn vị về kế hoạch xây dựng, phát triển sản xuất 5 năm và hàng năm.

- Tài liệu của Tổng cục Cao su v/v xây dựng và xét duyệt hoàn thành kế hoạch.

- Đề án về khôi phục và phát triển cao su giai đoạn 2.

12. Xây dựng cơ bản và khai hoang (1975-1987):

- Tài liệu của Tổng cục Cao su và các đơn vị trực thuộc về công tác XD CB.

- Tài liệu v/v tu bổ, sửa chữa các công trình kiến trúc, đường điện.

- Tài liệu của các công ty về công tác rà, phá bom mìn, khai hoang trồng mới, chăm sóc vườn cây.

PHÔNG TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

- **Số lượng tài liệu:** 26,25 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1975 – 1996.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 32-HĐBT ngày 27/3/1989 của Hội đồng Chính phủ⁽¹⁾.

Nhằm thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh, ngày 29/4/1995 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 252/TTg v/v thành lập Tổng công ty Cao su Việt Nam trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc TW và địa phương⁽²⁾.

Theo đó, Tổng Công ty Cao su là đơn vị có tư cách pháp nhân, chịu sự quản lý của Nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Tổng công ty có nhiệm vụ nghiên cứu, khảo sát quy hoạch vùng trồng cao su, đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu; sản xuất sản phẩm cao su và thiết bị, phụ tùng ngành cao su;

(1) Hồ sơ số 943, phòng Tổng Công ty Cao su VN

(2) Hồ sơ số 944, phòng Tổng Công ty Cao su VN

cung ứng, tiêu thụ, xuất nhập khẩu cao su, sản phẩm cao su, vật tư, máy móc, phụ tùng cho ngành cao su; thực hiện các dịch vụ phục vụ cho ngành cao su và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần chủ yếu gồm các tài liệu sau đây :

1. Văn phòng (1975-1996):

- Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác hàng quý, năm của Tổng Công ty .

- Tập lưu công văn đi.

- Tập lưu báo cáo, biên bản họp.

- Tập lưu quyết định về tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, lưu công văn đi của các Phòng, Ban trực thuộc.

2. Tổ chức (1977- 1996):

- Báo cáo về công tác tổ chức, quản lý, tổ chức cán bộ.

- Tài liệu về tổ chức bộ máy.

- Danh sách CBCNV các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo thống kê về nhân viên.

- Phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc.

- Tài liệu về nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, công tác trong và ngoài nước...

3. Lao động tiền lương (1980-1996):

- Chỉ tiêu, kế hoạch, báo cáo lao động tiền lương.

- Tài liệu về thực hiện đề án cải cách tiền lương.
- Tài liệu về biên chế của quỹ lương.
- Tập quyết định v/v nâng, xếp, điều chỉnh lương nhân viên.
- Quy định về chế độ trả lương khoán, lương sản phẩm và thưởng trong ngành cao su.
- Tài liệu về định mức lao động, công tác khoán vườn cây.
- Tài liệu v/v sắp xếp lại lao động tại các Công ty Cao su.
- Tài liệu v/v xếp hạng doanh nghiệp Nhà nước.

4. Kế hoạch và đầu tư (1977-1996):

- Chỉ tiêu, kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch của Tổng công ty Cao su và các đơn vị.
- Tài liệu v/v giao và điều chỉnh chỉ tiêu cho các đơn vị trực thuộc.
- Tài liệu phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật các dự án thâm canh trồng mới cao su.
- Tài liệu về xét kế hoạch đầu tư của các đơn vị.
- Tài liệu v/v quản lý và sử dụng đất tại Tổng công ty và các đơn vị.
- Tài liệu về hoạt động liên doanh với nước ngoài về trồng, chế biến cao su.
- Tài liệu phê duyệt kết quả đấu thầu về đầu tư xây dựng cơ bản.

5. Tài chính – kế toán (1976-1995):

- Kế hoạch, báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Báo cáo quyết toán hành chính sự nghiệp.
- Tài liệu về giao nhận vốn của Tổng công ty.

6. Quản lý kỹ thuật (1976-1996):

- Báo cáo về công tác kỹ thuật nông nghiệp, cơ điện, sản xuất và chế biến cao su.
- Tài liệu về các đề tài nghiên cứu khoa học về cao su.
- Tài liệu về các cuộc hội thảo về kỹ thuật, quy trình sản xuất cao su.

7. Thanh tra – Bảo vệ – Quân sự (1975-1996):

- Báo cáo công tác thanh tra, bảo vệ của Tổng công ty.
- Báo cáo công tác thanh tra, bảo vệ của các đơn vị.
- Tài liệu v/v thực hiện Quyết định số 240/HĐBT của HĐBT về đấu tranh chống tham nhũng tại Tổng Công ty và các đơn vị.
- Tài liệu v/v thanh tra một số vụ việc tại các đơn vị.
- Báo cáo việc thanh kiểm tra việc quản lý sử dụng đất tại Công ty Cao su Đồng Nai.
- Tài liệu v/v giải quyết đơn xin lại vườn cao su của cá nhân.
- Tài liệu v/v giải quyết các khiếu nại của các cá nhân về nhà ở, đất cao su.
- Tài liệu v/v kiểm tra tình hình tranh chấp đất đai của đồng bào x4 Iaka với Công ty Cao su Chư Pảh.
- Báo cáo công tác động viên quân sự của ngành cao su.

PHÒNG CÔNG TY VẬT TƯ THIẾT BỊ

- **Số lượng tài liệu:** 41,7 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1977 - 1991.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** giấy mỏng, chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục; cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Công ty Vật tư Thiết bị được thành lập bởi Quyết định số 103/TCTCS ngày 27/9/1977 của Tổng công ty Cao su Việt Nam⁽¹⁾; Công ty Vật tư Thiết bị là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có nhiệm vụ:

- Thu mua, chế biến, cung cấp và tiêu thụ các loại vật tư, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho các đơn vị toàn ngành cao su theo chỉ tiêu kế hoạch của Tổng Công ty;

- Tổ chức, kinh doanh, cung cấp các mặt hàng vật tư chuyên dùng cho ngành chế biến gỗ sản xuất bao bì, chế biến mủ, ép dầu, tận dụng phế liệu, phế phẩm của ngành để phục vụ sản xuất;

- Tổ chức kho cất giữ, bảo quản toàn bộ hàng hóa, vật tư, thiết bị chuyên dùng trong nước và nhập ngoại, điều chỉnh phân phối theo kế hoạch phục vụ sản xuất ngành;

(1) Hồ sơ số 59, phòng Tổng Công ty Cao su

- Được ký hợp đồng với các công ty, xí nghiệp Nhà nước, mua, bán nguyên liệu, sản phẩm, công cụ vật tư phục vụ cho ngành cao su;

- Nghiên cứu cải tiến biện pháp cung ứng vật tư, cải tiến sản xuất, tiết kiệm hạ phí lưu thông, bảo đảm thu nộp ngân sách cho Nhà nước;

- Đảm bảo đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong phạm vi Công ty;

Ngày 05/11/1982, Tổng công ty Cao su ra Quyết định số 681/TCCB-QĐ v/v thành lập “Ban quản lý chương trình xây dựng Tổng kho” của Công ty Vật tư Thiết bị⁽¹⁾.

Ngày 24/11/1982, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 710/TCCB-QĐ v/v giao cho Công ty Vật tư Thiết bị tổ chức thực hiện nhiệm vụ cung ứng cao su (Theo Quyết định số 153/HĐBT ngày 15/12/1981 của Hội Đồng Bộ trưởng):

- Tổ chức việc hợp đồng thu mua nguyên liệu cao su của các công ty, nông trường cao su trực thuộc Tổng cục Cao su quản lý và của các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức sản xuất cao su theo kế hoạch trên giao.

- Tổ chức việc cung ứng nguyên liệu cao su cho các Bộ, các Tổng cục, các Tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương có sản phẩm cao su theo chỉ tiêu phân bổ của Nhà nước.

Quyết định số 745/TCCB-QĐ ngày 25/11/1982 của Tổng cục Cao su v/v thành lập Chi nhánh Công ty Vật tư Thiết bị tại Hà Nội trực thuộc Công ty Vật tư Thiết bị⁽²⁾.

(1) Hồ sơ số 59, phòng Tổng Công ty Cao su

(2) Hồ sơ số 59, phòng Tổng Công ty Cao su

Ngày 21/12/1983 Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 42/TCCB-QĐ v/v thành lập Chi nhánh Công ty Vật tư Thiết bị tại Tây Nguyên trực thuộc Công ty Vật tư Thiết bị⁽¹⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung cơ bản của tài liệu như sau:

1. Tài liệu của Phòng Kế hoạch:

- Tài liệu hướng dẫn của Tổng cục Cao su về công tác cung ứng vật tư, thiết bị và thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm.

- Tập công văn đi, đến của Phòng Kế hoạch.

- Chỉ tiêu, kế hoạch và báo cáo hoàn thành kế hoạch của Công ty Vật tư Thiết bị.

- Kế hoạch và báo cáo tình hình xuất, nhập, tồn, cung ứng, thu mua vật tư, thiết bị, hóa chất, nhiên liệu và cao su của Công ty Vật tư Thiết bị và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ theo dõi việc cung ứng máy móc cho khách hàng trong và ngoài ngành cao su theo chỉ tiêu.

- Báo cáo quyết toán vật tư, thiết bị, máy móc, nhiên liệu, cao su của Công ty Vật tư Thiết bị, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trong và ngoài ngành cao su.

- Tài liệu về giá cả vật tư, thiết bị, nhiên liệu, cao su.

- Hồ sơ kiểm kê hàng hóa, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, cao su.

(1) Hồ sơ số 59, phòng Tổng Công ty Cao su

- Sổ sách theo dõi nhập xuất, cung ứng vật tư, thiết bị, cao su.

2. Tài liệu của Phòng Cung ứng Vật tư:

- Tài liệu hướng dẫn cung ứng, phân phối chỉ tiêu vật tư cho các đơn vị trong và ngoài ngành cao su.

- Kế hoạch và báo cáo công tác của Phòng Cung ứng Vật tư.

- Hồ sơ về công tác tiếp nhận, phân phối vật tư, hàng hóa nhập khẩu.

- Báo cáo hàng hóa, vật tư, thiết bị trao đổi hợp tác giữa Việt Nam và các nước.

- Báo cáo xuất, nhập, tồn kho, kiểm kê hàng hóa, vật tư, thiết bị tại các Tổng kho thuộc Công ty Vật tư Thiết bị.

- Hồ sơ theo dõi việc phân phối, mua bán, trao đổi vật tư giữa Công ty Vật tư Thiết bị với các đơn vị trong và ngoài ngành cao su.

- Hồ sơ v/v xử lý vật tư, hàng hóa chậm luân chuyển, kém phẩm chất.

- Công văn đi, đến của Phòng Cung ứng Vật tư.

3. Tài liệu của Phòng Kỹ thuật:

- Công văn đi, đến của Phòng Kỹ thuật.

- Lý lịch, biên bản giao nhận xe, máy.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện công tác sửa chữa đại tu xe, máy các loại.

- Biên bản kiểm tra kỹ thuật xe, máy, hàng hóa tại các kho thuộc Công ty Vật tư Thiết bị.

- Biên bản nghiệm thu và bàn giao các loại xe, máy, thiết bị.

- Biên bản giám định hàng hóa nhập khẩu.

- Hợp đồng kinh tế về gia công, đại tu, sửa chữa của Công ty Vật tư Thiết bị với các đơn vị.

- Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa của Công ty Vật tư Thiết bị với các đơn vị.

- Biên bản kiểm kê xe, máy, thiết bị tại các kho thuộc Công ty Vật tư Thiết bị.

4. Tài liệu của Phòng Kế toán Tài vụ:

- Tập công văn đi, đến của Phòng Tài vụ.

- Kế hoạch tài vụ và báo cáo quyết toán hàng quý, năm của Công ty Vật tư Thiết bị.

- Kế hoạch và báo cáo thu, chi tiền mặt.

- Nhật ký chứng từ và chứng từ theo dõi các tài khoản.

- Phiếu thu, chi, chứng từ thu, chi tiền mặt.

- Sổ cái, sổ quỹ, sổ tài sản cố định, sổ giao nhận chứng từ, sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết vật tư.

- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu vận chuyển vật tư hàng hóa.

- Hợp đồng mua bán, trao đổi vật tư, thiết bị, hàng hóa.

- Chứng từ nhập, xuất kho.

- Báo cáo nhập, xuất, tồn kho vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- Báo cáo cân đối, luân chuyển vật tư, thiết bị, hàng hóa.
- Hồ sơ kiểm kê tài sản.
- Hồ sơ sửa chữa, xây dựng và quyết toán các công trình XDCB.
- Bảng lương, thưởng, ăn trưa của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Hồ sơ về công nợ.

PHÔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

- **Số lượng tài liệu:** 56,2 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1977 – 1991.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** giấy mỏng, chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG

Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su được thành lập theo Nghị định số 120-HĐBT ngày 13/9/1984 của Hội Đồng Bộ trưởng⁽¹⁾.

Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su là một đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, được cấp vốn, có tài khoản và con dấu riêng.

Công ty Xuất Nhập khẩu có nhiệm vụ sau:

Xuất khẩu cao su nguyên liệu theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, theo các Hiệp định và Nghị định thư mà Nhà nước đã ký kết với nước ngoài.

Nhập khẩu vật tư, kỹ thuật chuyên dùng phục vụ việc trồng cao su, khai thác và chế biến mủ cao su theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và theo quy chế chung của Hội đồng Bộ trưởng.

(1) Hồ sơ số 53, phòng Tổng Công ty Cao su

Ngày 3/5/1985, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 20/TCCB-QĐ v/v thành lập Phòng Nhập khẩu thuộc Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su⁽¹⁾.

Ngày 3/12/1986 Tổng cục Cao su ra Quyết định số 26/TCCB-QĐ v/v tạm thời xếp hạng cho Công ty Xuất Nhập khẩu cao su vào loại Tổng Công ty XNK hạng I⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU TRONG PHÒNG:

Nội dung chủ yếu của tài liệu gồm:

1. Phòng Kế hoạch:

- Tài liệu hướng dẫn, chỉ đạo lập kế hoạch và thực hiện công tác xuất nhập khẩu, thanh toán, giao nhận hàng hóa, vật tư, thiết bị, cước phí vận chuyển.

- Tập lưu công văn đi, đến của Phòng Kế hoạch, Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Chỉ tiêu, kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch hàng năm của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch xuất - nhập khẩu, sử dụng vật tư, thiết bị, nhiên liệu của các đơn vị trong ngành cao su hàng năm.

- Kế hoạch và báo cáo tình hình vận chuyển của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su hàng năm.

- Tài liệu về công tác giá cả các loại vật tư, thiết bị, nguyên liệu cao su.

(1) Hồ sơ số 53, phòng Tổng Công ty Cao su

(2) Hồ sơ số 53, phòng Tổng Công ty Cao su

- Hợp đồng mua bán, trao đổi, xuất - nhập khẩu hàng hóa vật tư, thiết bị, cao su của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hồ sơ v/v đối chiếu công nợ với khách hàng của Công ty Xuất Nhập khẩu cao su.

- Sổ theo dõi hợp đồng thanh lý hợp đồng của Công ty Xuất Nhập khẩu cao su.

- Hồ sơ về công tác kiểm kê, đối chiếu hàng hóa, vật tư, thiết bị, nhiên liệu tồn kho.

- Hóa đơn, chứng từ, phiếu xuất nhập kho, lệnh giao hàng, giấy báo hàng về.

- Sổ giao nhận chứng từ, cấp phát hàng hóa, vật tư, thiết bị, nhiên liệu.

2. Phòng Xuất - Nhập khẩu:

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo công tác xuất nhập khẩu của Công ty Xuất - Nhập khẩu Cao su.

- Công văn trao đổi của Công ty Xuất Nhập khẩu cao su với các đơn vị khách hàng.

- Hồ sơ v/v xuất khẩu cao su cho khách hàng theo tàu hàng năm.

- Hợp đồng mua bán cao su, ủy thác xuất nhập khẩu cao su, hàng hóa, vật tư, thiết bị.

- Chứng từ thanh toán cho các đơn vị trong ngành cao su.

- Hồ sơ v/v nhập khẩu hàng hóa, máy móc, vật tư, thiết bị, của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa, máy móc, vật tư, thiết bị, của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Hóa đơn, chứng từ hàng hóa, vật tư, thiết bị nhập khẩu của Công ty Xuất - Nhập khẩu Cao su.

- Hợp đồng mua bán, trao đổi hàng hóa, vật tư, thiết bị giữa Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su với các đơn vị có nhu cầu.

- Sổ sách theo dõi xuất nhập hàng hóa, vật tư, thiết bị của Phòng Xuất Nhập khẩu.

3. Phòng Kế toán Tài vụ:

- Tập công văn đi, đến của Phòng Tài vụ của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su.

- Kế hoạch tài vụ và báo cáo quyết toán của Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su hàng năm.

- Nhật ký chứng từ các tài khoản.

- Chứng từ thu, chi, chứng từ ngân hàng.

- Hợp đồng kinh tế; Hồ sơ thanh toán hàng hóa, vật tư, thiết bị xuất nhập khẩu.

- Hồ sơ về công tác xây dựng sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản.

- Hồ sơ theo dõi tài sản cố định, thuế, giá, lương.

- Hồ sơ kiểm kê tài sản hàng năm.

- Hồ sơ công nợ.

- Sổ sách theo dõi hàng hóa, vật tư, thiết bị, tài khoản, chứng từ, thu chi, quỹ tiền mặt, ngoại tệ.

PHÔNG CÔNG TY PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG

- Số lượng tài liệu: 05,4 mét.
- Thời gian tài liệu: 1979 –1989.
- Loại hình tài liệu: tài liệu hành chính (giấy).
- Tình trạng vật lý: giấy mỏng, chữ mờ, một số bị rách, giòn, ố.
- Công cụ tra cứu: mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Công ty Cung ứng Phục vụ Đời sống ngành Cao su (gọi tắt là Công ty Phục vụ Đời sống) được thành lập theo Quyết định số 764/TCCB-QĐ ngày 27/8/1980 của Tổng công ty Cao su⁽¹⁾.

Ngày 9/6/1982, Tổng cục Cao su có Quyết định số 399/TCCB-QĐ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công ty Phục vụ Đời sống Tổng cục Cao su⁽²⁾. Theo Quyết định này, Công ty Phục vụ Đời sống là một đơn vị kế hoạch của ngành cao su, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng theo chế độ hiện hành của Nhà nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục Cao su.

(1) Hồ sơ số 2511, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

(2) Hồ sơ số 2511, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Quyết định số 34/TCCB-QĐ ngày 10/4/1987 của Tổng cục Cao su xếp hạng Công ty Phục vụ Đời sống là “Tổng công ty loại II”⁽¹⁾.

Ngày 8/4/1988, Tổng cục Cao su ban hành Quyết định số 13/TCCB-QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công ty Phục vụ Đời sống⁽²⁾.

Ngày 27/10/1989, Tổng công ty Cao su đã ban hành Quyết định số 13/TCCB-QĐ giải thể Công ty Phục vụ Đời sống trực thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam⁽³⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Nội dung cơ bản của tài liệu gồm:

1. Phòng Tổ chức - Hành chính:

- Tài liệu hướng dẫn của cấp trên về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, thanh tra, bảo vệ.

- Tập lưu công văn đi của Công ty Phục vụ Đời sống về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, thanh tra, bảo vệ.

- Quyết định của Tổng cục Cao su v/v giao chỉ tiêu kế hoạch lao động năm cho Công ty Phục vụ Đời sống.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch tổ chức, lao động tiền lương, bảo hộ lao động của Công ty Phục vụ Đời sống hàng năm.

(1) Hồ sơ số 2511, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

(2) Hồ sơ số 2511, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

(3) Hồ sơ số 2512, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

- Biên bản bàn giao nhiệm vụ giữa các phòng, ban, cá nhân thuộc Công ty Phục vụ Đời sống.

- Hồ sơ về công tác tổ chức bộ máy của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về công tác tổ chức nhân sự của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Tập lưu các quyết định về nhân sự, điều động, tuyển dụng, chuyển, tiếp nhận, nâng lương, cho nghỉ việc, nghỉ hưu, kỷ luật, khen thưởng.

- Danh sách CBCNV Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ cá nhân CBCNV Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ về công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu tố, khiếu nại.

2. Phòng Kế hoạch:

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của Công ty Phục vụ Đời sống hàng năm.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện phân phối hàng hóa, lương thực theo định lượng cho toàn ngành cao su của Công ty Phục vụ Đời sống.

- Kế hoạch và báo cáo quyết toán lương thực cung cấp cho ngành cao su.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo thực hiện công tác xây dựng cơ bản của Công ty Phục vụ Đời sống.

- Hồ sơ về công tác xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản của Công ty Phục vụ Đời sống và các đơn vị trực thuộc.

- Tập lưu công văn đi, của Phòng Kế hoạch, Công ty Phục vụ Đời sống.

3. Phòng Kế toán:

- Chỉ tiêu kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán hàng năm.

- Hồ sơ quyết toán ngân sách và quyết toán cấp bù.

- Kế hoạch lương thực và báo cáo thanh quyết toán lương thực của các đơn vị trong ngành cao su.

- Hồ sơ về công tác kiểm kê tài sản.

- Bảng kê các tài khoản nộp ngân sách.

- Hồ sơ bàn giao tài sản.

- Hồ sơ công nợ.

- Sổ cái, sổ quỹ, sổ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, sổ theo dõi chứng từ, sổ theo dõi công nợ.

- Chỉ tiêu kế hoạch vốn xây dựng cơ bản và quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.

PHÒNG TRƯỞNG KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ CAO SU

- **Số lượng tài liệu:** 01,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1978-1991.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** đa số trên giấy mỏng, bị mờ, một số bị rách, giòn, ố.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Theo Quyết định số 216/NN-TC-QĐ ngày 23/7/1977 của Bộ Nông nghiệp v/v quy định chức năng và tổ chức bộ máy của Tổng công ty Cao su Việt Nam thì “Trường Nghiệp vụ Cao su” thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam⁽¹⁾.

Quyết định số 44-NN-TCCB/QĐ tháng 2/1978 của Bộ Nông nghiệp v/v thành lập Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su trực thuộc Tổng Công ty Cao su⁽²⁾. Trường có nhiệm vụ:

- Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ về cao su.

- Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ kỹ thuật chế biến mủ cao su.

(1) Hồ sơ số 27, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

(2) Hồ sơ số 48, phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam

- Bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý kinh tế cho cán bộ nghiệp vụ của ngành cao su.

- Bổ túc văn hóa cho học sinh trước khi vào học chuyên môn. Trường đặt địa điểm tại Hớn Quản - Sông Bé.

Đến năm 1985, tại Quyết định số 63/TCCB-QĐ ngày 19/11/1985 của Tổng cục Cao su Việt Nam đã chuyển địa điểm Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su (trực thuộc Tổng cục Cao su) từ huyện Bình Long - Sông Bé về huyện Gò Dầu - Tây Ninh.

Tại Quyết định này, Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su tiếp nhận, quản lý và sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị của Trường Trung học Phổ thông vừa học vừa làm thuộc Công ty Cao su Tây Ninh.

Chuyển sang địa điểm mới Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su tiếp tục thực hiện nhiệm vụ như đã quy định tại Quyết định thành lập số 44/TCCB-QĐ tháng 02 năm 1978; Tiếp tục sử dụng con dấu và được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước địa phương.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần chủ yếu của tài liệu bao gồm:

- Tập Quyết định v/v bổ nhiệm, điều động, tuyển dụng, đề bạt, nâng lương, giải quyết chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật và phân phối học sinh tốt nghiệp của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Tập giấy thôi trả lương.

- Dự toán ngân sách, kế hoạch thu chi tiền mặt của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Báo cáo quyết toán, báo cáo thu chi tiền mặt của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Chỉ tiêu kế hoạch kinh phí xây dựng cơ bản và báo cáo tình hình thực hiện vốn xây dựng cơ bản của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Hồ sơ các công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Sổ nhật ký chứng từ thu, chi tiền mặt, theo dõi hạn mức kinh phí, theo dõi tạm ứng.

- Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết ngân sách, sổ quyết toán hàng năm của Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su.

- Sổ quỹ, sổ kho hạn mức kinh phí, sổ theo dõi chứng từ thu, chi kinh phí đại học tại chức, sổ kiểm kê tài sản.

- Sổ sách theo dõi về kiến thiết cơ bản.

PHÒNG CÔNG TY LIÊN DOANH VIETSOVLIGHTER

- **Số lượng tài liệu:** 122,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1989 – 1999.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu hành chính (giấy).
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục đánh máy.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngày 30/8/1989, Bộ trưởng Bộ Kinh tế Đối ngoại ký Quyết định cấp Giấy phép đầu tư số 72/KTĐN-GPĐT thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter⁽¹⁾. Theo đó, các bên tham gia liên doanh bao gồm:

- Bên Việt Nam: Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển pha sông - Bộ GTVT.

- Bên nước ngoài: Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển Viễn Đông (Tp. Vladivostok) và Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển Đen (Tp. Odessa) - Bộ Hàng hải Liên Xô.

Trụ sở Xí nghiệp đặt tại Hà Nội, chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh và Hải Phòng. Lĩnh vực hoạt động là kinh doanh khai thác vận chuyển bằng tàu chở sà lan. Thời hạn hoạt động là 20 năm.

Ngày 15/01/1991, 13/3/1992 và 31/01/1994, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ra các quyết định sửa đổi

(1) Hồ sơ số 94, phòng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter.

Giấy phép đầu tư số 72/KTĐN-GPĐT⁽¹⁾. Theo đó, bên Việt Nam tham gia liên doanh bao gồm:

- Xí nghiệp Liên hợp Vận tải biển pha sông;
- Liên hiệp các Xí nghiệp Vận tải thủy II;
- Công ty Dịch vụ Vận tải 3;
- Công ty Vận tải biển Hải Phòng.

Trụ sở Xí nghiệp được chuyển vào Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 27/11/1997, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra Quyết định số 270/BKH-QLDA v/v giải thể trước thời hạn Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter⁽²⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng chủ yếu là tài liệu hành chính, kế toán, cụ thể như sau:

1. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định v/v thành lập, giải thể Xí nghiệp.
- Quyết định của Tổng Giám đốc v/v thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc.
- Quyết định, thông báo v/v bổ nhiệm, miễn nhiệm, tăng lương nhân viên.
- Thành lập Ban Thanh lý Xí nghiệp.
- Hồ sơ nhân sự.

(1) Hồ sơ số 94, phòng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter.

(2) Hồ sơ số 94, phòng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter.

2 Hoạt động của đơn vị và các đơn vị trực thuộc:

- Báo cáo hoạt động, kinh doanh, quyết toán của Xí nghiệp và các đơn vị.

- Công văn trao đổi với các đối tác.

- Hợp đồng kinh tế với các đối tác.

- Hồ sơ các tàu hàng.

- Chứng từ các loại.

- Hoạt động của Ban thanh lý.

Tài liệu Nghe - Nhìn

SƯU TẬP TÀI LIỆU MICROFILM

- **Số lượng tài liệu:** 161 cuộn.
- **Thời gian tài liệu:** microfilm của Mỹ: Từ 1833 – 17/5/1897; microfilm Châu bản triều Nguyễn thời Gia Long và Minh Mạng.
- **Loại hình tài liệu:**
- **Tình trạng vật lý:** một số cuộn đã bị bết dính.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Khối tài liệu microfilm hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, gồm 2 khối khác nhau, được hình thành trong thời kỳ hoạt động của Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia Việt Nam Cộng hòa.

1. Khối microfilm do Thư viện Quốc hội Mỹ gửi tặng: 97 cuốn.

Ngày 04/4/1961, một thỏa ước về trao đổi ấn phẩm công giữa Việt nam Cộng hòa và Mỹ được ký kết. Đại diện cho phía Việt Nam Cộng hòa là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu, còn phía Mỹ là Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Cộng hòa Elbridge Durbrow. Theo thỏa ước này, 2 bên sẽ định kỳ hàng năm trao đổi các ấn phẩm công cho nhau, riêng phía Việt Nam, cơ quan đứng ra tiếp nhận là Thư viện Quốc gia.

2. Khối microfilm chụp các bộ Châu bản triều Nguyễn: 64 cuốn.

Ngày 22/5/1964, Chủ tịch Hội Việt Mỹ gửi Công văn cho Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam Cộng hòa v/v Hội Việt Mỹ xin được tài trợ kinh phí để chụp khối Châu bản triều Nguyễn ra microfilm và đề nghị sau đó sẽ xin in một bản để tặng Thư viện John F. Kennedy. Việc này đã được Bộ Quốc gia Giáo dục đồng ý bằng Văn bản số 3549-GD/VP. Tiếp theo đó, theo đề xuất của Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia, Bộ Quốc gia Giáo dục đã cho chụp 2 khối Châu bản đã được thống kê và có mục lục là Châu bản triều Gia Long và Minh Mạng, bao gồm:

- Châu bản triều Gia Long: 5 cuốn.
- Châu bản triều Minh Mạng: 59 cuốn.

Khối microfilm này được tiến hành chụp tại Huế.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

- 1. Microfilm chụp các ấn phẩm thời Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln.**
- 2. Microfilm chụp các bộ Châu bản triều Nguyễn.**

SƯU TẬP TÀI LIỆU GHI ÂM

- **Số lượng tài liệu:**
 - 597 cuộn băng gốc
 - 599 cuộn băng sao
 - 122 đĩa CD-Rom
 - 429 giờ phát.
- **Thời gian tài liệu:** 1967-22/4/1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu nghe nhìn (Băng ghi âm sự kiện).
- **Tình trạng vật lý:**
 - Băng gốc bị nấm mốc nặng, giòn, mủn, nhiều cuộn băng bị đứt.
- **Công cụ tra cứu:** bộ mục lục, cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Tham khảo phong Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Khối tài liệu ghi âm sự kiện thời kỳ Việt Nam Cộng hòa đã được chỉnh lý hoàn chỉnh.

Nội dung gồm các vấn đề cơ bản sau:

1. Tài liệu về hoạt động của Quốc Hội, bầu cử Tổng thống (1969)

- Thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu trong kỳ họp Quốc hội.

- Thảo luận tại phiên họp Quốc hội.

- Bài nói chuyện của Liên danh Dân chủ Nguyễn Văn Thiệu và Trần Văn Hương về cuộc bầu cử Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

2. Tài liệu về hoạt động của Hội đồng Đô - Tỉnh - Thị (1971-1972):

Các cuộc tiếp xúc giữa Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với các Nghị viên Đô- Thị - Tỉnh...

3. Tài liệu về hoạt động của Chính phủ (1968-22/4/1975):

- Các phiên họp Hội đồng Nội các của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Hội đồng Tổng trưởng, Hội đồng Bình định và Phát triển TW, Hội đồng Tái thiết và Phát triển Quốc gia, Hội đồng Cố vấn, Hội đồng các Sắc tộc...

- Các cuộc hội thảo về bình định xây dựng tại các Vùng Chiến thuật, về kế hoạch cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa phương, về cải tổ hành chánh công vụ, về vấn đề trợ cấp cho phế binh, cựu chiến binh và gia đình tử sĩ, về việc bài trừ mại dâm.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại cuộc Hội thảo về Thông tin Tuyên truyền, các phiên họp về bình định phát triển, Đại hội Cảnh sát Quốc gia toàn quốc, phiên họp các tướng lãnh TW và Tư lệnh Quân khu, lễ ra mắt Hội đồng Nội các mới.

- Lễ ra mắt Tân Nội các Chính phủ Việt Nam Cộng hòa do Trần Thiện Khiêm làm Thủ tướng.

- Cuộc họp báo của Tổng trưởng Kinh tế và Tổng trưởng Tài chánh Việt Nam Cộng hòa.

- Phiên họp tổng kết Kế hoạch Tấn công và Hồi chánh đặc biệt.

- Lời phát biểu của đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tại các cuộc triển lãm quốc tế tại Nhật Bản (1970).

- Diễn văn của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại cuộc họp Hội đồng Tổng trưởng Giáo dục Đông Nam Á.

- Các chỉ thị của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại các cuộc hội thảo.

- Các bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu và các thành viên Ủy ban Liên bộ trong cuộc hội thảo về bài trừ ma túy.

- Các báo cáo của các Tư lệnh Quân khu I, II, III, IV trong cuộc hội thảo về bài trừ ma túy.

- Các báo cáo của các tỉnh tại phiên họp Hội đồng Tái thiết và Phát triển.

- Báo cáo của Trung tâm Điều hợp, Văn phòng Thường trực Bài trừ tệ đoan xã hội, Bộ Cựu Chiến binh, Bộ Nội vụ tại phiên họp Hội đồng Tổng trưởng.

- Báo cáo kết quả hoạt động của Chính phủ và bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại buổi tiếp các nghị viên Đô - Tỉnh - Thị.

- Báo cáo của Hội đồng Bình định và Phát triển TW và Huấn thị của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Tỉnh trưởng.

- Các báo cáo của Trung tâm Điều hợp Bình định và Phát triển TW, Bộ Kế hoạch, Quốc Vụ khanh Khẩn hoang Lập áp, Tổng trưởng Bộ Xã hội, Tổng trưởng Bộ Cựu chiến binh, Tổng ủy trưởng Công vụ, Trung tướng Tổng Cục trưởng Tổng Cục Chiến tranh Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu, Phòng Nhì, Trung tướng Phụ tá An ninh thuộc Khối cộng đồng Tình báo Quốc gia, Tổng trưởng Tài chính, Tổng trưởng Kinh tế tại cuộc hội thảo về vấn đề tái thiết và phát triển quốc gia.

- Bài nói chuyện của Tổng trưởng Cải cách Điền địa tại Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Vũng Tàu.

- Huấn thị của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Phát triển Liên khu III và IV.

- Bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Trần Thiện Khiêm tại lễ khởi công xây dựng Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp.

- Cuộc tiếp xúc giữa Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu và Ủy ban Liên bộ Hậu phương Yểm trợ Tiền tuyến.

- Bài phát biểu của Tổng cục trưởng Tổng cục Chiến tranh Chính trị nhân ngày Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

- Thuyết trình về Hiệp định Paris của đại diện Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa dự hội nghị Paris.

4. Tài liệu về hoạt động của Tổng thống và Phụ nhân (1968-12/1973):

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với cán bộ quân đội về xây dựng hương thôn, với Nhân dân Tự vệ các tỉnh Bình Định, Pleiku, với thân hào nhân sĩ Vùng II Chiến thuật, Trưởng Bộ binh Thủ Đức, Vùng III Chiến thuật, Bộ Tư lệnh Quân đoàn IV, Tòa Hành chánh Ninh Thuận.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với đồng bào Công giáo, với công binh nhân lễ Giáng sinh.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với sinh viên Sài Gòn, giới lập pháp, tân sĩ quan Hải quân, lực lượng Fulro, Quân đoàn I, đồng bào tỉnh Quảng Tín, Long Khánh, Gò Công.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với quân nhân Tiểu đoàn 11 Nhảy dù, Tiểu đoàn 38 Biệt động, Bộ Tâm lý chiến, Trung đoàn 33 Không quân, Binh chủng Hải quân Cát Lái, binh sĩ Tiểu đoàn 1/15- Sư đoàn 9 Bộ binh, binh sĩ Trung đoàn 1, Trung đoàn 3, Trung đoàn 54, Sư đoàn I Bộ binh nhân dịp tết Kỷ Dậu.

- Bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với binh sĩ tỉnh Tây Ninh, địa phương quân, quốc dân đồng bào, Tiểu đoàn II Thủy quân Lục chiến, lực lượng cảnh sát, Sư đoàn V, Trường Quốc gia Nghĩa Tử, Học viên Cao đẳng Quốc phòng, cán bộ dân vận toàn quốc, Hội Hướng đạo Việt Nam, Đảng viên Đảng Dân chủ, Trường Đào tạo Tỉnh trưởng và Sĩ quan.

- Các huấn từ của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu.

- Các bài diễn văn của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa nhân lễ Quốc khánh Việt Nam Cộng hòa, lễ khai mạc Đại hội Chiến tranh Chính trị, lễ Kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Đà Lạt, lễ khởi công xây dựng Công trường Cộng Hòa, Công trường Tự do, Đài Chiến hữu Việt - Mỹ, Nhà máy Điện Cần Thơ.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tiếp kiến đại diện các đảng phái, đoàn thể, các giới, dân biểu Hạ nghị viện.

- Các thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân lễ giáng sinh, lễ Quốc khánh, Tết trung thu, ngày Hội Phật giáo Thế giới.

- Các cuộc họp báo của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu sau các chuyến công du.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa trả lời chương trình “Người dân muốn biết” của Việt Tấn xã trên Đài Truyền hình.

- Bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tiễn quân đội Hoa Kỳ về nước.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa nói chuyện với giới quân sự địa phương.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tiếp khách quốc tế.

- Các huấn từ của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu trong các khóa huấn luyện quân sự.

- Các bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp khánh thành các công trình xây

dựng lớn: Đài Truyền hình Nha Trang, Trường Quốc gia Hành chính...

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại Lễ cấp phát Chứng chỉ Kiến điền, với hội thảo viên Cải cách Điền địa-phát triển nông ngư nghiệp, với lãnh đạo Phật giáo và đồng bào Việt gốc Miên.

- Bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại các Trường học Trường Vinh Ký, Chu Văn An, Trường Gia Long, Trường Quốc Gia Nghĩa tử.

- Bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Nhân dân tự vệ, Viện Đại học Y khoa Sài Gòn...

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu về cuộc bầu cử Tổng thống.

- Các bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp tiếp phái đoàn dân biểu, nghị sĩ và ngoại giao đoàn.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với quân nhân các đơn vị quân sự: Bộ binh, Pháo binh, Thủy quân lục chiến.

- Nhật lệnh của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân ngày Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

- Bài phát biểu của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại buổi thuyết trình về Dự luật Quy chế Đại học, Lễ khai mạc Phiên tòa Đại hình Sài Gòn.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tiếp các Tỉnh trưởng, Tổng trưởng, dân biểu, nghị sĩ, đại diện giới tư pháp toàn quốc, các Chủ tịch Hội đồng Đô - Tỉnh - Thị.

- Các bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu với đồng bào toàn quốc trên hệ thống truyền hình.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tiếp các Tỉnh trưởng.

- Lời kêu gọi của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp Tết nguyên đán.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tiếp đại diện các đoàn thể tôn giáo, đảng phái chính trị, các thành phần Chính phủ.

- Bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu nhân Đại hội các cộng đồng Sắc tộc trên toàn quốc.

- Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tiếp Đại diện Hội đồng các Sắc tộc.

- Bài phát biểu của Phu nhân Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Hội phụ nữ Việt Nam tại lễ quyên góp tiền để xây dựng Bệnh viện Vì Dân.

5. Tài liệu về hoạt động của các đảng phái, tôn giáo, đoàn thể (1969-1973):

- Các cuộc hội thảo của đại diện các đảng phái, đoàn thể.

- Cuộc họp báo nhân lễ ra mắt Mặt trận Quốc gia Dân chủ Xã hội.

- Phiên họp của Ban vận động thành lập Mặt trận Nhân dân Tranh thủ Hòa bình và Thực thi Quyền dân tộc Tự quyết.

- Đại hội Đảng Dân chủ.

- Các phiên họp của Đảng Dân chủ.

- Diễn văn của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu tại Đại hội Liên đoàn Lao công Việt Nam.

SƯU TẬP TÀI LIỆU VIDEO

- **Số lượng tài liệu:** 21 cuốn.
- **Thời gian tài liệu:** 15/01/1974 – 19/01/1974.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu nghe nhìn (băng Video).
- **Tình trạng vật lý:** nấm, mốc, giòn, xuất hiện vết rạn nứt trên mặt băng,... hư hỏng nặng.
- **Công cụ tra cứu:** không.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Băng Video về các phiên họp khoáng đại Lương viện Quốc hội tu chỉnh Hiến pháp năm 1967 (Luật 001/1974 ngày 22/01/1974 sửa đổi các điều 52, 80, 114 của Hiến pháp 1967).

Văn thư của Quốc Hội ngày 12/01/1974 đính kèm Bản viện dẫn lý do và bản dự luật tu chỉnh hiến pháp năm 1967⁽¹⁾.

Phúc trình của Ủy ban Liên viện Quốc hội nghiên cứu đề nghị tu chỉnh Hiến pháp ngày 16/01/1974⁽²⁾.

Tờ trình ngày 16/01/1974 của Văn phòng Liên lạc Quốc hội thuộc Bộ trưởng Phủ Thủ tướng về việc tu chỉnh Hiến pháp⁽³⁾.

Quyết định số 11-TNV/CTĐH/QĐ ngày 17/01/1974⁽⁴⁾ của Chủ tịch Thượng Nghị viện và Văn thư số 308/TNV/CTĐH ngày

(1) Hồ sơ số 8663, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 8663, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 8663, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(4) Hồ sơ số 8663, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

17/01/1974⁽¹⁾ của Thượng Nghị viện gửi Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa về việc triệu tập một phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội để thảo luận và biểu quyết dự luật “Tu chính Hiến pháp ngày 01/4/1967” do 105 vị dân biểu và 42 vị nghị sĩ đề nghị.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Nội dung tóm tắt theo nhãn của các cuốn băng đã ghi:

- Nội dung các phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội v/v tu chính Hiến pháp năm 1967.

- Các cuốn băng có ký hiệu 1, 2, 3: Cuộc họp thảo luận tu chính Hiến pháp hồi 15h thứ 3 ngày 15/01/1974.

- Các cuốn băng có ký hiệu 1, 2, 3, 4: Cuộc họp thảo luận tu chính Hiến pháp hồi 10h thứ 4 ngày 16/01/1974.

- Các cuốn băng có ký hiệu 6, 7, 9, 10, 11, 12: Cuộc họp thảo luận tu chính Hiến pháp hồi 16h90' thứ 4 ngày 16/01/1974.

- Các cuốn băng có ký hiệu 6, 7, 8, 9, 11: Phiên họp khoáng đại Lưỡng viện Quốc hội v/v tu chính Hiến pháp năm 1967.

(1) Hồ sơ số 8663, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

SƯU TẬP TÀI LIỆU PHIM - ẢNH

- **Số lượng tài liệu:** 40.372 tấm phim và 41.863 tấm ảnh.
- **Thời gian tài liệu:** 1952 -1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu nghe nhìn (phim, ảnh).
- **Tình trạng vật lý:** một số bị nấm, mốc.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục thống kê.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Trước ngày 01/11/1963 “Phòng Phim ảnh” trực thuộc Phủ Tổng thống.

Sự vụ Văn thư số 65-SVVT ngày 20/02/1964 của Thủ tướng Chính phủ đã sáp nhập “Sở Báo chí” của Văn phòng Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng vào “Sở Báo chí” Phủ Thủ tướng⁽¹⁾.

Nghị định số 442-TTP/NN ngày 28/02/1964 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập tại Phủ Thủ tướng “Nha Báo chí”⁽²⁾.

Sự vụ lệnh số 70-TT/NN ngày 20/5/1964 của Thủ tướng Chính phủ v/v đặt “Ban Phim ảnh” Phủ Thủ tướng thuộc “Nha Báo chí” Phủ Thủ tướng⁽³⁾.

(1) Hồ sơ số 7612, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(2) Hồ sơ số 7612, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

(3) Hồ sơ số 7612, phòng Phủ Thủ tướng VNCH

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Khối tài liệu này ghi lại những sự kiện, hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và các nhân vật cấp cao trong bộ máy lãnh đạo của Việt Nam Cộng hòa. Nội dung chủ yếu như sau:

1. Hoạt động của Quốc hội:

- Các phiên họp của Thượng viện.
- Các phiên họp của Hạ viện.

2. Hoạt động của Tổng thống, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng:

- Phát biểu, đọc thông điệp trước Lưỡng viện Quốc hội.
 - Tiếp tân, hội đàm ngoại giao.
 - Tiếp kiến các phái đoàn trong và ngoài nước.
 - Lễ ký kết các hiệp định, hiệp ước và các văn bản quan trọng khác.
 - Chủ tọa các buổi lễ quan trọng.
 - Họp báo, tiếp ký giả.
 - Đi công du nước ngoài.
 - Đi kinh lý tại các địa phương.
 - Tham dự các buổi lễ.
 - Thăm hỏi các đơn vị quân đội.
 - Thăm hỏi các cơ sở, tổ chức dân sự khác.
- ### 3. Hoạt động của Thủ tướng Chính phủ:
- Tiếp tân, hội đàm ngoại giao.

- Tiếp kiến các phái đoàn trong và ngoài nước.
- Lễ ký kết các hiệp định, hiệp ước và các văn bản quan trọng khác.
- Chủ tọa các buổi lễ quan trọng.
- Họp báo, tiếp ký giả.
- Đi công du nước ngoài.
- Đi kinh lý tại các địa phương.
- Tham dự các buổi lễ.
- Thăm hỏi các đơn vị quân đội.
- Thăm hỏi các cơ sở, tổ chức dân sự khác.

4. Hoạt động của các nhân vật khác:

- Hoạt động của phu nhân Tổng thống, phu nhân Thủ tướng, Bà Ngô Đình Nhu.
- Hoạt động của các bộ trưởng, các nhân vật quan trọng.

5. Các hoạt động khác:

- Hoạt động của quân lực VNCH, hợp tác quân sự với ngoại bang.
- Hoạt động dân - chính - đảng.
- Hoạt động tôn giáo.

Tài liệu
Khoa học Kỹ thuật
và Bản đồ

SƯU TẬP BẢN ĐỒ THỜI KỲ PHÁP THUỘC VÀ MỸ NGUY

- **Số lượng tài liệu:** 23.296 bản đồ, trong đó có:
 - 6.052 bản đồ thời kỳ Pháp thuộc.
 - 17.244 bản đồ thời kỳ Mỹ-ngụy.
 - Bản chính: 8.784 bản.
 - Bản trùng, bản sao: 14.512 bản.
- **Thời gian tài liệu:** 1852-1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu khoa học kỹ thuật (giấy, giấy bồi vải, bản calque, bản đồ nổi).
- **Tình trạng vật lý:** phần lớn tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc bị hư hỏng, ố, giòn, rách, mục; một số ít bị hư hỏng nặng; bản đồ thời kỳ Mỹ-ngụy còn tương đối tốt.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục; cơ sở dữ liệu.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH:

Khối tài liệu bản đồ do Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II quản lý được sản sinh trong thời kỳ Pháp thuộc và thời kỳ Mỹ-ngụy. Trước năm 1975, khối tài liệu bản đồ này do Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thuộc Chính quyền Việt Nam Cộng hòa nắm giữ. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, các cán bộ lưu trữ thuộc Kho Lưu trữ TW II (nay là Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II) đã thu gom từ nhiều nguồn, song nguồn chủ yếu vẫn là các bản đồ nạp bản cho Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia.

Ngoài ra, còn một số bản đồ không rõ thuộc phong lưu trữ nào cũng đã được thu thập đưa về khối này.

Nhóm tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc có kích thước nhỏ nhất là từ 200 - 220 cm x 270 - 370 cm, nhóm tài liệu có kích thước lớn nhất từ 1.275 - 1.880 x 1.335 - 2.190 cm.

Nhóm tài liệu thời kỳ Mỹ-ngụy có kích thước nhỏ nhất từ 420 - 495 cm x 520 - 780 cm và nhóm tài liệu có kích thước lớn nhất từ 1.000 - 2.195 x 1.360 - 3.310 cm. Các bản đồ thời kỳ Mỹ-ngụy chủ yếu do Sở Đồ bản Quân đội Hoa Kỳ ấn hành hoặc do Phân cục Địa dư Đà Lạt, Nha Địa dư Quốc gia Việt Nam (Đà Lạt) xuất bản.

II. NỘI DUNG SƠ LƯỢC CỦA TÀI LIỆU:

1. Tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc:

Nội dung chủ yếu của tài liệu bản đồ thời kỳ Pháp thuộc gồm:

- Bản đồ địa hình của các tỉnh Bắc, Trung, Nam Kỳ do Phòng Địa hình Đông Dương, Sở Địa hình - Bộ Thuộc địa Pháp xuất bản.

- Bản đồ hình thể, kinh tế, chính trị của châu Á, châu Phi.

Bản đồ hành chính của các tỉnh trong nước, các nước Đông Dương, các nước trên thế giới.

- Bản đồ kinh tế, chính trị, khí hậu, nông nghiệp, chủng tộc Đông Dương, các nước trong Liên bang Đông Dương, các tỉnh thuộc Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ.

- Bản đồ các thuộc địa của Pháp: châu Phi thuộc Pháp, Đông Dương thuộc Pháp, Ấn Độ, Guyane.

- Bản đồ Nam Kỳ, Campuchia, Miến Điện, Quảng Đông, Quảng Tây, Hàn Quốc, Nhật Bản của Hội Truyền giáo Pháp.

- Bản đồ chính trị châu Âu, Trung Quốc, Úc.

- Bản đồ nhượng đất của Pháp ở Thượng Hải.

- Bản đồ biên giới Việt Nam-Trung Quốc.

- Bản đồ quân sự Bắc Kỳ, Lai Châu, vùng Sài Gòn-Chợ Lớn.

- Bản đồ chiến sự Bắc Âu trong chiến tranh thế giới thứ hai 1939-1945.

- Bản đồ kinh tế Đông Dương.

- Bản đồ giao thông Đông Dương (Trung Kỳ, Nam Việt, Sài Gòn, Đà Lạt, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Ban Mê Thuột, Phnom-pênh, Korat, Khong, Battambang, Lào). Bản đồ giao thông Ý. Bản đồ đường sắt Đông Dương năm 1885-1936. Bản đồ giao thông đường bộ ở Bắc Thành phố Huế, bản đồ đường sá và hành chánh tỉnh Thái Bình; Bản đồ giao thông đường bộ của Lào; Bản đồ hàng không Tonlé- Sap.

- Bản đồ thủy văn nước Pháp, Quảng Đông, Vịnh Bắc Bộ, Campuchia, Thái Lan.

- Bản đồ khí tượng thủy văn của Trạm Phú Liễn, bản đồ theo dõi lũ, mưa ở Bắc Kỳ.

- Bản đồ về thiên văn học ở vùng Á châu.

- Bản đồ địa chất Nam Việt, Campuchia, Lào; bản đồ địa hình và địa chất Cao Bằng; bản đồ địa chất Sài Gòn, Nha Trang; bản đồ địa chất Trung Âu, Bắc Mỹ, Pháp, Ấn Độ, Anh, Bỉ, Bồ

Đào Nha, Hà Lan, Đức, Ý, Áo, Nga, Maroc, Algérie, Tuy-ni-si, Chile, Áchentina.

- Bản đồ thương mại của người Hoa ở Thành phố Chợ Lớn.

- Bản đồ du lịch Đông Dương, vùng phụ cận Chapa.

- Bản đồ các vùng trồng lúa ở Đông Dương, Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, các tỉnh Kiến An, Vĩnh Yên, Hưng Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa.

- Bản đồ thảo mộc, thổ nhưỡng Đắc Lắc.

- Bản đồ địa bạ tỉnh Phú Yên.

- Bản đồ đồng bằng trung tâm châu Âu.

- Bản đồ lâm nghiệp Nam Kỳ, Trung Kỳ, Campuchia, Lào.

- Bản đồ nhân khẩu Đông Dương.

- Các quyển ATLAS bao gồm các bản đồ về lịch sử, địa lý, chính trị, kinh tế, hình thể của châu Á, châu Âu, châu Phi như ATTAS Vidal Lablache gồm: Bản đồ lịch sử khu vực Địa Trung Hải thế kỷ VII-V^e trước công nguyên; bản đồ lịch sử châu Âu thế kỷ 10-13; bản đồ lịch sử nước Pháp (bản đồ Thành phố Paris năm 1789, bản đồ Versailles năm 1789, Paris trong cuộc cách mạng 1790-1795, bản đồ chiến tranh Napoléon Đệ Nhất); bản đồ châu Âu thế kỷ 14 -16; bản đồ nước Pháp thế kỷ 14 -17; bản đồ hành chính, quân sự, biên giới, giao thông, công nghiệp của nước Pháp; bản đồ nước Đức và Bắc Ý trong cuộc chiến tranh 1618-1648; bản đồ Hoa Kỳ thế kỷ 18-19; bản đồ hình thể, chính trị,

lịch sử của Ý, Đức; bản đồ các thuộc địa của Anh; bản đồ hình thể, chính trị, kinh tế của châu Á, châu Phi.

- Các quyển ATLAS các vùng thuộc địa của Pháp như Guadeloupe, Guyane, Madagascar, Martinique, Nam Kỳ, Réunion, Sénégal.

- Các quyển ATLAS nghiên cứu về thủy văn khu vực sông Mékong, vịnh Thái Lan, Vịnh Bắc Bộ và các khu vực khác trên thế giới do Nha Địa dư - Bộ Thuộc địa Pháp xuất bản.

2. Tài liệu bản đồ thời kỳ Mỹ-ngụy:

Nội dung chủ yếu của tài liệu bản đồ thời kỳ Mỹ-ngụy gồm:

- Bản đồ địa lý đại cương Bắc phần, Trung phần, Nam phần.

- Bản đồ hành chánh Việt Nam Cộng hòa, vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, tỉnh Gò Công, Lạng Sơn...

- Bản đồ địa giới hành chánh Đô thành Sài Gòn, quận Thủ Đức, Nhà Bè, Quảng Xuyên, Bình Chánh, Tân Bình, Hóc Môn, Gò Vấp, tỉnh Gia Định, quận Dĩ An, Đức Tu, Long Thành, Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa, quận Cần Giuộc, Rạch Kiến, Bến Lức.

- Bản đồ hành chánh và quân sự tỉnh Phong Dinh, Gia Định, Tây Ninh, Bình Định, Biên Hòa, Thừa Thiên, Quảng Nam, Kon Tum, Quảng Trị, Thái Bình, Lào Cai, Điện Biên Phủ, Đồ Sơn.

- Bản đồ địa hình, hình thể Đông Nam Á, Việt Nam Cộng hòa, Nam phần, các tỉnh Nam Việt, Trung Việt, Bắc Lào, Bắc

Thái Lan, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện và các tỉnh trong khu vực Đông Dương.

- Bản đồ quân sự: Bản đồ chiến lược tỉnh Định Tường, Kiến Tường, Chương Thiện, Hậu Nghĩa, Phước Tuy; Bản đồ hành quân hỗn hợp Huế - Muang Xépon (Việt Nam - Lào); Bản đồ hành quân Trung phần - Lào; Bản đồ hành quân hỗn hợp Quảng Ngãi, Kon Tum, Muang Mai (Việt Nam - Lào); Bản đồ hành quân Kon Tum, Qui Nhơn, Huế, Đảo Hải Nam (Trung Quốc); Bản đồ hành quân hỗn hợp khu vực Quảng Ngãi, Kon Tum, Qui Nhơn; Điện Biên Phủ, Sài Gòn, Lai Châu, Long Xuyên, Virachay, Orang, Phnom-penh, Prey Veng (Campuchia), Chavan, Saravan, Muang Mai (Lào), Fu Ninh, Lung Ching (Trung Quốc), Chang Wat Chanthabuai, Chang Wat Nakhon Ratchasima (Thái Lan). Bản đồ hành quân vùng Quảng Trị - Thừa Thiên - Quảng Nam (có ghi vị trí đóng quân của các lực lượng đặc biệt của Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa); Bản đồ quân sự Quân khu II.

- Bản đồ tin tức các nước Campuchia, Lào, Thái Lan, Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt.

- Bản đồ chiến lược Eurasia - châu Âu.

- Bản đồ tin tức tình báo: Tập nghiên cứu căn cứ địa và khu vực hoạt động của Việt cộng Bắc Việt.

- Bản đồ kinh tế Việt Nam.

- Bản đồ giao thông: Bản đồ hình thể và đường sá Campuchia, Lào, Việt Nam, bản đồ đường sá Bắc Việt, Bắc Lào, Đông Nam Á, Bắc Thái Lan, Philippines, bản đồ đường sá Sài Gòn, Cần Thơ, Tây Ninh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Huế, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Lâm Đồng, Quảng Đức, Tuyên Đức, Vinh, Sơn Tây, Lạng Sơn, Lai Châu, Lào Cai,

Lào, Thái Lan, Phnom-Penh, Siem Reap, Savanakheth, Battambang, Ream, Khong. Bản đồ hướng dẫn đường hàng không; Bản đồ hàng không khu vực Nam Việt, Trung Việt; Bản đồ phi trường Sài Gòn. Bản đồ thủy vận Nam phần Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, cửa sông Mé Kong.

- Bản đồ địa chất Việt Nam, Campuchia, Lào, Sài Gòn, Hà Nội, Cao Bằng, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Qui Nhơn, Vĩnh Long, Pak Nam, Băng Kok, Mong Tzeu, Vientiane, Luang Prabang.

- Bản đồ canh nông tỉnh Phước Long.

- Bản đồ thổ nhưỡng Việt Nam Cộng hòa.

- Bản đồ thổ nhưỡng và thảo mộc Dak Lak, Phú Yên.

- Bản đồ thảo mộc Việt Nam Cộng hòa.

- Bản đồ thủy nông Phan Rang.

- Bản đồ lâm nghiệp: Fimom.

- Bản đồ dân số miền Nam Việt Nam.

- Bản đồ mật độ dân số Việt Nam Cộng hòa.

- Đặc biệt là trong khối tài liệu bản đồ thời kỳ Mỹ-ngụy có một số bản đồ nổi do Sở Đồ bản Quân đội Hoa Kỳ xuất bản bao gồm bản đồ các tỉnh Bắc, Trung Việt và miền Đông Nam bộ, bản đồ các tỉnh thuộc Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Philippine.

PHÒNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CẦU MỸ THUẬN

- **Số lượng tài liệu:** 20,3 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1994 - 2002.
- **Loại hình tài liệu:** chủ yếu là tài liệu hành chính (giấy), có 1 số bản vẽ kỹ thuật.
- **Tình trạng vật lý:** tương đối tốt.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận được thành lập theo Quyết định số 950/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/6/1994 của Bộ Giao thông Vận tải (sau đổi tên thành Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận)⁽¹⁾.

Quyết định số 3820/QĐ/TCCB-LĐ ngày 11/8/1995 của Bộ Giao thông Vận tải quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận⁽²⁾.

Quyết định số 737/TTg ngày 10/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án đầu tư khả thi cầu Mỹ Thuận⁽³⁾.

Quyết định số 2982/KHĐT ngày 27/5/1995 của Bộ Giao thông Vận tải cho phép Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận tiến hành chuẩn bị đầu tư công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51⁽⁴⁾.

(1) Hồ sơ số 01, phòng Ban Quản lý Dự án cầu Mỹ Thuận

(2) Hồ sơ số 01, phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận

(3) Hồ sơ số 01, phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận

(4) Hồ sơ số 561, phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận

Quyết định số 3820/QĐ/TCCB-LĐ ngày 11/8/1995 của Bộ Giao thông Vận tải quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận⁽¹⁾.

Quyết định số 3871/KHĐT ngày 18/12/1995 của Bộ Giao thông Vận tải về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư và thực hiện thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51 cho Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận⁽²⁾.

Quyết định số 475/TTg ngày 17/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51 đoạn Km 5+000 – Km 73+600 Biên Hòa - Vũng Tàu⁽³⁾.

Quyết định số 1923/KHĐT ngày 24/7/1996 của Bộ Giao thông Vận tải về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư nâng cấp Quốc lộ 51 cho Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận⁽⁴⁾.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Thành phần chủ yếu của tài liệu đề cập đến các công trình, hạng mục liên quan đến Dự án Cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 51 và Dự án cầu Mỹ Thuận:

1. Dự án cầu Mỹ Thuận:

- Xây dựng đường nối từ quốc lộ 1 vào cầu Mỹ Thuận, bờ bắc tỉnh Tiền Giang.

- Xây dựng trạm thu phí cầu Mỹ Thuận (nhà trạm, nhà điều hành).

(1) Hồ sơ số 01, phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận

(2) Hồ sơ số 561, phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận

(3) Hồ sơ số 712, phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận

(4) Hồ sơ số 561, phòng Dự án cầu Mỹ Thuận

- Cung cấp và lắp đặt thiết bị thu phí – Dự án cầu Mỹ Thuận.

- Sửa chữa nâng cấp cầu Chéo - tỉnh Tiền Giang.

- Xây dựng đường song hành bờ bắc - tỉnh Tiền Giang.

- Xây dựng cầu song hành bờ bắc - tỉnh Tiền Giang.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bờ bắc - tỉnh Tiền Giang.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng nút giao thông bờ nam.

- Xây dựng nút giao thông bờ nam - phần cầu vượt.

- Xây dựng nút giao thông bờ nam - phần tuyến.

- Xây dựng khu tái định cư Vĩnh Long.

- Xây dựng đường ra, vào công trường và Nhà máy Phân bón Cửu Long - tỉnh Vĩnh Long.

- Đào tìm, xử lý bom mìn vật nổ Dự án cầu Mỹ Thuận.

- Phần cầu chính do phía Úc thi công.

- Dự án bảo vệ bờ thượng lưu cầu Mỹ Thuận.

- Đường nối hai đường song hành bờ bắc cầu Mỹ Thuận.

- Đường ra vào Nhà máy Phân bón Cửu Long – giai đoạn 3.

Nội dung chủ yếu của tài liệu bao gồm:

- Hồ sơ thuyết minh và các văn bản liên quan đến dự án.

- Hồ sơ dự toán và phê duyệt dự án.

- Hồ sơ về khảo sát địa hình, địa chất công trình và công tác dò tìm, xử lý bom mìn vật nổ.

- Hồ sơ mời thầu, đấu thầu, kết quả xét thầu và chỉ định thầu.

- Các hợp đồng thiết kế, thi công các hạng mục và biên bản thanh lý.

- Bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công.

- Hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán phát sinh và khối lượng phát sinh.

- Báo cáo thẩm định, kết quả nghiên cứu vật liệu, chứng chỉ thí nghiệm vật liệu.

- Báo cáo kết quả, chất lượng của tư vấn giám sát và quản lý hợp đồng thi công.

- Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các công trình và hạng mục.

- Hồ sơ hoàn công và bàn giao công trình.

- Chương trình duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra công trình.

- Nhật ký thi công, nhật ký công trình.

2. Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51:

Hồ sơ địa chất thủy văn bao gồm:

- Đoạn từ Km 5 – Km 24

- Đoạn từ Km 24 – Km 43

- Đoạn từ Km 43 – Km 74 + 436.1

Hồ sơ xét thầu, thiết kế, bản vẽ thi công và thực hiện thi công các hạng mục của công trình bao gồm:

- Đoạn từ Km 5 – Km 9 (hợp đồng số 1)
- Đoạn từ Km 9 – Km 13 (hợp đồng số 2)
- Đoạn từ Km 13 – Km 17 (hợp đồng số 3)
- Đoạn từ Km 17 – Km 21 (hợp đồng số 4)
- Đoạn từ Km 21 – Km 24 (hợp đồng số 5)
- Đoạn từ Km 24 – Km 28 (hợp đồng số 6)
- Đoạn từ Km 28 – Km 32 (hợp đồng số 7)
- Đoạn từ Km 32 – Km 36 (hợp đồng số 8)
- Đoạn từ Km 36 – Km 40 (hợp đồng số 9)
- Đoạn từ Km 40 – Km 43 (hợp đồng số 10)
- Cầu: Sông Bung, Suối Đôn, Nước Trong, Quán Thủ (hợp đồng số 11)
- Cầu: Quán Tre, Suối Cả, Thái Thiện, Thị Vải (hợp đồng số 12)
- Đoạn từ Km 43 – Km 46 (hợp đồng số 13)
- Đoạn từ Km 46 – Km 49 (hợp đồng số 14)
- Đoạn từ Km 49 – Km 52 (hợp đồng số 15)
- Đoạn từ Km 52 – Km 55 (hợp đồng số 16)
- Đoạn từ Km 55 – Km 58 (hợp đồng số 17)
- Đoạn từ Km 58 – Km 61 (hợp đồng số 18)
- Đoạn từ Km 61 – Km 64 (hợp đồng số 19)

- Đoạn từ Km 64 – Km 67 (hợp đồng số 20)
- Đoạn từ Km 68 – Km 74 (hợp đồng số 22)
- Cầu: Sông Dinh, Rạch Ván (hợp đồng số 23)
- Thi công dải tôn sóng, dải phân cách và mặt đường Trạm Thu phí T1 (hợp đồng số 533B)
- Nhà trạm và Khu Điều hành Trạm Thu phí T1 (hợp đồng số 1534)
- Hệ thống an toàn giao thông Km 5 – Km 74+100 (hợp đồng số 225)
- Lắp đặt dải phân cách đoạn từ Km 5 – Km 74+100 (hợp đồng số 552B)
- Cầu thô sơ dành cho người đi bộ đoạn từ Km 58 – Km 74+100 (hợp đồng số 1183)
- Giá Poctic từ Km 0+670 – Km 74+65 (hợp đồng số 554).

Hồ sơ hoàn công bao gồm:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- Giai đoạn chuẩn bị xây dựng.
- Quá trình thực hiện dự án.

Hồ sơ thiết kế điều chỉnh bổ sung và thiết kế bổ sung toàn tuyến. Nội dung của tài liệu bao gồm:

- Hồ sơ thuyết minh và các văn bản liên quan đến dự án.
- Hồ sơ dự toán và phê duyệt dự án.
- Hồ sơ về khảo sát địa hình, địa chất công trình.

- Hồ sơ mời thầu, đấu thầu, kết quả xét thầu và chỉ định thầu.

- Các hợp đồng thiết kế, thi công các hạng mục và biên bản thanh lý.

- Bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công.

- Hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán phát sinh và khối lượng phát sinh.

- Báo cáo thẩm định, kết quả nghiên cứu vật liệu, chứng chỉ thí nghiệm vật liệu.

- Báo cáo kết quả, chất lượng của tư vấn giám sát và quản lý hợp đồng thi công.

- Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các công trình và hạng mục.

- Hồ sơ hoàn công và bàn giao công trình.

- Chương trình duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra công trình.

- Nhật ký thi công, nhật ký công trình.

PHÒNG BAN QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ VŨNG TÀU

- **Số lượng tài liệu:** 122,5 mét.
- **Thời gian tài liệu:** 1982 – 1993.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu xây dựng cơ bản (giấy, bản vẽ kỹ thuật bằng giấy can, giấy thường), tài liệu hành chính.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. LỊCH SỬ ĐƠN VỊ HÌNH THÀNH PHÒNG:

Ngày 19/6/1981, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang CHXHCN Xô Viết đã ký Hiệp định Liên Chính phủ về hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam. Để triển khai Hiệp định này, Chính phủ hai nước đã thành lập Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetpetro với các đối tác đại diện cho hai phía tham gia là Tổng cục Dầu khí Việt Nam (tiền thân của PetroVietnam) và Liên đoàn Kinh tế Đối ngoại Cộng hòa Liên bang Nga (Zarubenzneft). Đây là mô hình liên doanh kinh tế với nước ngoài đầu tiên tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại Việt Nam.

Sau khi thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetpetro, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu đã được thành lập. Ban này có nhiệm vụ thực hiện việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của Liên doanh.

Trong thời gian từ 1982 - 1993, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu đã tiến hành xây dựng rất nhiều công trình phục vụ cho hoạt động của ngành dầu khí.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT TÀI LIỆU CỦA PHÒNG:

Tài liệu trong phòng có một phần là tài liệu quản lý hành chính, còn lại là tài liệu xây dựng cơ bản các công trình của Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu, cụ thể như sau:

1. Tài liệu quản lý hành chính:

- Tài liệu tổ chức bộ máy, quy chế làm việc.
- Tài liệu chỉ đạo chung về xây dựng cơ bản cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.
- Báo cáo thực hiện xây dựng cơ bản.
- Tài liệu bàn giao công trình cho Xí nghiệp Liên doanh sau khi thực hiện xong.

2. Các công trình xây dựng cơ bản:

- Xây dựng các khu nhà làm việc.
- Xây dựng các khu nhà ở.
- Xây dựng các kho chứa.
- Xây dựng các công trình khác.
- Bản vẽ kỹ thuật.

Tài liệu Cá nhân - Gia đình - Dòng họ

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN NHÀ THƠ BẢO ĐỊNH GIANG

- **Số lượng tài liệu:** 636 thư của 134 văn nghệ sĩ.
- **Thời gian tài liệu:** 1963 – 1975.
- **Loại hình tài liệu:** tài liệu giấy, ấn phẩm, băng video.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Nhà thơ Bảo Định Giang sinh năm 1919 tại xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, mất năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông là con của một gia đình địa chủ bị phá sản tại một làng ven Đồng Tháp Mười. Với lòng hiếu học, ông đã xin ngụ ở chùa để theo đuổi nghiệp đèn sách. Sau đó, ông mở lớp học tại chùa. Khi Cách mạng Tháng 8 bùng nổ, ông đã tham gia cướp chính quyền và sau đó vô Đồng Tháp Mười gia nhập quân đội kháng chiến. Từ khi tập kết ra Bắc cho đến ngày thống nhất nước nhà, ông đã giữ nhiều trọng trách tại Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Tại đây, ông là cầu nối giữa các văn nghệ sĩ tại chiến trường miền Nam với Hội. Ông là một nhà thơ có rất nhiều sáng tác gắn liền với cuộc kháng chiến của dân tộc và ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu. Với những công lao đóng góp của ông cho văn học nghệ thuật Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ, ông đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương

cao quý, đặc biệt ông đã được nhận giải thưởng Nhà nước năm 2001.

Vào cuối những năm 60 và đầu những năm 70 của thế kỷ trước, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đầy khó khăn, ác liệt nhưng cũng rất hào hùng và oanh liệt. Chính vào thời gian này, các văn nghệ sĩ cùng nhiều thanh niên cả nước đã lên đường vào Nam chiến đấu. Và từ chiến trường miền Nam, các văn nghệ sĩ đã có nhiều bài viết, thư từ gửi cho Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Người nhận và xử lý thông tin trong các thư này là nhà thơ Bảo Định Giang. Sau ngày miền Nam giải phóng, nhà thơ Bảo Định Giang đã trở về miền Nam và ông mang theo toàn bộ các lá thư quý giá ngày ấy của đồng nghiệp.

Năm 2001, Nhà thơ Bảo Định Giang đã hiến tặng toàn bộ số thư của các văn nghệ sĩ chiến đấu tại chiến trường miền Nam và một số ấn phẩm cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP:

Thành phần của sưu tập tài liệu gồm: thư của 134 văn nghệ sĩ từ chiến trường miền Nam gửi ra miền Bắc, trong đó có các thư của các nhạc sĩ nhà thơ, nhà văn nổi tiếng như: Trần Hoàn, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Khoa Điềm, Dương Thị Xuân Quý, Chu Cẩm Phong, Anh Đức... Ngoài ra, còn có một số ấn phẩm của ông đã được xuất bản, băng video về lễ mừng thượng thọ ông.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN NHẠC SĨ LƯU CẦU

- **Số lượng tài liệu:** 03 bản hợp xướng và 08 ca khúc.
- **Thời gian tài liệu:** 1958 - 1992.
- **Loại hình tài liệu:** viết tay trên tài liệu giấy.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Nhạc sĩ Lưu Cầu tên thật là Nguyễn Hoàn Cầu – bút danh Lê Chính Nghĩa. Ông sinh ngày 30/11/1930, quê quán Sóc Trăng.

Nhạc sĩ Lưu Cầu sống tại Sài Gòn từ năm 1940. Ông được giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Năm 1945, ông hoạt động trong tổ chức của Đoàn Thanh niên Tiền phong Phan Bội Châu (Phú Nhuận). Vào đêm 24/8/1945, trong khí thế cùng cả nước giành chính quyền ở khắp ba miền, với nhiệt huyết cách mạng của tuổi trẻ, ông đã cùng với lực lượng trí thức và nhân dân yêu nước miền Nam bao vây Dinh Toàn quyền (Dinh Thống Nhất ngày nay) và giành chính quyền vào ngày 25/8/1945.

Năm 1947, ông hoạt động ở Ban Tuyên truyền Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn thuộc khu vực Gò Xoài, Vườn Thơm, Láng Le (huyện Bình Chánh ngày nay).

Năm 1948, ông tham gia kháng chiến tại Đài Tiếng nói Nam bộ Kháng chiến ở rừng U Minh Hạ (Bạc Liêu). Tại đây, ông cùng các chiến sĩ cách mạng Nam bộ vượt biển tập kết ra

Bắc, chuyến tàu đã cập bến tại bãi biển Sầm Sơn (Hải Phòng) vào sáng ngày mồng một Tết xuân Ất Mùi (năm 1955).

Từ năm 1955 – 1976, ông làm việc tại Đài Tiếng nói Việt Nam. Cuối năm 1976, ông trở về miền Nam và làm việc tại Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Hiện nay, ông rất khoẻ mạnh và sống tại Tp.Hồ Chí Minh, ông vẫn nghiên cứu và sáng tác rất đều đặn.

Từ khi tập kết ra Bắc cho đến nay, ông sáng tác một số bản giao hưởng và rất nhiều ca khúc gắn liền với cuộc kháng chiến của dân tộc và ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu. Với những công lao đóng góp của ông cho nền âm nhạc Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ, ông đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cao quý, đặc biệt ông đã được nhận Giải thưởng Nhà nước năm 2001.

Năm 2006, Nhạc sĩ Lưu Cầu đã hiến tặng một số tác phẩm sau cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II:

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

1. Hợp xướng:

- Cửu Long Giang – năm 1958
- Tuyển đầu Tổ quốc (không rõ năm sáng tác)
- Xanh xanh Cần Giờ – năm 2003.

2. Ca khúc:

- Khu rừng miền Đông – năm 1950
- Thu đông chiến thắng – tháng 12/1950

- Người lái xe đêm Trường Sơn – năm 1968
- Nông dân hành khúc – năm 1979
- Nói với lòng tôi – năm 1980
- Bài ca biệt động thành – năm 1982
- Mộ hoa – năm 1985
- Giữ dạ sắt đĩnh – năm 1992.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN NHẠC SĨ XUÂN HỒNG

- **Số lượng tài liệu:** 01 nhạc phẩm, 01 ấn phẩm, 01 băng hình ca nhạc, 1 hồi ký.
- **Thời gian tài liệu:** 1995-1998.
- **Loại hình tài liệu:** bản thảo viết tay, đánh máy trên giấy.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Nhạc sĩ Xuân Hồng (tên thật là Nguyễn Hồng Xuân) sinh ngày 12/2/1928 tại Tây Ninh. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945, giữ nhiều chức vụ trong chính quyền và đoàn thể cách mạng tại tỉnh Tây Ninh. Ông sáng tác âm nhạc từ năm 1950. Từ năm 1967 – 1968, ông được giao nhiệm vụ là Trưởng đoàn Múa hát Quân Giải phóng miền Nam đi thăm và biểu diễn tại một số nước XHCN, Phó đoàn Đại biểu Thanh niên miền Nam đi dự Hội nghị Festival lần thứ 9 tại Sofia. Năm 1969 – 1972, ông học tại Trường Đại học Âm nhạc Việt Nam. Năm 1973, ông trở lại chiến trường miền Nam. Từ năm 1976 – 1995, ông sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Tổng Thư ký Hội Âm nhạc thành phố, Phó Tổng Thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Đại biểu HĐND Thành phố Hồ Chí Minh.

Những sáng tác của ông gắn liền với cuộc kháng chiến của dân tộc, ca ngợi cuộc sống. Ông đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Đặc biệt, với các sáng tác Xuân chiến khu, Bài ca may áo, Tiếng chày trên sóc BomBo, Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh, Người mẹ của tôi, ông đã được Nhà nước trao Giải thưởng Hồ Chí Minh vào năm 2000. Ông mất vào ngày 14/5/1996 sau một cơn bệnh đột ngột.

Năm 2001, gia đình Nhạc sĩ Xuân Hồng, đại diện là chị Hồng Loan, con gái của nhạc sĩ, đã hiến tặng cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II một số sáng tác của ông.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

- “Đôi mắt em” được sáng tác năm 1995.
- Hồi ký (được đánh máy được photocopy).
- Băng hình ca nhạc phát hành năm 1997.
- Ấn phẩm âm nhạc xuất bản năm 1998.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN NHÀ VĂN NGUYỄN KHẢI

- **Số lượng tài liệu:** 6 tác phẩm.
- **Thời gian tài liệu:** 1994 – 1999.
- **Loại hình tài liệu:** bản thảo viết tay trên giấy .
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Nhà văn Nguyễn Khải sinh ngày 03/12/1930 tại Hà Nội. Ông vào bộ đội đầu năm 1947, viết báo từ năm 1949 và có bài được in ở báo Quân khu năm 1951. Ông hiện sống tại Q4. Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là Nhà văn Quân đội, đã được Nhà nước trao Giải thưởng Hồ Chí Minh do những đóng góp cho nền văn học nước nhà, đặc biệt Ông còn đạt giải thưởng văn học khối ASEAN.

Năm 2001, Nhà văn Nguyễn Khải đã hiến tặng 06 tác phẩm văn học cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

Thành phần của tài liệu bao gồm các tác phẩm:

- “Má hồng” được sáng tác năm 1994.
- “Danh phận” sáng tác năm 1995.

- “Sống giữa đám đông” sáng tác năm 1995.
- “Đàn ông” sáng tác năm 1997.
- “Nhóm bạn thời kháng chiến” được sáng tác năm 1997.
- “Sống ở đời” được sáng tác năm 1999.

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN GIÁO SƯ, TIẾN SĨ KHOA HỌC THÁI VĂN TRỪNG

- **Số lượng tài liệu:**
- **Thời gian tài liệu:** 1962 - 1999.
- **Loại hình tài liệu:** bản thảo đánh máy trên giấy bằng tiếng Pháp và có bút tích sửa chữa của tác giả bằng bút mực, ấn phẩm, báo cắt, bản viết tay, ảnh, băng Video.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Thái Văn Trùng sinh ngày 17/11/1917 tại Đà Nẵng, cựu học sinh Trường Quốc học Huế. Sau 2 năm học Trường Đại học Y khoa, 3 năm học ở Trường Đại học Nông Lâm Brévier, năm 1943 ông tốt nghiệp kỹ sư lâm nghiệp và được bổ nhiệm làm hạt trưởng quản lý rừng ở Đầm Dơi, Gành Hào, Cà Mau. Sau Cách mạng Tháng 8/1945, ông tham gia Nam bộ Kháng chiến và sau đó chuyển về Trung bộ phụ trách quân Lâm Chính Thanh Nghệ Tĩnh, Phó Giám đốc khu Lâm chính Khu IV, Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật Lâm nghiệp.

Từ năm 1953, ông làm công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật lâm nghiệp tại Viện Khảo cứu Nông Lâm, Học viện Nông Lâm. Năm 1961, ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Thực vật thổ nhưỡng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp.

Năm 1962, ông được sang Liên Xô làm luận án tiến sĩ ngành sinh học, ông là người Việt Nam đầu tiên được cấp học vị tiến sĩ khoa học của Liên Xô.

Năm 1963, ông được đề bạt làm Phó Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp. Năm 1982, ông được chuyển sang Viện Khoa học Việt Nam làm Giám đốc Bảo tàng Thực vật, Viện này sau chuyển thành Phân viện Sinh thái tại Thành phố Hồ Chí Minh (1988), nay thuộc Viện Sinh học Nhiệt đới. Trên bình diện quốc tế, ông được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Thực vật Quốc tế ở Leningrat (1975). Ông nghỉ hưu vào năm 1991 và sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù nghỉ hưu nhưng ông được cử làm cố vấn khoa học về tài nguyên môi trường. Ông qua đời năm 2004 tại nhà riêng.

Giáo sư Tiến sĩ Khoa học Thái Văn Trưng đã có nhiều cống hiến cho ngành lâm nghiệp và nền sinh học Việt Nam. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học của Giáo sư về lâm sinh như: Bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ với đề tài “Thảm thực vật rừng Việt Nam” được công bố vào đầu thập kỷ 60 của thế kỷ 20; trồng rừng trên động cát di động trên đồi trọc vùng Trung du, trồng rừng nguyên liệu, trồng cây thuốc dưỡng tán rừng. Đặc biệt, từ năm 1983, Giáo sư được giao thực hiện đề tài phục hồi các hệ sinh thái rừng bị chiến tranh hoá học của Mỹ hủy diệt ở miền Nam Việt Nam và năm 1993 đã tạo được mô hình Củ Chi, phục hồi hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới Sao dầu. Sau hơn 30 năm tiếp tục nghiên cứu các hệ sinh thái rừng nhiệt đới bị chiến tranh hoá học hủy diệt ở miền Nam Việt Nam, giáo sư đã khái quát hóa và bổ sung nhiều luận điểm khoa học để hoàn thành công trình “Hệ sinh thái rừng nhiệt đới – Thảm thực vật rừng nhiệt đới Việt Nam”. Đây là công trình đặt nền móng đầu tiên cho việc nghiên cứu quần thể thực vật rừng nhiệt đới ở nước ta,

là công trình có giá trị cao về lý luận và thực tiễn, góp phần trong công tác đào tạo các thế hệ nhằm kế tiếp truyền thống và phát triển nền khoa học sinh học ở Việt Nam.

Ngoài công tác nghiên cứu khoa học, Giáo sư Tiến sĩ đã tham gia tích cực vào công tác giáo dục đào tạo. Nhiều tiến sĩ, thạc sĩ và sinh viên đã trưởng thành đã được Giáo sư truyền thụ cho nhiều kiến thức khoa học. Tâm huyết với nghề, với sự phát triển của ngành, nghiêm túc và tận tụy trong nghiên cứu khoa học, ở bất cứ cương vị công tác nào, dù khó khăn gian khổ Giáo sư Tiến sĩ cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Với công lao đóng góp trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, hoạt động khoa học, với phẩm chất đạo đức trong sáng của mình, Giáo sư Tiến sĩ đã được Đảng và Nhà nước đánh giá cao và được tặng thưởng:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000.
- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng I.
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng I.
- Huân chương Lao động hạng I.
- Huân chương vì Sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc và Phát triển Rừng.

Ngoài ra, Giáo sư Tiến sĩ còn nhận được giải thưởng Cành cọ Vàng về khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.

Tháng 10/2006, con trai út của Giáo sư là Thái Kiên Chí thay mặt gia đình đã hiến tặng một số tư liệu cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

STT	Tên tác phẩm	Thời gian	Số tờ	Ghi chú
01	Luận án Tiến sĩ “Phát sinh quần thể và phân loại thảm thực vật rừng Việt Nam”.	1962	483	Bản thảo bằng tiếng Pháp
02	Luận án Tiến sĩ “Phát sinh quần thể và phân loại thảm thực vật rừng Việt Nam”.	1962	42	Tiếng Nga
03	Ấn phẩm “Thảm thực vật rừng Việt Nam”.	1963	302	NXBKHKHKT – có bút tích của tác giả
04	Ấn phẩm “Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam”.	1999	306	Nhà Xuất bản KHKT
05	Thư của ông Andrây A. Yachenko - Khmelevsky gửi ông Thái Văn Trưng về việc bảo vệ luận án tiến sĩ.	12/3/ 1961	01	Tiếng Pháp
06	Báo cắt đưa tin ông Thái Văn Trưng bảo vệ luận án Tiến sĩ.	1962	01	Tiếng Nga

07	Báo cắt “Prada” số 151 ngày 31/5/1963, báo cắt “Les Nouvelles de Moscou” số 23 (612) ngày 08/6/1963 đưa tin ông Thái Văn Trường bảo vệ luận án Tiến sĩ.	1963	01	Tiếng Nga, tiếng Pháp, có bút tích của tác giả
08	Ảnh chụp Chủ tịch nước Trần Đức Lương chúc Tết GS.TSKH Thái Văn Trường.	2000	01	
09	Băng Video do Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ghi lại một số hình ảnh của GS.TSKH Thái Văn Trường với tựa đề “Bước chân không mới”		01	

SƯU TẬP TÀI LIỆU CÁ NHÂN NHẠC SĨ NGUYỄN VĂN TÝ

- **Số lượng tài liệu:** 3 tác phẩm.
- **Thời gian tài liệu:** 1949 – 1999.
- **Loại hình tài liệu:** bản thảo viết tay trên tài liệu giấy.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** mục lục.

I. TÓM TẮT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý quê gốc ở Phúc Yên thuộc đất vua Hùng. Bố mẹ Ông phải đi làm công nhân ở Nhà máy Xe lửa Trường Thi tại Vinh, tỉnh Nghệ An, và ông được sinh ra tại đây vào năm 1924. Trước Cách mạng Tháng 8, từ năm 1944, ông đã tham gia bí mật hoạt động cách mạng và tham gia cướp chính quyền ở Vinh. Từ năm 1947, ông làm Trưởng phòng Thông tin Tuyên truyền tại huyện Thanh Chương (Nghệ An). Cuối năm 1949, ông được kết nạp vào Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1953 đến 1984, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng của các tổ chức văn nghệ. Với những công lao đóng góp của ông cho nền âm nhạc Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ, ông đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, đặc biệt ông đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh. Hiện Ông sống tại Q1. Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2001, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý đã hiến tặng 03 tác phẩm âm nhạc cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP TÀI LIỆU:

- “Ai xây chiến lũy” được sáng tác năm 1949.
- “Anh đi tìm tôm trên biển cả” được sáng tác năm 1983.
- “Trở về” được sáng tác năm 1999.

Tư liệu

SUƯ TẬP SÁCH BỔ TRỢ

- **Số lượng:** 400 mét giá tài liệu (khoảng 25.000 đầu sách).
- **Thời gian:** 1865 – 2005.
- **Tình trạng vật lý:** sách bị ố vàng, giòn, mục.
- **Công cụ tra cứu:** bộ thẻ tra cứu chuyên đề.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH:

Khối sách đang bảo quản tại Kho Tư liệu - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II được hình thành từ thời Pháp thuộc, trong đó có những cuốn sách có từ những ngày đầu thực dân Pháp xâm chiếm nước ta. Đó là những cuốn niên giám hành chính của chính quyền thuộc địa tại Đông Dương và Nam Kỳ.

Trải qua thời gian, khối sách này ngày càng được bổ sung thêm qua quá trình hoạt động của các cơ quan lưu trữ từ thời Pháp thuộc đến nay.

Khối sách này, ban đầu do Sở Văn khố Thư viện Nam Kỳ của Pháp thu thập và lưu giữ, tiếp đến là Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thời kỳ Việt Nam Cộng hòa và cuối cùng là Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, vẫn được tiếp tục bổ sung những sách mới.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SUƯ TẬP SÁCH:

Hiện nay, khối sách tại Kho Tư liệu tạm thời được bảo quản riêng biệt thành 3 khối khác nhau:

- Sách đã được thống kê phân loại sơ bộ: được phân loại theo 2 tiêu chí: theo kích thước (lớn, vừa, nhỏ) và theo ngôn ngữ (ngoại ngữ, Việt ngữ).

- Sách tham khảo.
- Sách dự trữ.

Ngoài ra, còn một số sách mới được nhập kho, sau khi phân phong tài liệu thời kỳ Pháp thuộc và thời kỳ Việt Nam Cộng hòa, hiện còn chưa được phân loại.

Nội dung sơ bộ như sau:

1. Sách đã được thống kê phân loại:

Được phân loại theo các đề tài với các nội dung sau:

1.1. Tác phẩm tổng quát:

Gồm các tác phẩm liên quan đến thư tịch học, thư viện học, báo chí, nguyên tắc về các hội đoàn.

1.2. Triết học và các đề tài liên quan:

- Triết học tổng quát.
- Quan điểm triết học.
- Các học thuyết triết học từ cổ đại đến nay.

1.3. Tôn giáo:

- Bản thể tôn giáo.
- Lịch sử các tôn giáo.
- Giáo lý các tôn giáo.
- Xung đột tôn giáo.

1.4. Khoa học xã hội:

- Thống kê và phương pháp thống kê xã hội học.
- Chính trị học.
- Kinh tế học.

- Luật pháp.
- Hành chính.
- Các đoàn thể.
- Giáo dục.
- Thương mại.
- Phong tục tập quán.

1.5. Ngôn ngữ:

- Ngôn ngữ học.
- Tìm hiểu, hướng dẫn dạy, học một số ngôn ngữ.

1.6. Các môn khoa học thuần túy:

- Toán, lý, hóa, sinh vật học,...
- Nhân chủng học.

1.7. Các môn khoa học thực nghiệm:

- Y khoa.
- Kỹ thuật nông nghiệp.
- Thương nghiệp.
- Nhà máy, công xưởng.

1.8. Mỹ thuật:

- Kiến trúc.
- Hội họa.
- Nhiếp ảnh.
- Âm nhạc.
- Giải trí.

1.9. Văn học:

- Nghiên cứu và phê bình văn học.
- Văn học Việt Nam.
- Văn học nước ngoài.

1.10. Địa lý, lịch sử:

- Địa lý tổng quát.
- Địa lý thế giới.
- Địa lý Việt Nam.
- Lịch sử tổng quát.
- Lịch sử thế giới.
- Lịch sử Việt Nam.

2. Sách tham khảo:

- Từ điển bách khoa thế giới.
- Từ điển tiếng Việt.
- Từ điển Việt - Anh; Việt - Pháp; Việt - Nga...; Từ điển Anh - Việt; Pháp - Việt; Nga - Việt...
- Từ điển chuyên ngành các loại.

3. Sách dự trữ:

Là những sách sau khi phân loại vẫn còn giữ lại những bản dự trữ để bổ sung khi cần thiết.

SƯU TẬP CÔNG BÁO

- **Số lượng:** 211,5 mét (khoảng hơn 2.000 quyển).
- **Thời gian:** 1862 – 2005.
- **Tình trạng vật lý:**
 - Khối công báo thời Pháp thuộc đã xuống cấp, hầu hết giấy đều bị giòn, mủn, mục, nát.
 - Khối Công báo thời kỳ Việt Nam Cộng hòa và Công báo Nhà nước ta hiện nay còn tốt.
- **Công cụ tra cứu:** bộ thẻ tra cứu.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH:

Khối công báo bảo quản tại Kho Tư liệu - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II hình thành từ khi Pháp xâm lược nước ta.

Thời kỳ Pháp thuộc, có rất nhiều loại công báo đã được xuất bản và hiện đang được lưu giữ tại Trung tâm II như: Nam Kỳ Tập san (Bulletin Officiel de la Cochinchine), Đông Pháp Tập san (Journal Officiel de l'Indochine), Nam Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administrative de la Cochinchine)⁽¹⁾...

Sau khi trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã lập ra Liên bang Đông Dương “độc lập” trong Khối Liên hiệp Pháp. Trong thời gian ngắn ngủi đó, một loại công báo của chính quyền này cũng kịp ra đời, đó là Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise)⁽²⁾.

(1) *Sưu tập công báo - Kho Tư liệu - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*

(2) *Khối công báo - Kho Tư liệu - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II*

Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn sau đó, Liên bang Đông Dương mà Pháp dựng lên đã nhanh chóng sụp đổ, và thay vào đó, một chính quyền thân Pháp và phương Tây được đưa lên là “Chính phủ Quốc gia Việt Nam”. Cũng từ đây, một loại công báo mới ra đời, đó là Công báo Việt Nam. Loại công báo này tiếp tục tồn tại và sau đó được Chính quyền Ngô Đình Diệm cho đổi tên thành Công báo Việt Nam Cộng hòa và tồn tại đến tháng 3/1975.

Khối công báo cuối cùng là công báo của Nhà nước ta hiện nay: Công báo nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công báo này bắt đầu được lưu giữ tại Trung tâm II từ năm 1976, sau khi nước ta thống nhất hoàn toàn.

Khối công báo trên là một phần tư liệu cần thiết, bổ trợ cho tài liệu lưu trữ qua các thời kỳ, từ thời Pháp thuộc đến nay.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP CÔNG BÁO:

Khối công báo tại Kho Tư liệu hiện nay được chia ra thành 3 thời kỳ tách biệt nhau: thời Pháp thuộc, thời kỳ Việt Nam Cộng hòa và thời kỳ từ năm 1976 đến nay. Cho dù là trải qua các thời kỳ lịch sử với các chế độ chính trị khác nhau, nhưng công báo đều có một nội dung chủ đạo là phản ánh hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền đương thời qua các văn bản pháp quy. Thành phần và nội dung cụ thể như sau:

1. Công báo thời Pháp thuộc:

1.1. Nam Kỳ Tập san (Bulletin Officiel de la Cochinchine - B.O.C)

Đây là khối công báo đầu tiên của thực dân Pháp được thiết lập và ấn hành trên lãnh thổ Việt Nam. Được thành lập vào

năm 1862 và phát hành liên tục cho tới năm 1888; bị đình bản vào năm này và được thay thế bằng Công báo Đông Dương (B.O.I), ấn bản Nam Kỳ-Cambodge⁽¹⁾.

1.2. Đông Dương Tập san (Bulletin Officiel de l'Indochine - B.O.I)

Được thành lập vào năm 1888 để thay thế cho 2 tờ Nam Kỳ Công báo (B.O.C) và Bảo hộ Tân văn. Nó được chia thành 2 ấn bản: Nam Kỳ-Cambodge và Bắc Kỳ-Trung Kỳ. Tới năm 1902, nó lại được nhập lại làm một và bị đình bản vào năm 1923⁽²⁾.

1.3. Đông Pháp Công báo (Journal Officiel de l'Indochine - J.O.I.F)

Công báo J.O.I.F ban đầu có tên gọi là Courrier de Saigon. Nó được Đề đốc De La Grandière thành lập vào ngày 01/01/1864. Sau đó, vào năm 1879 nó được lấy tên là Công báo chính thức Nam Kỳ (Journal Officiel de la Cochinchine). Đến năm 1889, nó mới lấy tên là Đông Pháp chính thức công báo và được chia thành 02 ấn bản: Nam Kỳ-Cambodge và Trung Kỳ-Bắc Kỳ. Một bản được in tại Sài Gòn, bản còn lại được in tại Hà Nội. Từ năm 1902, sự phân chia này bị bãi bỏ⁽³⁾. Nó tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945, sau đó bị thay thế bằng Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise).

1.4. Nam Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administrative de la Cochinchine - B.A.C)

(1) *Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 - page 41*

(2) *Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 - page 41*

(3) *Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 - page 40*

Công báo này được chính thức thiết lập vào năm 1901, xuất bản tại Nam Kỳ và tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945⁽¹⁾.

1.5. Trung Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administrative de l'Annam - B.A.A)

Công báo này được chính thức thiết lập vào năm 1901, xuất bản tại Trung Kỳ và tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945.

1.6. Bắc Kỳ Hành chính Tập san (Bulletin Administrative du Tonkin - B.A.T)

Công báo này được chính thức thiết lập vào năm 1901, xuất bản tại Bắc Kỳ và tiếp tục tồn tại cho đến năm 1945.

1.7. Công báo Liên bang Đông Dương (Journal Officiel de la Fédération Indochinoise - J.O.F.I) và các công báo khác:

Công báo Liên bang Đông Dương (J.O.F.I) bắt đầu được ấn hành vào tháng 11/1945 để thay thế cho Đông Pháp Công báo (J.O.I.F). Nó tiếp tục cho đến tháng 6/1947 thì bị đình bản và được thay thế bằng Công báo Đông Dương (Journal Officiel de l'Indochine - J.O.I).

Công báo Đông Dương tiếp tục xuất bản cho đến tháng 6/1951 thì lại được thay thế bằng Công báo của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương (Bulletin Officiel du Haut Commissariat de France en Indochine - B.O.H.C.F.I).

Tiếp theo đó, từ 01/01/1953 đến 30/12/1954, Công báo của Tổng Ủy viên Pháp tại Đông Dương (Bulletin Officiel du Commissariat Général de France en Indochine - B.O.C.G.F.I) lại thay thế cho B.O.H.C.F.I và sau đó kết thúc thời kỳ hiện diện của các loại công báo Pháp tại Việt Nam.

(1) *Direction des Archives et des Bibliothèques - Manuel de L'Archiviste - Imp. LEVANTAN - Hanoi 1945 - page 41*

1.8. Các loại công báo khác:

- Trung Kỳ Bảo hộ Quốc ngữ Công báo: 1925 - 1933.
- Nam Triều Quốc ngữ Công báo: tiếp theo Trung Kỳ B.H.Q.N.C.B: 1934 - 1944.
- Bắc Kỳ Bảo hộ Quốc ngữ Công báo: 1936 - 1945.
- Bắc Kỳ (Bắc Phần, Bắc Việt) hành chính nguyệt san: 1946 - 1954
- Trung phần Việt Nam Công báo (1948), Trung phần Việt Nam Hành chính Tập san (1949), Hành chính Tập san Trung phần Việt Nam (1950), Hành chính Tập san Trung Việt (1951 - 1954).
- Quan báo Nam Bộ Việt Nam: Tiếp theo Công báo B.A.C của Pháp, Công báo này là của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: 01/9/1945 - 12/1945 (Đóng chung với cuốn B.A.C - 1945).
- Công báo Cộng hòa Nam Kỳ (Journal Officiel de la République de Cochinchine - J.O.R.C) (1946 - 1947), Công báo Nam phần Việt Nam (1948), Công văn Tập san Nam phần Việt Nam (1949), Tập san Nam Việt (1950 - 1956).

1.9. Các ấn phẩm bổ trợ công báo:

- Mục lục các loại công báo kể trên.
- Tuyển tập các văn bản lập quy tại Đông Dương, Nam Kỳ (có chú thích thêm vị trí văn bản đó trên công báo và được sắp xếp theo thứ tự thời gian và theo vấn đề) từ năm 1889 - 1937.

2. Công báo Quốc gia Việt Nam:

Công báo Việt Nam được xuất bản lần đầu tiên vào ngày 04/6/1948. Đây là công báo do Chính phủ Trung ương Lâm thời

Việt Nam cho xuất bản. Công báo này tiếp tục xuất bản cho đến ngày 25/10/1955.

3. Công báo Việt Nam Cộng hòa:

3.1. Công báo Việt Nam Cộng hòa:

Sau khi lật đổ Bảo Đại bằng cuộc trưng cầu dân ý ngày 25/10/1955, Ngô Đình Diệm ngay lập tức cải tổ bộ máy chính quyền và cho đặt quốc hiệu là Việt Nam Cộng hòa. Cũng từ đó, Công báo Việt Nam của thể chế trước đó đã được thay bằng Công báo Việt Nam Cộng hòa. Tại thời điểm này còn một vài loại công báo khác, như đã đề cập ở trên, vẫn còn hoạt động. Tuy nhiên, kể từ tháng 10/1956, trên phần lãnh thổ miền Nam Việt Nam chỉ còn một loại công báo duy nhất là Công báo Việt Nam Cộng hòa. Công báo này còn tiếp tục xuất bản cho đến ngày chế độ Việt Nam Cộng hòa sụp đổ vào năm 1975. Số cuối cùng của công báo này được phát hành vào ngày 15/3/1975.

3.2. Các ấn phẩm bổ trợ công báo:

Có nhiều ấn phẩm bổ trợ như: Pháp quy chính yếu mục lục (1948 - 1974), Quy pháp vưng tập (1959 -1973), mục lục công báo.

4. Công báo thời kỳ cách mạng từ 1975 đến nay:

Khối công báo này có từ khi đất nước thống nhất (năm 1975) đến nay. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, suốt một thời gian dài, khối công báo này không được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Sau năm 1975, một số công báo mới được thu thập về Trung tâm II, tuy nhiên còn thiếu nhiều. Những năm gần đây, Trung tâm đặt mua thì mới lưu giữ được đầy đủ.

SƯU TẬP BÁO - TẠP CHÍ

- **Số lượng:** 274 mét giá, với trên 550 đầu báo các loại.
- **Thời gian:** 1949 –2006.
- **Tình trạng vật lý:** bình thường.
- **Công cụ tra cứu:** bộ thẻ tra cứu theo tên loại.

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH:

Khối báo - tạp chí đang bảo quản tại Kho Tư liệu - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II bắt đầu hình thành trong quá trình hoạt động của Phòng Nạp bản - Sở Kỹ thuật - Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia thời kỳ Việt Nam Cộng hòa. Cơ quan này tiếp nhận những sách báo nộp lưu chiểu được xuất bản trong lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa hoặc được nhập khẩu về Việt Nam, sau đó lưu giữ lại theo từng loại.

Sau khi tiếp quản Kho lưu trữ của Chính quyền cũ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tiếp tục lưu giữ các ấn phẩm trên, đồng thời tiếp tục đặt mua các ấn phẩm báo chí thời kỳ mới để bổ sung vào nguồn tư liệu lưu trữ của cơ quan.

II. NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA SƯU TẬP BÁO - TẠP CHÍ:

Hiện nay khối báo chí tại Kho Tư liệu tạm thời được bảo quản riêng biệt thành 2 khối khác nhau:

- Báo chí trước năm 1975.

- Báo chí thời kỳ cách mạng (từ 1975 đến nay).

1. Báo chí trước năm 1975:

Được chia làm 2 loại: báo chí Việt ngữ và ngoại ngữ.

- *Báo chí Việt ngữ*: các báo, tạp chí này đại diện cho chính quyền, đoàn thể hoặc do một số tư nhân độc lập đứng ra xuất bản tại lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa.

- *Báo chí ngoại văn*: là những số báo, tạp chí của nước ngoài có bài viết đề cập đến chính quyền, tình hình chiến sự,... của Việt Nam.

2. Báo chí thời kỳ cách mạng (từ 1975 đến nay):

Các báo, tạp chí này là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và các cơ quan đoàn thể đang hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, như: Nhân dân, Sài Gòn Giải phóng, Tạp chí Cộng sản, Thanh niên, Tuổi trẻ,...

SƯU TẬP BÁO CẮT
“TỪ VỤ KHỦNG BỐ 11/9/2001
ĐẾN CUỘC CHIẾN AFGANIXTAN”

Ngày 11/9/2001, nước Mỹ bị tấn công khủng bố tại Tòa tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới (WTC), Lầu Năm Góc. Đây là một sự kiện gây chấn động không phải chỉ đối với nước Mỹ mà còn đối với toàn thế giới. Tiếp theo đó, do nghi ngờ Afganixtan tiếp tay và bao che cho Bin Laden, kẻ tình nghi số 1 gây ra vụ khủng bố kinh hoàng nói trên, Mỹ đã tiến hành cuộc chiến lật đổ chính phủ Taliban tại nước này.

Những sự kiện này đã thu hút được sự chú ý của tất cả các hãng thông tấn, báo chí từ khắp nơi trên thế giới. Mọi báo, đài đều liên tục đưa tin về các sự kiện nóng hổi này.

Ông Bùi Văn Quế, một độc giả ngụ tại 107 Trần Huy Liệu – Q.Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh đã bỏ công sưu tầm các bài viết trên các mặt báo xuất bản tại Việt Nam và lập thành sưu tập báo cắt với chủ đề: “Từ khủng bố 11/9 đến cuộc chiến Afganixtan”

Ngày 22/12/2005, Ông Bùi Văn Quế đã hiến tặng toàn bộ sưu tập trên cho Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với độc giả về bộ sưu tập quý giá này và trân trọng cảm ơn Ông Bùi Văn Quế về sự đóng góp của Ông đối với Lưu trữ quốc gia.

Thời gian: 12/9/2001 - 26/10/2001.

Số lượng: Khoảng 1 mét giá. Báo cắt dán trên khổ giấy A4 đóng thành 17 tập, gồm 3.508 trang.

Nội dung khái quát gồm các vấn đề sau:

1. Vụ khủng bố 11/9/2001.
2. Kết quả điều tra của Mỹ về cuộc khủng bố 11/9.
3. Mỹ chuẩn bị tiến hành cuộc chiến chống Afganixtan để trả đũa.
4. Cuộc chiến lật đổ chính phủ Taliban tại Afganixtan của Mỹ.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Lời nói đầu	7
Bảng chữ viết tắt.....	11
TÀI LIỆU TRƯỚC NĂM 1945.....	13
Tài liệu thời kỳ phong kiến	15
Sưu tập tài liệu Mộc bản	17
Sưu tập tài liệu Sổ bộ Hán Nôm	22
Tài liệu thời kỳ Pháp thuộc	27
Phòng Tòa Khâm sứ Trung Kỳ	29
Phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ	33
Phòng Hội đồng Tư mật Nam Kỳ	68
Phòng Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ	73
Phòng Tòa Hòa giải Rộng quyền Tây Ninh	81
Phòng Sở Thương chánh Nam Kỳ	85
Phòng Tòa Đốc lý Sài Gòn	90
Phòng Tòa Đốc lý Chợ Lớn	95
Phòng Văn phòng tỉnh Bà Rịa	98
Phòng Văn phòng tỉnh Bạc Liêu.....	105
Phòng Văn phòng tỉnh Bến Tre	108
Phòng Văn phòng tỉnh Cần Thơ.....	111
Phòng Văn phòng tỉnh Châu Đốc	113
Phòng Văn phòng tỉnh Chợ Lớn	115
Phòng Văn phòng tỉnh Hà Tiên	117
Phòng Văn phòng tỉnh Long Xuyên	119
Phòng Văn phòng tỉnh Mỹ Tho	122

Phòng Văn phòng tỉnh Rạch Giá	125
Phòng Văn phòng tỉnh Sa Đéc	128
Phòng Văn phòng tỉnh Tân An	131
Phòng Văn phòng tỉnh Trà Vinh	133
Phòng Văn phòng tỉnh Vĩnh Long	135
Phòng Công ty Bia và Nước đá Đông Dương (B.G.I)	138
Phòng Công ty Đồn điền Cao su Đông Dương	141
Phòng Công ty Cao su Đất Đỏ	144
TÀI LIỆU SAU NĂM 1945	147
Tài liệu thời kỳ Chính phủ Quốc gia Việt Nam	149
Phòng Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam	151
Phòng Phủ Thủ hiến Trung Việt	160
Phòng Phủ Thủ hiến Nam Việt	164
Tài liệu thời kỳ Việt Nam Cộng hòa	171
Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa	173
Phòng Hội đồng Quân nhân Cách mạng	209
Phòng Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia	213
Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa	216
Phòng Phủ Thủ tướng Việt nam Cộng hòa	240
Phòng Nha Tổng Quản trị	252
Phòng Hội đồng Kinh tế Xã hội	254
Phòng Hội đồng Văn hóa Giáo dục	257
Phòng Hội đồng Sắc tộc	260
Phòng Hội đồng An ninh Phát triển	263
Phòng Phủ Tổng ủy Công vụ	266
Phòng Học viện Hành chính Quốc gia	270
Phòng Viện Tu nghiệp Quốc gia	272
Phòng Bộ Tài chính	274

Phòng Tổng nha Ngân sách và Ngoại viện	279
Phòng Tổng nha Quan thuế	283
Phòng Nha Tài nguyên Công sản	287
Phòng Kế toán Cuộc Trung ương	291
Phòng Nha Nội thương	293
Phòng Nha Ngoại thương	297
Phòng Nha Công Kỹ nghệ	301
Phòng Tổng cuộc Thực phẩm Quốc gia	305
Phòng Bộ Công chánh và Giao thông	311
Phòng Bộ Giao thông Vận tải	314
Phòng Bộ Công chánh	317
Phòng Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải	319
Phòng Bộ Giao thông - Bưu điện	322
Phòng Bộ Công chánh	325
Phòng Bộ Công chánh và Giao thông	328
Phòng Viễn thông Việt Nam	330
Phòng Bộ Canh nông	332
Phòng Bộ Cải tiến Nông thôn	336
Phòng Bộ Canh nông và Kỹ nghệ	339
Phòng Phủ Tổng ủy Dinh điền	340
Phòng Nha Canh nông	343
Phòng Nha Ngư nghiệp	346
Phòng Nha Thủy lâm	349
Phòng Nha Thủy nông và Công tác Nông thôn	352
Phòng Viện Khảo cứu	355
Phòng Tổng cuộc Phát triển Gia cư	358
Phòng Ngân hàng Quốc gia Việt Nam	363
Phòng Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp (Nông tín Cuộc)	367

Phòng Chi nhánh Ngân hàng Bangkok tại Sài Gòn	369
Phòng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)	371
Phòng Công ty vô danh anh em Denis Đông Dương	377
Phòng Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa	379
Phòng Tổng bộ Văn hóa Xã hội	382
Phòng Bộ Văn hóa	384
Phòng Bộ Văn Hóa Giáo dục và Thanh niên	386
Phòng Nha Học chánh	390
Phòng Nha Sinh hoạt Quốc tế	394
Phòng Nha Sinh hoạt Học đường	398
Phòng Nha Y tế và Xã hội Học đường	400
Phòng Nha Sưu tầm và Nghiên cứu	403
Phòng Nha Văn khố Quốc gia	406
Phòng Nha Sinh hoạt Văn hóa	410
Phòng Nha Khảo thí	413
Phòng Tổng nha Thanh niên	416
Phòng Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức	420
Phòng Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn	424
Phòng Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật	428
Phòng Bộ Y tế	431
Phòng Bộ Lao động	436
Phòng Tòa án Lao động Sài Gòn	440
Phòng Liên đoàn Lao công Việt Nam	442
Phòng Bộ Xã hội	445
Phòng Bộ Phát triển Sắc tộc	448
Phòng Tổng nha Đặc trách Phát triển người Việt gốc Miên	453
Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Trung nguyên Trung phần	456
Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ Nam phần	460

Phòng Sở Lao động Đô thành Sài Gòn	464
Tài liệu thời kỳ Cách mạng	467
Phòng Bộ Y tế Xã hội và Thương binh	469
Phòng Liên hiệp Cung ứng Vật tư Khu vực II	472
Phòng Văn phòng II Bộ Vật tư	475
Phòng Công ty Vật tư Thứ liệu Thành phố Hồ Chí Minh	477
Phòng Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp	481
Phòng Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp	483
Phòng Công ty Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh	486
Phòng Công ty Hóa chất Vật liệu Điện	490
Phòng XNLH Rượu bia Nước giải khát II	492
Phòng Tổng cục Cao su	497
Phòng Tổng Công ty Cao su Việt Nam	507
Phòng Công ty Vật tư Thiết bị	511
Phòng Công ty Xuất Nhập khẩu Cao su	517
Phòng Công ty Phục vụ Đời sống	521
Phòng Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su	525
Phòng Công ty liên doanh Vietsovlighter	528
Tài liệu nghe nhìn	531
Sưu tập tài liệu microfilm	533
Sưu tập tài liệu ghi âm	535
Sưu tập tài liệu video	544
Sưu tập tài liệu phim - ảnh	546
Tài liệu Khoa học Kỹ thuật và Bản đồ	549
Sưu tập bản đồ thời kỳ Pháp thuộc và Mỹ-ngụy	551
Phòng Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận	558
Phòng Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu	565

Tài liệu cá nhân, gia đình, dòng họ	567
Sưu tập tài liệu cá nhân của nhà thơ Bảo Định Giang	569
Sưu tập tài liệu cá nhân của nhạc sĩ Lưu Cầu	571
Sưu tập tài liệu cá nhân của nhạc sĩ Xuân Hồng	574
Sưu tập tài liệu cá nhân của nhà văn Nguyễn Khải	576
Sưu tập tài liệu cá nhân của GS.TSKH Thái Văn Trừng	578
Sưu tập tài liệu cá nhân của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý	583
Tư liệu	585
Sưu tập sách bổ trợ	587
Sưu tập Công báo	591
Sưu tập báo - tạp chí	597
Sưu tập báo cắt về cuộc khủng bố 11/9/2001 tại Mỹ	599
Tài liệu minh họa	601
Mục lục	617

SÁCH CHỈ DẪN CÁC PHÒNG, SƯU TẬP LƯU TRỮ BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

Trình bày : HOÀNG VÂN

Bìa : NGUYỄN HẢI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1

ĐT: 8225340 - 8296764 - 8247225 - 8296713 - 8223637

Fax: 84.8.8222726 - Email: nxbtphcm@vnn.vn

Thực hiện:

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH - TƯ VẤN & DỊCH VỤ XUẤT BẢN
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: 8277326

Email: tph-nxbtphcm@vnn.vn

In lan thời 1. Số lượng 500 cuốn. Kích thước 15x21cm. Tại: XÍ NGHIỆP IN FAHASA

GPXB số/CXB/...../THTPHCM ngày 00/00/2007.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 00/2007.